

16-S-1

ĐỖ-VĂN-TÚ

Cờ-nhân Văn-chương

VỠNHỰT LÝ

GIẢNG-VĂN

LỚP ĐỆ - LỤC

VĂN VĂN VĂN XUÔI

VĂN-THỀ LƯỢC-KHẢO CÁC
TÁC-GIẢ và TÁC-PHẨM
HƯỚNG-DẪN GIẢNG-VĂN

SỬA CHỮA KỸ

VIỆT-NAM TỰ THƯ

IN LẦN THỨ MƯỜI BA

ĐỖ VĂN TỬ

Cử - nhân văn - chương

Nguyên giáo-sư trưởng Trung-Học công-lập

Nguyễn-Trãi — Sài-gòn

GIẢNG - VĂN

LỚP ĐỆ LỤC

thuongmaitruongxua.vn

VĂN - THÊ VĂN VĂN

TRUYỆN CỔ

VĂN XUÔI HIỆN KIM

VIỆT-NAM TU-THƯ

xuất-bản và giữ bản quyền

CHƯƠNG TRÌNH

GIẢNG - VĂN

1.— **Mục-đích** : Mục-đích của môn giảng-văn là làm cho học-sinh thấu hiểu giá-trị về hình-thức và nội-dung của một tác-phẩm hay một đoạn văn, để nhờ đó hun-dúc tính-khí và tâm hồn, mở-mang kiến-thức về văn-học và thấu-thái những điều bổ-ích cho việc luyện văn.

2.— **Phân Kim-văn** : Hình-thức và nội-dung của những bài giảng-văn phải phù-hợp với chương-trình Luận-văn đang được giảng dạy : chẳng hạn dạy những bài giảng-văn có tính-cách miêu-tả trong giai-đoạn dạy Luận-văn về miêu-tả, có tính-cách thuật-sự trong giai-đoạn dạy Luận-văn về loại thuật-sự, v. v..

Phải lựa những bài văn có giá-trị để rồi bắt học-sinh học thuộc lòng hầu luyện kỹ-ức và văn-khiếu.

3.— **Phân Cổ-văn** : Phải chọn những đoạn rất tiêu-biểu, nhiều hay ít, dài hay ngắn tùy theo lớp và cấp học.

4.— **Việc đọc sách** : Giáo-sư phải hướng-dẫn học-sinh đọc sách. Học-sinh phải có vở riêng để ghi chép những đoạn văn hay, tóm-lược cuốn sách đã đọc. Mỗi tháng nên kiểm-soát vở đó một lần để theo dõi sự tự học của học-sinh, khuyến-khích sự đọc sách cho thành một sự ham mê để khi ra đời học-sinh nhờ đó mà luôn luôn tiếp-tục việc học hỏi.

LỚP ĐỀ LỤC

I. Văn xuôi hiện-kim : (Mỗi tuần 2 giờ) :

Cũng như ở năm Đề-thất nhưng chọn nhiều bài về loại thuật-sự, loại hỗn-hợp (vừa miêu-tả, vừa thuật-sự). Lẽ tất-nhiên bài dài hơn năm đề-thất.

II. Văn vần và truyện cổ : (Mỗi tuần 1 giờ) :

Trích-giảng :

a) Văn - vần : Bích-câu kỳ-ngô ; Bà huyện Thanh-quan.

b) Truyện cổ : Trương-viễn-Ký, Huỳnh-tĩnh-Cù.

III. Văn-thẻ : Lục bát và biến-thẻ.

Lời NÓI ĐẦU

Cuốn sách nhỏ này được hân-hạnh tái-bản kỳ này với đôi phần sửa đổi khác với những lần in trước.

I. Cách xếp đặt. Sách vẫn chia ba phần chính.

1) Phần HƯỚNG-DẪN giúp học-sinh nhận định rõ tầm quan-trọng của môn Giảng-văn, biết cách soạn bài giảng-văn cho có thứ-tự và biết qua về Tiểu-sử các tác-giả cổ văn xuôi trích-giảng.

2) Phần VĂN-THÈ chỉ-dẫn cho học-sinh biết về luật thơ Lục bát và biến-thê.

Hai phần này cần-thiết cho học-sinh suốt thời-kỳ theo ban Trung-học đệ-nhất và đệ-nhị cấp. Học-sinh nên đọc kỹ và xem lại mỗi khi soạn bài giảng-văn.

3) Phần GIẢNG-VĂN chia làm hai chương chính :

— Chương I là VĂN VẤN và TRUYỆN CỔ xếp thứ-tự theo chương-trình, riêng từng tác-giả. Ngoài phần Trích-giảng còn có mục Lược-khảo tác giả và tác-phẩm ngay ở đầu chương . . .

— Chương II là VĂN XUÔI HIỆN KIM, các bài được xếp đặt theo từng thể-văn : Tả động-vật, tả thực-vật, tả người, thuật-sự, đối-thoại, thư-tín.

II. Cách tuyển-trích các đoạn văn. Theo tinh-thần thông-tư cải-tổ chương-trình và thể-lệ thi T. H, theo ý-kiến cao-minh của nhiều bạn đồng-nghiệp, chúng tôi đã chọn lựa những đoạn văn tiêu-biểu nhất cho mỗi loại văn của nhiều tác-giả cổ văn-phong khác nhau. Chúng tôi tuyển-trích những đoạn văn vừa đúng trình-độ học-sinh và tránh những bài có ý tưởng lãng-mạn hay quá trừu-tượng có thể dễ bị xuyên-tạc. Vì vậy, có ít bài cũ được thay thế bằng nhiều bài mới có ý nghĩa rõ-ràng hơn để học-sinh dễ-lọc đủ sức tìm hiểu, học thuộc lòng mà tự gây dựng lấy vốn-liếng trong việc luyện văn.

Không dám chủ-quan, chúng tôi phải trích-tuyển nhiều bài mỗi loại văn đề quý vị đồng-nghiệp tùy liệu chọn lựa khi giảng dạy và cho học-sinh tập so-sánh. Riêng về văn tả động-vật và thực-vật trích ít hơn loại tả người tả cảnh. Học-sinh nên ôn lại các bài về hai loại này ở sách « Giảng-văn đệ-thất » của cùng soạn-giả.

III. Cách giảng-văn : Những đoạn văn trích-tuyển phần nhiều không hẳn là toàn-bích nhưng bài nào cũng có những ưu-diểm để học-sinh bắt-chước. Chú-trọng tới phương-diện tích-cực trong khoa giảng-văn nên ở phần Nhận-xét và Phê-bình, chúng tôi thường nói đến ưu-diểm và ít đề-cập đến khuyết-diểm về cấu-tứ hay bút pháp. Điều này chúng tôi xin đề quý vị đồng-nghiệp tùy nghi theo trình-độ từng lớp học-sinh.

Các câu hỏi trong phần Bình-giảng đều đặt theo từng giai-đoạn để học-sinh tập thành thói quen soạn bài cho thứ-tự. Học-sinh không những nên gắng trả lời cho đủ mà còn nên tự ý khám-phá và phê-bình thêm những điều hay dở chứa đựng trong thi văn rồi dọi lời giảng dạy của giáo-sư mà sửa chữa lại cho đúng. Đó là một điều mà chúng tôi luôn luôn khuyến-khích.

Học-sinh chớ bao giờ quên : có soạn bài trước mới có thể phần nào trả lời chu-đáo được các câu hỏi của giáo-sư, mới hy-vọng đủ sáng-suốt, tinh trí mà lĩnh hội đủ lời giảng dạy. Cũng đừng quên : muốn thu được nhiều kết-quả trong việc giảng-văn phải trông cậy nhiều ở sự giảng dạy của thầy. Sách này dù đã được soạn kỹ vẫn khó tránh hết khuyết-diểm chỉ nên được coi là một tài-liệu học tập.

*
* *

Chúng tôi thành-thực cảm-ơn quý vị giáo-sư, quý vị văn-gia và các bạn soạn-giả trong ban Tu-thư của nhà xuất-bản đã giúp đỡ cho sách này mỗi kỳ tái-bản lại có nhiều sửa đổi. Chúng tôi thành-tâm mong đợi được vinh-dự đón nhận thêm lời chỉ giáo để tăng bổ thêm nữa trong kỳ in sau.

Với các tác-giả có văn trích-giảng mà chúng tôi chưa biết địa-chỉ để xin phép riêng, chúng tôi xin gửi ở đây lời cảm-tạ chân-thành và xin quý vị thể-tình miễn thứ.

Phần HƯỚNG - DẪN

MỤC-ĐÍCH MÔN GIẢNG-VĂN

Chỉ-thị của B.Q.C.G.D ở đầu phần Chương-trình Giảng-văn đã nói rõ : « Mục đích của môn Giảng văn là làm cho học-sinh thấu hiểu giá-trị về hình-thức và nội-dung của một đoạn văn hay một tác-phẩm để nhờ đó mở-mang kiến-thức về văn-học và thái-thái những điều bổ ích cho việc luyện văn ».

HƯỚNG - DẪN

CÁCH SOẠN MỘT BÀI GIẢNG-VĂN

Có nhiều cách giảng-văn để đạt mục-đích trên. Ở đây chúng tôi đề nghị một phương-pháp giảng-văn tạm-mạch để học-sinh tập soạn bài. Học-sinh nên sửa-soan bài giảng-văn trước ở nhà mới đủ sáng-suốt tinh trí mà lĩnh-hội được lời giảng dạy của giáo-sư.

I. — PHẦN GIỚI-THIỆU :

1) Văn-thẻ : Đọc kỹ bài một lượt rồi tìm xem bài văn viết theo loại văn gì ? về phương-diện nào ? Thí-dụ :

— Văn miêu-tả người về tâm-lý hay về hình-dáng hay toàn diện.

— Văn thuật-sự về tự-thuật, ký-ức, du-ký hay đối-thoại.

(Coi phần văn xuôi hiện kim có trang định-nghĩa các loại văn.

(Phần văn thề có giảng về Luật thơ Lục bát và biến thề).

2) Xuất-xứ : Xét xem đoạn văn trích ở sách nào ? của ai ? Điều này thường có ghi ở cuối bài. Nếu bài không ghi tên tác-giả, ta có thể nói là « khuyết danh ».

Nếu đã được đọc tác-phẩm, nên nói thêm vị-trí của bài văn ở đoạn nào trong tác-phẩm nếu thấy có lợi cho việc giảng-văn.

3) Tác-giả và tác-phẩm : Chỉ cần trình bày những gì có liên-quan chặt-chẽ đến giá-trị của bài văn mà thôi.

— Về *tác-giả*, ta nói sơ-lược về thân-thể, văn-nghiep, hoàn-cảnh *gia-đình* hay xã-hội, đặc-tính văn-từ của tác-giả.

— Về *tác-phẩm*, ta nói sơ-lược về đại-ý, chủ-dịch và một vài đặc-điểm về nội-dung hay hình-thức.

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1) **Giải-thích :** Tìm hiểu những chữ khó, những thành-ngữ, mệnh-dề hay cả câu nào khó hiểu. Nếu có *điền-tích* thì giải-oghĩa đủ hiểu thôi, không cần dài dòng đi sâu vào chi-tiết.

(Học-sinh cần có một cuốn Việt-Nam tự-diện và một cuốn Hán-Việt từ-diện để tra cứu).

2) **Bố-cục hay dàn ý :** Việc tìm bố-cục bài giúp ta biết xây-dựng một dàn-bài hợp lý khi làm luận văn. Xét sự dàn ý, tìm xem :

— Bài chia làm mấy *phần* ? Mỗi phần chia làm mấy *đoạn* ?

— Tóm lược đại-ý từng phần, từng đoạn.

— Đề ý xem đoạn nào là đoạn chuyển tiếp.

* Nên nhớ : bài văn trích-giêng không cần phải là một bài luận mẫu nên không bắt buộc bài nào cũng có đủ ba phần : — *Vào bài, Thân bài, Kết-luận*.

3) **Đại-ý :** Tóm tắt đại-ý, tức là ý chính, bằng một câu ngắn. Nhớ rằng : đại-ý không phải là Toát-yếu hay Lược-truyện. Thường chỉ cần thêm mấy chữ vào đầu bài cũng đã tóm-tắt được đại ý.

4) **Chủ-dịch hay mục-dịch của bài văn.**

— *Chủ-dịch luân-lý* khi bài có ý khuyên răn, gọi lòng thương hay gây cảm-phấn trước một sự bất công...

— *Chủ-dịch nghệ-thuật* khi bài gọi được sự thích-thú nào cho người đọc về nghệ-thuật hành văn, về ý-tư của tác-giả.

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-ĐÌNH :

1) **NỘI-DUNG** tức là phần ý tưởng chứa đựng trong bài văn.

Ta có thể tùy bài mà lựa chọn điểm nào đáng nói đến hơn cả mà nghiên-cứu :

a) **Nhận-xét cách kết-cấu** tức là cách xếp đặt các ý-tưởng.

Xét các ý-tưởng xếp đặt theo trật-tự, *tiêu-chuẩn* nào, có hợp lý không ?

Có thể xếp đặt :

- từ chi-tiết đến đại-cương ;
- từ nhỏ đến lớn ;
- từ trước đến sau ;
- từ trong ra ngoài ;
- từ xa đến gần ;
- từ nội-tâm đến ngoại-giới v.v...

Nên phân biệt những ý phụ thường chỉ dùng để làm nổi bật ý chính mà thôi.

b) **Nhận-xét các ý tưởng.** Giải-thích phân tích các ý tưởng để tìm ra cả những ý xa-xôi bóng-bầy hàm-súc trong văn.

c) **Phê-bình các ý tưởng.** Xét xem ý tưởng :

- đúng hay sai ?
- nghèo hay trùng điệp ?
- thành thật hay giả-tạo ?
- có vay mượn của tác-giả nào không ?
- có bị ảnh hưởng hoàn cảnh nào không ?
- có khuynh hướng gì ?

Nên đặt mình vào địa-vị, hoàn-cảnh tác-giả mà phê-bình mới được đúng-dắn khỏi thiên-lệch.

d) **Tìm giá-trị đặc-biệt của nội-dung.** Có thể so-sánh bài trích giảng với một vài bài khác cùng đề-tài của tác-giả khác để làm nổi bật một vài đặc-điểm về ý tưởng. Xét xem ý tưởng bài có giá-trị nhất về phương diện nào : Luân-lý, đạo-đức, xã-hội, phong-tục hay tâm-lý ? v.v...

2) **HÌNH-THỨC** tức là cách dùng chữ, đặt câu, chọn lời, chuyển đoạn và cách xử-dụng mỹ-từ pháp.

Ta cần thứ-tự xét :

a) **Cách dùng chữ hay dụng-ngữ :**

- đúng hay sai, có thể thay bằng chữ tinh-xác hơn,
- thích-hợp hay gượng ép, không hợp cảnh, hợp tình,
- giản-dị hay cầu-kỳ, lập dị,
- phong-phú hay nghèo-nàn, lằng-quằng,
- oăn-hoa hay quê-kệch, ngô-nghe, ngô-ngần,
- gợi hình hay vô vị, nhạt-nheo,
- tao nhã hay thô-tục, lỗ-lăng,
- nôm-na dễ hiểu hay nhiều danh-từ Hán-Việt,
- nhiều danh-từ địa-phương hoặc chuyên môn không ?

- nhiều danh-từ ít được phổ thông không ?
- nhiều chữ quá mới hay quá cổ xưa, sáo mòn không ?
- có diễn-tích, tục-ngữ, thành-ngữ không ?
- có sử-dụng mỹ từ pháp một cách tài tình không ?

(Coi phần Mỹ từ pháp)

b) Lời văn :

Ta xét tính-cách chung về lời văn của bài như thế nào ?

Dưới đây là những loại thông-dụng hơn cả :

- **Lời văn gợi hình** : khiến ta như trong thấy trước mắt hình ảnh đến tả.
- **Lời văn nhiều màu sắc** : có nhiều đoạn tả màu sắc khiến ta có thể tưởng-tượng ra một cảnh đẹp-đẽ nhiều màu sắc.
- **Lời văn linh-động** : có tính cách sống-động, linh-hoạt.
- **Lời văn chặt-chuốt** khi tác-giả lựa chữ chọn lời rất kỹ-lưỡng, hoa-mỹ mà hợp cảnh hợp tình.
- **Lời văn tỉnh-túc hay chính-xác** : chỉ dùng những đúng, thích-hợp để nói không thể đặt lời khác.
- **Lời văn hàm-sắc** : bao hàm nhiều ý tưởng. Ít lời nhiều ý.
- **Lời văn xứng ý** : xứng đáng, rất hợp với ý-tưởng.
- **Lời văn giản-ước** : đơn-giản văn-tắt khiến người đọc phải suy ngẫm mà hiểu ra nhiều ý.
- **Lời văn bình-dị** : tự nhiên như lời nói thông-thường, dễ hiểu.
- **Lời văn tao-nhã** : có vẻ đứng-dẫn, chừng-chặc, lịch-sự.
- **Lời văn tế-nhị** : tuy tỉ-mỉ tinh-vi mà khi tả việc tục lời văn thanh, nói sự giận mà lời văn ngọt.
- **Lời văn trong sáng** : giản-dị, rõ ý.
- **Lời văn tối-tăm, rối rắm** : khi đọc mãi mà không rõ được ý.
- **Lời văn huênh-hoang** : khi dùng lời quá ý, như khoe-khoang lắm chữ.
- **Lời văn kêu mà rỗng** : khi đọc chỉ thấy âm-thanh náo loạn cả tai mà rỗng nghĩa, không diễn-tả được rõ ý.
- **Lời văn sáo mòn** : lời của tác-giả xưa đã được nhiều người dùng rồi, nay lại sắp xếp một cách vụng-về vào văn mình.
- **Lời văn cường áp** : không đúng chỗ, không hợp với nhân-vật, tình-cảnh.

c) Giọng văn :

Đọc bài văn, ta phải biến chuyển giọng văn khi cao thấp, khi nhanh chậm, khi gay-gắt, hùng-hồn, khi buồn nản, bi thương, theo đúng với ý chứa đựng trong lời văn và theo đúng cách châm-câu. Do đó, ta sẽ nhận-xét được giọng văn của tác-giả :

- **Giàu nhạc điệu** hay cụt ngủn, nhát gừng.
- **Du-đương, êm dịu** hay gay-gắt, phẫn-nộ.
- **Hùng-hồn, khích-động** hay buồn thảm, chán-nản.
- **Kênh-kệu, hách-dịch** hay nhã-nhận, tha-thiết.
- **Châm-biểu cười-cợt** hay dăm-ấm, khoan-hòa.
- **Các-lắc, xác-xược** hay áp-úng, ngượng-ngập, v.v...

d) Cách đặt câu hay tạo cú :

Cách đặt câu ảnh hưởng đến lời văn, giọng văn. Ta hãy xét từng câu trong bài xem tác-giả có dụng ý gì khi đặt câu như thế :

- Nếu bài có nhiều câu dài quá thì văn rườm-rà, luộm-thuộm.
- Nếu bài có nhiều câu ngắn ngủn thì cụt ngủn, nhát gừng.
- Nếu bài có câu ngắn, câu dài đúng ý thì hay.
- Câu đặt có theo trật-tự thông-thường không ? có mấy mệnh-đề có mệnh-đề tĩnh-lược (thiếu chủ-từ hay động-tự hay túc-từ), có đảo-trang không ?

(Coi thêm phần mỹ từ pháp)

đ) Cách chấm câu, đặt dấu :

Xét xem tác-giả ngắt câu, đặt dấu có đúng chỗ không.

Sách Việt-Nam văn-phạm của Bùi-Kỷ, T.T. Kim... đã giảng :

- ! Dấu chấm đặt ở cuối một câu đã trọn nghĩa.
- , Dấu phẩy (phết) phân hai tiếng hay hai mệnh-đề.
- ; Dấu chấm phẩy dùng để phân hai, ba đoạn trong một câu dài mà ý nghĩa còn liên-lạc với nhau.
- : Dấu hai chấm báo trước một điều gì giải rõ ở sau.
- ! Dấu tán-thán để tỏ ý ngạc-nhiên hay than-vãn.
- ? Dấu hỏi đặt ở cuối câu hỏi.
- () Dấu ngoặc đơn dùng để phân những tiếng có nghĩa riêng ở giữa câu và để thích cái nghĩa cả câu.
- • Dấu ngoặc kép dùng để thuật lời người khác.
- Dấu gạch ngang dùng để phân biệt lời hai người cùng nói chuyện, hết lời người này đến lời người khác.

c) Cách chuyển đoạn :

Xét xem cách chuyển đoạn có tài-tình khiến ý-tượng được thông suốt không ?

Lối chuyển đoạn hữu hình thường có ở đầu câu những tiếng *cho nên, dù sao, và lại, bởi thế, tuy nhiên, đành rằng, rồi, nhưng...*

g) Cách bố-cục :

Xét các phần của bài văn có cân đối không ?

Thí-dụ : Trong một bài dùng làm luận mẫu :

- Nếu *nhập-đề* có 3 dòng mà *kết-luận* dài đến 15 dòng thì bài thiếu cân-đối.
- Nếu phần *nhập-đề* hay *kết-luận* dài bằng $\frac{2}{3}$ hay $\frac{1}{2}$ phần *thân bài* thì bài cũng thiếu cân-đối.
- Nếu phần *nhập-đề* cũng như phần *kết-luận* chỉ bằng $\frac{1}{10}$ đến $\frac{2}{10}$ toàn bài, thì bài cân-đối.

Nên nhớ : Đoạn văn trích giảng không bắt buộc phải là một bài luận. Thường ta chỉ cần xét xem đoạn chính có cân xứng với đoạn phụ không ?

3.— TỔNG-KẾT.

Ở phần này, ta chỉ cần tóm-tắt vài đặc-điểm của bài văn.

Phần này tuy ngắn mà rất quan-trọng để chứng tỏ ta đã hiểu thấu đáo cả nội-dung lẫn hình-thức bài.

Mỹ từ pháp hay là phương-pháp dùng Từ hoa. Nếu bài văn có dùng đến một hay nhiều cách dưới đây một cách khéo-léo khiến lời văn thêm *đẹp-đẽ, chặt-chuốt, âm vận thêm du-dương, ý thêm linh-động*, tức là tác-giả đã dùng Mỹ từ pháp hay Từ hoa.

1.— Điệp-ngữ là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một tiếng. Thí-dụ :

- *Khi tựa gối, khi cúi đầu*
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
(Tả người nghe đàn. Truyện Kiều)
- *Nhớ ai, ra ngàn vào ngơ*
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai ? (ca dao)

2.— Đảo ngữ là cách đảo trang, thay đổi vị-trí các chữ trong câu, để người đọc chú-ý tới những tiếng muốn nhấn mạnh. Thí-dụ :

- *Gác mái ngư-ông về viễn-phố*
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn (Bà huyện Thanh-Qua)

3.— Ngụ-ngữ : Dùng một vật hay một việc gì để nói một ý khác nữa khiến câu văn thêm nhiều ý hơn. Thí-dụ :

- *Đũa mốc mà chờt mâm son* (Tục-ngữ)
(Ý nói : người hèn đòi lấy người sang)

4.— Ngoa-ngữ : Nói ngoa-ngoắt đến những việc không thể có được. Thường dùng ngoa-ngữ để bài-bác, cười-cợt, chế-giễu. Thí-dụ :

- *Bao giờ rau diếp làm đình,*
Gỗ lim ăn ghém thì mình lấy ta (ca dao)

5.— Thành-ngữ : Phần nhiều là những câu *ám-tý* thu gọn lại mà thành và được nhiều người hay nói đến thành quen. Thành-ngữ cần có những tiếng khác hay thành-ngữ khác bổ-túc thì mới đầy đủ ý-nghĩa thành một câu. Thí-dụ :

- *Anh hùng rơm / mạnh bạo xó bếp.*
- *Công-tử bột / dốt đặc cán mai.*
- *Tiểu-thuê vôi / nói dối như cuội...*

6.— **Tục-ngữ** là câu nói lưu-hành trong dân gian, phần nhiều thiên về lý và có tính cách dạy đời. Tục-ngữ thì tự nó đã đủ ý-nghĩa để thành một câu. Thí-dụ:

- *Cái nết đánh chết cái đẹp.*
- *Thua thầy một vạn, không bằng thua bạn một ly.*

8.— **Điệp-thanh**: Một tiếng được lặp lại, hoặc hai tiếng tương-tự đặt gần nhau, thường là *lính-từ* hay *trạng-từ* ghép. Ý nghĩa tiếng điệp-thanh cũng tương-tự tiếng, chính nhưng nghĩa có giảm bớt. Thí-dụ:

- *Đen đen ; đỏ đỏ ; to to ; lớn-lớn ; se-se ; chậm-chậm.*

9.— **Tượng thanh**: hay là **nghe-thanh-từ** là tiếng bắt chước tiếng có thật. Thí-dụ:

- *Ầm-ầm, ù-ù, xình-xịch, lộp-độp, cúc-cù-cu, ó-ò-o,...*

10.— **Tượng-hình**: tiếng diễn-tả đúng hình-dáng. Thí-dụ:

- *Chênh-vênh, lơ-thơ, lồm-đồm, lồi-lôm, khúc-khuỷu, lờ-nhờ, lom-khom ..*

11.— **Diễn-tích** hay **diễn-cổ** là sự-tích đã có trong sách xưa đem đặt vào trong văn cho nhiều ý mà ít lời. Thí-dụ:

- *Cầu hoàng tay lựa nên văn.*
Tương-Như lòng ấy, Văn-Quán lòng nào ?
(Coi Bích câu kỳ ngộ, bài số 4)

12.— **Tỷ-lệ** là tỷ-dụ, so-sánh, ví-von thứ này với thứ khác để ý-tưởng thêm rõ-ràng. Câu tỷ-lệ có chữ « *như* » làm trung-gian. Thí-dụ:

- *Đánh được người, mặt đỏ như vang*
Không đánh được người, mặt vàng như nghệ.

(Tục-ngữ)

13.— **Ám-tỷ** hay **án-dụ** là tỷ-dụ kín-đáo, so-sánh ngầm để ý-tưởng có thêm hình ảnh. Câu ám-tỷ không có chữ « *như* » làm trung-gian. Thí-dụ:

- *Mặt hoa, da phấn, mắt phượng, mày ngài. Râu hùm, hàm én...*

14. **Nhân cách hóa**: Gán cho những loài động vật, thực-vật, vật-vật,... biết cảm nghĩ, có những tính cách như người. Nghệ-thuật này tạo nên những hình ảnh đẹp-đẽ, linh-động và có hồn. Thí-dụ:

Nước: *Nước còn cau mặt với tang thương*

Đá: *Đá vẫn lơ gan cùng tuế nguyệt.*

Chim: *Thương nhà mới miệng cái gia-gia.*

(Bà huyện Thanh-Quan)

Mèo: *Anh đương hết sức lắng nghe...*

Chim: *Chàng nghiêng má nhìn... Nàng bay theo.*

(Tô-Hoài)

Lá rụng: *Lá khoan-khoái đùa lớn múa-may,*

(Khái-Hưng)

Cây thông: *Mình thông tuy già nhưng hồn thông vẫn khỏe.*

(Thạch-Lam)

15.— **Thậm-xung** cũng như **Ngoa-ngữ**: dùng những tiếng quá sự thực cốt để làm nổi bật ý-tưởng muốn trình-bày.

Thí-dụ: đề tả sắc đẹp của một cung-phi đến nổi chim cá, cũng phải say mê ngây-ngất:

- *Chìm đáy nước cá lơ-đờ lặn,*

Lung đa trời nhận-ngần-ngơ sa!

(Cung oán)

16.— **Hoán-đụ** là lấy hai danh-từ có quan-hệ nhân-quả, quan-hệ nội-dung hay hình-thức để thay đổi cho câu văn được bóng-bày linh-hoạt hơn. Có thể lấy một phần để chỉ cả toàn thể hay ngược lại. Thí-dụ:

- *Khách má hồng nhiều nổi truân-chuyên,*
(Má hồng là cô gái trẻ đẹp)

- *Nàng là cây bút tài hoa. Chàng là cây súng cừ-khôi.*
(Cây bút là người viết văn, cây súng là người bắn)

17.— **Hội-ý** là dùng những tiếng có ý-nghĩa khác hẳn để nói đến một sự việc khiến ta phải lấy ý mà hiểu. Thí-dụ:

- *Gìn vàng, giữ ngọc cho hay,*
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

(Lời Kim-Trọng khuyên Kiều giữ-gìn sức khỏe để chàng được yên lòng khi đi xa)

TIỂU SỬ CÁC TÁC-GIA CÓ VĂN XUÔI TRÍCH GIẢNG

1.— ĐỖ ĐỨC-THU

Ông là nhà tiểu-thuyết tình-cảm, có tài quan-sát tỉ-mỉ và chọn-lọc, có tài tả cảnh, tả-tình với lối văn chải-chuốt tế-nhị.

Tác-phẩm : Truyện dài : *Vỡ lòng* (1940) ; *Bức đồng* (1942) ; *Đứa con* (1942). — Truyện ngắn : *Nhà bên kia* (1942).

2.— KHÁI-HUNG (1896 - 1947)

Tên thật là *Trần-khánh-Giur*. (Chữ *Khái-Hung* do chữ *Khánh-Giur* đặt lại). Sinh năm 1896 tại làng Cồ-Am, huyện Vĩnh-Bảo, tỉnh Hải-dương. Có chân trong *Tự-lục văn đoàn*, ông sáng-tác nhiều truyện ngắn và truyện dài đăng trên báo *Phong-hóa*, *Ngày nay*.

Ông rất am-tường tâm-lý nam-nữ thanh-niên, lưu-tâm đến việc bài trừ hủ-tục trong gia-đình Việt Nam.

Tác-phẩm của ông có thể chia làm ba loại.

a) TRUYỆN DÀI : — *Hồn bướm mơ tiên* (1933), tác-phẩm đầu tay của ông và cũng là tác-phẩm thứ nhất của *Tự-lục văn đoàn*.

— *Nửa chừng xuân* (1934), truyện tả sự xung-đột giữa mẹ là người đại-diện cho phái cổ và con là đại-diện cho phái kim về sự tự-do kết-hôn.

— *Trống mái* (1936) — *Thừa-lự* (1940) — *Tiên-sơn tráng-sơn* (1940)...

b) TRUYỆN NGẮN : *Dọc đường gió bụi* (1936) ; *Anh phải sống* (1937) viết cùng Nhất-Linh ; *Tiếng suối reo* (1937), *Đợi chờ* (1939) ; *Đội mũ lệch* (1941)...

c) KỊCH NGẮN : *Tục lụy* (1937), *Đồng bệnh* (1938).

Ông có biệt tài về tả cảnh, tả tình với lời văn bóng-bẩy, trong-sáng, nhẹ-nhàng.

3.— HOÀNG - ĐẠO (1907 - 1948)

Tên thật là *Nguyễn-tường-Long*, còn có biệt-hiệu là *Tứ-ly*, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1907 tại làng Cầm-Giang, tỉnh Hải-dương, nguyên-quán tại làng Cầm-phô, phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam. Từ trần năm 1948 trên đường lưu-vong ở Quảng-châu (Trung-hoa). Có chân trong *Tự-lục văn-đoàn*, ông viết các báo *Phong-hóa*, *Ngày nay*.

Ông thường nói về đời sống khổ-sở của dân quê. Ông cũng viết tiểu-thuyết luận-đề như *Nhất-Linh* nhưng chuyên về mặt xã-hội.

Tác-phẩm : *Mười điều tâm-niệm* (sách tu thân, 1939) ; *Trước vành móng ngựa* (phóng-sự về tòa-án, 1938) ; *Con đường sáng* (tiểu-thuyết dài, 1940). *Tiếng đàn* (truyện ngắn, 1941).

Văn ông gọn-gàng, trong sáng, ông sở-trường về lối văn nghị-luận, châm-biếm hơn là tiểu-thuyết.

4.— HÀN-MẶC-TỬ (... 1940)

Tên là *Nguyễn-trọng-Trí*, chủ-trương trang văn-chương báo *Sài-gòn* khoảng năm 1934 — 1935. Ông có nhiều bút hiệu như *Mina-duyên thi*, *Le-Thanh* nhưng riêng bút hiệu *Hàn-mặc-Tử* mới nổi tiếng.

Cuối năm 1936, *Hàn-mặc-tử* bắt đầu thấy dấu hiệu bệnh phong cùi... Ông vẫn say thơ, làm thơ với nhiều ý thắc-loạn rất mới lạ mãi đến khi ông chết vào ngày 11 tháng 11 năm 1940.

Tác-phẩm : *Gái quê* (1936), *Thơ điên* (1937), *Xuân như ý*, *Thượng-thanh-khi*, *Cơm chân duyên*.

5.— HỒ-BIỂU-CHÁNH (1885-1958)

Ông tên thật là *Hồ-văn-Trung* sinh ngày 1-10-1885, mất ngày 4-11-1958, nguyên-quán tại làng Bình-thành, tỉnh Gò-Công. Am hiểu tường-tận văn-học Đông và Tây, ngoài việc quan-trưởng, ông rất mến văn-nghe, viết tới 60 bộ truyện dài, 2 tập thơ gần 100 bài và tới mấy chục cuốn khác về đủ các loại văn khác...

Ngoài ra ông còn viết rất nhiều báo : *Tuần san Quốc dân diễn-đàn* (1918), *Đại-việt tạp-chi Long-xuyên* (1917), *Đông-Pháp thời-báo* (1923-1924) *Nam-kỳ tuần-báo*, *Phụ-nữ tân-văn*, *Việt-Thanh*, *Tin-Mai* v.v...

Tác-phẩm của ông thường có mục-dịch gột rửa những tệ-đoan của xã-hội. Văn của ông giản-dị phản ảnh trung-thành những mâu người của các giai-cấp trong xã-hội.

6.— LÊ - VĂN - TRƯỞNG

Một nhà văn có nhiều tác-phẩm cho xuất-bản nhất. Trừ tập truyện ngắn *Trước cảnh hoang-tàn Đế-thiên*, *Đế-thích* (1934), ông chỉ viết những truyện dài :

Từ 1937 đến 1942, có tới 50 quyển được in: *Đứa cháu đồng bạc, Tôi thâu khoán, Một linh-hồn dân-bà, Anh và tôi, Chồng chúng ta, Những kẻ có lòng, Hai người bạn, Một người cha, Một cô gái mới, Người anh cả, Hai anh em, Tôi là mẹ v. v...*

Toàn là những tiêu-thuyết luân-lý thông-thường như vợ phải theo chồng, em phải nghe anh. Ông hay dựa vào một thứ triết-lý sức mạnh nông-nổi, vật-chất, hay luận-lý dài dòng. . .

7.— NHẤT-LINH (1905-1963)

Tên thật là **Nguyễn-tường-Tam**, sinh năm 1905 tại Cẩm-Giang, tỉnh Hải-đương. Nguyên-quán tại làng Cẩm-phô, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-Nam (nay đổi là thôn Cẩm-phô, xã Hội-an, Quảng nam). Ông chủ-trương báo *Phong-hóa* (1932-1937), báo *Ngày Nay* (1935-1940), giai-phẩm *Văn-hóa Ngày nay* (1959...), sáng lập nhà xuất-bản *Ngày Nay* và *Tự-lực văn-doàn*.

Nhất-Linh hay trình bày những cái lỗi thời của gia-đình hay xã-hội và đưa ra những giải pháp sửa đổi cho hợp thời. Ông có nhiều nhạo xét rất tế-nhị, viết văn rất chải-chuốt, trong sáng.

Tác-phẩm đã xuất-bản từ 1926 đến 1960:

Truyện dài: — *Nho-phong*; *Gành hàng hoa* (viết cùng Khải-Hưng); *Hoàn tuyết*; *Lạnh lùng*; *Tôi bạn*; *Bướm trắng*; *Giòng sông thanh thủy*.

Truyện ngắn: — *Anh phải sống* (viết cùng Khải-Hưng); *Tôi tâm*; *Hai buổi chiều vàng*; *Đi tày*.

8.— NHẬT-TIẾN

Tên thật là **Bùi Nhật-Tiến**, sinh năm 1936 tại Hà-nội. Ông mới gia nhập làng văn từ năm 1959. Viết truyện ngắn và truyện dài trên giai-phẩm *Văn-hóa Ngày Nay* (do Nhất-Linh chủ-trương) tạp-chí *Tân-Phong, Văn*...

Với một ý-thức xã-hội đứng đắn, ông có lối văn trong sáng, tự nhiên và cực-kỹ truyền cảm. Được giải thưởng văn-chương toàn quốc 1961 - 1962 với tác-phẩm *Thềm hoang*.

Tác-phẩm đã xuất-bản:

Truyện dài: *Những người áo trắng* (1959); *Những vì sao lạc* (1960). *Thềm hoang* (1960); *Máy hoàng hôn* (1962).

Tiêu-thuyết kịch: *Người kéo màn* (1962).

Truyện ngắn: *Ánh sáng công-viên* (1963).

9.— NHƯỢNG-TỔNG (1879-1949)

Tên thật là **Hoàng Phạm-Trân**, sinh năm 1879 tại làng Phú-khê, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-định. Ông là một văn-gia kiêm thi-sĩ tài-hoa, một tay kỹ-cụ trong làng báo nước nhà, kể truyện có duyên, dịch-thuật rất sở-trường.

SÁNG-TÁC: *Lan và Hứa*, truyện tình-cảm (1940) và nhiều bài thơ đăng trên mặt báo...

DỊCH-THUẬT: *Sử-ký Tư-mã-Thiên*, *Mãi Tây*, *Hồng-lâu mộng*.. và nhiều thơ Đường.

10.— NGUYỄN-VĂN-HÀU

Hiệu là **Bút Trạch**, sanh ngày 6-8-1922 tại Bình-Phước-Xuân, tỉnh An-Giang. Dạy học, viết báo, viết sách. Thích biên-khoả nhưng thỉnh-thoảng có làm thơ, viết truyện ngắn. Ông đề tâm nhiều vào công việc khảo-cứu về các văn - đề văn - học, lịch-sử miền Nam.

Tác-phẩm đã xuất-bản:

Tiếng Quyên (thơ 1953), *Chinh quân gầy lợt* (1955), *Thất sơn màu nhiệm* (1956), *Cuộc khởi-nghĩa Bảy-thửa* (1956), *Việt-sử kinh-nghiệm* (1957), *Việt-Nam Tâm-giáo sử đại-cương* (1957), *Những lối thông thường trong thuật viết văn* (1960), *Chi-sĩ Nguyễn Quang-Đieu* (1963).

11.— NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

Hiệu là **Đồ-Nam-Tử**, ông biên-tập tạp-chí *Nam-phong*, chuyên khảo-cứu về danh-nhân và các tác-phẩm cổ...

Tác-phẩm: Ông có một quyển tiêu-thuyết giá-trị và được giải-thưởng, nhan-đề là *Quả dưa đỏ*.

Văn của ông chững-chạc, điêu-luyện.

12.— NGỌC-LINH

Tên thật là **Dương-dại-Tâm**, sinh năm 1935 tại làng Tân-Duyệt quận Cà-Mau (An-Xuyên).

Viết báo từ năm 1953: *Tân-Thanh*, *Tiếng-Dân*, *Duy-Tân*, *Nhân-Lợi*...

Tác-phẩm đã xuất-bản đều là truyện dài:

Đôi mắt người xưa; — *Buổi chiều lá rụng*; — *Ngã rẽ tâm-tình*; — *Hoa nở về đêm*; — *Trời không có nắng*; — *Nước mắt người dân-bà*.. Văn của ông giản-dị, linh-động.

12.— PHAN - KẾ - BÌNH (1875 - 1921)

Hiệu là **Bửu-văn**, người làng Thụy-Khê, huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông. Uyên-thâm Hán-học và quốc-văn, ông biên-tập cho mấy tờ báo như *Đang-cổ lung báo*, *Đông-dương tạp-chi* (1913) *Trung-Bắc tân-văn* và *Học-báo*.

Tác-phẩm :

Loại biên-khảo : — a) *Nam-hải di-nhân liệt-truyện* — b) *Hung-Đạo đại-vương truyện* — c) *Việt-Hàn-văn-khảo* — d) *Việt-nam phong-tục v.v..*

Ngoài ra ông còn dịch nhiều sách chữ Hán giá-trị.

Văn của ông chững-chạc, giản-dị. Có tài về lối văn dịch, lột được tinh-thần nguyên-tác, ông rất có công trong việc nghiên-cứu văn-chương và phong-tục nước nhà.

13.— PHAN-CHU-TRINH (1872 - 1926)

Phan-chu-Trinh hiệu là **Tây-Hồ**, biệu hiệu là **Hy-Mã**, sinh năm 1872 tại làng Tây-lộc, phủ Tam-ly, tỉnh Quảng-Nam. Đậu cử nhân rồi phó bảng, cử ra làm quan có vài năm rồi bỏ cuộc (1904) để làm cách-mạng, cổ-dồng phong-trào *Dân-Tân* để xướng thuyết dân-chủ dân-quyền. Xuất dương sang Tàu, sang Nhật (1906), trở về hoạt-dộng, bị bắt đày ra Côn-lôn, bị đưa sang Pháp rồi bị giam, sau được tha về lại làm cách-mạng cho đến chết (1926).

Văn-chương của cụ hầu hết là văn-chương tranh-đấu (sẽ học kỹ ở năm đệ Tư).

14.— PHẠM-QUỲNH (1892 - 1945)

Hiệu là **Thượng-Chi**, người làng Thương-hồng (?) huyện Bình-Giang, tỉnh Hải-dương. Ông sáng-lập tạp-chi *Nam-phong* và trợ-bút cho một vài báo tiếng Pháp.

Tác-phẩm :

— **DỊCH-THUẬT** : *Phương-pháp luận*, *Đời đạo-lý*, *Tuđng lối-xích* (Le Cid) ..

— **SÁNG-TÁC** : *Mười ngày ở Huế*, *Một tháng ở Nam-kỳ*, *Pháp-du hành-trình nhật-ký*, *Văn-minh luận*, *Khảo về chính-trị nước Pháp*, *Tục-ngữ ca dao*, *Việt-Nam thi ca v.v..*

Ông rất có công trong việc tài-bồi cho quốc-văn thêm giàu thịnh.

15.— PHƯƠNG - CHÂU

Nguyễn-phương-Châu sinh năm 1916 tại Hà-nội, nguyên-quân tại làng Phượng-Vũ, phủ Thường-lín, tỉnh Hà-đông.

Tác-phẩm đã xuất-bản : *Trắc-trở* (1940) *Hai tấm lòng sầu* (1942)... đều là truyện dài.

Văn gọn-gàng, sáng sủa, ông có nhiều nhận-xét sâu-sắc về tâm-lý.

16.— SON - NAM

Tên thật là **Phạm-minh-Tây**, sinh năm 1926 tại làng Đông-Thái quận Gò-Quao, tỉnh Rạch-Giá (Kiên-Giang).

Ông viết báo từ năm 1954 (Nhân-loại, Bách-khoa, Văn-hữu...)

Tác-phẩm đã xuất-bản :

Chuyện xưa tích cũ (I và II) ; — *Tìm hiểu đất Hậu-giang* (khảo-cứu) ; — *Hương rừng Cà-mau* (tập truyện ngắn) ; — *Chim quỳên xuống đất* (truyện dài).

Ông có tài quan-sát, văn viết thận trọng mà vẫn có vẻ giản-dị, nhẹ-nhàng, truyền-cảm.

17.— TAM - LANG

Tên thật là **Vũ-dinh-Chí**, chuyên viết phóng-sự và trào-phúng. Ông có tài tả-chân và châm biếm, có mục-đích răn đời, có tu-tướng luân-lý.

Tác-phẩm : *Tôi kéo xe* (1935) và *Đêm sông Hương* là hai quyển phóng-sự. *Lọng cút cán* và *Người ngòm* là những truyện châm-biếm và trào-phúng.

18.— THẠCH-LAM (1909 - 1941)

Tên thật là **Nguyễn-trường-Lân**, còn có bút hiệu là **Việt-Sinh** sinh năm 1909 cùng quê-quán với Hoàng-Đạo và Nhất-Linh. Có chân trong *Tự-lực văn-đoàn*, ông viết trên các báo *Phong-hóa*, *Ngày nay* nhiều truyện tình-cảm và chuyên về truyện ngắn.

Tác-phẩm của ông xuất-bản từ 1937 đến 1941 :

— **TRUYỆN NGẮN** : *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi lóc...* *Ngày mới*, *Hà-nội băm-sáu phố-phường*.

— **BÌNH-LUẬN** văn-học : *Theo giòng*.

Nhiều nhận-xét tế-nhị, văn nhẹ-nhàng, trong sáng, ông có tài tả tình, tả cảnh.

19.— VŨ-TRỌNG-PHỤNG (1912-1941)

Ông lấy biệt hiệu là *Thôn-Hư* trong phóng-sự *Cơm bầy người*. Ông là nhà văn phóng-sự và tiểu-thuyết gia có khuynh-hướng xã-hội, thường lật mặt trái xấu xa của xã-hội trong các tác-phẩm của ông.

Tác phẩm :

- Phóng-sự : *Cơm bầy người* (1933) trên báo *Nhật-Tân*; *Kỹ-nghệ lây lây* (1936); *Cơm thầy cơm cô* (1937)...; *Lục-si* (1937).
- Tiểu-thuyết : *Dông tố*, *Sổ đỏ*, *Làm đi*, *Dứt tình*, *Lầy nhầy vì tình*, *Trùng số độc đắc*...

Văn tả chân của ông rất sống động lại có vẻ hoạt-kê.

19.— VÕ - HỒNG

Sinh ngày 5-5-1921 tại làng Ngân-sơn, quận Tuy An, tỉnh Phú Yên (Trung-Việt).

Ông gia-nhập làng văn với tất cả thái-độ thân-trọng của một người không muốn làm văn trong một lúc hào-hung bất ngờ. Ông đã có nhiều truyện và thơ đăng trên các tạp-chí *Bách-khoa*, *Văn-Hữu*, *Văn*...

Tác phẩm đã xuất-bản : *Hoài cổ-nhân*; *Lá vẫn xanh*; *Vết hằn năm tháng*; *Con suối mùa xuân*; *Khoảng mắt*; *Hoa bướm bướm*...

Ông có lối văn giản-dị, trong sáng.

20.— VÕ - PHIẾN

Sinh ngày 20-10-1925 tại Bình-Định (Trung-Việt). Ông có nhiều bài đăng trên tạp-chí *Bách-khoa*...

Tác-phẩm đã xuất-bản : Truyện dài : *Giã từ* (1962); *Một mình*...

Truyện ngắn : *Chữ tình* (1956); *Người tù* (1957); *Mưa đêm cuối năm* (1958); *Đêm xuân trăng sáng* (1961); *Thương hoài ngàn năm* (1962); *Về một xóm quê*...

Tài quan-sát, có nhiều nhận-xét tinh-vi độc-đáo và một sức tưởng tượng phong-phú, ông có tài diễn-tả bằng lối văn hết sức linh-động.

22.— TÔ-HOÀI

Tô-Hoài người làng Nghĩa-Đô, ngoại thành Hà-Nội, là nhà văn có khuynh-hướng xã-hội. Trong hầu hết các truyện của ông, ông đều tả cảnh vật và dân quê nghèo nàn ở riêng một vùng Nghĩa-Đô, quê hương ông. Ông có biệt tài quan sát và tả loài vật với niềm rung cảm như đối với người.

Tác-phẩm đã xuất-bản : *Quê người* (1942); *Xóm giếng ngày xưa* (1943); *O chuột* (1942); *Con dế mèn*; *Dế mèn phiêu-lưu ký*...

CÁC TÁC-GIẢ NGOẠI-QUỐC

ARCHIEALD JOSEPH CRONIN

Tác-phẩm đầu tay của ông là *Hatter's castle* được dịch ra 5 thứ tiếng, xuất-bản năm 1931.

EDGAR ALLAN POË (1809...)

Thi-sĩ kiêm tiểu-thuyết-gia, ông chuyên viết những truyện ngắn quái đản. Sinh năm 1809 tại Boston. Nổi danh vì tập thơ « *Con quạ* ».

EDMOND DE AMICIS (1846-1908)

Triết-gia người Ý. Tác-giả quyển *Cuore* mà nhà văn Piazzi đã dịch ra Pháp-văn dưới nhan-đề *Les grands coeurs*. *Cuore* là tập nhật-ký của một học-sinh người Ý, một quyển sách rất có giá-trị về phương diện giáo dục thanh-thiếu-niên học-sinh.

JACK LONDON (1876-1916)

Nhà văn xuất-thân từ chỗ hàn-vi, có hơn 50 tác-phẩm, thường tả những cảnh gian-lao, khổ-cực... khiến thanh-niên biết yêu đời và biết ý-nghĩa sống là tranh đấu, Tác-phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng.

CÁO LỖI : Ngoài ý muốn của chúng tôi, có ít bài trong sách này không kê tên tác giả và cũng không lược khảo Tiểu-sử tác-giả.

VĂN-THỂ

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ LUẬT THƠ

ĐẠI-CƯƠNG VỀ THANH, VẬN và ĐỐI

ÂM :

Tiếng Việt-Nam là thứ tiếng đơn âm nghĩa là : mỗi phách âm đủ thành một tiếng.

THANH :

Mỗi âm có hai thanh chính :

a) Bình thanh là những tiếng có thanh bằng đọc lên nghe nhẹ nhàng gồm những chữ không có dấu. (Thí-dụ : tôi, ta)
hoặc có dấu huyền (˘). (Thí-dụ : tôi, ta, lờ, mờ...)

b) Trắc thanh là những tiếng có thanh trắc, đọc lên nghe trúc trắc, gồm những chữ có dấu sắc (ˆ) hoặc dấu nặng (˙) dấu hỏi (?) dấu (ˊ).

Thí-dụ : Mờ, mờ, mớ, mỗ. Vả, vạ, vả, vã.

VẬN hay VẦN :

Có thanh bằng và thanh trắc nên vần thơ cũng có vần bằng và vần trắc.

a) Yêu vận hay vần lưng là vần gieo ở giữa câu.

b) Cước vận hay vần chân là vần gieo ở cuối câu.

Thí-dụ : — Thành tây có cảnh Bích câu (cước vận).
Cổ hoa góp lại một bầu (yêu vận) xinh sao (cước vận).
— Hoa chen thu cúc xuân đào (cước vận)
Lưu phun lửa hạ, mai chào (yêu vận) gió đông (cước vận).
(Bích câu kỳ ngộ)

* Bầu và chào là yêu vận (vần lưng)

* Câu ; sao ; đào ; đông là cước vận (vần chân)

Những vần trên đây đều là vần bằng

ĐỐI :

Hai câu đối nhau nghĩa là hai câu đi cặp với nhau thành đôi và tương xứng với nhau.

— Đối tiếng là : tiếng bằng đối với tiếng trắc hoặc
tiếng trắc đối với tiếng bằng.

a) *Cán Bát (8 chữ)* đáng lẽ bắt đầu là bằng lại bắt đầu là trắc, để chữ thứ tư có thể gieo vần bằng, theo luật sau này :

1	2	3	4	5	6	7	8
t	t	b	b	t	t	b	b

Thí-dụ : *Mặt võ mình gầy đọc sách giờ lâu.*

b) *Luật bằng trắc của câu Lục (6 chữ)* nhiều khi cũng biến đổi và bắt đầu là trắc theo luật sau này

1	2	3	4	5	6
t	t	b	b	t	b

Thí-dụ :

Chàng giậm thì thuyền chẳng đi.

Giậm ra ván nát, thuyền thì long danh.

(Câu Lục đã biến-thể) :

(Ca dao)

3) Số chữ biến đổi

Không luận lệ Lục Bát (sáu, tám). Thí-dụ :

(8 chữ thay vì 6) *Trách lòng con chó nhỏ nó sủa dài
Sủa nguyệt sơn dài, sủa bóng trăng thanh*

(7 chữ thay vì 6) *Trắng như bông, lòng anh không chuộng*

(9 — — — 8) *Đen như cục than hằm lăm ruộng khá thương*

(7 — — — 6) *Đắng khở - qua, chua là chanh - giầy*

(9 — — — 8) *Dầu ngọt cho thể mảy cũng tiếng cam sành,*

(7 — — — 6) *Giặc Lang - Sa đánh tới chân - thành*

(12 — — — 8) *Dầu ai ngăn qua đón lại, dạ cũng không đành
bỏ em.*

Thơ Lục Bát biến-thể dễ-dàng như vậy nên mỗi dân Việt đều có thể thành thi-sĩ thốt ra những câu ca-dao âm-điệu du-dương chan-chứa cảm-tình, truyền tụng đời đời trong dân gian, góp lại thành một kho-làng văn-chương bình-dân qui-giá.

— (Học-sinh nên ôn lại phần **Văn-chương bình-dân** nói về Tục-ngữ, Thành-ngữ, Ca dao, Vè ở sách Giảng-văn đệ thất của cùng soạn-giả)

LƯỢC - KHẢO

TÁC-GIẢ. —

Theo Nguyễn-đỗ-Mục và Dương - quảng - Hàm, truyện *Bích-câu kỳ-ngô* bằng Hán-văn do Đoàn-thị-Điễm viết trong bộ *Tục truyền-kỳ*. Còn bản chữ Nôm thì không rõ tác-giả là ai.

Truyện kể việc xảy ra ở đời Hậu-Lê. Nhiều câu trong truyện lại hơi giống những câu trong truyện Kiều. Không có căn-cứ gì để có thể kết-luận rằng truyện nào chịu ảnh-hưởng truyện nào nên không thể biết truyện nào viết trước . . .

Truyện kể việc thư-sinh *Trần-tứ-Uyên* gặp nàng tiên *Giáng-Kiều* ở *Bích-câu* nên mới có tên *Bích-câu kỳ-ngô* (sự gặp-gỡ lạ-lùng ở *Bích-câu*).

Bích-câu nghĩa là ngôi biếc, thuộc làng Yên-trạch, huyện Thọ-Xương sau sát nhập vào Hà-nội, là phố Cát-linh. Ở đó còn đền thờ *Tứ-Uyên*, di-tích của truyện hoang-đường này.

LƯỢC TRUYỆN. —

Truyện gồm 648 câu, có thể chia làm bốn hồi :

I. — *Trần-tứ-Uyên gặp Giáng-Kiều, về ốm tương-tư (câu 1—227).*

Trần-tứ-Uyên, học trò nghèo, hay đi chơi những nơi thắng-cảnh, khi đến đất *Bích-câu*, thấy phong-cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đây để học. Một hôm *Uyên* đi xem chùa *Ngọc-hồ* (tức chùa bà Ngô ở phố *Sinh-từ* Hà-nội).

Chiều đến, sắp về, chợt thấy bay đến trước mặt một tờ thơ có ý gheo mình. Trông ra cửa tam-quan, thấy một người con gái rất đẹp ; *Uyên* đi theo đến *Quảng-vân-đình* (nay là chợ Cửa-nam Hà-nội) thì người ấy biến mất. *Tứ-Uyên* trở về mang bệnh tương-tư.

II. — *Tứ-Uyên kết-duyên cùng Giáng-Kiều (câu 273 — 428) :*

Tứ-Uyên tới đền *Bạch-mã* (nay ở phố hàng *Buồm*) cầu mộng được thần báo sáng hôm sau ra đợi ở cầu *Đông* (nay ở phố hàng *Đường*) thì gặp người con gái ấy. Hôm sau, ra đợi mãi đến chiều chỉ gặp ông lão bán bức tranh vẽ một người tổ-nữ giống hệt người đã gặp hôm trước. *Uyên* mua tranh về treo ở nhà, cứ đến bữa ăn,

dọn hai cái bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh cùng ăn. Một hôm, Uyên đi học về, thấy có mâm cơm dọn trước, trong bụng sinh nghi.

Hôm sau Uyên rình ở một chỗ. Thấy người trong tranh bước ra, Uyên vội chạy lại hỏi thì người ấy nói tên mình là Giáng-Kiều từ cung tiên xuống để kết duyên cùng Uyên. Giáng-Kiều làm phép biến cho nhà ở của Uyên thành lâu-đài tráng-lệ để vợ chồng cùng ở.

III.— Giáng-Kiều giận Tú-Uyên bỏ đi sau lại về (câu 429—558).

Tú-Uyên lấy Giáng-Kiều được ba năm, thường hay rượu chè say-sưa. Nàng cản ngăn. Uyên không nghe, lại còn đánh đập. Giáng-Kiều quá giận, bỏ Uyên, biến đi. Lúc tỉnh rượu, Uyên hối-hận, đi tìm đâu cũng không thấy vợ, chỉ còn biết than khóc thương tiếc. Một hôm buồn quá, Uyên toan tự-tận thì Giáng-Kiều hiện ra. Uyên bèn xin lỗi, hai bên đoàn-tụ như xưa.

IV.— Tú-Uyên và Giáng-Kiều lên cõi tiên (câu 559—648).

Từ đó Tú-Uyên đối-đãi tử-tế với Giáng-Kiều. Sau sinh được một con trai đặt tên là Chân-nhi. Giáng-Kiều khuyên Uyên nên lên ở cõi tiên và trao cho bùa thuốc tiên để Uyên tự luyện. Rồi một hôm, từ biệt con, cõi hạc bay lên cõi tiên.

NHẬN-XÉT.—

a) Cốt truyện Bích-câu Kỳ-ngộ không có gì đáng cho chúng ta những người sinh ở thời-dại khoa-học, cần lưu-ý vì:

- cốt truyện hoang-đường phi-lý; tình-tiết giả-tạo gượng ép.
- Tú-Uyên, nhân-vật chính chỉ là một kẻ hèn vì sớm lãng-mạn, bê-tha, trác-táng, rượu chè, vũ-phu tàn-nhẫn với vợ con và ích-kỷ với quốc-gia, xã-hội.
- Giáng-Kiều, nhân-vật chính thứ hai, chỉ là đại-diện cho những người theo Lão-giáo thích thoát tục hưởng nhàn một cách ích-kỷ.

b) Văn-chương truyện Bích-câu Kỳ-ngộ mới là chủ - điểm đáng cho chúng ta học-hỏi vì thực có giá-trị (Coi lời bình-luận của Dương-quảng-Hàm ở cuối phần này)

TRÍCH-GIẢNG.

1.— Cảnh Bích-câu

Thành Tây có cảnh Bích-câu¹,
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao!

Đưa chen thu cúc, xuân đào,
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông.
Xanh-xanh dầy liễu ngàn thông,
Cỏ lan lối mục², rêu phong dấu tiều³.

Một vùng non nước quỳnh-dao⁴,
Phát-phơ gió trúc, dặt-dìu mưa hoa⁵.

BÌNH GIẢNG

I.— PHÂN GIỚI-THIỆU:

- 1.— Văn-thể: Thơ lục bát (nhắc qua về thể thơ này); loại tả-cảnh...
- 2.— Xuất-xứ: Đoạn văn này trích trong « Bích-câu kỳ-ngộ », một tác-phẩm còn khuyết - danh. Sau 8 câu mở đầu, 8 câu này tả cảnh Bích-câu, nơi Tú-Uyên gặp tiên...

II.— PHÂN PHÂN-TÍCH:

1.— Chú-thích:

- 1) Bích-câu: bích là biếc, câu là ngôi nước. Bích-câu là tên một phường của thành Thăng-long, sau thuộc làng Yên-trạch, huyện Thọ-xương Hà-nội, tức phố Cát-linh, có đền thờ Tú-Uyên. Đền này bị chiến cuộc Việt-Pháp phá hủy năm 1946...
- 2) Mục: mục-dồng: người chăn trâu.
- 3) Tiều: tiều-phu: người kiếm củi.
- 4) Quỳnh dao: tên hai thứ ngọc quý, lại có nghĩa là hai thứ cây rất quý do câu « Vương-Diễn như quỳnh lâm dao thụ » (người Vương-Diễn đẹp như cây ngọc-dao ở trong rừng ngọc-quỳnh). Truyện KIỀU có câu tả cảnh đẹp có người đẹp: « Một vùng như thềm cây quỳnh cảnh dao ».

Có bản chép câu 7 này là: Một vùng non nước dàu-hiu,

2. — **Bố-cục :**

Bài chia hai đoạn :

- Đoạn một: giới-thiệu Tú-Uyên.
- Đoạn hai: Tú-Uyên làm nhà ở để học ở gần Bích-câu ... Học-sinh phân đoạn lấy.

X — **Đại-ý của bài này ?**III. — **PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :**1. — **Nội-dung :**

- Xét cách *kết-cấu* (dàn ý) có theo thứ-tự hợp-lý không? Vì sao?
- Tác-giả cho ta biết những gì về Tú-Uyên?
- Tú-Uyên thấy Bích-câu là nơi phong-cảnh đẹp ở câu nào?
- Câu nào cho ta biết về nhà ở của Tú-Uyên?
- Cảnh nhà Tú-Uyên ra sao?
- Những câu nào ý-nghĩa bóng-bẩy, khó hiểu? Giải rõ nghĩa ra!
- Giải-thích rõ-ràng ý-nghĩa hai câu cuối.

2. — **Hình-thức :**

- Chữ dùng có phong-phu, câu-ký không? Chứng-tỏ!
- Có nhiều điển-tích không? Chứng-tỏ!
- Lời thơ có nhịp điệu không? Chứng-tỏ!
- Phân-tách những câu thiếu chủ-từ; đoán xem chủ từ.
- Nhận xét cách gieo vần. Câu nào có *tiền-dối*.

TẬP LÀM VĂN

Tả một ngôi nhà xinh-xắn ở nơi phong-cảnh đẹp.

3. — **Tú-Uyên đi hội xuân**

- ✶ Ngọc-hồ có đám chay tăng 1,
- Nức-nở cảnh Phật, tung-bừng hội xuân.
- Dập-dìu tài-tử, giai-nhân,
- ✶ Ngồn-ngang mã-tích, xa trần 2 thiếu ai.
- Thường xuân, Sinh cũng dạo chơi,
- Tho lun_lung túi, rượu vui-vui bầu.

Mảng xem cây phạn thú màu 3, 7
 Vàng kim-ô 4 đã gác đầu non tê 5. 8
 Tiệc thôi, ai nấy cùng về, 9
 Gió chiều lay bóng hoa lê la-đà. X 10
 Bên cầu đàn lữ dăm ba, 11
 Thần tiên trước mặt, ai là kẻ hay. 12
 Sinh vừa tựa liễu nương cây, 13
 Lá hồng 6 đâu đã thổi bay lại gần. 14
 Mắt coi mới tỏ lần-lần, 15
 Mấy dòng chữ viết ba vần bốn câu 7. 16
 Trông qua lặng ngắt giờ lâu, 17
 Ấy ai thả lá doanh câu 8 ghẹo người. 18
 Vừa toan họa lại mấy lời, 19
 Gió hương đâu đã bay hơi nồng-nàn. 20

BÌNH GIẢNG

I. — **PHẦN GIỚI-THIỆU :**1. — **Văn-thể :**

Thơ lục bát (câu 6 chữ, câu 8 chữ) tả hoạt-cảnh.

2. — **Xuất-xứ :**

Trích từ câu 71 đến câu 90 trong truyện *Bích-câu Kị-ngộ*.

II. — **PHẦN PHÂN-TÍCH :**1. — **Chú-thích :**

- 1) *Câu 1* : có đám nhà sư làm chay ở chùa Ngọc-hồ (ở phố Sinh-từ Hà-nội).
- 2) *Mã tích xa trần* : vết ngựa, bụi xe.
- 3) *Cây Phạn* : cây phước nhà chùa. *Màu* : màu thiền : cảnh chùa.
- 4) *Kim ô* : quạ vàng, chỉ mặt trời.
- 5) *Non tê* : núi ở phía tây.
- 6) *Lá hồng* : ý nói bức thư do tích Vu-Hựu (coi ở dưới).
- 7) *Ba vần bốn câu* : bài thơ tứ tuyệt.
- 8) *Thả lá doanh câu* : Vu-Hựu đời Đường nhặt được chiếc lá đỏ

đề bài thơ từ trong ngư-câu (nghĩa là cái ngòi nước trong cung vua) trôi ra... Sau Vu-Hựu lấy được người cung-nữ tác-giả bài thơ đó làm vợ...

2. — Bố-cục :

Bài có thể chia làm bốn đoạn :

- a) Cảnh hội xuân.
 - b) Tú Uyên dự hội xuân.
 - c) Tú-Uyên bắt gặp chiếc lá đề thơ.
 - d) Tú-Uyên xem lá thơ...
- Hãy tìm từng đoạn.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- Hai câu đầu giới-thiệu gì? Nói ích-lợi của cách nhập-đề như vậy!
- (Câu 3 giống hệt một câu trong truyện Kiều của Nguyễn-Du ở đoạn tả chị em Kiều đi dự hội Đạp-thanh). — Giải-nghĩa rõ câu thứ ba.
- Hội xuân có đông-đảo, tưng-bừng không? Chứng-tỏ!
- Sinh ở đây trở Tú-Uyên. Tú Uyên là hạng người nào? Chứng-tỏ!
- Tú-Uyên gặp chiếc lá có đề thơ vào lúc nào? Tú-Uyên cảm-động như thế nào? Nghĩ-ngợi gì?
- Tú-Uyên toan họa bài thơ thì ngửi thấy mùi hương do gió đưa lại. Câu cuối ý nói gì? Tại sao có hương bay?

2. — Hình-thức :

- Phê-bình và dẫn-chứng cách dùng chữ!
- Kiểm những trạng-tục và lĩnh-từ trong bài. Nói tác-dụng của những chữ ấy!
- Những câu nào áp-dụng lối đảo-ngữ? Nói tác-dụng của lối này
- Những câu nào có tiểu-dối?
- Xét cách gieo vần.

TẬP LÀM VĂN

- 1) Tả một cảnh chùa đêm giao-thừa.
- 2) Tả cảnh một ngôi chùa vào ngày rằm.

4. — Tú-Uyên tương-tư

Bướm kia vương lấy sầu hoa,
Đoạn tương-tư¹ ấy nghĩ mà buồn tênh.
☆ Có khi gây khúc đàn tranh,²
Nước non ng-o-ngán ra tình hoài-nhân³.
Cầu-hoàng⁴ tay lựa nên vần,
Tương-Như lòng ấy, Văn-Quân lòng nào⁴?
Có khi mượn chén rượu đào,
Tiệc mời chưa cạn, ngọc-dao⁵ đã đầy.
Hơi men chưa nhấp đã say
Như xông mùi nhớ, như gây giọng tình.⁶
Có khi ngồi suốt năm canh,
Mơ quên⁶ điểm nguyệt, chuông kinh⁷ nện sương.
Ôi tai những tiếng đoạn trường⁸
Lửa tình dễ nguội, sóng Tương⁹ khôn hàn.
Cả đêm nằm ngắm bóng trăng tàn,
Tiếng quyền hát sớm, trôn nhơn¹⁰ bay khuya.
Ngôn-ngang cảnh ngộ tình kia,
Nỗi riêng, riêng biệt, cãi-dề với ai¹¹?
☆ Vui xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.

BÌNH GIẢNG

1. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Chú-thích :

- 1) Tương-tư : nhớ nhau; ở đây nói Tú-Uyên riêng nhớ nàng tiên.
- 2) Hoài-nhân : nhớ người.
- 3) Cầu hoàng : một khúc đàn hay của nhà danh-cầm Tư-Mã Tương-Như, người đời nhà Hán ở Trung-hoa.
- 4) Câu 6 : Tương-Như gây khúc *Phượng cầu kỳ hoàng* (con chim phượng trống tìm con chim phượng mái — con hoàng), gọi tắt là *Cầu hoàng*, Trác Văn-Quân là gái góa cảm nghe khúc đàn trồn theo làm vợ Tương-Như...

6. — *Giáng-Kiều khuyên Tú-Uyên*

- 1 Rằng : «Coi cho thấu sự đời,
 2 Giãm danh khóa lợi¹ : Ừng người thế-gian.
 3☆ Trời thu mây hợp, mây tan,
 4 Ngày xuân hoa nở, hoa tàn mấy lăm ?
 5 Găm trong tám, chín-mươi năm
 6 Bóng câu cửa sổ² dễ cầm mãi ru !
 7 Thịt xương gửi đám diêm-phù³,
 8 Sinh sinh hóa hóa trong lò hồng-quân⁴.
 9 Đố ai vượt khỏi lòng trần,
 10 Sông mê chìm nổi thế-nhân⁵ đã đầy.
 11 Anh-hùng những mặt xưa nay,
 12 Trăm năm nát với cỏ cây cũng là.
 13 Lăn-lăn thàng trợn ngày qua,
 14 Má hồng mấy chốc đã ra bạc đầu.
 15 Thôn hoang mấy năm cỏ khâu⁶,
 16 Ấy nền Đồng-tước hay lầu Nhạc-dương⁷.
 17 Chưa đầy một cuộc tang-thương⁸,
 18 Non đồng cũng lở, núi vàng cũng nghiêng. y
 19 Sao bằng ngày tháng cung tiên,
 20 Vui chung tám cõi, xuân riêng bốn mùa. x +
 21 Dọc ngang bốn bể năm hồ,
 22 Khắp trong bốn cõi chín châu mặc dầu.
 23 Ra vào kim-khuyết quỳnh lâu⁹, +
 24 Treo tranh yên thủy¹⁰, giắt bầu kiên-khôn¹¹. y
 25 Đi về tuyết điểm hoa thôn, +
 26 Thông rên nhịp phách, suối tuôn ngón đàn. x +
 27 Một ngày trong thú thanh-nhàn,
 28 Mấy trăm muôn cảnh, nhân-hoàn độ sao ?
 29☆ Khuyên chàng sớm nghĩ lấy nao,
 30 Gà lồng, hạc nội¹², bên nào là hơn ? ».

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU.

1. — Chú-thích :

- 1) *Giãm danh khóa lợi* : dịch ở chữ Hán « *Danh cương lợi tỏa* », danh-lợi trôi buộc người ta, làm người ta mất tự-do.
- 2) *Bóng câu cửa sổ* : do câu « *Bạch câu quả khích* », ý nói thời-gian trôi qua rất nhanh chóng như bóng ngựa chạy qua cửa sổ.
- 3) *Diêm-phù* : ý nói nơi diêm-la, địa-phủ : cõi chết.
- 4) *Lò hồng quân* : lò trời. Ý nói : trong sự tuần hoàn của tạo hóa.
- 5) *Thế-nhân* : người đời.
- 6) *Năm cỏ khâu* : năm đất có cỏ may. Ý nói năm mờ.
- 7) *Đồng-tước* : đài bằng đồng rất lớn của Tào-Tháo, ở Hà-nam.
- 8) *Lầu Nhạc-dương* : lầu rất đẹp ở hồ Động-dinh, đất Trung-hoa.
- 9) *Tang thương* : do câu : « *Thương hải biên vi tang điền* » (biên xanh hóa thành ruộng dâu). Ý nói : sự biến đổi ở đời.
- 10) *Kim-khuyết quỳnh lâu* : cửa vàng, lầu ngọc. Ý nói cảnh tiên.
- 11) *Yên thủy* : khơi, nước.
- 12) *Kiên khôn* : trời đất. *Bầu kiên khôn* : bầu phép tiên.
- 13) *Gà lồng, hạc nội* : gà trong lồng, chim hạc ngoài đồng-nội. Ý nói một dằng thì mất tự do như gà bị nhốt trong lồng, một dằng tự-do như chim hạc ngoài đồng-nội.

2. — *Đại-ý* : Đây là lời Giáng-Kiều khuyên chàng không nên quẩn-luyến cõi trần vì cuộc đời ngắn ngủi tạm bợ...

3. — *Bố-cục* :

- a) *Câu 1 — 2* : Giáng-Kiều khuyên chàng nên nhận xét thấu đáo việc đời; người đời thường bị danh lợi ràng buộc mất tự-do.
- b) *Câu 3 — 28* : Giáng-Kiều so sánh cuộc đời trần gian giả tạo chóng qua với cuộc đời hạnh-phúc nơi tiên-giới.
- c) *Câu 29 — 30* : Giáng-Kiều khuyên chàng cân nhắc xem cuộc đời nào là hơn.

II. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH.

1. — *Nội dung* :

- Nói qua về Phật-giáo và Lão giáo mà ý bài này chịu ảnh-hưởng.
- Tìm những câu nói sự không bền vững của mọi vật ở trần-gian.
- Giải rõ nghĩa những câu ca-tụng cảnh tiên-giới.
- Quan-niệm tiêu-cực yếm thế có hại không ? Cho thí-dụ !

2. — *Hình-thức* :

- Sự dùng chữ ra sao ? Chứng tỏ !
- Chú trọng những câu *tiếu-đối* ? Nhịp điệu câu ?
- Lời văn trôi chảy, dễ-dãi, giọng văn hùng biện.

7.- Bàn về Tiên đạo

- 1 Mảnh riêng, Sinh những bằng-hoàng,
 2 Tuy say cõi lĩnh, chưa tan lòng phàm.
 3- « Trót xưa túi sách lòn vang
 4 « Ví ta Sào, Hứa; ai làm Y, Chu 1 ? »
 5 ☆ Thừa rằng : « Đã tiếng trượng-phu 2,
 6 « Sự đời vinh nhục chi cho bận lòng,
 7 « Ví ham nghìn tú, muôn chung 3,
 8 « Con chim bay mãi cũng trong khuôn trời.
 9 « Làm chi cho bận tiên cười,
 10 « Ai vui viên hạc, ai vui yên hà 4.
 11 « Vân-vơ trong đám phồn-hoa,
 12 « Ba-mươi sáu động, ai là chủ-nhân ? »
 13 ☆ « Sinh nghe tình truyền tiên-nhân,
 14 Rửa dần bụi tục, tỏ dần lối mê.
 15 Rằng : « Xưa Hoàng-đế, An-Kỳ 5,
 16 Nào phương thoát-hóa, tu từ sao đây ? »
 17 ☆ Nàng rằng : « Tiên-đạo nhiệm thay,
 18 « Kiều, Tùng 6, xưa cũng thế này chứ sao !
 19 « Vả chàng dự bậc thanh-lao,
 20 « Mà xem trong sổ tiên-tào 7 còn tên,
 21 « Học sao cho hết chân-truyền,
 22 « Tu sao cho hết tinh-huyền 8 thì tu ».

Chú-thích : 1) Câu 4 : nếu bắt chước Sào-Phủ, Hứa-Do, hai bậc ẩn giả xưa, mà tu tiên thì ai lo việc đời như Y-Doãn là tướng tài nhà Thương và Chu-Công là tướng tài nhà Chu... 2) Trượng-phu : nam-nhi tài giỏi... 3) Câu 7 : bởi chữ *thiên từ vạn chung*, người giàu sang xưa có hàng nghìn ngựa từ vạn chung lương... 4) Viên hạc : vườn và hạc. Yên hà : khối và ráng chiều. 5) Hoàng-đế : vua phát-minh nghề thuốc. An-kỳ : một vị tiên bán thuốc. 6) Câu 18 : Vương-tử-Kiều và Xích-tùng-tử học đạo tiên. 7) Tiên-tào : bộ tiên của thiên tào. 8) Tinh huyền : tinh-vi, huyền-diệu.

8.4 Giáng-Kiều và Tú-Uyên lên tiên

- 1 Tay trao một đạo tiên-phù 1,
 2 Một phương hóa-tảo, một lò kim-đan 2.
 3 Đường tu sẵn thú khảo bàn 3,
 4 Rượu sen thấm giọng, trà lan thơm lòng. 4
 5 Làn thâu gió liễu, trăng đồng 4,
 6 Thân phàm như chấp cánh lông nhẹ-nhàng.
 7 Đương khi lối trắng điểm vàng,
 8 Tỉnh say Vương-mẫu, mơ-màng Lão-quân 5, 6
 9 Mây đưa năm sắc tường-vân,
 10 Hạc đâu đôi chiếc trước sân đón người.
 11 Đang tay cười hạc cả cười,
 12 Nhủ Chân-Nhi lại nói lời thề xưa :
 13 « Còn kỳ dậy gió tuôn mưa 6,
 14 Mai sau gặp gỡ bấy giờ sẽ hay ».
 15 Nói rồi thẳng rẽ đường mây,
 16 Trông theo cánh hạc về Tây 7 tuyệt-vời.
 17 Bồng-lai 8 riêng một bầu trời.
 18 Mảnh hoa, cầu đá, mấy nơi thiên-thành 9.

Chú-thích : Đoạn này là cuối truyện, từ câu 631 đến câu 648.

1) Tiên-phù : bùa tiên. 2) Hóa tảo, kim-đan : tên những vị thuốc tiên. 3) Khảo bàn : Kinh Thi có câu « Khảo bàn tại giản » nghĩa là gõ mâm gỗ ở khe suối (chỉ người ẩn-dật). 4) Gió liễu trăng đồng : do câu « Nguyệt đảo ngô đồng thượng, phong suy đương liễu biên » (trăng soi trên cây ngô-đồng, gió thổi bên cây dương-liễu). 5) Vương mẫu : Tây vương-mẫu, chúa tiên. Lão-quân : Thái-thượng-lão-quân, tổ đạo Lão. 6) Cả câu : còn kỳ thi-cử. 7) Tây : ý nói Tây-phương cực-lạc (phương tây cực kỳ vui-vẻ). 8) Bồng-lai : một ngọn núi có tiên ở. 9) Thiên-thành : do trời tạo thành ra.....

Luận về BÍCH-CẦU KỲ NGỘ

... Phần nhiều các truyện nôm cũ của ta mượn sự tích ở sử sách hoặc tiểu-thuyết Tàu, truyện Bích-cầu kỳ ngộ này không thể vì kể một việc có tính cách kỳ dị đã xảy ra ở nước ta...

Cứ theo trong truyện thì việc ấy xảy ra ở đời nhà Hậu-Lê, nhiều văn-sĩ nhà Lê đã chép truyện ấy, như trong cuốn **Tục truyện kỳ** của bà Đoàn-thị-Điềm cũng có truyện Bích-cầu kỳ ngộ viết bằng Hán-văn. Còn bản truyện nôm thì không biết tác-giả là ai và làm về đời nào.

Truyện Bích-cầu kỳ ngộ viết theo lối văn điệu-uỷ, nhiều đoạn không kém gì văn truyện KIẾU hoặc truyện HOA TIÊN nên được các học-giả thưởng-thức nhưng không được phổ cập trong dân gian. Trong truyện, có nhiều câu hơi giống những câu trong truyện KIẾU, thí - dụ : « Thông-minh sẵn có tư trời » (Bích-cầu kỳ ngộ câu 21) « Thông-minh vốn sẵn tư trời » (Kiểu câu 29). Hiện nay ta không có tài-liệu để định rằng truyện này đã chịu ảnh-hưởng của truyện KIẾU hoặc trái lại thế, vì ta không biết truyện ấy đã viết trước hay viết sau truyện KIẾU.

DƯƠNG QUẢNG HÀM

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

LƯỢC KHẢO

TÁC-GIẢ

Nữ-sĩ có chồng làm tri-huyện Thanh-quan tỉnh Thái-bình nên người đời quen gọi là bà huyện Thanh-quan.

Chưa ai tra-cứu được họ tên của Nữ-sĩ. Nhờ gia-phả nhà chồng bà nên biết quê-quán bà ở làng Nghi-Tam, cạnh Hồ-tây Hà-nội, thuộc huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông.

Trong sách *Quốc-văn trích diễm*, Dương-quảng Hàm nói nữ-sĩ là con ông Nho Đường.

Trong sách *Văn-chương chữ Nôm*, Thanh Lăng nói bà là con ông Nguyễn-Lý (1755-1837), làm đốc-học Sơn-tây và Hải-dương. Bà lấy chồng người làng Nguyệt ánh, huyện Thanh trì, tỉnh Hà-đông.

Trong *Nam thi hợp tuyển*, Nguyễn-văn-Ngọc nói chồng bà là ông Lưu-nguyên-Uả, đỗ Cử-nhân năm Mậu-tí đời Minh-Mệnh (1828).

Nhưng phần đông soạn-gả lại cho rằng chồng bà là Lưu-Nghi, đậu cử-nhân năm Tân-tý (1821).

Dù theo tài-liệu nào, bà cũng là dòng-dối thi-thư tất-nhiên được theo đời việc bút-nghiên từ thuở nhỏ. Khi đã có tuổi, bà được vua Tự-Đức vời vào cung, cho làm *Cung-trung giáo-tập* để dạy cung-nhân, công-chúa... Mỗi khi vua Tự-Đức ban thơ chữ Hán hoặc chữ Nôm, bà đều họa lại...

TÁC-PHẨM

Bà không còn tác-phẩm Hán-văn nào lưu lại đến nay. Về văn Nôm chỉ còn truyền tụng được năm sáu bài thơ Đường-luật. Bài nào cũng thuộc loại tả cảnh và tả tình :

- Cảnh sông núi. — Qua đèo Ngang. — Chùa Trấn-Bắc.
- Thăng-long hoài-cổ. — Chiều hôm nhớ nhà...

NHẬN-XÉT.—

Bà xứng-đáng tiêu-biểu cho nhà Nho chính-thống, không làm thơ đề chơi mà làm thơ đề trình-bày tư-tưởng, đạo-đức như nhiều nhà Nho khác. Trong bài thơ nào, cũng thấy bà tỏ tình nhớ nước

thương nhà hay hoài-cổ nên nhiều nhà biên-khảo xếp bà vào nhóm những nhà thơ tình-cảm có khuynh-hướng *hoài Lê* (nhớ tiếc nhà Lê) hay *hoài cổ* (nhớ tiếc cảnh cũ). Ấu cũng là đúng với tâm-lý chung của những người giàu tình-cảm đoan-chính không quên dĩ-vãng.

LUẬN VỀ THI TÀI của BÀ HUYỆN-THANH-QUAN

... Những bài thơ nôm của bà còn truyền lại có ít, phần nhiều là thơ *tả cảnh, tả tình*, nhưng *bài nào cũng hay* và tỏ ra bà là một người có tính-tình đoan-chính, thanh-tao, một người có học-thức thường nghĩ tới nhà, tới nước. Lời văn rất *trang-nhã điêu-luyện*.

DƯƠNG-QUANG-HÀM
(Việt-nam văn-học sử-yếu)

... Thơ bà cực-kỳ đẹp lời. Những câu tả cảnh thật là *chải-chuốt, bóng-bẩy*, có thể ví với thơ Đường. Nhưng đến những câu tả tình, phần nhiều chỉ là *phơn-phớt, nhẹ-nhẹ*, ít khi có vẻ *đằm-thắm nồng-nàn*. Cái đó chứng rằng bà là một người phẩm-hành đoan-trang, tâm-tĩnh điềm-đạm, không thể có những giọng văn tình-tứ tha-thiết.

NGÔ-TẤT-TỐ (Thi văn bình chú)

... Bà huyện Thanh-Quan thực là người đa cảm, đa sầu ; ở trên đèo Ngang, bà buồn vì nước vì nhà, trước cảnh chiều hôm, bà buồn vì trơ-vơ có một mình, đến chỗ Đông-đô hay Tây-đô, bà buồn trông cuộc đời xưa sao phú-cường thịnh-vượng thế mà nay sao lại rời-rạc tan nát chẳng khác gì một đám tha-ma như thế ? Trước bà buồn nhưng muốn ngậm, nuốt cho trôi nỗi buồn đi, sau bà buồn như muốn than-thở kêu ra tiếng, đây bà buồn, thực là cái buồn đau-đớn thê-thảm hơn cả, làm cho khúc ruột như đứt ra bùng-bực vậy...

NGUYỄN-VĂN-NGỌC
(Nam thi hợp tuyển)

TRÍCH GIẢNG

9.1 Qua đèo Ngang

- 1 Bước tới đèo Ngang¹ bóng xế tà².
- 2 Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
- 3 Lom-khom dưới núi tiều vài chú³,
- 4 Lác - đác bên sông rợ⁴ mấy nhà.
- 5 Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc⁵
- 6 Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia⁶;
- 7 Dừng chân đứng lại: trời, non, nước.
- 8 Một mảnh tình riêng ta với ta.

CÓ BẢN CHÉP :

- Câu 1 : . . . bóng xế tà.
- Câu 4 : . . . chợ với nhà.

Chú thích :

- 1) *Đèo Ngang*: tên một đèo ngang rừng núi Hoành-sơn (một ngánh núi của dãy Trường-sơn) ở vào giới-hạn Quảng-bình — Hà-tĩnh, trên đường quốc-lộ Nam-Bắc.
- 2) *Bóng xế tà*: bóng đã xếch, tức là lúc mặt trời ngả về tây.
- 3) *Tiều vài chú*: vài chú tiều-phu (người kiếm củi).
- 4) *Rợ*: dân miền núi.
- 5) *Con quốc-quốc*, thường viết là *con cuốc*: một loài chim giống con gà thường lúi ở bờ ao, bờ ruộng và thường kêu: « quốc-quốc » về mùa hè [*Ái xui con cuốc gọi vào hè* (thơ Yên-Đồ)]. *Quốc*: có nghĩa là Nước (quốc-gia).
- 6) *Gia-gia*: thường gọi là chim đa-đa, một giống chim thường kêu tiếng « gia-gia ». *Gia* còn có nghĩa là nhà (gia-đình, gia-tộc).

PHÂN-XÉT :

Học-sinh đệ lục chưa cần học luật thơ Đường, thất ngôn bát cú (7 chữ 8 câu). Vậy chỉ cần đề ý *số chữ, số câu, vần và đối*, còn lại phân tách bài thơ như một bài văn xuôi:

- Phân bài này làm bốn đoạn. Nói đại-ý từng đoạn.
- Tìm hiểu ý nghĩa từng chữ, từng câu rồi phê-bình nghệ thuật cấu tứ của tác-giả.
- Tìm hiểu cách dùng chữ, đặt câu, cách áp-dụng mỹ-từ-pháp rồi phê-bình nghệ-thuật hành văn. Trích văn đề dẫn-chứng!

PHÊ-BÌNH :

a) Dương-quảng-Hàm đã phê-bình bài « Qua đèo ngang » :

« Bài thơ này là một bức tranh tuyệt diệu, hình-dung được cả ngoại cảnh của tạo-hóa, cả nội cảnh của tâm-giới mà lời tao-nhã giọng âm-thầm ».

Khéo nhất là trong bài thơ tác-giả không dùng đến một điểm nào, một chữ Nho nào mà lời văn chải-chuốt, thật là một bài thơ Nôm hiếm có vậy ».

b) Phạm-Quỳnh đã phê-bình bài « Qua đèo ngang » :

Lời chuốt như ngọc, giọng êm như ru, nào trời, nào nước, nào non, nào cây cối, nào đá, hoa, nào chim kêu vượn (?) hót, chẳng thiếu tí gì, lại thêm chút tình-cảm của kẻ đường dài, người lữ-thứ một mình đối với trời cao khoáng rộng. Một bài thơ như thế là tuyệt bút.

Rằng hay thì thực là hay

nhưng hay quá, khéo quá « phần nhân công nhiều mà vẻ tự nhiên ít ».

10. + Chiều hôm nhớ nhà

Vàng tủa non tây, bóng ác tà¹;
Đầm-dầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
Ngàn mai lác-đác chim về tổ;
Dặm liễu bâng-khuâng khách nhớ nhà.
Còi mục² thét trắng miền khoáng dã³.
Chài ngư⁴ tung gió bãi bình-sa⁵;
Lòng quê một bước nhường ngao-ngán;
Mấy kẻ tình chung có thấu là?

Chú-thích :

- 1) Bóng ác tà : bóng mặt trời đã ngã.
- 2) Mục : mục-đồng : trẻ chăn trâu.
- 3) Khoáng dã : đồng ruộng rộng-rãi.
- 4) Chài : lưới đánh cá. Ngư : ngư-phủ : người đánh cá.
- 5) Bình-sa : bãi cát bằng phẳng.

Giảng ý :

- Câu 1 : mặt trời sắp lặn tỏa ánh vàng ở núi phía tây.
- Câu 2 : tuyết trắng như hoa rụng xuống ướt đầm ngọn cỏ.
- Câu 3 : ở rừng cây mai có lác-đác bóng chim bay về tổ.
- Câu 4 : trên dặm đường có liễu mọc, khách-du (tác-giả) bâng-khuâng nhớ nhà.
- Câu 5 : ở cánh đồng rộng, tiếng còi của trẻ chăn trâu như gọi giục trắng lên.
- Câu 6 : ở bãi cát phẳng-li ven bờ biển (?), lưới của người đánh cá tung ra giữa gió.
- Câu 7 : khách-du (tác-giả) đi một bước lại như ngao-ngán nhớ nhà.
- Câu 8 : phỏng có mấy kẻ cùng chung một tình-cảm như tác-giả mà lòng thấu hiểu được nỗi cảm-hoài của tác-giả.

11. - Trời hôm nhớ nhà

Chiều trời bóng lảng¹ bóng hoàng-hôn²,
Tiếng ốc³ xa đưa vàng trống đồn.
Gác mái, ngư-ông⁴ về viễn-phố⁵,
Gõ sừng⁶, mục-tử⁷ lại cô-thôn⁸.
Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỗi,
Dặm liễu sương sa, khách bước dồn,
Kẻ chốn chương-đoài⁹, người lữ-thứ¹⁰,
Lấy ai mà kẻ nỗi hân ôn¹¹.

CÓ BẢN CHÉP :

- Câu 2 : . . . lặn trống đồn.
- Câu 3 : gác lưới . . .

BÌNH GIẢNG

I. - PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. - Văn-thế : Thơ Đường luật thất ngôn bát cú (7 chữ 8 câu) thuộc loại tả cảnh ngụ ý cảm hoài. Sẽ học kỹ luật thơ này ở năm đệ-ngũ.

2. - Tác-giả : Cui ở phần lược-khảo.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Chú-thích :

- 1) *Bằng-lãng* : mập mờ, nhá-nhem tối.
- 2) *Hoàng-hôn* : chiều vàng, lúc gần tối.
- 3) *Tiếng ọc* : tiếng tù-và do tuần-tráng thổi để làm hiệu cho nhau.
- 4) *Ngư-ông* : người đánh cá.
- 5) *Viễn-phổ* : bến xa.
- 6) *Gỗ sừng* : gỗ sừng trâu.
- 7) *Mục-lữ* : trẻ chăn trâu.
- 8) *Cổ thôn* : thôn xóm ở chợ-vor riêng biệt.
- 9) *Chương-dài* : tên cung thất xưa, đây chỉ nhà giàu sang quý-phái.
Kẻ chốn chương-dài là kẻ ở nhà...
- 10) *Lữ-thứ* : lữ là khách đi đường, thứ là nơi ở tạm...
- 11) *Hàn-ôn* : lạnh, ẩm : chỉ sự thăm hỏi nhau thân tình.

2. — Bố-cục :

Phân đoạn theo đại-ý từng phần như sau đây :

- Tiếng ọc (tù-và) và tiếng trống dồn lúc hoàng-hôn...
- Ngư-ông và mục-lữ trở về nhà.
- Chim và người đều cùng vội-vàng trở về...
- Xa nhau, vì người đi xa, người ở nhà, nên không biết cùng ai kể-lẽ tâm-sự...

4 câu giữa đều tả cảnh hợp làm một đoạn *thân bài* thì hợp-lý.

3. — Đại-ý và chủ-dịch :

Tìm đại-ý và chủ-dịch bài này.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH

1. — Nội-dung :

- a) Giải-thích rõ ý-nghĩa từng câu. Tìm xem tác-giả đã vận dụng những giác-quan nào để tả cảnh.
- b) Chứng-tỏ tác-giả lựa chọn những chi-tiết vì một dụng-ý...
- c) 4 cảnh trong 4 câu giữa cho ta biết những cảnh - tượng gì, khiến ta có cảm-tưởng gì?
- d) Cảnh trong bài có khiến người xa nhà thấy thêm lẻ-loi, buồn rầu và thương nhớ, ngậm-ngùi không?
- e) Chữ « *Chương-dài* » chứng-tỏ tác-giả ở giai-cấp nào, đang nghĩ đến ai? (Coi phần tiểu-sử)
- g) « *Người lữ-thứ* » ở đây chỉ ai?
- h) Ý toàn bài chứng-tỏ tác-giả là người có tình-cảm ra sao?

2. — Hình-thức :

- a) Sự dùng chữ ra sao? Có nhiều chữ Nho, có điển-tích hay chữ nào cầu-kỳ không? Trích ra những chữ để chứng-tỏ sự nhận xét của trò!
- b) Cách đặt câu. Tác-giả dùng lối đảo-ngữ trong các câu nào? Thử đặt lại các câu trong bài theo thứ-tự thông thường... Tác-giả muốn ta chú-ý đến những gì nên hay dùng đảo-ngữ?
- c) Tìm và giảng nghĩa những trạng-tự ở trong bài. Thử làm hai câu hằng mỗi trạng-tự đó.
- d) Chưa cần học kỹ luật thơ, hãy nhận xét cách gieo vần ở những chữ thứ mấy trong những câu nào? Những câu nào đặt đối nhau từng chữ?

TẬP LÀM VĂN

Tả cảnh hoàng-hôn trên cánh đồng, lúc người và vật đều vội-vàng trở về sau một ngày làm việc mệt nhọc.

12. — Cảnh sông núi

- 1 Thấp-thoảng non tiên¹ lác-đặc mưa,
- 2 Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu-sơ² :
- 3 Xanh om cỏ-thụ³ tròn xoe tán,
- 4 Trắng xóa tràng-giang⁴ phẳng lặng tờ.
- 5 Bầu dục giang-san say chấp rượu⁵,
- 6 Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ⁶.
- 7 Ô hay! cảnh cũng ưa người nhĩ?
- 8 Thấy cảnh, ai mà chẳng ngán-ngơ.

BÌNH GIẢNG

Chú-thích :

- 1) *Non tiên* : núi có tiên ở, ý nói núi đẹp để hùng-vĩ.
- 2) *Tiêu-sơ* : ý nói cảnh sơ-sài, tiêu-diêu nhưng có vẻ thanh-nhã.
- 3) *Cỏ thụ* : cây sống lâu năm.
- 4) *Tràng-giang* : sông dài.
- 5) *Câu 5* : ý nói dục cả bầu rượu mà uống cũng không say.
- 6) *Câu 6* : do câu : *Bán nang phong nguyệt* (bán túi gió trăng) để tả nhà thơ xưa hay ngậm vịnh gió, trăng hay đi chơi xem phong-cảnh.

— **Bố-cục :**

Bài chia làm hai đoạn. Thử tìm những đoạn đó.

Đoạn I : Tả cảnh : núi sông, cây cối.

Đoạn II : Nói về người với cảnh rồi ngược lại cảnh với người.

PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :**1.— Nội-dung :**

- Cảnh đây có bóng người, bóng vật nào không ?
Vậy cảnh ấy ra sao, có đúng là cảnh « tiêu-sơ » không ?
- Nhận xét cảnh và màu sắc tả trong bài.
- Giải-thích rõ hai câu 5—6.
- Tác-giả nhân-cách-hóa cảnh. — Chứng-tỏ !
- Ở bài này, tác-giả tỏ ra là người có tâm-hồn thế nào ?

2.— Hình-thức :

- Những chữ nào dùng linh-động ?
- Nhấn mạnh âm-thanh rất kêu ở hai câu 3—4.
- Tìm và phân-tích những *tĩnh-tự* và *trạng-tự* ...
- Thử xếp đặt lại câu nào có đảo-ngữ.
- Hai câu nào tối nghĩa ?
- Những câu nào đặt đối nhau ?
- Vần gieo vào chữ thứ mấy trong những câu nào ?
- Đây là bài thơ làm theo luật thơ Đường, mỗi câu mấy chữ, cả bài có mấy câu ? Vì vậy gọi là thơ thất ngôn bát cú.

TẬP LÀM VĂN

Hãy tả một phong-cảnh thiên-nhiên mà trò ưa thích. Nói rõ cảm-tưởng của trò trước cảnh ấy.

13.— Thăng-Long hoài cổ

Tạo-hóa gây chi cuộc hí-trường ¹,
Đến nay thắm-thoắt mấy tình-sương ².
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo ³,
Nền cũ lâu-đài bóng lịch-dương ⁴.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt ⁵,
Nước còn cau mặt với tang-thương ⁶,
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ ⁷,
Cảnh đây, người đây luống đoạn trường ⁸.

BÌNH GIẢNG

1.— Chú-thích : 1 *Hí-trường* : trường chơi đùa ; nơi chơi đùa : rạp tuồng. Ở đây, tác-giả muốn nói : « sự thay đổi mau chóng y như cảnh trên hí-trường. » 2. *Tình-sương* : tình là sao, mỗi năm sao đi hết một vòng ; mỗi năm sương xuống một lần ; người xưa tin thế và dùng từ-ngữ « *tình-sương* » để chỉ năm. 3. *Thu thảo* : cỏ thu. 4. *Lịch-dương* : mặt trời lúc xế chiều. Câu 3-4 : Xưa là lối xe ngựa đi mà nay chỉ có cỏ thu ; lâu-đài cỏ chỉ còn trơ nền cũ dưới ánh mặt trời lúc chiều-tà. 5. *Tuế nguyệt* : tuế là năm, nguyệt là tháng. 6. *Tang-thương* : Bởi chữ *tang* diễn là ruộng dâu và *thương-hải* là biển xanh. Đạo Thần-tiên cho rằng trong vòng 3000 năm thì biển xanh hóa thành ruộng dâu và ruộng dâu hóa biển xanh.... 7. *Kim cổ* : ngày nay và ngày xưa. 8. *Đoạn trường* : đứt ruột. Ý nói : đau lòng sót-xa.

2.— Bố-cục : Phân đoạn. Giải-thích ý-tư từng đoạn.

3.— Nội-dung :

Chứng tỏ tác-giả muốn nói đến cảnh đổi thay qua thời-gian.
Tác-giả thường đưa ra những cảnh trái ngược nhau với dụng ý gì ?
Tác-giả đau lòng vì những duyên cớ gì ?
Tìm khuynh-hướng của tác-giả ?

4.— Hình-thức :

Nhiều chữ Nho nên lời văn cổ-kính. Như vậy có thích-hợp với đề-tài không ?

Những chữ nào nói lên được nỗi buồn bao-la, man-mác ?

Phân tách tự loại những chữ dùng để nhân-cách-hóa.

Những câu nào đối nhau từng hai câu một.

Ở câu đầu có người muốn đổi chữ « *cuộc* » thành chữ « *cảnh* » cho khỏi dư một chữ vì *cuộc hí-trường* là *cuộc trường chơi đùa, cuộc nơi chơi đùa*. Nếu thế thì câu thơ sẽ non đi một bậc, ý sẽ kém đi nhiều. Ở đây tác-giả đã dùng chữ *hí-trường* theo nghĩa bóng chứ không theo nghĩa đen.

TẬP LÀM VĂN Tả một di-tích lịch-sử hoang-tàn và nói cảm-tưởng.

14. + Chùa Trấn-bắc

Trấn-bắc¹ hành-cung² cỏ dãi-dầu
 Khiến người qua đó trạnh lòng đau.
 Máy tòa sen³ rớt mùi hương ngự,
 Năm thức mây⁴ phong nếp áo châu.
 Sóng lớp phế-hưng⁵, coi đã rộn,
 Chuông hồi kim cổ lắng⁶ càng mau,
 Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?
 Khéo ngần-ngơ thay lũ trọc đầu⁷.

CÓ BẢN CHÉP: Câu 1, 2

- Qua chơi Trấn-quốc cảnh buồn rầu.
- Ngao-ngán tình xưa, dạ trạnh đau.

hoặc: — Ngoài cửa hành cung cỏ dãi-dầu.
 — Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.

hoặc, ở câu 2: — Khách đi qua đó trạnh niềm đau.

- Câu 3: . . . hơi hương ngự.
- Câu 5: . . . coi vẫn rộn.
- Câu 6: . . . Chuông dồn kim cổ . . .

Chú-thích: 1) Trấn-bắc: chùa ở Hồ tây (Hanoi), dựng lên từ đời Trần, vốn là chùa An-quốc sau này Lê-Thần-Tôn đổi làm Trấn Quốc rồi đến chúa Trịnh-Tráng đổi tên là Trấn-Bắc. 2) Hành-cung: nơi vua nghỉ chân khi vua đi thăm các nơi. 3) Tòa sen: bệ Phật ngồi hình hoa sen. 4) Năm thức mây: mây năm màu vẽ trong chùa và ở các chiếu chỉ nhà vua. 5) Phế hưng: sóng xuống và sóng lên . . . Nghĩa bóng là: việc đời thăng trầm đổi thay. 6) Kim cổ: mới và cũ. Lắng: nghe. 7) Trọc đầu: sư.

* CHÚ-Ý.— Những chữ hành-cung, rớt mùi hương ngự, phong nếp áo châu chứng-tỏ tác-giả là người ở giai-cấp nào, nghĩ nhiều đến những ai. Vậy chứng-tỏ tác-giả có xu-hướng gì?

— Những chữ phế hưng, kim cổ, cảnh cũ chứng-tỏ tác-giả có tình-cảm thế nào và xu-hướng về gì? — Những câu nào chứng-tỏ rõ-rệt tác-giả có xu-hướng hoài-cổ.

TRUYỆN CỔ

ĐỊNH-NGHĨA:

Truyện: Việc có lớp-lang, sự tích có thật hoặc tưởng-tượng được kể lại
 (V.N tản tự-diễn Thanh-nghị)

khác với

Chuyện: những sự trong khi bàn-bạc cùng nhau.
 (V.N tự-diễn Hột Khai-trí t.đ)

Truyện cổ-tích: Sự tích cổ hay là sách chép sự tích cổ.
 (V.N tự-diễn Hột K.T.t.đ)

XUẤT-XỨ:

Truyện cổ, cũng như Tục-ngữ, Ca dao, xuất-xứ tự văn-chương bình-dân truyền khẩu, không rõ ai là tác-giả, sau mới được các nhà văn ghi chép lại.

HÌNH-THỨC

Không nhất định, thay đổi tùy theo người kể lại. Truyện kể dễ hiểu, dễ được truyền-tụng là có giá-trị.

NỘI-DUNG

Văn được tôn-trọng qua thời gian, mặc-dẫu truyện thường có tính cách hoang-đường bịa đặt. Lý-do: vì truyện cổ thường có khuynh-hướng đạo-lý và phản-ảnh phong-tục, tín-ngưỡng, tình-thần dân-tộc.

PHÂN LOẠI:

Truyện cổ có thể chia 7 loại: — ma quỷ; — anh hùng dân-tộc; — ái-tình; — luân-lý; — thần-tiên; phong-tục; — khôi-hài.

Chương trình đệ lục:

Trích-giảng

truyện cổ của

Trương-vĩnh-Ký và Huỳnh-tịnh-Của

TRƯƠNG - VĨNH - KÝ

(1837 — 1898)

LƯỢC - KHẢO

TIỂU - SỬ :

Trương-vĩnh-Ký sinh năm 1837 ở thôn Cái-mong, xã Vĩnh thành, huyện Tân-ninh, tỉnh Vĩnh-Long, thường gọi là *Pétras Ký*, biệt hiệu là *Sĩ-Hải*.

Ông là người có công đầu trong việc phổ-thông chữ quốc-ngữ. Chúng ta hãy tìm hiểu ông qua ba giai đoạn :

1) **Học-sinh Trương-vĩnh-Ký** : Từ năm 11 tuổi, ông học ở Cẩm-bốt tại trường Di-hầu các ngoại-ngữ : Cẩm-bốt, Lào, Thái-lan, Trung-hoa, Diên-diện. Từ 1852-1858, ông học tại Pinang các thứ tiếng Hi-lạp, La-tinh, Anh, Pháp, Ấn-độ, Tây-ban-nha. Nhờ vậy, ông tinh-thông nhiều thứ tiếng ngoại-quốc, nhất là Hán-văn và Pháp-văn.

2) **Công-chức Trương-vĩnh-Ký** : Năm 1863, ông làm thông-ngôn trong sứ-bộ Phan-thanh-Giản sang Pháp. Trở về nước, ông làm giáo-viên rồi đốc-học trường Thông-ngôn (Collège des interprètes) trước khi làm giáo-viên trường Hậu-bồ (Collège des stagiaires). Năm 1866, giúp việc giao-thiệp giữa chính-phủ Pháp và triều đình Việt-nam tại Viện cơ-mật (Huế) được một năm thì ông xin từ chức để soạn sách.

3) **Học-giả Trương-vĩnh-Ký** : Từ năm 1867, ông lui về ở Nam-việt, chuyên việc soạn đủ các loại sách cho đến lúc mất (1.9-1898).

Ông xứng-dáng là một nhà bác-học có óc tổ-chức, có phương pháp làm việc, có công rất lớn trong việc truyền-bá chữ quốc-ngữ. Tác-phẩm của ông còn lại khá nhiều :

TÁC-PHẨM :

LOẠI SÁCH DỊCH rất nhiều, như bộ *Tứ-thư* (Luận-ngữ, Đại-học, Trung-dụng, Mạnh-tử) (1889), *Tam tự kinh* quốc-ngữ diễn ca (1887), *Minh-tâm bửu-giám* (1891) ...

LOẠI SÁCH BIÊN-KHẢO : *Kiểu, Đại-nam quốc-sử* điển (1875) *Gia-huấn* (1882), *Nữ-tắc, Lục súc tranh công, Phan-ti truyện, Lục-vân-Tiên truyện, Truyện đời xưa lựa chọn lấy những truyện hay và có ích* (1866), *Chuyện khôi-hài* (1882) ...

LOẠI SÁCH SÁNG-TÁC đủ các loại như : *Phép lịch An-nam* (1883), *Cờ bạc, Nha-phiến* bằng văn xuôi và văn vần, *Khiêu-phong-trần* (1885), *Chuyến đi Bắc-Kỳ năm Ất-hợi* (1881)...

LOẠI SÁCH GIÁO-KHOA : *Sách mẹo An-nam* (1883), *Compendium d'histoire annamite* (1875), *Cours d'annamite, Việt-Pháp tự-diễn Pháp-Việt tự-diễn* ...

TRUYỆN ĐỜI XƯA

Xuất-bản lần đầu năm 1866 (Sài-gòn, bản in Nhà-nước), sách dày 74 trang và có nhan-đề là :

« *Chuyện đời xưa lựa chọn lấy những chuyện hay và có ích* »

Đây là kết-quả của sự sưu-tầm các truyện cổ-tích được truyền khẩu từ nhiều đời trong dân-gian ta trong khi Trương-vĩnh-Ký đi du lịch khắp nơi trong nước, từ Nam chí Bắc.

Tuy nhan-đề viết là « *Chuyện đời xưa* » nhưng những truyện cổ trong sách này đều là những truyện có lớp-lang thú-tự hàm-súc ý-nghĩa luân-lý, khôi-hài, hoặc ngụ-ngôn ... đã phản-ảnh trung-thành dân-tộc-tính Việt-Nam ...

TRÍCH - GIẢNG :

15. + Bụng làm dạ chịu

I. — Có một anh bất tài, chẳng biết làm gì mà ăn, mới đi học thầy bói. Bói nhiều quẻ cũng khá ứng, nên thiên-hạ tin, đua nhau đem tiền đến xin bói. Làm vậy ăn tiền cũng khá, lại càng ra dạn-dĩ, lại càng đánh phách khua miệng đàn.

II. — 1) Bữa kia, trong đền vua có mất con rùa vàng, kiếm thời đã cùng, đã khắp mà không ra. Người ta mời thầy bói kia có danh, xin cho rước vào tới mà dạy gieo quẻ bói thử, họa may có được chẳng. Vậy vua giáng chỉ, dạy sắm võng giá, quần-gia, dù, lọng cho đi rước cho được anh ta về.

2) Thấy quần-gia rầm-rộ tới nhà, trong bụng dạ có lo, có sợ, không biết lành dữ đương nào, chẳng ngờ nghe nói vua đòi đến bói mà kiếm con rùa vàng của vua mất đi, trong lòng đã bần-bịu, lo dài ra cây, sợ e bói chẳng nhằm, mà có khi bay đầu đi, mà phải vàng, phải đi, đành liều mặc may mặc rủi. Bật khấn bần áo, bước lên võng ra đi, nằm những thở ra thở vô, không biết liệu phương nào, mới than rằng : « Bụng làm dạ chịu, chớ khá than-vãn ».

Chẳng ngờ may đâu, hai thằng khiêng võng, một đứa tên là BỤNG, một đứa tên là DẠ, là hai đứa đã đồng tình ăn cắp con rùa vàng của vua, nghe thấy nói làm vậy, thì ngờ là thầy thông thiên đạt địa, đã biết mình rồi! Sợ thầy đến nói tên mình ra, vua chém đi, cho nên để võng xuống lạy thầy, xin thương xót đến mình, vì đã đại sinh lòng tham mới ăn cắp con rùa ấy mà dấu trên máng xối. Xin thầy làm phúc đừng nói tên ra mà chúng tôi phải chết tội-nghiệp.

Anh thầy nghe nói, mới thở hơi được, đem bụng mừng thì mới nói : thôi, tao làm phúc, tao không có nói đâu, mà hông sợ.

3) Tới nơi, anh ta bói xong, kiểm được rồi, vua trọng thưởng, lại phong cho chức sắc về vinh-vang.

III.— Mà vốn thiết là việc may mà nên mà thôi, chẳng phải là tại vì va có tài-nghe chi đâu. Ở đời có nhiều người nhờ vận may mà thôi, chứ chẳng phải tài-tình chi.

TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Đây là một truyện cổ-tích. Vậy bài này thuộc loại văn miêu-tả hay thuật sự ?
2. Xuất-xứ : Bài này trích ở sách nào ? Của ai ?
3. Tác-giả và tác-phẩm : Coi phần *Lược-khảo tác-giả và tác-phẩm*.

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. Giải-nghĩa : *Bất-tài* : Không có tài. *Ứng* : Nghiệm thấy đúng. *Dạn-dĩ* : Bao-dạn, không e-dè nữa. *Đánh phách khua miệng đàn* : Mạnh miệng khoe-khoang. *Giảng chỉ* : Ban xuống một chỉ-thị bắt phải tuân theo. *Quân gia* : Quân lính của hoàng-gia (nhà vua). *Lo dài ra cây, cũng như lo thót ruột* : Lo sợ quá. *Đồng-tình* : Cùng một lòng, một ý. *Thống thiên đạt địa* : Thấu hiểu suốt mọi lẽ trong trời đất.

2. Bố-cục :

- Chia bài làm ba phần. Nội đại-ý từng phần.
- Phần II lại chia làm ba đoạn. Tóm tắt ý từng đoạn.

3. Đại-ý bài này kể truyện gì ?

4. Chủ-đích bài này ? (Hãy đọc kỹ câu kết-luận).

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. Nội-dung :

- a) Phần II chia làm ba đoạn. Cách dàn-ý (kết cấu) thứ tự theo tiêu-chuẩn nào ? như thế có hợp-lý và câu truyện trở thành hấp-dẫn không ?
- b) Giải-nghĩa : « *Bung làm dạ chịu* ». Câu này đã trở thành tục-ngữ cũng như câu : « *Quít làm cam chịu* ».
- Cho vài thí-dụ để chứng-minh.

c) « *Bất tài...* mới đi học làm thầy bói. Bói nhiều quẻ cũng khá ứng ».

Tại sao vậy ? Đó là do tài hay do cái may của thầy bói ?

Trò nghĩ thế nào về câu tục-ngữ : « *thầy bói ới dừa* » ?

Nếu ta hay đi xem bói vào hoàn cảnh nào và thường có tâm-tạng như thế nào ?

Nhìn diện-mạo người xem bói, thầy bói sáng có thể phần nào hiểu được tâm-trạng hoàn-cảnh người xem không ?

Bằng cách nào, thầy bói mà có thể biết được tâm-trạng người đến xem bói mà nói dựa dễ vừa lòng người xem ?

d) Trên đời có nhiều người chỉ vì may-mắn mà trở nên giàu-có, danh tiếng như anh thầy bói trong truyện không !

Giải rõ nghĩa : « *dánh phách, khua miệng đàn* » và cho thí-dụ ! Hạng người này khi gặp việc khó thường lộ chân tướng ra sao ?

Khi thoát việc khó, chúng có thể trở lại thói xấu cũ không ? (Đọc kỹ câu cuối đoạn 2 phần II). Vậy ngôn-ngữ có tỏ lộ tâm-tính không ?

e) Tại sao khi được vua vời, anh thầy bói quá sợ như vậy ? Anh có thực tài không ? Ngay câu đầu truyện, tác-giả đã cho ta biết anh này ra sao ?

f) Tại sao hai tên Bung và Dạ lại thú nhận tội ăn cắp của chúng ?

g) Câu truyện có ít kịch-tính và có tình-cách khôi-hài không ?

h) Truyện có ngụ-ý mỉa-mai những hạng người nào và có ý răn-dối điều gì ?

i) Giải-thích rõ ý-nghĩa câu cuối cùng.

2. Hình-thức :

a) Tìm những chữ cổ xưa, nay không còn thông-dụng nữa ?

Những chữ nào đặc-biệt riêng dùng ở miền Nam.

b) Câu thứ ba phần I nhắc lại hai lần tiếng « *lại càng* » để làm gì ? Nói công-dụng của điệp-ngữ ?

c) Kiểm những câu có điệp-ngữ.

d) Những câu nào thiếu chủ-từ ? Thử tìm những chủ-từ ẩn.

e) Kiểm câu nào dài nhất trong bài ? Diễn tả ý của câu đó bằng những câu ngắn.

f) Nêu rõ sự lôi-thôi, ruộm-rà, nhắc đi nhắc lại ở phần kết-luận. Đặt lại câu cả phần đó, không dùng đến tiếng « *mà* ».

g) Kiểm loại-tự chữ « *Va* » ở phần kết-luận. Kiểm những chữ đồng nghĩa với chữ « *va* ».

3. Tổng-kết : Truyện viết từ 100 năm trước, khi mới có chữ quốc-ngữ, nay chỉ còn giá-trị về ngụ-ý mỉa-mai, răn-dối và có tình-cách một hài-kịch.

TẬP LÀM VĂN. — Thuật lại truyện trên bằng lối văn gọn và sáng.

16.— Ông công Quỳnh

I.— Ông trạng Quỳnh ngày xưa là người có tiếng hay đùa-bỡn, khôi-hài khéo lắm, quan dân đến vua cũng phải chịu. Tục-truyền nhiều truyện buồn cười về ông ấy.

II.— 1) Một ngày ông ấy đi gần bờ sông, thấy bọn chõ đồ ngồi than với nhau rằng ế hàng lắm, không kiếm đủ ăn. Trạng lấy làm thương mới hỏi : « Chúng bay có muốn đặt hàng không ? » Ai nấy đều nói : « Có » — « Thế ông bảo chõ chúng bay một kế này thì lấy được vô-số tiền. Ở giữa sông kia có cái gò. Chúng bay ra đấy lấy nửa dựng lên một gian nhà. Mua giấy đỏ, ông viết câu đối cho, rồi đem dán khắp cả chung quanh. Mấy đứa vào trong lấy trống khua lên giả làm có hội-hè chèo hát. Hàng xứ tất kéo đến xem đông, chúng bay tha-hồ mà chõ ».

Quả-nhiên người kéo đến thuê đồ ra xem thật đông. Đến nơi chẳng thấy gì, chỉ thấy có mấy thằng khua trống, với ở giữa vách một tờ giấy đỏ đề mấy chữ rằng : « Đứa nào xem xong ra nói chuyện cho đứa khác nghe thì trời tru đất diệt ».

Anh nào về cũng nín kín, không dám kể-lẽ gì cả, bọn chõ đồ hôm ấy được vô-số tiền.

2) Lại một truyện nữa : Ông trạng Quỳnh không kể gì cả, từ quan chí dân, ai ai cũng lỡm được, thậm chí lỡm đến cả vua.

Thời bấy giờ là đời vua Bảo-Thái. Một hôm, buổi sáng ông trạng Quỳnh ra chợ thật sớm, đi bảo khắp cả hàng thịt rằng : « Chúng bay có bao nhiêu thịt thái nhỏ cả ra cho tao ; trưa này ta có bữa rượu to, đông người ăn lắm. Thái xong cứ để đấy, rồi tao cho người ra lấy ». Bọn hàng thịt cứ y lời, thái vụn hết cả thịt ra. Đợi đến trưa không thấy ra lấy, đến chiều cũng chẳng thấy ai ra lấy cả, mới kéo đến tận nhà Trạng mà làm mè-nheo rầm cả lên. Trạng ta bảo : « Tao cho chúng bay cứ chửi thẳng nào bảo thái ».

Bọn hàng thịt rửa ăm-ĩ cả phố lên. Vua sai lính thị-vệ ra bắt hỏi làm sao được gọi niên-hiệu vua lên mà chửi. Bọn

hàng thịt cứ tỉnh đầu kê hết nói rằng : « Trạng bảo chúng tôi cứ chửi thẳng nào bảo thái ».

Quan về tâu như thế. Vua cười nói : « Cái này trạng Quỳnh muốn lỡm trăm đây ». Cho truyền đòi Trạng đến, Trạng cáo bệnh không đến.

III.— Vua cho là người đĩnh-ngộ, thông-minh, thường nói lão được, nghịch-ngộ cũng không hề bắt tội bao giờ.

TRƯƠNG-VĨNH-KÝ (Chuyện đời)

1. Ông công hay ông trạng là người đỗ Trạng-nguyên

NHẬN XÉT : Truyện cổ-tích trên ngoài tính-cách khôi-hài cho vui người đọc còn có tính-cách gì đáng lưu-ý hơn cả ? — Trạng Quỳnh có tính bình-dân, gần dân, yêu dân và coi thường cả vua không ? — Nhớ rằng vua có toàn quyền bắt tội mọi người trong nước. Ở truyện này vua tỏ ra người đại-lượng trọng hiền và cũng vui tính không ? Chứng tỏ rồi phê-bình ! — Thái-độ từng nhân-vật và giá-trị truyện cổ-tích này ?

17.— Bạn học trò

MỘT NGƯỜI ĐẬU MỘT NGƯỜI RỐT

Hai anh em bạn kết-nghĩa với nhau đã lâu, có một anh tốt phước đi thi đậu về làm quan vinh-vang tử-tế ; mà bụng không được tốt mấy, mắc tham tâm mà quên nhân-ngãi¹. Bữa kia, anh học trò lỡ vận tới định đi thăm, cậy quân vô bầm : nó ra nó nói ngài giặc ngài ngời. Đợi không được, lại về, bữa khác cũng tới làm vậy. Thì ngài lại mắc việc khác không ra khách được : là vì thấy tới mặt không, không có lễ-mễ² gì, nên lánh đi. Anh kia lẽo-đẻo tới hoài đã năm ba phen, mà không có gặp mặt, thì về mua một con heo choai³, quay vàng lợm để vô mâm bưng tới. Quân vô bầm, ngài nghe có lễ-mễ, lật-đật mang áo ra.

Chào hỏi lếu-láo sơ-sài ba tiếng, biểu quân cầm một miếng trầu cho một điều thuốc đem lại đưa cho, Anh ta lánh

Anh kia nghe tức cười nôn ruột, mới nói với tiểu-dồng :
« Mày chịu khó mua giùm cho tao một cái hòm cho luôn chót
thể ». Tiểu-dồng hỏi : « Mua làm chi ? ». Lão nọ nói :
« Tao mua hòm để đó, vì tao sợ cười lắm có khi cũng chết
theo ba thầy làm thơ đó nữa ».

TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

BÌNH GIẢNG

I. — PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn gì ? — Nói qua về tính-cách loại văn này (Coi Định-nghĩa các loại văn ở chương Văn xuôi hiện kim, đầu phần I và II).
2. Xuất-xứ : Trích ở tập « Chuyện đời xưa... » của Trương-vĩnh-Ký.
3. Tác-giả : Xem Lược-khảo tiểu sử tác-giả ở đầu phần này.
4. Tác-phẩm : « Chuyện đời xưa chọn lấy những chuyện hay và có ích » gồm một số truyện cổ tích mà tác-giả đã gom-góp được ở mọi nơi trong nước trong khi ông đi du lịch. Tác-phẩm này xuất bản từ năm 1866, khi mới bắt đầu có chữ quốc ngữ. [Trước thời-kỳ này, nước ta chỉ có chữ Nôm để viết quốc-âm. Chữ Nôm là thứ chữ giống như chữ Hán hoặc bện cải đôi chút, hoặc ghép hai ba chữ Hán làm một để viết tiếng nước ta.]

II. — PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. Giải-nghĩa : Té ra, hề nhau, biếu, tiểu-dồng, lằng-xằng, hòm, xớ-rớ, quở, tức cười nôn ruột...
2. Bố-cục : Chia bài làm 2 phần. Tóm tắt ý từng phần !
3. Đại-ý bài này kể truyện gì ?
4. Chủ-đích của tác-giả khi viết bài này ?

III. — PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. Nội dung :
a) Tính-cách chính của các truyện cổ-tích là để dạy đời. Truyện này ngoài chủ đích châm-biến, chế giễu bọn đót nả mà lại hay làm bộ văn hay chữ tốt, còn giải-nghĩa thành-ngữ « Thơ con cóc », Thành ngữ này dùng để trỏ những bài thơ dở, chẳng có ý-nghĩa gì hay, chẳng có vẻ gì là thơ. — Thành-ngữ khác với tục-ngữ thế-nào ? (Coi lại ở Giảng-văn để thất của cùng soạn-giả, nếu cần).

- b) — Có mấy mẫu người được diễn-tả trong bài này ? — Mỗi mẫu người có cá-tính gì riêng biệt. Những chữ hề nhau lằng, lằng-xằng, xớ-rớ, có đủ để tả đặc-tính mỗi mẫu người không ?
- c) — Ngôn-ngữ mỗi mẫu người có gì khác nhau không ? — Phê-bình ngôn-ngữ của họ.
- d) — Bài thơ trong bài có ý-nghĩa không, có theo thể thơ nào không ?
- đ) — Câu truyện có gọn-gàng, văn tắt không ?
- e) — Tóm lại tác-giả có thành công trong việc diễn ý và đạt chủ-đích không ?

2. — Hình-thức :

- a) — Tìm những chữ đã cổ xưa. Thay bằng những chữ nay đang thông-dùng. Tìm những chữ riêng dùng ở miền Nam.
 - b) — Tìm những câu thiếu chủ-từ. Thử cho đủ chủ-từ vào những câu đó. So-sánh cách đặt câu ở bài này với bài « Bụng làm Dạ chửa ».
 - c) — Lời văn giản-dị hay cầu-kỳ ? — Có nhiều tiếng Hán-Việt không ? Giải-thích rõ những tiếng đó ?
 - d) — Thử bỏ những chữ thừa và chấm câu lại.
3. — Tổng-kết : Bài này viết từ gần 100 năm rồi, đến nay chỉ còn giá-trị về ý-nghĩa châm-biến, hài-hước.

TẬP LÀM VĂN

Thuật lại truyện này bằng lối văn gọn và sáng.

20 * Tích hang ông Từ-Thức

Ở ngoài Bắc có một hòn đảo tự nhiên bốn bề đá dựng :
đêm ngày sóng tát bờ ầm-ầm, người ta đặt tên là cái hang
ông Từ-Thức.

Do cái truyện người ta bày thế này :

— Thuở xưa kia, vua tính xây cái thành chỗ đồng-nội kia ;
thình-lình chỗ ấy có mọc lên một cây vô danh 2, bông lá lạ
thường, đã xinh mà lại thêm thơm nữa. Ai nấy đều định phải
đem dâng cho vua. Vậy mới cho dân canh giữ nhật-nhiệm 3,
kéo sợ người ta hái bông đi. Thiên-hạ đồn dục 4, đầu đó rủ
nhau tới đó coi.

Tiên ở hòn núi trước này cũng đua nhau đi coi. Mà có nàng Giáng-Hương tiên xinh tốt, lại gần rờ-âm cái hoa, rồi rụng xuống. Quân lính mới bắt lấy đó. Xúm lại xin, nói gây lười cũng không tha.

Vừa may có ông Từ-Thức là ông quan lão nghe đồn cũng đi tới coi cho biết. Bước vô, thấy bắt buộc làm vậy, thì hỏi lính : « Tội tình chi mà bắt trời người ta lại ; người ta là con gái, bắt làm chi tội tình vậy ? Tha người ta đi » !

Lính bẩm : « Bẩm ông, cô này ở đâu không biết tới coi, lấy tay nàng cái hoa nó rụng xuống nơi tay ; tôi bắt cô lại đây ; bây giờ ông dạy tôi tha, tôi có dám tha ở đâu ? ».

Ông Từ-Thức mới cởi áo đưa cho thằng lính, cho nó, đừng nó tha nàng Giáng-Hương đi.

Sau về nhà, ông Từ-Thức mới nhớ mừng-tượng hình nhan nàng con gái mình cứu ; trong lòng nó lắt khoăn-khoái nhớ thương, ước cho đừng gặp mặt lại mới phỉ lòng. Ra vô bâng-khuâng tư-tưởng, ăn không ngon, nằm không ngủ. Thác-thức cả đêm ; đáng chừng nửa đêm, lồm-cồm chỗi dậy kêu một đứa thoi lửa, thắp đèn ; rồi ông cuộn gói xuống chiếc xuống ông cầm giầm bơi đi, đi bơ-vơ chẳng biết đi đâu. May đâu, đi chợt tới hòn tư bề đá dựng đứng lại có cái cửa vô ; cứ xăm-xăm đi tới hoài. Ngó trước thấy nàng Giáng-Hương ra rước vô cùng ở đó vui-vẻ mọi đàng.

Đến bữa nàng Giáng-Hương phải đi chầu bà chúa Tiên, thì đóng cửa lại, dặn ông ở nhà làm gì thì làm, mà đừng mở cái cửa sau mà khốn, đến nửa phải trở về, không được ở đó nữa.

Dặn-dò trước sau, phân-minh, nàng ấy ra đi. Ông Từ-Thức ở nhà nghĩ hoài « Mẽ ! Này ! Không biết ý làm sao mà biểu đừng mở cửa sau ? Có khi bên kia có những thứ gì xinh tốt quý-báu hơn bên này, nên cô 6 cấm mình vậy chẳng ? » Lúc sau bèn vùng mở phứt ra.

Ngó thấy thế gian ; khi ấy mới nhớ nhà. Vậy các tiên ở đó nghe động-dặc thì biết, nên về đuổi ông Từ-Thức về, không cho ở nữa.

Tưởng là mới đầu vài ba bữa, ai hay về kiếm nhà không được. Nhờ chắc chỗ cũ vào hỏi, thì chẳng thấy một ai quen biết ; hỏi thăm nhà ông Từ-Thức, thì họ không biết, cũng không có nghe tên ấy bao giờ. Hỏi mấy ông già, bà cả, thì người ta nói : « Thuở trước đời vua ấy vua nọ thì có ông quan lão tên là Từ-Thức, mà ông chết đã hơn ba bốn trăm năm nay rồi, còn ở đâu ? ».

Trương-vĩnh-Ký

Lược-giảng : 1. Hòn : hòn đảo. 2. Vô danh : không tên. 3. Nhặt-nhiệm : nhặt - ngắt - cần - thận. 4. Đồn dục : đồn đại rộng ra. 5. Khoăn-khoai : khắc-khoai nhớ đến luôn. 6. Cỗ : cỗ ấy.

Truyện cổ-tích có tính-cách dạy đời hoặc giải-thích phong-tục tín-nguỡng của dân-tộc. Đạo Lão truyền sang ta đã bị biến hình thành đạo than tiên. Vậy truyện này có gián-tiếp giải-thích đạo than tiên không ?

NHÂN XÉT : — Giáng-tiên tại sao bị bắt trời ? Hành-động và ngôn-ngữ Từ-Thức ? Từ-Thức trẻ hay già, tính-cảm (tướng) giải-đoạn ra sao ? Cỗ tiên khác cỗ trần thế nào ? Từ-Thức có đủ tư-ách để thành tiên chưa ? Đọc xong truyện này, ta có cảm-tưởng như thế nào ?

21. HỮU ĐỒNG VÔ MƯU

Thằng cày mở trâu ra sẫm sữa đi cày. Ra đồng cày dăng kia qua dăng nọ. Trâu mệt đã lè lưỡi. Mà mắc cày ruộng gần chân núi. Khi cày, thì thằng trai cầm cày, hò-hét, đánh đập, *thá ví* ! con trâu đã cơ-khở lại thêm hành-hạ chửi rủa quá chừng.

Con cạp ngồi rình trong bụi, ngó thấy vậy, thì giận lắm. Đến buổi thoi cày, thằng chần trâu thả trâu ra đi ăn. Con cạp mới lại gần kêu nhủ trâu, mắng nhiếc sao nó chịu làm vậy : « Mày có vóc-vác sức lực mạnh-mẽ, lại có hai cái sừng nhọn là khi-giới, sao mày không cự không chống ? Để găm đầu mà chịu nó ? Theo làm đây-tớ nó cho nó hành-phạt mày ? Nó leo cỡi lưng cỡi cổ mày như vậy ? ».

Con trâu mới nói rằng : « Trời sinh muôn vật, mà khôn thì làm sao cũng hơn mạnh thôi. Dầu mày nữa cũng thua nó, huống chi là tao ».

Con cạp tức giận, mới nói rằng : « Tao có nghề trong mình, tao lại mạnh, cho mười nó đi nữa tao cũng làm chết, lựa là một ». Con trâu nói : « Vậy thì mày đi lại đây, dặng tao kêu nó đánh với mày cho biết sức ». Con trâu mới đi kêu thẳng cày lại. Anh trai cày lớn-tơn lại nói với con cạp rằng : « Tao bây giờ đang đói bụng, không có lẽ mà đánh với mày dặng ». Con cạp nói : « Vậy thì mày đi ăn cơm đi, rồi có lại mà đánh với tao ».

Thẳng cày nói : « Mày hay nói láo lắm. Tao bỏ tao về, thì mày chạy đi mất, còn gì mà đánh » ? Con cạp nói : « Tao chẳng thèm trốn ; mày nói tao dọa kiếp : Mặt nào, chứ mặt này có chạy đâu » ! Thẳng cày nói : « Như có thiệt làm vậy, thì để tao trói mày lại đây, dặng tao về tao ăn cơm cho no : rồi tao ra, tao mở mày ra, dặng mày đánh với tao. Như vậy mới chắc, không thì mày trốn đi, tao có biết đâu dặng ».

Con cạp ý mạnh, thì nói : « Tao chẳng có sợ gì, trói thì trói ». Nó mới để cho thẳng cày trói nó xong-xả 2 rồi ; thẳng cày mới chạy đi bẻ cây lại đánh con cạp. Con cạp mắc trói thất thế, vùng vẫy không được, bị đòn mà chết. Con trâu khi ấy mới khể miệng con cạp mà nói rằng : « Tao đã nói với mày ấy, mày không muốn nghe tao ; mày ý mày sức lực mạnh mẽ mà thôi. Bây giờ mày chết là đáng số mày lắm. Không thương hại lấy mày một chút ».

Ấy là mạnh mà không mưu ; ý thể mạnh mà khinh dể người ta. Có người tuy yếu thể yếu sức, mà cao mưu, nên nhiều khi thắng được kẻ mạnh quyền mạnh thể mà thất mưu.

Trương-vĩnh-Kỷ

- 1) *Thả ví* : tiếng giục trâu bò cày bừa cũng như « Vắt, vắt ».
- 2) *Xong-xả* : xong-xuôi.

NHẬN-XÉT : Đại-ý và chủ-dịch bài này, tác-giả đã viết rõ ở câu cuối. Học-sinh hãy rút ở đây ra một bài học luân-lý và kể vài truyện để chứng-minh.

HUYỀN-TỈNH-CỦA

(1834 — 1907)

LƯỢC-KHẢO

I. TIỂU-SỬ :

Huỳnh-tĩnh-Của tức Paulus-Của sinh năm 1834, mất năm 1907, là người tỉnh Baria (nay là Phước-Luy). Đồng thời với Trương-vĩnh-Kỷ, ông là người đầu tiên đề-nghị bỏ cả chữ Nho lẫn chữ Nôm, chỉ dùng chữ Quốc-ngữ để truyền-bá tư-tưởng và học thuật.

Tỉnh-thông Pháp-văn và Hán-văn, ông được bổ chức Đốc-phủ-sứ coi việc phiên-dịch các văn-án. Ông giữ việc biên-tập tờ *Gia-dịnh báo* để cổ-dộng sự dùng chữ Quốc-ngữ và phổ-thông tư-tưởng Âu-Tây.

II. TÁC-PHẨM :

Trên *Gia-dịnh báo*, ông viết đủ loại như nghị-luận, khảo-cứu, thi ca và truyện cổ-tích. Ông đã cho xuất bản :

- *Đại-nam quốc-âm tự-vị* cuốn I (1895) và cuốn II (1896).
- *Chuyện giải buồn* (1880).
- *Chuyện giải buồn* cuốn sau (1885).

CHUYỆN GIẢI BUỒN

Sách này sưu-tầm những truyện cổ-tích thuần-túy Việt-Nam và những truyện cổ Trung-hoa chọn lựa trong các sách Hán.

Tuy nhan-đề sách là *Chuyện giải buồn* nhưng thực ra những truyện in trong sách đều có lớp-lang thứ-tự, ý-nghĩa thâm-thúy dạy đời phần nhiều bằng những nụ cười nhẹ-nhàng.

Văn-chương đến nay tuy đã cổ nhưng nội-dung sách vẫn không vì thời-gian mà giảm giá-trị. Thực là cuốn sách đáng cho chúng ta tôn-trọng vậy.

TRÍCH GIẢNG

soan
 22.* Quân tử khả khi dĩ kỳ phương.¹

I.— Thầy Tử-Sân² là người nước Trịnh, cũng là môn đệ³ đức Phu-tử⁴.

II.— Ngày kia, thầy Tử-Sân phát tiền cho đầu bếp đi chợ. Tiền đầu bếp đem tiền ra chợ, gặp chúng bạn rủ, đánh lú⁵ thua hết. Trở về tay không thì sợ thầy quở⁶, nó bèn kiếm chước⁷ nói dối thầy mà rằng: « Bữa nay, tôi ra chợ, tôi thấy họ bán một con cá lớn đại, mập núc⁸ mà tròn quay; tôi hỏi giá, họ nói có một quan tiền, chớ mọi lần họ bán cho tới hai ba quan. Tôi nghĩ không mấy khi gặp cá ngon mà rẻ, dốc lòng tìm miếng ngon cho thầy, tôi bèn mua trộm cả quan tiền. Tôi lấy dây xỏ mang con cá mà xách về gần tới nửa đường, chẳng dè nó cứng dờ, không cụ-cựa, tôi sợ như lời người ta nói: Cá lên khỏi nước cá khô. May vừa đi ngang qua hồ, tôi lật-đật⁹ đem bỏ con cá xuống nước, hóa là nó lấy hơi nước mà sống lại chẳng. Hồi tôi mới thả, nó nằm trơ, không máy động¹⁰, vừa gặp bã trầu¹¹, nó quậy-quậy và ngáp gió, giây phút nó vùng một cái. Tôi vừa thò tay mà bắt lại, nó đã quất đuôi lộp đi mất. Ấy là tại tôi đại, xin thú thiệt cùng thầy ».

Thầy Tử-Sân nghe nói bèn vỗ tay mà rằng: « Đắc kỳ sở tại! Đắc kỳ sở tại! » (Chỉ nghĩa là: chim trời cá nước, được thế nó thay! được thế nó thay!).

Thằng bếp ra ngoài, cười thầm, học¹² cùng chúng bạn rằng: « Ai gọi thầy Tử-Sân là trí! Tiền chợ thầy đưa, tao thua hết, tao kiếm điều nói láo, mà thầy ấy cũng tin ngay. Ai gọi thầy Tử-Sân là trí? ».

III.— Thầy Mạnh-tử giải rằng: quân-tử khả khi dĩ lý chi sở hữu, nhi bất khả khi dĩ lý chi sở vô. Nghĩa là: Lấy việc có lý mà dối người quân-tử cũng được; chử như việc không có lý thì chẳng lẽ dối dặng.

Huỳnh-tính-Cửa (Chuyện giải buồn)

BÌNH GIẢNG

PHÂN PHÂN TÍCH:

1.— Giải-nghĩa: 1. Quân tử khả khi dĩ kỳ phương: Có thể dối người Quân-tử được nếu nói dối cho phải đường. 2. Tử-ân: tên là Công-tôn-Kiều, người nước Trịnh thời Xuân-Thu ở Trung-hoa. 3. Môn-đệ: Học-trò. 4. Đức Phu-tử: đức Khổng phu-tử. 5. Lú: một lối chơi cờ bạc bằng tiền đồng hay tiền kẽm. 6. Quở: quở mắng. 7. Chước: Mưu kế. 8. Mập núc: Béo (mập) lắm. 9. Lật-đật: Vội-vàng. 10. Máy động: Cử-động. 11. Gặp bã trầu: Thời-gian nhai giập một miếng trầu thành lã. 12. Học: Kể lại.

2.— Bố-cục: Chia bài làm 3 phần. Chia phần II làm 2 đoạn. Nói đại-ý từng phần, từng đoạn.

3.— Đại-ý cả bài này?

4.— Chủ-đích truyện này là lời giải của Mạnh-tử (câu cuối bài).

PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH:

1.— Nội-dung:

a) — Vì sao tên đầu bếp phải dối chủ? Truyện nó kể ra sao? Nghe có lý không? — Vì sao?

b) — Tên đầu bếp kể truyện lồi-thời đại dòng là có dụng-ý gì đối với chủ khi nó phạm tội. — Tác-gia có tỏ ra sành tâm lý khi viết như vậy không?

c) — Tại sao thầy Tử-Sân vỗ tay? Thầy nói gì? Như vậy, thầy có xứng-đáng là bậc hiền-nhân quân-tử không? (Quân-tử là người có tài-đức nhân-cách hơn người).

d) — Tên đầu bếp chê thầy Tử-Sân như thế nào? Nó định nói chữ « tri » theo nghĩa nào?

đ) — Cách kết-cấu (dàn ý) toàn bài có hợp-lý không? *HLÝ. TĐHNCTTS*

2.— Hình-thức:

a) — Tìm những câu có chữ « mà ». Phê-bình và sửa lại những đoạn có chữ mà cho câu hay hơn. *N.2 Y Đ.N.N*

b) — So-sánh bài này với bài « Hữu đồng vô mưu » của Trương-vĩnh-Kỷ về cách đặt câu và dùng chữ.

TẬP LÀM VĂN

I.— Kể lại truyện trên bằng lối văn gọn và sáng.

II.— Trò đã có một lần bắt đắc-di phải nói dối mà có người tin. Kể lại và nói rõ cảm-tưởng của trò.

23. ^{soạn} Truyện ông Tấn-sĩ
lưng mọc lông dê

I. — Đất Hiệp-hữu có một ông Tấn-sĩ hay nhớ việc kiếp trước.

II. — Ông ấy nói kiếp trước mình làm học-trò được nửa đời mà chết, xuống âm-phủ thấy vua Thập-diện đương tra án, bày những lò vạc gém-ghiếc, y như chuyện người ta nói trên đời; bên góc đền về phía đông, thấy những giá treo da dê, da chó, da trâu, da ngựa cùng các thứ da; thấy người coi bộ kêu tên từng người, hoặc bắt đi làm ngựa, hoặc bắt đi làm heo, quỳ đều lột trần-trồng, lấy da trên giá mặc cho. Giây phút kêu tới tên ông Tấn-sĩ, ông ấy nghe vua Thập-diện gọi đi làm dê, bắt ông ấy lột trần tròng vào khít rịt. Sầy có một tên tho-lại tâu nói ông ấy có cứu một người khỏi chết. Vua Thập-diện tra bộ lại quả có như lời, bèn trở giận làm vui mà rằng « Tội ác nó thiệt quá lắm, song một việc lành có thể cứu nó được ». Vua Thập-diện nói rồi dạy quỳ lấy da dê lại. Chẳng dê da dê đã dính vào trong thịt, gỡ không ra, hai thằng quỳ phải nắm cánh tay ông Tấn-sĩ, dứa tri, dứa lột, đau ông ấy quá chừng, da dê rách từng miếng, lột không sạch, bèn vai ông Tấn-sĩ hãy còn dính một miếng lớn bằng bàn tay.

III. — Đến khi ông ấy sống lại, sau lưng có lông dê mọc vẩy-vá, cạo đi mọc lại, không tuyệt.

Huỳnh-Tính-Cửa (Chuyện giải buồn)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này viết theo loại văn gì ? (Coi Định-nghĩa các loại văn ở đầu chương Văn xuôi hiệp kum, đầu phần I và II).
2. Xuất-xứ : Trích ở sách nào ? Của ai ?
3. Tác-giả và tác-phẩm : Xem phần Lược khảo ở đầu mục này.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

Học-sinh dự theo thứ-tự phần Bình-giảng bài trước mà soạn lấy.

PHÂN NHÂN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- 1) Ông Tấn-sĩ có gì khác người thường ?
- 2) Cảnh âm-phủ ra sao ?
- 3) Tại sao ông Tấn-sĩ lại không bị hóa kiếp dê ?
- 4) Tại sao lưng ông Tấn-sĩ có lông dê ?
- 5) Qua câu truyện hoang-dương này, ta thấy truyện ngụ-ý giải-thích một tật lạ và khuyên ta làm điều lành để được gì ?
- 6) Thuyết luân-hồi của đạo Phật nói : người ta có nhiều kiếp sống... Bài này là do thuyết đó ? Tìm hiểu thuyết này.
- 7) Các việc xảy ra theo thứ-tự hợp-lý, tự-nhiên không ? Chứng tỏ!

2. — Hình-thức :

- 1) Bài này viết từ bao giờ ? (Coi phần «Tiểu-sử tác-giả»). Lời văn có khác với lời văn hiện nay không ? Khác như thế nào ?
- 2) Nhận-xét về cách chấm câu. Thử chấm lại các câu để chia thành nhiều câu ngắn gọn hơn.
- 3) Tìm những câu hay những mệnh đề thiếu chủ-từ hoặc túc-từ. Thử sửa lại các câu đó.

24. — Chí khí cao

I. — Thuở xưa, vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho Hứa-Do, bèn đòi Hứa-Do tới nhà mà dạy rằng : « Trẫm nghe người có tài đức lớn, trẫm muốn truyền ngôi cho người, người phải nối ngôi cho trẫm mà làm vua thiên-hạ ». Hứa-Do nghe nói tức cười, vội-vàng đi xuống suối mà rửa tai.

II. — Cũng một khi ấy, có người Sào-Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước. Thấy Hứa-Do lúm-kh m rửa tai, hỏi Hứa-Do làm sao mà rửa tai. Hứa-Do lắc đầu nói : « Ông Nghiêu đòi tôi, bảo tôi thì làm vua ». Sào-Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa-Do hỏi : « Làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống ? » Sào-Phủ rằng : « Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ

trầu tôi uống nhầm» Sào-Phủ lại rằng: « Anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh lợi ».

III.— Nghe mà rửa, chỉ bằng giữ ven đòng nghe.

HUỖNH-TỈNH CỬA (Chuyện giải buồn)

NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội dung :

- Cách kết-cấu (dàn ý) có mạch-lạc hợp-lý không? Chứng minh! Có chi-tiết nào thừa không?
- Tại sao Hứa-Do đi rửa tai?
- Việc Sào-Phủ cho « Trầu lên trên dòng nước mà cho uống » ngụ ý gì?
- Những hành-vi gàn dở của hai người cho ta biết chí-khi của họ thế nào? Chí-khi ai cao hơn ai? Vì sao?
- Câu kết-luận có ý nghĩa ra sao?

2.— Hình thức :

- Trong bài, tác-giả dùng nhiều tiếng « Mà » khiến lời văn ra sao? Thử sửa lại các câu đó.
- « Ông Nghiêu đòi tôi, bảo tôi thì làm vua », tiếng thì ở đây có bỏ đi được không? Người ta có thường gọi vua là ông không?
- * So với ngày nay, lời văn bài này không có giá-trị. Nhưng đặt bài này vào thời-đại của nó, nghĩa là cách đây gần một thế-kỷ, khi mà chữ quốc-ngữ chưa được phổ thông, lời văn bài này kể ra đã giản-dị, gọn-gàng. Nhất là câu cuối cùng, đến nay vẫn chưa có ai sửa hay hơn được.

TẬP LÀM VĂN

Viết lại truyện này, chú trọng đến cách trình-bày văn đối-thoại và chú-trọng đến lời nói sao cho hợp với nhân-vật.



VĂN XUÔI HIỆN KIM

ĐỊNH-NGHĨA.

VĂN : Vẽ ra. Viết ra. Bày tỏ bằng câu văn cái gì mà các giác-quan đã thu nhận được, tâm hồn đã rung cảm.

MIÊU TẢ hay **MÔ-TẢ** : Tả ra, phác họa bằng câu văn, nét vẽ.

Tả thực-vật : Tả cây cỏ

Tả động-vật : Tả sinh vật biết cử-động.

TẢ NGƯỜI

- *hình dáng* : Thân-hình và dáng-diệu, kể cả y-phục và ngôn-ngữ.
- *tâm-lý* : Những điều cảm-nghĩ, trạng-thái tâm-hồn.
- *toàn diện* : Gồm cả hình-dáng và tâm-lý.
- *hoạt-động* : Các động-tác khi làm việc gì.
Thí-dụ : cày ruộng câu cá.

TẢ XEN (SCÈNE) : Tả hai hay nhiều người hoạt-động nói-năng giống như tên kịch diễn trên sân-khấu.
Thí-dụ : đánh nhau, đánh nhau.

TẢ CẢNH

- Cảnh* : Nói chung tất cả mọi hình sắc bày ra trước mắt.
- Cảnh sắc* : Quang cảnh màu sắc (aspect)
- Cảnh-trí* : Cảnh xúc-động vào cảm-giác (Site. Paysage)
- Cảnh-tượng* : Hình-ảnh bày ra trước mắt ; hình-trạng (spectacle ; aspect)
- Cảnh-vật* : Cũng như *Cảnh-tượng*.
Nghĩa hẹp là : cảnh và vật hoặc nhân-vật.
- Khí-tượng* : Hiện-tượng xảy ra trong không-khí, như : mưa, gió, nắng, trăng lên, sương mù...

TẢ HOẠT-CẢNH : Cũng như tả xen (scène) nhưng nhân vật có ít kịch tính hơn, khung cảnh, thường được tả đến nhiều hơn là tả xen như : cuộc họp chợ, cuộc mít-tinh...

PHẦN I VĂN MIÊU-TẢ

DOẠN I. TẢ ĐỘNG VẬT

25. — Bọ ngựa và Châu chấu ma

I. — Đó là một gã bọ ngựa non. Đôi cánh dài chưa mọc đủ hết tung. Hai chiếc càng yếu đuối ngoặt vào vỏ cây không thủng được một vết nhỏ. Làn da xanh mượt như da-dẻ người học-trò mảnh-khảnh, yếu-ớt, từ thuở bé tới giờ chưa biết gì là nắng gió.

II. — Chú đi chững-chạc từng bước trên bãi cỏ. Mỗi khi nhấc chân lên, chú lại giơ hai càng ra đằng trước. Làn da mùa-ménh gai dờ. Ra lối ta đây là con nhà vũ-nghệ. Cái mõ thì vênh-vác đưa sang bên nọ, đưa sang bên kia, để xem có ai xung quanh nhìn thấy mình đương đi bằng một dáng oai hùng nhất thiên-hạ không ...

Đương trình-trọng đi, bỗng bọ ngựa đứng dừng lại. Có cái gì đụng-đẩy trong bụi cỏ trước mặt. Bọ ngựa dướn chân, lệch mắt nhòm vào. Đích là có cái gì thực. Những ngọn cỏ lung-lay, lung-lay ... Bọ ngựa định thần nhìn kỹ :

— Ồ ! Chú châu-chấu ma.

Đây là châu-chấu ma thực. Châu-chấu ma đương gặm cỏ. Đầu chàng ta nhọn như cái mũi thỏ-công, mình dài. Cũng có bốn chân, hai càng. Suốt người đều một sắc xám nhạt. Nếu chàng ta đi xuống mặt đất thì có thể lẩn với đất, không ai ngó thấy. Coi châu-chấu ma có vẻ hiền lành. Chàng lừ-lừ gặm lá, miệng nhai nhỏ-nhỏ, từ-tốn.

Nhưng chú Bọ ngựa không thấy châu-chấu ma là hiền-lành. Thằng kia tất ác lắm. Trông hai con mắt gườm-gườm của nó thì đủ biết. Lại hai tầng răng đen nhánh của nó nữa.

Hai tầng răng gòm-ghe như muốn cắn người ta ... Kia thằng châu-chấu ma vừa ngẩng đầu lên. Một mũi râu ria ra lối khiêu-khích dọa-dâm gì mình.

... Bọ ngựa bỏ liền cho châu-chấu ma mấy chiếc. Anh châu-chấu ma kêu làng nước rầm-rĩ lên ... Anh càng đánh tợn. Anh đánh bằng gươm, lại cắn cả bằng răng, đá cả bằng chân. Anh nhảy lên mà đánh.

Châu-chấu ma chỉ chúi xuống mà chịu đòn không đánh trả lại và cũng không đỡ được cái nào.

III. — Chú Bọ ngựa sung-sướng vênh hai râu lên.

(Tô-Hoài (Võ sĩ bọ ngựa))

BÌNH GIẢNG

PHÂN GIỚI-THIỆU:

1. — Văn-thể : Bài này thuộc loại văn miêu tả động vật về phương diện gì ?

2. — Xuất-xứ : Bài này trích ở tác-phẩm « Võ-sĩ bọ ngựa » quyển truyện ngắn có mục-dịch luân-lý dành riêng cho nhi-đồng của Tô-Hoài.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH:

1. — Giải-nghĩa : ngoặt, mảnh-khảnh, chững-chạc, con nhà vũ-nghệ, oai hùng, thiên-hạ, trình-trọng, định thần, mũi thỏ-công, nhỏ-nhỏ, từ-tốn, gườm-gườm, tầng răng, ria, khiêu-khích, đánh tợn, gươm.

2. — Bố-cục : Bài này có thể chia làm mấy phần ? Phần giữa có thể chia làm mấy đoạn ?

— Tóm lược ý từng phần, đoạn.

3. — Đại-ý của bài này ?

4. — Chủ-đích : Tác-giả muốn cho bạn đọc rõ hành-vi ngu xuẩn của kẻ tuổi trẻ lỗ-lãng hiếu thắng, thân còn non nớt mà đi bắt nạt được kẻ vốn là giống yếu hèn đã tưởng mình giỏi mà vênh-vào kiêu-càng.

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

a) Tìm hiểu cách *kết-cấu* (dàn xếp ý) có hợp-lý không? — *Nhập đề* bằng cách gì? — *Thân bài* đặt theo thu-tự nào, có đoạn nào thừa không? — *Kết-luận* bằng cách gì?

b) Giải rõ ý từng câu, từng mệnh-đề. Trích-văn mà dẫn-chứng:

— Bọ ngựa đã lớn, khỏe, và ra ngoài tổ lâu chưa?

— Khi đi, chú có bộ điệu ra sao? để làm gì? Tâm-lý chú ra sao? — Phê-bình!

— Tại sao chú dừng lại. — Tại sao phải định thần nhìn kỹ mới thấy châu-chấu ma.

— Tại sao Bọ ngựa không thấy châu-chấu ma là hiền-lành? Bọ ngựa đã kinh-nghiệm sự đời chưa? và có tính xấu gì? — Tại sao trò rõ? — Phê-bình!

— Bọ ngựa đánh châu-chấu ma ra sao? Châu-chấu ma đối lại thế nào? Châu-chấu ma vốn dĩ sức voc tinh - nổi ra sao? Chứng-tỏ!

— Bọ ngựa có thái-độ bộ điệu thế nào? Phê-bình!

— Rút từ bài này ra một ý-nghĩa luân-lý!

2.— Hình-thức :

— Tìm hiểu cách dùng chữ có phong-phu và chính-xác không? Chứng-tỏ!

— Tìm những tiếng tượng hình, tượng sắc, tượng thanh. Phân-tách tự loại và nói tác-dụng của những tiếng đó.

— Tìm những câu thiếu chủ-từ, tìm những chủ-từ ẩn

— Tìm những câu có áp-dụng lối *tỉ-lệ* (so-sánh có chữ *như*).

— Câu nào viết theo lối *khẳng-định* (quyết-định là như thế...).

— Lời văn có tình-cách gì (giản-đi, cầu kỳ?...).

— Giọng văn có tình-cách gì (khách-quan, chững-chạc, dĩ-dâm, nai-huộc?...).

— Tác-giả đã *tả chân* (tả đúng như thật) theo lối *nhân-cách-hóa* (cho loài vật cũng biết hành-động nghĩ-ngợi như người). Trích văn để dẫn-chứng rồi phê-bình nghệ-thuật miêu-tả của tác-giả.

3.— Tổng-kết :

— Nêu ít đặc-điểm về nội-dung và hình-thức rồi định cho bài văn một giá-trị.



26.— Đôi chim Gi-đá

I.— Bấy giờ là mùa đông. Ngoài ruộng lúa chín vàng hây-hây. Từng đàn chim bay về mọi cánh đồng. Và hai gã gi-đá kia thân-thơ vào trong vườn này.

II.— Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng, có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau về thu vừa rồi. Ta có thể so-sánh rằng đôi chim gi ấy tựa một cặp vợ chồng quê mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lơ-khờ, ngẩn-ngơ, xấu-xí — nghĩa là đặc nhà quê! Họ thuộc loài nhà gi-đá chính tông. Và hiệu là gi-sùng.

b) Người loắt-choắt, bé chừa bằng gi-cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một gi-đá chỉ bằng nửa chim sẻ. Vừa như chiếc hạt mít mấm-mạp có dính chút đuôi. Đôi mắt nâu lơ-dờ. Cặp mỏ ngắn, cục-mịch thầy-lầy trước đôi mắt như một viên cuội xam-xám. Lông màu nâu, mượt trơn và mịn. Đôi chân cũng xam như mỏ. Ở con chim gi, có hình bóng một thứ người cù-rủ nhưng nhún-nai lam-lủ và luôn-luôn chân lấm tay bùn, thứ người cần-lao của đồng ruộng...

c) Vợ chồng gi sà đến cây buri. Chúng kêu kéc-kéc nhỏ nhỏ. Chồng nghiêng má nhìn cây hồng-bì rồi rún cẳng nhảy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lặn ngay vào lá, không động-tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, nhưng bay hơi nặng-nề, đôi cánh vỗ xé-xé, bởi người nàng có đầy-đá chút đỉnh. Không hiểu nàng gi-đá đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn-mẩy. Dâu bờ-phờ. Lông bụng bạc phếch. Cằm ngực, còm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lối của những người đàn bà xươi-xính, khi quá thì con gái, ăn mặc xốc-xếch, chẳng thiết đến điểm trang gì nữa.

d) Chàng xáo-xác trong cây hồng-bì. Cây hồng-bì thấp nhưng đầy lá. Vả-lại với một anh gi bé-bỏ, thể đã là khá cao rồi. Nàng cũng sao-sục trong cây như kiếm chác một cái gì... Họ tìm chi trong tùm lá hồng-bì đó? Loài gi-đá không biết ăn sâu. Đâu có bông lúa vàng ở đây. Kia đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má, nhìn trời

Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh bay đi loang-loảng.

... Vợ theo đuôi chồng đến lấy rá ở lớp mái nhà nát nọ. Chị mỗ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền-hà, quắp ngay lấy mang về cây hồng-bì... Công việc cứ thế, đều-dù suốt ngày như người ta mắc cửi...

III.— À, ra hai vợ chồng con gi-đá đến ngụ-cư ở nơi này. Họ đang xây nhà...

«Ta-Hoài (O chuột)

27.— Mèo bắt chuột

I.— Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư-lự. Y vào ngồi thi-li bên bếp tro. Y nghiêng mông tai để dũi vào một ông đồ rau. Bỗng y nghech đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Có tiếng lịch-lịch ở sau đồng củi.

II.— a) Gã mèo dậm bốn chân lại bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Hai cái tai anh mèo mướp hơi động đây. Ấy là khi anh đang hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, động lên như chiếc tai lừa tí hon. Cái vành tai rộng mở và lọc ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống, nhìn vào găm đồng củi. Rõ-ràng gã trông thấy một cái đuôi nhỏ mà dài thò-lò dưới một mẩu gỗ. Đứng cái đuối chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

b) Lúc này trông gã mèo quái ác dị-thường, thoát hẳn cái dáng lừ-dừ, hiền-hậu hằng ngày. Y quờ-quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp-tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lòi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc-rích ở trong. À có hai thằng chuột rình mỗ đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám «đánh đu» ở miệng mèo.

Tuy cáu, nhưng mèo cũng đủ kiên-nhẫn để chờ cơ-hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình vẫn đùa cợt vui-vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài, thò cái mõm nhọn ngửi chung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chộp. Nhưng chuột lại chạy ngay vào mất. Con mèo lại im-lặng, chịu khó ngồi rình.

c) Bóng tối chup xuống mau lẹ. Vừa mới nhọ mặt người bảy giờ đã đêm hẳn. Mặt trăng đã nhò tròn ở đằng đầu tường. Một mảnh sáng nhòn-nhọt in trước sân bếp.

Hai chú chuột ở trong găm củi, đáng hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm-chác được cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước ra khỏi hần đồng củi đi lẩn về phía bếp. Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng được một ngón chân cái của người lớn ta.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi-húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khắp-khởi. Nhưng rồi chẳng chán dờ ngay ra. Nó tưởng chuột-chiếc to-tát thế nào, chứ nếu chỉ là hai chuột nhắt nép ranh ấy thì nó đã bước từ nãy, không phải tốn-công tốn hơi sức mà rình nấp vô-ích. Mèo ta cũng khá đại-lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu chả muốn cất đại công-trình mà chỉ được một lý-tý kết-quả ấy thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy ! đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng để lấy thế, rồi vươn hai chân ra chộp cả hai cái bóng đen cọ-quay ở trước mặt. Có tiếng «chi . . i . . », một con chạy thoát được. Còn một con bị nắm lại. Mèo găm-gữ thị-uy và dọa-dâm.

III.— Chú chuột khốn-nạn bị tóm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong, và nhọn hoắt của ông mèo, y như cái cảnh rúm-ró của chị của nhà quê mà bị cụ ếch đại-vương lấy một bàn tay mà vỗ vào mai...

Ta-Hoài (O-chuột)

28.— Lá rụng

I.— Trời cuối đông vàng ủa nhuộm màu buồn vô hạn. Một luồng gió lạnh thoảng qua : mấy chiếc lá rụng.

II.— Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm-tình riêng, một cảm-giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn từ cành cây rơi cảm pháp xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thần-nhiên, không thương tiếc, không do-dự vẩn-vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão-đào mảy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên hay giữ thăng-bằng cho chậm tới giây nằm phơi trên mặt đất. Có nhiều lá nhẹ-nhàng khoan-khoái đùa bỡn, múa-may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn-vật chỉ ở hiện tại: cả một thời quá-khứ dài dằng-dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng vài giây bay lượn nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi ngần-ngại, rụt-rè, rồi khi gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lên cành. Có chiếc lá đầy âu-yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mòn-tròn một ngọn cỏ xanh mềm-mại.

III.— Mỗi chiếc lá rụng là một cái biểu-hiệu cho một cảnh biệt-ly. Vậy thì sự biệt-ly không phải chỉ có một nghĩa buồn rầu khổ-sở. Sao ta không ngẫm sự biệt-ly theo tâm-hồn một chiếc lá nhẹ-nhàng rơi ?

Theo KHÁI-HUNG (báo Phong-hóa số 171)

BÌNH GIẢNG

I.— PHÂN GIỚI-THIỆU :

- 1.— Văn-thể : Bài này thuộc loại văn miêu-tả thực-vật hỗn-hợp với loại tả người riêng về phương-diện gì ?
- 2.— Xuất-xứ : Bài trích của ai, đăng ở báo nào ?
- 3.— Tác-giả : (Coi phần học-Khảo).

II.— PHÂN PHÂN-TÍCH :

- 1.— Giải-nghĩa các chữ khó trong bài.
- 2.— Bố-cục : Bài có thể chia làm mấy phần ? Tóm lược ý từng phần.
- 3.— Đại-ý : Tác-giả tả gì và liên-tưởng thế nào ?
- 4.— Chủ-dịch : Tác-giả có chủ-dịch gì khi viết bài này ?

III.— PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

- 1.— Nội-dung :
 - a) Xét về cách kết-cấu (dàn ý), các ý-tưởng đã được xếp đặt theo thứ-tự hợp-lý không ? Vì sao ?
 - b) Tác-giả quan-sát và cảm-nghĩ vào lúc nào ? khi tâm-trạng ra sao ? (cảnh vui buồn là tùy thuộc lòng người).
 - c) Nghiên-cứu năm vẻ lá rụng như có linh-hồn, tâm-tình, cảm-giác khác nhau thế nào ? Mỗi vẻ lá rụng khiến ta liên-tưởng đến những loại người nào khi lìa đời. Ta có thể so-sánh vẻ lá rụng nào với một phi-công khi phi-cơ bị nạn...
 - d) Tác-giả đã kết-thuận ra sao ? tỏ ra có tâm-hồn thế nào ?
 - e) Phê-bình nghệ-thuật diễn-tả !
- 2.— Hình-thức :
 - a) Chứng tỏ cách dùng chữ (dùng ngữ) rất phong-phú và chính xác. Tìm những tiếng tượng hình, tượng sắc, tượng thanh. Phân tích tự-loại và nói tác-dụng của những chữ ấy ! Thứ đặt ba câu với mỗi trạng-tự ở trong bài !
 - b) Nghiên-cứu cách đặt câu, cách áp-dụng mỹ-từ-pháp, lời văn, giọng văn (coi lại phần Hướng-dẫn giảng-văn, nếu cần).
- 3.— Tổng-kết : Nêu ra vài đặc-điểm về nội-dung và hình-thức của bài rồi định cho bài một giá-trị.

29.— Hoa mai

I.— Hoa mai thật có vẻ đẹp thanh-tào. Hoa năm cánh nhỏ xinh-xắn, trắng phau, gốc và cành khúc-khủy. Hoa mai thường nở đều một loạt, đậu chỉ được năm tháng rồi tàn. Nếu được ánh nắng Đông soi rọi vào cây mai đương nở hoa, thì trông có vẻ trong-trắng vô ngần, bắt ta phải liên-tưởng đến tuyết sạch giá trong.

Nếu được hương-sắc, hoa mai thật là một đảnh-hoa.

II.— Hoa mai nở độ mười lăm ngày thì tàn. Mà cái cảnh hoa mai rụng cũng thật là có ý-nghĩa. Chỉ một cơn gió thoảng qua cũng đủ làm cho bao nhiêu cánh hoa trắng rất nhẹ-nhàng êm-ái bay theo gió là-là rơi xuống đất.

Chừng như hoa mai đã nở thì cố giữ được tấm thân cho trong-trắng mà lúc phải tàn-tạ thì coi cái chết như không.

THUY-CHI (báo Ngày-nay)
Trích lại ở Giáo-khoa tập-chí

BÌNH GIẢNG

PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH

1.— Nội-dung :

a) Xét về phần kết-cấu, các ý-tưởng trình bày thứ-tự như thế nào? Có qui vào một điểm nhất định chỉ nói về hoa mai không? Vậy bài văn có tính-cách nhất-chỉ, ý-thống-suốt không?

b) Giảng rõ nghĩa câu đầu. Đặt 3 câu có chữ « thanh tao ». Câu thứ nhì chia làm hai đoạn, mỗi đoạn cho ta thấy những hình ảnh gì? Cây mai đương nở hoa đẹp nhất khi nào, khiến ta liên tưởng đến gì? Tuyết là gì? Giá là gì? « Tuyết sạch giá trong » thường dùng để nói về phần tinh-thần của người con gái đứng-dẫn [Truyện Kiều có câu: « Mai cốt cách, tuyết tinh thần / Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười » để tả 2 nàng con gái đẹp và ngoan nết]

— Kể ít hoa có hương sắc! Giảng nghĩa chữ « danh hoa ». Kể vài thứ hoa được liệt vào hạng danh hoa.

— Tại sao tác-giả nói « Cảnh hoa mai rụng cũng thật là có ý-nghĩa »?

— So-sánh về hoa mai rụng với vẻ nào của lá rụng trong bài trên để thấy ý-nghĩa tương-tự. Tác-giả có giàu tình-cảm và mạnh sức liên tưởng không?

— Câu cuối cùng gây cho ta những cảm tưởng gì?

— Phê-bình nghệ-thuật miêu-tả và diễn ý của tác-giả!

30.— Giàn bầu nậm

I.— Giàn bầu nậm ngoài sân, dây leo và lá chằng-chịt lấp chật ở giàn nửa, đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà.

II.— a) Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sân bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn vào áo trắng dài cậu Chiêu đang hấp-háy mắt ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buồng thông xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành áo lụa màu xanh... Đây là cái màu dịu mắt của chiếc ngọc bích; đây là... màu xanh của những cánh đồng lúa...

b) Trận gió nam từ ngoài lũy tre thưa đưa vào làm va đụng vào nhau những bình rượu của Tự-nhiên. Giá thời tiết đi sâu một ít nữa vào ngày tháng của một mùa, giá những quả bầu đã được kào lắn cứ như chất vỏ cây khô thì mỗi khi cơn gió vào đây những bình rượu va đập vào nhau, người ta sẽ có cả hình và tiếng của lũ khách đất nung ở cái sân cảnh một gia-đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắn từng quả bầu nậm, và lúc buồn tay quá, lắc quả bầu mạnh, ở trong như nghe có tiếng nước ọc-ách. Trông sướng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Quả bầu nậm! Bầu rượu! Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng.

III.— Trời chiều, đứng nắn bầu nậm, cậu Chiêu thấy bưng thú trong sự ti-mỉ... Xé mảnh vải điều, buộc vào cái ngẵng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng-vẽ của buổi chiều nhà quê: — Thất chật dây lại tí nữa thì dăng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Tròn quả này méo sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra dây nắn mãi cho nó bớt tẹt đi.

Nguyễn-Tuân (Vang bóng một thời)

LUẬN VĂN: Tả một giàn mướp đang lúc nở hoa kết trái.

ĐOẠN III. TẢ NGƯỜI
HÌNH DẠNG, NGÔN-NGỮ, TÂM-LÝ, TOÀN-DIỆN
NGƯỜI HOẠT-ĐỘNG, XEN

31. + Một người nghèo

I. — Bây giờ thì ông Đối nghèo rồi. Ba năm ủng thủy liền lại một năm đại hạn, cộng với một năm nữa có nạn dịch trâu bò đã làm cho người nông-dân trung-lưu tụt xuống cái vùng bần lũy vô sản.

II. — a) Xưa kia một mũi ông Đối cũng dễ coi, sáng-sủa nếu không gọi là phương-phí hẳn-hoi. Xưa kia, thỉnh-thoảng ông ra tỉnh với cái áo the mới và đôi giày Gia-định đóng danh tre cái ở thắt lưng màu hoa hiên...

b) Bây giờ mặt mũi ông trông góm chết, hai mắt hóa toét nhèm, hai má hõm lại như hai lỗ đào và có điều lạ-lùng nhất, không ai hiểu được, là xưa kia hai hàm răng ông đều đặn hẳn-hoi thì bây giờ hốt-nhiên vầu tương mãi ra, đến nỗi mồm ông lúc nào cũng ha-hốc mà mình như muốn mím môi lại thì khó-khăn lắm.

c) Đến quần áo ông nữa mới lại thảm-hại. Cái áo cánh nâu, cái quần nâu mà vá cả vải thâm, cả vải trắng, thật là đeo dây buộc giùm, khâu trùn giá lóp, mà vẫn lòi-thời lố-thốc, rách-rưới quá một thẳng ăn-mày. Chỉ duy cái mũ trên đầu là lành-lặn, nhưng đó là cái mũ chào-mào không biết ông nhặt được ở đâu, cho nên sự vô tội của cái mũ làm cho quần áo ông lại tiêu-tụy hơn, và làm cho cả người ông thành ra ngòm, không ra cái quái gì nữa.

III. — Từ khi ông Đối mặc áo rách, ông ra tỉnh với em ít hơn.

VŨ-TRỌNG-PHỤNG
(Trúng số độc-đắc)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể : Bài văn xuôi này viết theo loại miêu-tả người về phương-diện gì ? — [Thử nói rõ thể nào là tả người về diện-mạo, hình, dáng, y-phục, ngôn-ngữ, tâm-lý, là tả người toàn diện].

2. — Xuất-xứ : Trích ở tiểu-thuyết dài tâm-lý xã-hội « Trúng số độc-đắc » của Vũ-trọng-Phụng. Truyện kể một thanh-niên khí-khải thủ-nghiệp bị vợ và cả gia-đình coi rẻ bống trúng số độc-đắc. Mọi người kinh-nể chàng từ đấy...

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa các chữ khó : ủng - thủy, đại-hạn, trung-lưu, phương-phí, giày Gia-định, màu hoa hiên, lỗ đào, mũ chào-mào, ngòm v.v...

2. — Bố-cục : Chia phần, phân đoạn bài này. Tóm ý từng phần, đoạn...

3. — Đại-ý : bài này nói về gì ?

4. — Chủ-đích ?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

1) Xét trước về cách kết-cấu (cách dàn ý) có hợp-lý không ? Tác-giả đã nhập-đề bằng cách gì ? Thân bài đã đặt theo tiêu-chuẩn nào ? kết-luận bằng cách nào ? Vậy bài có tính-cách nhất-chỉ không ?

2) Nội-dung có súc-tích không ? — Tại sao ông Đối nghèo ? — Xưa kia ông thế nào ? — Tại sao giày lại cái ở thắt lưng ? — Vậy ông có phải là người hoang-phí không mà đến nỗi nghèo ? Ta có cảm-tưởng gì khi biết là cái nghèo không phải tại ông ? Ông còn vững tinh-thần không ? Hậu quả của sự xuống tinh-thần ?

— Tại sao má ông hõm như hai lỗ đào ? Vậy ông còn đủ răng hàm không ? — Tại sao răng ông vầu ? « Mồm ông lúc nào cũng ha-hốc » chứng tỏ tinh-thần, tâm-trạng ông ra sao rồi ?

— Quần áo ông ra sao ? Vậy ông đã nghèo lắm chưa ? Mũ của ông ra sao, đã gây ảnh hưởng gì ? Tác-giả đã quan-sát ông Đối với tấm lòng thế nào (thương, ghét, khinh... ?).

— Câu cuối cùng cho ta biết ông Đối về phương-diện gì ? Có đúng tâm-lý một người sa-sút nghèo-nản không ?

— Toàn bài gây cho ta những cảm-xúc gì ?

III.— Kết-luận: Miêu-Kỳ thuộc dân đảo nào?

3.— Đại-ý: Bài này tả Miêu-Kỳ. Tác-giả chú-trọng những điểm nào?

III.— PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH.

1.— Nội-dung:

a) Về phương-diện kết-cấu, ta nhận thấy nhập-đề và kết-luận cùng tính cách giới-thiệu Miêu-Kỳ. — N 1 công dụng của cách đó?

Ở đây tác-giả dùng tới nhập-đề trực-khởi.

— Thế nào là nhập-đề trực khởi? — Thế nào là nhập-đề lung-khởi?

b) Nội-dung. Ở đoạn 1) và đoạn 2), tác-giả mô tả một cách rất lược về hình-dáng Miêu-Kỳ, tác-giả chú trọng đến sự giải-thích.

— Những nét đặc-biệt của người da đen ra sao? Nước da của Miêu-Kỳ ra sao? Răng Miêu-Kỳ ra sao? Có phải là màu răng thiên-kiến không? Tại sao răng cô màu đen như thế?

— Hãy phê-bình hai đoạn này.

— Ở đoạn 3 nói Miêu-Kỳ phải tuân theo những điều gì? — Có biết ý kiến của trò về những điều cấm đó? — Hình như nhà cô đi nào tương-tự phong-tục Nao-giáo mà dân ta trước đây cũng tuân theo không?

2.— Hình-thức:

Về phương-diện bút pháp, ở hai đoạn mô-tả hình-dáng, ta thấy tác-giả dùng nhiều màu sắc (đỏ, xanh thẫm ngả sang đen, đen đỏ, tím ngả sang nâu, đen nhánh). Tại sao tác-giả có ý tả nhiều màu sắc như thế?

Chữ với (với một mở tóc) dùng ở câu 2 có vẻ Tây không, đúng không? — Có chữ nào dùng thừa trong câu không?

— Tìm những câu có *lệ-lệ* (so-sánh có chữ như).

— Lời văn bài này giản-dị, gọn gàng không? Chứng tỏ?

— Bộ-cục có cân đối không? So-sánh phần nhập-đề với kết-luận.

— So-sánh 3 đoạn trong phần II.

3.— Tổng-kết:

Tóm lại, bài văn này có giá-trị gì? Có những ưu-điểm gì? khuyết-điểm gì?

TẬP LÀM VĂN

Thuật hình-dáng một người bán hàng rong.

33. + Cha chờ con

I. Chiếc đồng-hồ treo đã chỉ mười một giờ mười lăm. Thường thường vào lúc này, Yến đã về. Ông Hoàng lại ra cửa đến hai lần nữa nhưng vẫn không thấy bóng đứa con gái yêu quý duy nhất của ông.

II. Các sở đã tan việc. Ngoài đường rộn-rã những bước chân nhưng chỉ trong mười phút, lớp sóng hoạt-dộng tràn qua, cảnh vắng-vẽ lại xâm chiếm con đường và lòng người lúc này nặng nhọc và thiếu-não hơn.

Không nản, ông vẫn đưa mắt ra đường tìm bóng dáng con như đợi chờ một niềm hy-vọng. Mãi sau quay vào, lúc ấy đã mười-một giờ mười, ông Hoàng không ngăn nổi tiếng thở dài.

— Lạ thực! Mọi hôm nó có về chậm như thế này đâu.

Vừa nói, ông Hoàng vừa trở lại ngồi sau chiếc quày thu tiền hàng, *trăm mệ* 2. Trước mặt ông vài quyển sổ xếp rất *thứ-từ*, thứ-từ đến nỗi ông Hoàng đôi ba lần muốn đưa tay ra xếp lại nhưng thôi ngay. Ông nhìn ra cửa đắm-dắm, nghe từng bước đi, tưởng-tượng từng dang điệu dầy âu-yếm của Yến, con ông.Hôm nay, Yến về chậm mất hơn mười-lăm phút. Ông Hoàng mong-mỏi rằng duyên cớ ấy chỉ vì Yến bận ở sở. Ông mong-mỏi thêm rằng đâu có chậm thêm ít nữa, Yến yêu quý của ông cũng chẳng gặp sự gì đáng phân-nản ở dọc đường. Trong óc ông, những điều *ngli-ngờ* bắt đầu nổi dậy. Mấy hôm nay, Yến có vẻ mệt nhọc. « Hay là nó ốm? » 3. Ông Hoàng lần-thần nghĩ thế và *tưởng-tượng* sở làm của Yến bận-rộn đông người, những con đường Yến đi về nhien xe cộ, chật-chội, bụi-bặm...

— Nhưng chẳng có lý nào Yến của ông có thể dễ xảy ra tai-nạn được. Không! Yến của ông vẫn bình yên. Yến của ông sắp về, chạy lại với ông, với người cha thân yêu, Yến của ông...

Sự chết-chóc, tai-nạn, trong nháy mắt vẽ ra, dẫu chỉ

trong ý tưởng, cũng đủ làm ông Hoàng kinh hãi đời bỏ chỗ quầy hàng và nóng ruột đi đi, lại lại ...

III. Giữa lúc ông Hoàng lo-lắng thầm trong lòng như thế thì ở ngoài cửa một bóng dáng nhỏ-nhắn hiện ra. Lần này thì thật là Yến, « cô Yến nhỏ » của ông Hoàng.

— Sao con về chậm thế, làm Ba đợi mãi ? ... Con có đói lắm không ? Sao Ba trông con có vẻ mệt thế ?

Yến nắm lấy tay cha, nũng-nịu :

— Không, con chả việc gì cả. Trời đẹp quá, mấy chị làm cùng sở rủ con đi chơi quá mất mấy đường phố. Con biết cha đợi, và con nóng ruột quá.

Ông Hoàng vuốt tóc con, hiền-hậu :

— Lần sau con đừng làm ba đợi nữa nhé. Vừa rồi, Ba chỉ lo lỡ con làm sao ...

PHƯƠNG-CHÂU (Hai tấm lòng sầu)

Xuất-xứ : Trích ở truyện dài « Hai tấm lòng sầu » của Phương-Châu. Truyện kể sự hy-sinh tốt-độ vì con của người cha ở góa.

Chú-thích : 1. *Duy-nhất* : chỉ có mỗi một. 2. *Trầm mặc* : yên lặng nghĩ-ngợi sâu-xa. 3. *Ốm* (ốm đau) : mắc bệnh.

Lưu-ý : Tìm ý-nghĩa những chữ in nghiêng trong bài, nhận-xét những cử-chỉ của ông Hoàng để tìm hiểu tâm-trạng của người cha mong con. Nhận-xét ngôn-ngữ trong bài để tìm hiểu tình cha con đối với nhau, cá-tính của ông Hoàng, cá-tính và tuổi-tác của Yến.

34.— Sợ ma

I. Trời đất ơi ! Một bà lão già nhăn già quéo, tưởng đến hơn trăm tuổi, đang ngồi nhìn chòng-chọc vào mặt ông Hải-Thọ ! ... Một cái nhìn không thể nào của loài người, cái nhìn như chực tâu hết hồn người ta : một cái nhìn hoàn-toàn ma quái ! ... Ông Hải-Thọ hoảng hồn dấy mạnh một cái, chụp cả hai tay xuống phản, vùng mình dậy, hét lên một tiếng lớn. ...

Ai nấy đều thức dậy và chăm-chú nhìn vào mặt ông Hải-Thọ.

II. Mặt ông Hải-Thọ là một khuôn mặt to lớn, hơi thô-kệch, mí mắt dày, da không được sáng-sủa, tuy vậy trong ánh mắt cũng có vẻ lạnh-lợi, và nhất là vẻ quả-quyết. Nhưng bấy nhiêu chi-tiết chưa làm thành đặc-điểm diện-mạo ông Hải-Thọ. Đặc-điểm ấy trông cậy cả vào bốn chùm lông : hai hàng lông mày và hai vệt râu mép. Chán mày ông Hải-Thọ thấp sát mí mắt, gồ lên, lông vừa rậm, vừa cứng, vừa dài. Có những sợi lông về phía đuôi chân mày dài ra và cong xuống gần chấm đến khước mắt. Còn hai chòm râu mép thì cũng đen, cũng rậm, cũng cứng, tựa như hai con sâu róm rất béo tốt phương-phi nằm ngang dưới hai lỗ mũi. Ông Hải-Thọ hễ còn trẻ măng, ở tuổi ấy người nhà quê không bao giờ để râu. Bởi vậy người nhà cụ nghệ Hà và người làng An-Quý len-lén đề ý rất nhiều đến hai vệt râu thanh-niên ấy, nhưng họ cố dấu vẻ ngạc nhiên và tránh mọi câu hỏi tò-mò. Đó là lối dãi-ngộ đầy kính-nể dành riêng cho khách đo-thị, bởi vì mọi người đều cho rằng tung-tích cặp râu ấy ở Sài-gòn. *

Lúc bình thường cặp chân mày và cặp râu làm cho gương mặt của ông Hải-Thọ có vẻ thô-bạo một cách hài-huớc. Nhưng khi ông hoảng lên, thì cả nhà cụ nghệ Hà lo ngại nhìn vào khuôn mặt ông Hải-Thọ đến tưởng thấy bốn chòm lông đen sắp-sửa múa lên hỗn loạn. Cả râu cả chân mày đều nhấp nha nhấp nháy, cựa quậy, tỏ ra hết sức nóng-nảy. Tất cả chúng như bốn sinh vật — bốn con sâu róm — đang quẩn-quai, mong thoát khỏi vị-trí chật hẹp của mình để vẫy-vùng. Người ta chưa ghi vào điển-tích một trường hợp sâu róm hóa rồng, thực là điều đáng tiếc.

III. Khi ông Hải-Thọ trông thấy mọi người chăm-chăm nhìn mình, tưởng như không có việc gì quan trọng hơn nữa xảy ra, ông ta lên tiếng hỏi có vẻ bất bình :

— Thế này là cái quái gì ?

Bà Hải-Thọ liền hỏi lại :

— Minh thấy cái gì ?

- Thế không thấy cái gì cả à ?
 - Có thấy cái gì đâu ! Nghe hét hoảng cả hồn vía.
 - Thế thì lạ thực. Một con ma vừa ngồi ngay trên phần này, rõ-ràng thế mà bảo không trông thấy là nghĩa lý gì ?
- Thật là việc không có nghĩa lý, vì không ai trông thấy cả.

Trích Đến khi ma chết của VÕ-PHIẾN

LƯỢC GIẢNG

1.— Nội dung :

- Xét riêng bốn chữ « Già nhẵn già quéo », ta đã có thể tưởng tượng được bà lão già ma mà Hải-Thọ thấy có diện-mạo hình vóc thế nào ? (béo mập ? gầy-guộc . . . ?)
- Phản ứng của Hải-Thọ khi thấy ma ra sao ? Chứng-tỏ được sức mạnh tinh-thần của hắn vào mức độ nào ? (nhút nhát ? điềm tĩnh ? quả quyết ? . . .). — Tinh-thần ấy có phù-hợp với diện-mạo của hắn không ? (Đọc kỹ câu đầu đoạn II).
- Cõi diện-mạo Hải-Thọ, ta có thể đoán được phần nào tâm-trí thức và tính-tình, tâm-trạng của hắn không ?

[Theo truyện, Hải-Thọ có tiệm thuốc có treo tấm bảng hiệu viết như thế này :

HẢI-THỌ DƯỢC PHÒNG

Chuyên trị các chứng bệnh nội-thương ngoại-cảm của nam phụ lão ấu.

Chuyên-môn chữa 72 chứng đau mắt, bảo-đảm lành hẳn.

Có bán đủ các thứ thuốc cao đơn hoàn tán và chích thuốc tây theo toa bác-sĩ.

Hải-Thọ cùng vợ con đi một chiếc xe hơi về các chợ quê để quảng-cáo bán thuốc. Xe bị hư hại nặng vì đâm vào một đầu cầu. Trong khi chờ đợi thợ sửa chữa xe, Hải-Thọ và vợ con phải ở nhờ nhà cụ Nghè Hà tại làng An-Quý đã hai ngày một đêm giữa mùa hè rất nóng bức, khó ngủ . . .]

- Tả là vẽ [Vẽ có nhiều cách : vẽ truyền chân ; vẽ phóng, phác qua, hoạt-họa, hài-hước mạn-họa (caricature)]. Ở đây tác-giả tả theo lối nào ? Tác-giả chỉ cần làm nổi bật lên đặc-điểm nào ? — Có linh-động không ? — Chứng tỏ !
- Tìm những đoạn nào nêu rõ được tính-cách hài-hước.
- Người nhà cụ Nghè Hà đối với ông Hải-Thọ ra sao và có thái-độ thế nào khi thấy Hải-Thọ hoảng hồn sợ ma.
- Xét lời đối-thoại trong bài để tìm hiểu tâm-lý vợ chồng Hải-Thọ ?

35.— *Sợ chết*

I.— Người thiếu-niên rùng mình *nghĩ đến cái chết*, vì có lẽ chàng không qua khỏi được. Chàng thấy mình yếu quá, nhìn cánh tay cứng và gầy đét như củ khô, nhấc không nổi, như không còn là của-chàng nữa.

II.— a) Chết thật? . . . Người thiếu-niên vô cùng *sợ-hãi*. Đột-nhiên chàng thấy thần Chết đứng rình ở góc buồng, bộ xương trắng bệch nổi lên trong xó tối, cái lưỡi hái sáng quắc lăm-lăm trong tay. Thần Chết nhe hai hàm răng cười gằn và sắp sửa khoa lưỡi hái cắt đứt đời chàng. Chàng rên lên một tiếng rất thê-thảm rồi nhắm nghiền mắt lại. Trong trí chàng : thần Chết và lưỡi hái càng rõ-rệt hơn.

Thiếu-niên *hoảng-hốt*, trán đầm mồ-hôi, tuy người chàng vẫn lạnh giá dưới hai lần chấn bồng. Lần đầu tiên, cái chết đối với chàng có một ý-nghĩa khủng-khiếp. Lúc mạnh, thỉnh-thoảng chàng cũng có nghĩ đến, nhưng ý nghĩ đó không chiếm được tâm-trí của chàng ; nó tào ngay vào những công việc hàng ngày

b) Một bọn thợ gặt léo-xéo ngoài đường đi. Họ nói chuyện vui-vẻ, thỉnh-thoảng lại cười vang. Người thiếu-niên thở dài, *nghĩ đến* những bắp thịt lằn, những màu da rám nắng. Chàng thấy *thèm-thưởng*. Chàng sẵn lòng đem hết tư-tưởng, hoài-bảo một đời mà đổi lấy, miễn là được sống.

Được sống ! Thở không-khí, đi lại, ăn uống, cho cả đến vui buồn, đau thương, trong lúc này *chàng thấy việc nào cũng có cái thú mê hồn, cái thú của người khỏe mạnh, yêu đời*.

c) Như muốn trèo cột người ốm một cách độc-ác, giữa lúc đó, những tia nắng buổi chiều xô nhau vào buồng. Người thiếu-niên trần-trần nhìn ánh nắng rồi con mắt lơ-dờ đưa ra khắp các vật quanh mình. Chàng cố giơ tay ra nắng, cánh tay không nhúc-nhích. Chàng *muốn* thở một hơi thật mạnh, cho không-khí tràn ngập cái ngực lép để hút lấy, nín lấy sự sống quanh mình. Đom lên cổ. Hơi thở nóng như ở trong một lò than. Hình ảnh thần Chết vẫn cười gằn.

III. — Người thiếu-niên cắn chặt lấy môi, rít lên một tiếng rồi nước mắt từ-từ ứa ra chảy thấm ướt cái áo gối bông, làm lộ mấy sợi chỉ đỏ lẩn bên trong.

ĐỖ-ĐỨC-THU (Vỡ lòng)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn thuật-sự hay miêu-tả gì, về phương-diện nào ?
2. Xuất-xứ : Bài này trích trong tác-phẩm nào ? Của ai ?
3. Tác-giả : Cõi phần « Tiền-sử các tác-giả có văn xuôi trích-giảng » ở đầu sách.
4. Tác-phẩm : *Vỡ lòng* xuất-bản năm 1940 là một truyện dài in chung với 7 truyện ngắn.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — **Giải-nghĩa :** *Gãy dết* : gãy chỉ còn da bọc xương.
Lưỡi hái : Cái liềm lớn có cán dài.
 [Thần chết với lưỡi hái ở bài này là hình ảnh vẫn thường in trong các sách Pháp. Thiếu-niên đã thấy hình đó khi đọc sách nên lúc sắp chết lại dễ tưởng-tượng ra].
Léo - xéo : Nói léo-xéo : nói nhiều và to tiếng. Ở đây là tiếng nhiều người đua nhau nói.
Hoài bão : Mong ước.
Trần-trần nhìn : Nhìn chăm-chú.
2. — **Bố-cục :** Bài này chia làm 3 phần :
 Phần I : Bệnh nặng, thấy mình yếu quá, thiếu-niên nghĩ đến gì ?
 Phần II : Đại-ý phần này nói gì ?
 Phần này lại chia làm 3 đoạn. Tìm ý chính của mỗi đoạn !
 Phần III : Chàng khóc ra sao ?
3. — **Đại-ý :**
 Hãy tóm-tắt đại-ý bài. Tác-giả muốn làm nổi bật lên điều gì ?
4. — **Chủ-đích :** Đọc kỹ đoạn thứ nhì phần II rồi cho biết chủ-đích của tác-giả.

III. — PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- a) Tâm-lý thiếu-niên biến chuyển ra sao ?
- b) Tại sao thiếu-niên nghĩ tới cái chết ?
- c) « Lúc mạnh, ý-nghĩ về cái chết tan ngay vào công việc hàng ngày » nghĩa là thế nào ? Tại sao ?
- d) Ngoại cảnh có ảnh-hưởng gì tới tâm-lý thiếu-niên ?
- e) Cử chỉ của thiếu-niên khi thấy ánh nắng có đúng không ? Tại sao thiếu-niên muốn thở mạnh ?
- g) Tại sao chàng khóc ?
- h) Thiếu-niên có phản ứng lại với cái chết không ?
- i) Những nhận-xét của tác-giả có tỉ-mỉ, sâu-sắc không ? Chứng-tỏ !

2. — Hình-thức :

- a) Cách dùng chữ của tác-giả cầu-kỳ hay giản-dị ? Chứng-tỏ !
- b) Lời văn dễ hiểu, vậy đặc-tính bút-pháp của tác-giả thế nào ?
- c) Tác-giả tả thần chết có cụ-thể không, linh-hoạt không ?

3. — Kết-luận :

Tả tâm-lý rất đúng, quan-sát thấu-đáo, lời chải-chuốt nhưng không cầu-kỳ.

TẬP LÀM VĂN

Tả một người mắc bệnh lao và phân-tách tâm-trạng của người ấy.

36. — Người bệnh lao

I. — Trương thấy ngựa ở cõ và ho bật lên mấy tiếng cho đỡ ngựa. Đưa mắt nhìn không thấy có ống phóng, chàng liền đứng vội dậy, ra phía cửa sổ, hé mở một cánh cửa nhỏ ra ngoài. Chàng toan quay vào bỗng ngừng lại, chàng thấy có một sự gì khác, và chăm-chú nhìn bãi đơm vương ở cánh cửa sổ.

— Hình như có máu !

II.— Trương không biết mình đã kêu thốt ra câu ấy hay chỉ nghĩ thầm trong trí, nhưng chàng nghe thấy rõ-ràng lọt vào tai như là tiếng của người vô hình đương sợ-hãi nói cho chàng biết sự gì khủng-khiếp.

Trương lấy ngón tay gạt đờm xuống cửa sổ, trên nền vôi xanh chàng nhìn thấy rõ-ràng là máu ; máu loang ra gần nửa bầu đờm màu đỏ tươi và thắm như còn giữ nguyên cái sống của thân-thể chàng.

III.— Trương lấy làm ngạc nhiên sao mình lại sợ-hãi đến thế, tuy chàng đã biết chắc chết từ lâu rồi. Mọi khi chàng chỉ cảm thấy mình sắp chết, chứ chưa bao giờ như lần này chàng nhìn thấy cái chết hiện ra rõ-ràng trước mắt. Chàng lăm-băm nói một câu tiếng Pháp :

— Hừ, sắp đến nơi rồi.

Chàng có cái mừng rỡ đau đớn của một người bị tử-hình sắp được lên mây chém, sắp được thoát nợ.

NHẤT-LINH (Bướm trắng)

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI-THIỆU :

1.— Văn-thể :

Tả người về tâm-lý.

2.— Xuất xứ :

Trích ở cuốn tiểu-thuyết nào ? Của ai ? (Xem thêm phần tiểu-sử các tác-giả).

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1.— Giải-nghĩa :

Ống phóng, hé mở, vô-hình, loang.

2.— Bố-cục :

Chia bài ra làm ba phần :

— Trong phần I, Trương chú-ý đến cái gì ?

— Trong phần II, Trương nghĩ gì và làm gì ?

— Trong phần III, Tâm-lý Trương thế nào ?

3.— Đại-ý bài này nói gì ?

4.— Chủ-đích bài này ? (Đọc kỹ câu cuối cùng).

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

a) So-sánh cách kết-cấu bài này với cách kết-cấu bài *Sợ chết* của Đỗ-đức-Thu ở trên.

b) So-sánh sự sợ hãi của hai người ở hai bài.

c) Tác-giả có tỏ ra sâu-sắc về sự nhận-xét tâm-lý bệnh nhân không ? — Chứng tỏ ! (Nên biết : vào thời tác-giả bệnh lao ho ra máu chưa có thuốc gì chữa khỏi).

d) Trương gạt đờm để làm gì ? Cữ-chỉ đó có tự-nhiên không ?

đ) Tại sao Trương ngạc-nhiên ? Tại sao chàng có cái mừng rỡ đau đớn.

g) Bài này đã gây cảm-xúc như thế nào cho người đọc ?

2.— Hình-thức :

a) Tác-giả có dùng những chữ cầu-kỳ, khó hiểu không ?

b) Cách xử-dụng mỹ-lữ-pháp ra sao ?

c) Tìm những *trạng-từ* và nói tác-dụng.

d) Cách đặt câu thế nào ? Câu dài câu ngắn khác nhau có ảnh-hưởng gì đến tâm-lý người đọc ?

3.— Tổng-kết : Tác-giả, bằng lời văn trong sáng và giản-dị đã mô-tả một cách sâu-sắc tâm-lý người bệnh lao nặng.

TẬP LÀM VĂN. Thuật lại hành-dộng và cảm-tưởng của trò trong một thời-kỳ nằm bệnh.

37.— Con đường sáng

Cảnh đời náo-nhiệt mấy hôm vừa qua, Duy thấy xa-xôi lùi lại trong ký-vãng mịt-mù lần những hình ảnh xưa của cuộc đời truy-lạc từ nay không còn đủ sức cảm dỗ chàng nữa.

Duy nhận thấy mình như một người vừa mới khỏi bệnh cổ truyền. Chàng đã là một người khác, không còn do-dự như trước, có đủ cam-dảm theo đuổi những công việc định làm cho đến cùng. Duy nghĩ đến dân quê, nhớ lại gian phòng

sách và vui mừng đã hiểu nguyên - nhân giản-dị của sự ngu muội đề lên tâm-trí những người nghèo khó, chàng sẽ cũng như họ nếu chàng không được học và không biết suy - nghĩ. Chàng đã được học, được hiểu biết, điều cốt - yếu là chàng phải tự tu, tự luyện hàng ngày để hiểu thêm và làm cho người khác cũng hiểu như mình. Lúc nào cũng như lúc nào, chàng cũng phải vì mình, vì người mà gắng sức làm cho mình, cho người hơn lên, không bao giờ nản.

Duy nhìn lên. Giàn đậu vắn in lên vòm trời lam những chiếc lá xanh lục, những bông hoa màu tím nhạt, và bỗng-nhiên, cả một thời-kỳ thơ-ấu hiện ra, đầy ý-tưởng trong sạch và ý muốn làm việc thiện.

Một vài con bướm lượn trong ánh nắng, chốc chốc bay sát lại gần giàn đậu. Có con nhẹ-nhẹ đặt mình lên một bông hoa. Duy trông như một bông hoa thứ hai, hinh-dộng sẽ rung cánh rồi rồi cánh bay lên không. Duy có cái cảm-tưởng con bướm đã bay từ hồi chàng còn nhỏ. Cả giàn đậu như cũng sống từ thuở ấy. Còn chàng, chàng vẫn là người học-trò nhỏ, tâm-hồn đầy hoa và mộng. Là vì cũng như hồi nhỏ, chàng thấy ở đời là vui và mong-mỏi một tương-lai hợp với lý-tưởng.

Duy thấy lòng vui sướng như trong bầu lại bao nhiêu những vần đục đều gan sạch, chỉ còn cái bản-tĩnh tốt của trời xuân. Lòng nhiệt-thành vị-tha của chàng, hồi còn đi học, bỗng đứng sống bỗng - bột trong người và ý muốn thay đổi xã-hội của tuổi thơ, Duy cảm thấy tha-thiết như lời khuyên nhủ của nhân-lâm.

Duy ngắm kỹ giàn đậu. Thân cây mạnh-mẽ cứng-cáp, cành uốn theo cột vút lên, chia nhánh đâm chồi; chàng thấy trong đó một sức mạnh vô cùng từ-tồn và kiên-nhẫn đi đến mục-dịch: đâm hoa, ra quả, sống. Duy vui-vẻ nhận bài học của cây, chàng sẽ kiên-gan theo đuổi công-việc đã định đến lúc thành-công. Ở trong vòng tài-trí của chàng, chàng thấy cần phải làm hết sức để cải-cách cuộc đời bên ngoài. Cùng với giàn đậu kia, còn biết bao nhiêu là giàn đậu khác đương mạnh-mẽ đâm hoa ra quả; cùng với chàng còn biết bao nhiêu người đương hẳn-khoan... mau để đem đến cho người khác một đời êm-dẹp hơn.

HOÀNG-ĐẠO (Con đường sáng)

38 - Hai nếp sống

I. Huệ thuê nhà của một bà cụ bán cháo, sồi. Căn nhà chật hẹp và ẩm mốc, chỉ vồn-vẹn có hai người. Hàng ngày họ ra vào im lặng như những cái bóng.

II. a) Cụ Chín là một bà già kỳ-dị. Cuộc sống của cụ âm-thầm và cô-độc đến độ khó hiểu. Ban ngày cụ quầy hàng lên chợ. Đến tối trở về thì cụ rút vào cái buồng xếp chỉ vừa-vặn kê một cái ghế bố, không đồ-đạc hòm xiềng, không nổi niêu ấm chén, cũng không có cả ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ. Bà cụ ăn uống ở trong bóng tối âm-thầm đầy muối và hơi ẩm. Những bữa cơm của bà, Huệ chỉ nghe thấy tiếng nhai chèm-chép, nhỏ-nhẻ, uể-oải và nặng nhọc. Một lúc lâu nghe thấy tiếng ngáy. Lúc ấy là lúc bà cụ đã chum kín mít cái mền rách hơi-hám sặc-sụa lên đầu và ngủ một giấc đến sáng.

Ít khi Huệ nghe thấy bà ta nói một câu. Ở trong nhà, hai người ít nhìn nhau. Nhiều lúc Huệ muốn biết bà ta nghĩ gì về mình, nhưng trong cái nhìn lạnh-lẽo, thờ-ơ ấy, Huệ không thể nào đoán được...

b) Phòng ngoài, Huệ kê một cái đi-văng ở sát vách... Cạnh đây là một cái bàn gỗ đầy bụi bần. Mặt bàn rất bừa-bãi, chiếc gương vỡ đặt ghech lên ngọn đèn dầu, mấy hộp phấn, lọ nước hoa rở tiền xếp ở trên mấy tập bài hát in không có nhạc. Huệ cũng đọc cả tiểu-thuyết nữa. Cuốn truyện Huệ mua «xon» từ mấy tháng trước mà hầu như không bao giờ đọc hết cả. Nàng lăm-bầm đọc từng trang, từng chữ. Chỗ nào hiểu được thì cười một mình, rồi đọc lại, đọc lại nữa vì có thể ngày mai Huệ đã quên mất đoạn ấy rồi. Lúc nào không đọc truyện thì Huệ nằm lơ-mơ ở trên đi-văng nghe tiếng chuột chạy sột-sạt trên mái lá, tiếng trẻ con lao-xao ở đầu hồi, hoặc đôi khi có tiếng đàn của bác Tôn gảy vu-vơ ở ngách ngoài...

Trích *Thềm hoang* của NHẬT-TIẾN

39. - Con đói, mẹ đau

I. Thăng Giăng nằm trong thùng sữa khóc lên ngằn-ngặt. Có lúc bằng đi từng hơi, rồi nó lại gào lên đến nhưc đến buốt ruột. Mặt nó đỏ gay, cái mồm há rộng ra, cặp môi xám lại, hai tay nó khuỵu loạn xạ, rụi lên mắt, lên đầu.

II. Huệ chộp đi, chột nghe tiếng khóc vội-vàng gương dậy. Nàng gạt cái mền sang một bên, rồi quơ xuống găm tìm đôi guốc mộc. Hai tay Huệ bám lấy thành giường. Chân nàng run bầy-bầy. Mắt Huệ mở to. Nàng nom thấy những vật đen xám, chạy như đàn cừi phía đằng trước. Khuôn cửa đầy ánh nắng mà Huệ thấy như đang tối lại. Những nan gỗ cong lên, nhòe bóng với nhau. Tiếng khóc của đứa bé như có cạnh sắc đâm vào đầu buốt thon-thót. Bất giác Huệ nhắm mắt lại. Chung quanh nàng tối sầm đi. Huệ thấy màng tai mình rung lên, âm vang như hồi ngân của một cái chuông lớn. Vừa đứng lên được, Huệ lại phải ngồi xuống mép giường. Mồ-hôi nàng vấp ra sầm-sập lung áo. Một lát định thần trở lại, nàng tiến đến chiếc thùng gỗ, lôi cái dùm ới ra ngoài. Thăng Giăng vẫn khóc ngằn-ngặt ở bên trong. Nàng ôm nó vào lòng nựng-nịu. Đứa bé hực lên một tí rồi nín bặt. Huệ ôm nó đi lại phía mặt bàn. Một tay Huệ đỡ lấy nó, một tay nàng dốc mãi cái hộp sữa vào bình. Huệ kè mồm vào mép sắt, hai má phồng lên, thổi phù phù. Dòng sữa văng nhạt trào ra lỗ thủng, chảy lăn-tăn rồi teo lại. Cái mẹt mỗi lúc nẩy lại bắt đầu làm hai chân Huệ run bần. Nàng đặt thăng Giăng lên mặt trống rồi đứng tựa vào thành cửa thờ hồng-hộc.

Một lát, nàng lại bàn lấy hộp sữa mới, mang xuống bếp. Nàng nhớ đến con dao phay mà bà cụ Chín vẫn gác trên nóc trạn. Huệ ngửa mặt lên nhìn. Mắt nàng bắt đầu hoa. Hai bàn tay khẳng-khiu run lên. Mồm nàng mím lại. Nàng phải nắm chặt lấy cái núm gỗ ở thành trạn mới khỏi khuỵu xuống. Rồi Huệ nom thấy cái thùng gác trên mái loe to ra, nặng-nề như muốn đổ lên đầu. Lốp mồ-hóng rung-rinh trên nóc bếp bây giờ xoay tròn, nghiêng-ngả như đang chịu đựng một cơn bão

lốc. Trước mắt nàng, vách lá bắt đầu xoay ở chung quanh. Bốn bề bỗng dưng đổi sang sắc tím. Trên cao liên-tiếp như có những khối lớn nặng-nề rơi xuống đầu Huệ.

III. Nàng hét lên, buông hộp sữa ra khỏi bàn tay, rồi ngã vật xuống. Mồ-hôi Huệ nghe thấy thăng Giăng khóc rất xa...

Trích *Thềm hoang* của NHẬT-TIẾN

LƯỢC GIẢNG

Xuất-xứ : Bài « Hai cuộc sống » và bài « Con đói mẹ đau » trên đây đều trích ở truyện dài « Thềm hoang » của Nhật-Tiến.

Huệ, nhân-vật trong bài này, là một gái giang-hồ đã hết thời xuân sắc và hết tiền. Nàng mới sinh con, kết quả của một cuộc tình duyên ngắn-ngủi tạm-bợ với một người Pháp đã về nước. Nàng bị băng huyết khi sinh nở và đang đau bệnh. Được bác Tôn, một người mù hát dạo giúp đỡ, nàng mới có sữa nuôi con....

Nội-dung :

- Đọc câu đầu, ta đã có thể biết được thăng Giăng là đứa trẻ sơ-sinh, con nhà nghèo và vắng vẻ không ? (Đề ý chữ : *thùng sữa, khóc ngằn-ngặt*). Đứa trẻ « nằm trong thùng sữa » rỗng mà khát sữa, tác-giả có dụng công khi tả như thế không ?
- Tại sao thăng Giăng có lúc bằng đi từng hơi ? Nó khóc có lâu không ? — Khi chột nghe tiếng con khóc, Huệ đã có những hành-động nào ?
- Những chi-tiết nào chứng tỏ : — Huệ đang bệnh nặng vì mất nhiều máu khi sinh con. — Huệ cố gắng quá sức. — Huệ ngất đi... Câu nào chứng tỏ rõ-rệt nhất tình mẹ thương con ?
- Những chi-tiết nào chứng tỏ cảnh nhà nghèo ?
- Huệ định lấy dao phay để làm gì ?
- Tại sao Huệ nghe thấy thăng Giăng khóc rất xa ?
- Đọc xong bài này, trò đã có những cảm-tương và ý nghĩ gì ?
- Rút ở bài này ra một bài học luân-lý.

40. — Cự Giáp

I. — Ở trong làng và khắp mấy tổng lân-cận, ai cũng mến phục Cự Giáp. Họ mến phục Cự không phải vì Cự thông-thạo kinh-kê, biết rộng về đạo Phật. Xuất thân đi ở chẵn trâu cho nhà chùa, Cự còn biết rộng sao được.

II. — a) Nhưng vì Cự cao tay và giỏi các phép ngoại, những bùa của Cự đã nổi tiếng khắp vùng là linh-thiên. Ai có người nhà bất-hạnh chết vào giờ trùng, chỉ việc đến xin Cự một đạo bùa về yểm là gia-đình sẽ chắc-chắn được yên lành. Ai có mụn nhọt, cái ổ gà đau-đớn ở nách, cái đinh râu nguy-hiêm ở cằm, ở môi, đến nhờ Cự khoản cho, sẽ khỏi tức-khắc.

b) Rồi nhiều ít, muốn cúng bao nhiêu tùy tâm, Cự không nài, nhưng thường thường người ta cũng rất hậu để trả ơn Cự một cách xứng-đáng cũng có, nhưng nhất là để tránh sự báo thù ghê-gớm của Cự.

Thực ra Cự chưa «phản» ai bao giờ, nhưng người ta vẫn sợ bóng, sợ vía Cự và huyền-truyền những bí thuật của Cự, khiến người nghe phải rùng-rợn, dựng ngược tóc gáy. Bởi vậy, Cự vừa kể những điều mà đức Thánh-Mẫu về bảo cho Cự biết trong giấc mộng, mọi người xuyết-xoa tin ngay.

III. — Và bởi vậy, ngôi đền Mẫu sắc-sở đủ các màu, lấp-lánh những mảnh sứ chói lọi, những cột son, những cửa vồng vàng, chỉ trong vòng có gần một năm đã hoàn-thành.

KHÁI-HUNG (Thừa tự)

40. + *Người đàn bà xấu*

I. — Chị Doãn là một người đàn-bà có cái nhan-sắc của một người đàn ông không đẹp trai.

II. — 1) Hai con mắt nhỏ, gò má cao, cặp môi phàm-phũ, dáng người thô tục, những ngón tay tròn và dài như những quả chuối ngự.

2) Như vậy mà lại đi ăn mặc tân thời ! Răng trắng nữa, trời ạ ! Cái áo dài lượt-thướt màu xanh, cái quần nhiều t ăng trai-lơ, đôi giày cao gót có quai kiểu gái nhầy, với mẫu khăn vành râu, ngần ấy thứ lại càng làm lộ cái mỹ-miệu của sự thô-tục, lại càng làm tăng cái choáng-lộn của sự kêch-cỗm.

3) Đã thế trong khi chuyện-trò, thỉnh-thoảng lại chêm vào một vài câu tiếng tây, ra ý khoe-khoang vốn là nữ học-sinh.

III. — Tôi bỗng có cái cảm-tưởng man-mác rằng người đàn-bà này, những lúc nhà vắng, hẳn đã huyết còi như một ông linh tây say rượu.

VŨ-TRỌNG-PHỤNG (Lấy vợ xấu)

BÌNH GIẢNG

I. — PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn thể : Bài này tả người về phương-diện nào ? Viết theo lối văn gì ? Giải-thích rõ thể nào là tả chân.

2. — Xuất-xứ : Đoạn văn này trích trong « Lấy vợ xấu » đăng trong Đông-dương tạp-chí ngày 18-9-1937.

3. — Tác giả : Xem phần « Tiểu-sử các tác-giả » ; Chú-trọng đến những đặc-điểm về văn-từ của Vũ-trọng-Phụng.

II. — PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : Nhan-sắc : Sắc đẹp. Mối phàm-phũ : Ý nói : môi dày miệng rộng. Thô-tục : (Thô-bỉ, tục-tần) : to lớn cục mịch có vẻ dề-tiền. Chuối ngự : tên một loại chuối nhỏ. Tân thời : theo thời mới. Dài lượt-thướt (dài lẽ-thề) : quá dài một cách mềm-mại. Nhiều : Thứ hàng dệt bằng tơ mặt nổi cái. Trai-lơ : Lẳng-lơ không đứng-đắn. Khăn vành râu : Khăn vấn tóc quấn thành hình vành (tròn và giẹp) của cái râu (đồ dùng để lọc lấy bột nhỏ). Mỹ-miệu : Xinh đẹp. Choáng lộn : làm lóa mắt, rối cả mắt. Kêch-cỗm : quê-kêch lỗ-lỗ.

2. — Bố cục : Bài này chia làm 3 phần :

1) Nhập-đề : tác-giả cho ta một cảm-tưởng tổng-quát về nhan-sắc của chị Doãn.

II) *Thân bài* : chia làm 3 đoạn. Tìm ý chính của mỗi đoạn.

III) *Kết-luận* : cảm-tưởng có vẻ khôi-hài của tác-giả về tính nết của chị Doãn.

3.— *Đại-ý* : Tác-giả trình-bày những điểm đặc-biệt gì của chị Doãn ?

4.— *Chủ-đích* của tác-giả khi viết bài này phải chăng để đả kích một hạng lỗ lã trong xã-hội ?

III.— PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH

1.— *Nội-dung* :

- Tác-giả đã tả sự xấu-xí của chị Doãn bằng những *tĩnh-từ*. Nhận-xét ý-nghĩa những *tĩnh-từ* ấy.
- Sự so-sánh nhan-sắc chị Doãn là nhan-sắc của một người đàn ông không đẹp trai có khéo không ? Ý-nghĩa của câu đó ra sao ?
- So-sánh ngón tay với quả chuối ngự. Trò có ý-nghĩ gì về sự so-sánh này ?
- Y-phục tân thời của chị Doãn có thích-hợp với nhan-sắc của chị Doãn không ? Cách ăn mặc biểu-lộ tính-nết gì của chị Doãn ?
- Đoạn cuối phần thân bài ngụ-ý gì của tác-giả ?
- Cảm tưởng của tác-giả ở phần kết-luận có đúng không ? Ý-tưởng ở phần này có liên-lạc gì với câu văn liền trên câu kết-luận ?
- Thử rút ở bài này ra một bài học luân-lý.

2.— *Hình-thức* :

- Nhận-xét có mấy cách dùng *tĩnh-từ* ở trong bài.
- Cách đặt câu dài, câu ngắn ; cách ngắt câu thay đổi luôn. Có mệnh-đề *lĩnh-lược* (thiếu *chủ-từ* hay *động-tự* hay *túc-từ*). Lời văn vì thế có tính cách gì ?
- « Răng trắng nữa, trời ạ ! » Câu này là một câu hô-thán. Tác-giả định chê hay khen hoặc mỉa-mai khi viết câu này ?

3. *Tổng-kết* :

- Ý-tưởng : Châm-biểu khôi-hài.
- Lời văn : Linh-động, cụ-thể.

TẬP LÀM VĂN. Tả một người đàn-bà xấu tô-điểm phần son vụng về, y-phục lỗ-lã.

12.— *Đội chồng về*

I.— Đêm đã khuya. Bên ngọn đèn hoa kỳ, ánh lù-mù lung-lay, Liên ngồi chờ Minh.

Chốc chốc, nàng lại ra cầm cái đồng-hồ bỏ túi của Văn cho mượn, ghé gần đèn xem giờ. Nàng lấy làm *lo-lắng*, *sốt ruột* vì lần này là lần đầu chồng nàng đi chơi khuya như thế, gần mười-hai giờ mà vẫn chưa thấy về.

II.— Gà gáy nửa đêm ran trong xóm càng làm cho tư-tưởng Liên thêm *rối loạn*. Nàng lăm-bầm : « Quái ! hay xảy ra sự gì chẳng ? Chứ ăn bữa tiệc thì làm gì lại đến năm, sáu giờ đồng-hồ ».

Rồi nàng sinh lòng *ngghi-hoặc* : « Tuổi thanh-niên là tuổi chơi-bời. Họ dễ ham mê tửu sắc lắm. Mình quê-mùa, cũ-kỹ thế này thì giữ sao cho nổi được tấm lòng yêu của họ. Đến ra đường đi với mình, họ còn lấy làm ngượng nữa là ».

Liên đem lòng *oán trách* Văn đã rủ-rẻ chồng nàng. Biết đâu Văn không thác ra câu truyện đặt tiệc mừng để lơi Minh đi hát xướng. Chỉ nghĩ đến cô đầu, là Liên đã *rùng mình ghê sợ* : Nàng thường nghe nói biết bao gia-đình tan-nát vì cô đầu, biết bao người sinh ra nghiện-ngập bê-tha vì cô đầu.

Liên chẳng trông thấy nhà cô đầu bao giờ, song nàng *tưởng-tượng* ra một cảnh lộng-lẫy, nguy-nga, đầy những vàng, những bạc, những gấm vóc, những trang thiếu-nữ diễm-lệ, lẳng-lơ mà trời sinh ra chỉ để cướp trái tim của những người thật-thà, hiền hậu như chồng nàng.

Đưa mắt nhìn qua mấy gian nhà trống-trái, tro-troi chiếc giường tre buông màn nâu cũ vá, cái bàn một nát, Liên càng tin sự *phỏng đoán* của nàng là đúng lắm. Đang ở nơi chật hẹp, tối-tàn thế này với người vợ quê-mùa, cục-kịch mà bỗng làm quen ngay với những bậc tiên-nga ở trong chốn lầu son, gác tía thì làm gì họ không mê, không bội-bạc.

Trong các xóm gần xa, gà vẫn thi nhau gáy. Mọi khi tới giờ này thì bao giờ nàng cũng giục chồng đi ngủ để hôm sau

dậy sớm kịp giờ học.

Rồi một lát sau, muôn vật lại chìm đắm vào trong bầu không-khí yên lặng hoàn-toàn.

Bỗng trong khoảng giữa đêm khuya, con cú đậu bên nóc nhà kêu tiếng đều đều như gõ dip một bài âm nhạc huyền-diệu của lũ yêu tinh nhảy múa. Liên rung mình, ghê sợ, tưởng tới những ma quỷ hiện hồn.

Áy-náy, kinh-hãi, nàng mở cửa ra sân lấy viên gạch ném liều lên cây hoàng-lan rồi vỗ tay xua đuổi. Có tiếng sột-sạt trong đám lá rậm, kế tiếp tiếng đập cánh nặng-nề.

III.— Liên thở dài, thấy đỡ bấn-khoăn, hình như luồng gió mát ban đêm đã dập tắt ngọn lửa đương ngùn-ngụt cháy ở trong lòng nàng...

KHÁI-HUNG và NHẤT-LINH (Gánh hàng hoa)

43.— Một chiến-sĩ

I.— Y có cặp mắt đen, tinh-tinh dễ yêu và *trầm lặng*, hình vóc lớn hơn người cùng tuổi, y vừa mới ở trường ra thì chiến-tranh bùng nổ. Johnnie *dè-dặt*, nhưng mọi người đều mến. Y biết cách đùa-cợt và bà Delnotte biết rằng y rất can-đảm. Ngoài ra, một *phú-bầm* riêng biệt làm y khác hẳn các bạn: Trời mới thoát sinh ra y, y đã làm nhà vạn-vật-học.

II.— 1) Khi được về nghỉ tại quán này, y thường vào rừng hay ra các cánh đồng, len-lỏi theo các đường rậm-rạp và những khe suối quanh-co, chăm-chú nhìn mọi vật, có khi nằm sấp xuống đất để theo dõi cử-động của một con rái-cá, hay vạch cỏ um-tùm để nhìn sự qua lại của mấy chú chuột đồng rụt-dè.

2) Cách đấy ít cây số, *chiến-sự* vẫn khốc liệt, tiếng nổ của *trọng-pháo* ngập cả từng không, đến độ vòm trời có lẽ cũng sập nổ theo. Nhưng Johnnie vẫn *thản-nhiên* theo đuổi một cách mê-man cuộc tìm-kiếm của mình.

3) Và khi chiều xuống, trở về với một vài báu-vật..., một con bướm quý, hoặc một con thằn-lằn nhỏ xiu tìm thấy trong hang cái ở Salpaire, mắt y sáng lên vì sung-sướng.

Theo A. J. CRONIN (L. V. H. dịch — Đặc-san chỉ-đạo)

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI-THIỆU :

1.— Văn-thể : Bài này viết theo thể văn nào ? tả gì ? về phương-diện nào ?

2.— Xuất-xứ : Trích trong một truyện ngắn của A. J. Cronin đăng trong Sélection tháng 3-1949, bản dịch Việt-văn nhan-đề là « Thiên tình sử » do L. V. P. dịch đăng trong đặc-san Chỉ-đạo số 10 và 11 tháng 10-1957.

3.— Tác-giả : Coi phần « Tiểu-sử các tác-giả » ở đầu sách.

4.— Tác-phẩm : Truyện binh-sĩ Johnnie trong một tiểu-đoàn quân-đội Huê-kỳ, nhân được về hậu-tuyển nghỉ-ngơi, có lui tới quán Lion d'or của bà Denotte và cô con gái bà là Claire. Được cảm tình của hai người này. Johnnie ước-ao được trở lại đây sau khi hết chiến-tranh để nghiên-cứu về Vạn-vật học. Chẳng may chàng bị chết vì mìn và được chôn ngay ở vùng này, để mối tiếc thương cho mẹ con bà chủ quán.

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1.— Giải nghĩa : *Trầm lặng* : Kín đáo ít nói, có vẻ suy tư. *Dè-dặt* : cẩn-thận trong lời nói và hành động. *Phú-bầm* : Bồn-chất, tinh-nết tài-năng tự-nhiên có. *Chiến-sự* : Những sự việc ở mặt trận. *Trọng-pháo* : súng hạng nặng. *Thản-nhiên* : Bình-tĩnh như không.

2.— Bố-cục : Chia bài làm 2 phần :

- Phần I có tả toàn diện đối-tượng không ?
 - Phần II tả tính nết bằng những cử-chỉ, hành-động.
- Chia phần này làm 3 đoạn và tóm-tắt ý từng đoạn.

3.— Đại ý và chủ đích : Tả một binh-sĩ về những phương-diện gì, trong lúc nào ? Nhằm chủ-đích chống báng chiến-tranh ?

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

- a) Xét về cách đi-ý (kết-cấu) thứ-tự ra sao ?
- b) Ý-tưởng ở phần I có lộn-xộn không ?
- c) Câu thứ nhất phần I nói về Johnnie về những phương-diện nào ?

d) Ở phần thứ II, tác-giả tả sự can-đảm và say-mê công cuộc nghiên-cứu của Johnnie ra sao ?

đ) Ý-tưởng trình-bày ở phần II có hợp-lý không ?

e) Trò có cảm-tưởng thế nào đối với Johnnie ?

2.— Hình-thức :

a) Cách dùng chữ ra sao ? Nhận-xét các liên-tự.

b) Lời văn giản-dị, trôi-chảy không ? Chứng tỏ !

c) Có nhiều câu dài nhưng khúc-triết.

3.— Tổng-kết :

Phần I nói về tính-nết, tình-cảm.

Phần II trình bày những cử-chỉ, hành-động để chứng-minh.

Cách mô-tả ở phần II rất linh-động, cụ-thể. Giá-trị bài văn là ở đây.

TẬP LÀM VĂN. Tả một thanh-niên tính-tình hồn-hậu dễ thương, vui sống ở vườn ruộng.

44. Bà Tâm

I.— Bà Tâm *trạc* ngót bốn-mươi, dong-dỏng cao và gầy nên trông lại càng cao thêm. Đôi vú chảy xuống làm ngực lép lại và cái bụng đưa ra đằng trước : dáng đi *thồng-theo* của người làm dáng lúc *quá thì*.

II.— Thân-thể mảnh-khảnh của bà Tâm như để đưa bà vào các chỗ tụ-hợp của mấy bà *tai mắt* trong thành-phố, phần nhiều là vợ các công-chức. Đám *chăn* nhà bà chủ *dây-thép*, hội *tổ-tôm* của bà *thú-y*, ít khi vắng bà Tâm.

III.— Cặp môi mỏng dính của bà không bao giờ giữ nổi những câu truyện bà nghe được, truyện *lãng-nhãng* của mấy bà *đôi mồm*, *thóc-mách*, *kháo* nhau trong lúc ngồi đợi đủ chân bài. Nghe được gì, bà Tâm thường về nói lại với bà Mậu. Mỗi khi sang vay tiền bà Mậu đi đánh bạc là có một câu truyện làm quà. Kể với bà Mậu, bà Tâm được yên lòng. Bà Mậu chắc không mách lại với ai. Bà Tâm rất sợ *đôi-co*.

ĐỖ-ĐỨC-THU (Đứa con)

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI-THIỆU :

1.— Văn-thể : Văn tả người về hình-dáng, tâm-lý hay toàn-diện ?

2.— Xuất-xứ : Trích trong sách nào ? Của ai ?

3.— Tác-giả : *Đỗ-đức-Thu* là nhà văn viết truyện tình-cảm...
Coi phần « *Tiểu-sử các tác-giả* » ở đầu sách.

4.— Tác-phẩm : « *Đứa con* » là một truyện dài tâm-lý tả hai chị em ruột lấy chung một chồng.

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1.— Giải-nghĩa : *Trạc, thông-theo, tai mắt, đôi mồm, chân bài, câu truyện tâm quạ, thóc-mách, đôi-co.*

2.— Bố-cục : Chia bài làm 3 phần.
Nói đại-ý từng phần ?

3.— Đại-ý và chủ-đích : Bài này tả gì với mục-đích nào ?

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

a) Hình-dáng bà Tâm thế nào ? Có phù-hợp với tính-nết không ?

b) Câu đầu đoạn III khiến ta liên-tưởng đến câu tục-ngữ nào ?
« *Mỏng môi hay hót, dày môi hay hôn* » ? (*hót-lẻo* : mách lẻo).

c) Tìm những lý-do khiến bà Tâm hay kể truyện với bà Mậu ?

d) Tính-nết bà Tâm thế nào ? Phê-bình cách tả tâm-lý của tác-giả.

e) Tác-giả còn gián tiếp chỉ trích những ai ? — Cho biết ý-kiến của trò !

g) Ý-tử có mạch-lạc không ? Chứng-minh !

2.— Hình-thức :

a) Tìm những chữ dùng chính-xác.

b) Kiểm những *tính-từ*, *trạng-tự* và *liên-tự* rồi nói tác-dụng.
Đặt mỗi *trạng-tự* trong vài câu thí-dụ.

c) Cách tả hình-dáng có cụ-thể không ? Chứng tỏ.

d) Lời văn có tính-cách gì ?

đ) Câu nào dài nhất ? Phân-tách mệnh-đề câu đó !

e) Câu nào viết theo lối *tỉ-lệ* ?

3.— Tổng-kết :

Văn chải-chuốt, chi-tiết chọn- lọc, tác-giả tỏ ra sành tâm-lý phụ-nữ.

TẬP LÀM VĂN

Tả hình dáng và tính-nết một bà chuyên nghề làm mối (mai).

45. *Một cảnh bữa ruộng*

I. — Trong một thửa ruộng bên đường, dưới ánh nắng trời hè, hai người đàn bà lưng cúi gò, vai khoac dây thừng kéo cái bừa do một người đàn ông đẩy.

II. — a) Hai người đàn bà ăn-mặc rách-rưới, đầu không nón, váy xắn cao quá đầu gối. Còn người đàn ông thì cởi trần để lộ tấm thân màu đồng mắt cua, nhỏ thon nhưng đầy những bắp thịt rắn chắc nổi lên.

b) Ba người yên-lặng chặm-chạp, uể-oải bước từng bước trong nước bùn đặc sền-sệt và đỏ lò-lò. Mỗi lần rút chân lên, họ phải nặng-nề, khó-nhọc nghiêng mình về một bên. Tiếng phòm-phộp theo liền như hăm-hực muốn lời căng họ xuống.

III. — Bọn Ngọc ngáy-ngất đứng ngấm. Sự cảm-động đè nén lên ngực họ, bóp thắt lấy cổ họ, khiến họ tức hơi khó thở.

KHÁI-HUNG (Những ngày vui)

BÌNH GIẢNG

I. — PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thế: Thể văn gì? Tả xen hay tả người hoạt-động? (Thư phân-biệt: tả xen và tả người hoạt-động).
2. — Xuất-xứ: Trích ở truyện dài « Những ngày vui » xuất bản năm 1941.
3. — Tác-giả: Xem phần « Tiểu sử các tác-giả ».

II. — PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-thích: *Xôn*. — *Màu đồng mắt cua* (màu vàng sẫm và bóng-láng như mắt cua); *uể-oai*; *sền-sệt*, *hăm-hực*, *ngáy-ngất*.
2. — Bố-cục: Phần I: *Nhập-đề*: giới-thiệu khung cảnh và nhân-vật.
Phần II: *Thân bài* chia 2 đoạn:
a) Tả hình dáng các nhân-vật.
b) Tả các hoạt-động của họ.
Phần III: *Kết-luận*: Cảm-xúc của người chứng-kiến.

3. — Đại-ý bài này tả gì?

4. — Chủ-đích của tác-giả? (nghiên-cứu xong bài này, ta có những cảm-xúc và ý-tưởng thế nào? Đó là chủ-đích của tác-giả).

III. — PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- a) Cách dàn-xếp ý-tưởng trong bài này có theo một trật-tự hợp-ý không?
- b) Cảnh diễn ra trong thời-gian và không gian nào?
- c) Tả là vẽ. Văn mô-tả khéo còn giá-trị hơn một bức vẽ khiến người đọc có cảm-giác như thấy việc xảy ra trước mắt? Bài này hoàn-toàn đạt được kết-quả do một cách trực-tiếp không? Lời ít, ý nhiều. Càng suy rộng ta càng thấy thêm nhiều chi-tiết về những nét tả ra sao?
- d) Tại sao người đàn ông có tấm thân màu đồng mắt cua? Tại sao bùn đỏ lò-lò? (có phù-sa?). Vậy thửa ruộng là đất bãi hay đất gì?
- e) Không tả các nhân-vật về nét mặt, hơi thở, mồ-hôi, ngôn-ngữ... Vậy tác-giả hòa mình vào cảnh hay chỉ đứng vai quan-sát từ xa. Tác-giả ở cách cảnh chừng bao xa mà chỉ nghe thấy tiếng phòm-phộp?
- f) Câu cuối cùng đoạn b) của phần thân bài có ý-nghĩa thế nào?
- g) Cảm-tưởng của bọn Ngọc có thật đúng không? Họ là dân thành-thị lại chỉ đóng vai quan-sát từ xa có thể cảm-thông hết nổi vất-vả của ba người bữa ruộng không? *phải*.

2. Hình-thức :

- a) Trong loại văn mô-tả, sự chọn tiếng có một địa-vị quan-trọng. Tác-giả có áp-dụng điều đó trong bài này không? Chứng tỏ.
- b) Tìm những lĩnh-tự và trạng-tự trong bài và nói tác-dụng.
- c) Kiểm những câu có áp-dụng lối tỉ-lệ hay ám-tỉ hay đảo trang và nói tác-dụng về mỗi loại mỹ-từ-pháp đó.

3. — Tổng-kết: Chữ dùng chính-xác. Lời văn điềm-đạm thấm-thía. Cảnh linh-động mô-tả bằng những nét đậm-đà gây cảm-xúc.

46 – Trên võ đài

I. — Sơn-Đệ cũng đã trút bỏ quần áo ngoài. Một tiếng cồng nổi lên và hai người cùng tiến lên để gặp nhau. Mấy phụ-lá vội-và rút ghế xuống, tiếng ghế chạm nhau kêu lách-cách.

II. — a) Sơn-Đệ và Kính bắt tay nhau rồi cùng lui về giữ thế thủ. Nhưng vừa xa nhau ra, Sơn-Đệ đã nhảy vọt tới đánh tới-tấp, lia-lịa, tiến tiến, lui lui, tay trái đánh vào mặt, tay phải quạt vào sườn, vừa đỡ vừa phản công, lúc thì đánh thật, người quay lít xung quanh Kính như một cái chong-chóng. Với một sự lanh-lẹ lạ-lùng, Sơn-Đệ chú-ý biểu-diễn làm hoa mắt đối-thủ. Khán-giả hoan-hô rầm-rĩ.

b) Nhưng Kính chẳng bị hoa mắt tí nào. Chẳng đã trải nhiều trận lắm rồi, cũng đã đấu với lắm người trẻ tuổi. Chẳng biết rõ giá-trị của những trái đấm của bọn này: nhanh quá, lẹ quá nên ít nguy-hiểm. Cố-nhiên là Sơn-Đệ tìm cách tấn-công ráo-riết ngay từ lúc đầu. Kính thừa biết như thế, vì đó là thói quen của tuổi trẻ, phi-phạm sức mạnh của mình trong những ngón đòn vũ bão, mong đề bẹp ngay đối thủ cho thỏa lòng tham muốn không bờ bến của mình.

c) Sơn-Đệ cứ như một con chơi-chơi nhảy tới, nhảy lui, nhảy lên, nhảy xuống, chạy chỗ này, chạy chỗ kia, luôn luôn khắp nơi, biến hóa thiên-hình vạn trạng, những bắp thịt dẹt thành một bức thành lạ-lùng bao quanh đối-thủ, chân thật là lẹ-làng mà lòng nặng vì háo thắng.

III. — Kính chịu đựng một cách kiên-nhẫn. Bây giờ chàng già rồi, chẳng hiểu rõ tuổi trẻ vô cùng. Chẳng biết rằng không thể nào giở trò-trống gì trước khi khi hăng của địch-thủ giảm bớt đi ít nhiều.

Theo JACK LONDON
(Theo bản dịch của Anh-Liên)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn nào ?
2. Xuất xứ : Trích ở quyển *Một thiên-tình hận* mà dịch-giả là Anh-Liên gồm 5 truyện hay vào bậc nhất của Jack London. Truyện nhan-đề là « Miếng thịt bò » (A piece of steak) có đoạn văn dịch trích trên đây.
3. Tác-giả và tác-phẩm : Xem phần « Tiểu-sử các tác-giả ».

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. Giải-nghĩa những chữ in nghiêng trong bài.
2. Bố-cục : Chia làm 3 phần, phần II làm 3 đoạn. Tóm tắt ý từng phần từng đoạn.
3. Đại-ý : Bài này tả một cuộc so găng trên võ đài giữa hai võ-sĩ, một già, một trẻ. — Bên nào khởi thế công và bên nào giữ thế thủ ?
4. Chủ-đích : Tác-giả có chủ-đích gì khi viết bài này (cho ta rõ cách đấu quyền Anh ? rõ tâm-lý từng hạng tuổi võ-sĩ ? rõ ích lợi của kinh-nghiệm ?).

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. Nội-dung :
 - a) Mới vào cuộc, Sơn-Đệ đã tấn công tới-tấp như thế nào ? Tại sao ?
 - b) Kính có bị hoa mắt vì sự tấn-công dồn-dập của đối-thủ không ? Tại sao ?
 - c) Trong bài, tác-giả có tả một cử-chỉ nào của Kính không ?
 - d) Những chi-tiết nào chứng tỏ Kính là một võ-sĩ lão-luyện trong nghề ?
2. Hình-thức :
 - a) Chữ dùng chính-xác đúng tiếng nhà nghề không ? — Dẫn-chứng !
 - b) Lời văn có giản-dị không ? Dẫn-chứng !
 - c) Trờ có thấy đoạn nào có lời văn dồn-dập không — Dẫn-chứng !
 - d) Như thế có thích-hợp với đề-mục không ?

e) Kiểm những câu có điệp-ngữ. Đặt vài câu thí-dụ khác cũng có điệp-ngữ như vậy.

g) « Chân thì thật nhẹ-nhàng mà lòng nặng vì háo thắng » Phê-bình giá-trị câu này.

3.— Tổng-kết :

Một bài văn linh-động vì cách ngắt câu luôn thay đổi, thích-hợp với sự diễn-tả một cuộc đấu võ.

TẬP LÀM VĂN

Tả một trận đấu quyền hay một đám đánh nhau.

47.— Tụng kinh, thỉnh chuông

I.— Trên chiếc bực gỗ trải chiếu đậu. sư cụ ngồi tụng kinh, mắt dăm-dăm nhìn thẳng vào quyển sách có chữ to đặt trên cái kỷ nhỏ gỗ mộc. Tay phải sư cụ gõ mõ như để chấm câu, cụ đọc bốn chữ lại đánh một tiếng. Tay trái sư cụ đặt lên quyển kinh, thỉnh-thoảng lại dời trang giấy, nhắc dùi gõ vào thành cái chuông con hình dáng như cái lon sành.

Sư cụ có vẻ tôn-nghiêm lắm. Bao nhiêu tâm-trí thu cả vào quyển kinh, không hề thấy cụ liếc mắt ra chỗ khác. Các pho tượng ngồi trên bệ gạch như đương lắng tai nghe có vẻ trầm-tu mặc-tưởng.

II.— Tiếng kinh du-dương, mùi trầm ngào-ngạt. Ngọc tưởng-tượng đang sống trong thế-giới khác, thế-giới mộng-ảo, thần tiên... Bỗng một tiếng chuông... Ngọc giật mình ngoảnh lại theo tiếng ngân, chàng lần tới một cái bực gạch bên tả, rón-rén lần từng bước leo lên cái gác chuông con. Tới bực thượng cùng, vừa nhô đầu lên, chàng nghe có tiếng «Đà Phạt» rồi kế tiếp một tiếng chuông. Ngược mắt nhìn, chàng gặp chú Lan tay cầm chiếc võ gỗ. Song chú tiểu vẫn chăm-chú vào phận-sự, đọc dứt một câu lại đánh một tiếng chuông. Những câu niệm Phật ấy dần-dần ngân bớt và những tiếng chuông kế tiếp mỗi lúc một thêm gần nhau cho tới khi đồ hồi.

KHÁI HƯNG (Hồn bướm mơ tiên)

Chú-thích : Trầm-tu mặc-tưởng : Lặng-lẽ suy-nghĩ sâu-xa.

48.— Tế sống

I.— Tiếng trống nổi lên. Người nào cũng ngay-ngắn và nghiêm nét mặt lại như để chờ đón một sự gì quan-trọng. Hai người giả làm hạc châu đứng hai bên hương-an bắt đầu động dây.

II.— 1) Dững nhìn bà nội mình ngồi trên sập và coi trần khay rượu để ngay trước mặt. Khói trầm trong lư-hương tỏa ra khiến Dững có cái cảm-tưởng rằng cụ như không phải một người còn sống nữa. Không sao bỏ được cái ý-tưởng so-sánh cụ với một cây gỗ côi đem bày ra đấy chỉ để khoe-khoang.

Dững cúi lễ như cái máy ; chàng thấy con cháu sụp lễ ở trên chiếu, với cụ tổ-mẫu ngồi ở trên sập không có liên-lạc gì với nhau cả. Đối với hết thảy những người đứng xem tế thì lúc đó là lúc cụ Bang sung-sướng nhất đời, cụ đương nhận cái phần thưởng quý-hóa để tặng cụ đã có công dạy con nên người, làm rõ-ràng cả một họ. Dân làng đứng chung-quanh ai cũng nhìn như có vẻ thêm-thường cái vinh-dự ấy và nhận rằng đó là một cái phúc lớn nhờ ông Tuần mới có.

2) Họ chăm-chú đến ông Tuần nhất, và nhìn vào bộ áo thêu rồng phượng của ông một cách kính-cần. Xong một tuần tế, ông Tuần về đứng chỗ cũ thì chỗ ấy hình như sáng lên. Không ai để ý đến ông Cả đứng bên cạnh, tự biết cái cảnh vinh-dự này không phải ở mình, nên ông cố hết sức đứng thu hình, mắt nhìn thẳng làm như để cả tâm hồn vào việc tế lễ nghiêm-trọng, không nghĩ-ngợi đến sự khác. Nhưng mỗi lần dời khỏi đám đông lên chuốc rượu, ông tự-nhiên thấy lạnh ở hai vai và trên bộ áo tầm-thường của ông, ông tưởng người ta trông rõ cả cái tầm-thường của đời ông.

NHẤT-LINH (Đôi bạn)

LƯỢC - GIẢNG

NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

A. — Nội-dung :

- 1) Bài kết-cấu theo tứ-lự nào ?
- 2) Dừng nhìn thấy gì ? Thái-độ Dừng đối với tục-lệ này ra sao ?
- 3) Chứng tỏ tài phân-tách tâm-lý của tác-giả ?
- 4) Có hai hạng tâm-lý tương-phản.
- 5) Tập phân-tách hình dáng, hành-động và tâm-lý của :
 - Cụ Bang : thân-mẫu ông Cả và ông Tuấn.
 - Ông Tuấn : làm quan đầu tỉnh.
 - Ông Cả : con trưởng, nghèo.
 - Dừng : con trai ông Tuấn, có óc tân-liến.

B. — Hình-thức :

- 1) Nhập-đề bằng cách gì ? *trực khởi*
- 2) Chữ dùng thích-hợp
- 3) Câu dài câu ngắn thích hợp với cảnh tình. *✓*
- 4) Câu nào có mệnh-đề tỉnh-lược.
- 5) Chữ ý câu cuối. Sự dùng điệp-ngữ ở đây có tác-dụng gì ? *nhấn mạnh*

49. — Đẩy thuyền

I. — Những tiếng « *dô ta* » làm cho Hiền tỉnh mộng, quay về phía xóm Trường-Lệ. Một đám dân chài đương xúm nhau khiêng một chiếc thuyền lên bãi cỏ.

Nàng đi gần lại, tò-mò đứng xem.

II. — Sáu người từ mười bảy, mười tám, tới ngoài ba mươi, lực-lưỡng, mập-mạp, da xám đều và bóng như gỗ lim lên nước, cùng gò sức cổ nhấc bổng cái thuyền mảnh lên bằng ba cái đòn tre già và những dây thừng to. Mỗi lần họ kêu « *dô ta* » sau câu hát ngắn hai ba chữ của một người trong bọn, thì những bắp thịt tròn ở tay, ở ngực, ở lưng họ nổi lên một cách rõ-rệt, trông như những quả lựu rậm nắng vậy.

Luôn luôn năm lần họ dùng sức, chiếc thuyền vẫn không nhúc-nhích.

Thỉnh-thoảng một đợt sóng lớn ngoài khơi chạy tới xô mạnh vào thân thuyền, làm tung-tóe nước mặn lên mặt họ, khiến họ buông tay đứng cười, cái cười mọc-mạc, vô nghĩa.

Một người đương hi-hục đào và xắn thoải-thoải cát ở phía trên và kéo thuyền lên thì bỗng có tiếng kêu vui mừng :

— May quá ! Vội kia rồi ! Vội mà giúp thì đến hai cái thuyền cũng xong chứ đừng nói một.

Quả thực, một người vạm-vỡ từ trong đi ra.

— Hộ một tay, anh Vội ơi !

VỘI yên lặng cởi áo, xắn quần,

Hiền kinh-ngạc. Nàng thấy hiện ra một nhà lực-sĩ cường-tráng, mỹ-lệ như một pho-tượng mỹ-lệ cổ Hy-Lạp. Nàng không lưu-ý đến màu da rám nắng mà chỉ ngắm-nghía những nét nhịp-nhàng, cân-đối của một thân-thể hoàn-toàn. Vội lại có khuôn mặt đều đặn, cặp mắt hơi xéch và sáng, cái cằm vuông và tồi khiến càng nổi hẳn trong bọn dân chài nặng-nề kém thông-minh.

Có lẽ sự xét-đoán của Hiền cũng bị trí-tưởng-tượng làm sai đi vài phần ; nhưng một điều chắc-chắn là Vội đẹp, đẹp theo nhà hội-họa, nhà điêu-khắc, nhà thể-thao.

Hiền yên lặng đứng ngắm. Vội ghé vai vào đẳng lái thuyền và đẩy mạnh, trong khi những người chài lưới khác hết sức khiêng bổng thuyền lên cát tràn-ngập.

Bổng thuyền từ từ tiến lên phía cao, Hiền buông một hơi thở dài khoan-khoái, và nhìn mọi người cố sức. Nàng cũng thấy bắp thịt của mình cứng lại, nổi lên như những lúc tập thể-thao nàng lấy gân.

III. — Bấy giờ cái thuyền đã nằm yên ở chỗ cát khô. Mồ-hôi chảy thành dòng trên những tấm thân màu đồng mắt cua. Anh em chài lưới cười nói vui-vẻ, rồi kẻ thì bứt cái khăn bông nâu thắt mỏ riêu ở đầu để lau từ chân đến ngực, kẻ cúi xuống đưa hai bàn tay vốc nước biển rửa mặt.

DOẠN IV. — TẢ CẢNH

50. — Đêm trăng chơi hồ Tây

I. — Trời tháng tám, nhân buổi đêm trăng, giải một vài anh em, bơi một chiếc thuyền nhỏ rong chơi trong hồ.

II. — a) Hồ về thu, nước trong vắt bốn mặt mênh mông. Trăng tỏa ánh sáng, rọi vào các gợn sóng lăn tăn, tựa hồ hàng muôn ngàn con rắn vàng bò trên mặt nước. Thuyền ra khỏi bờ độ vài ba con sào, thì có hây hây gió đông, sóng vỗ rập-rình.

Một lát, thuyền đẩy về phía tây-bắc, vào gần một đám sen, bây giờ sen tuy đã hồ tàn, nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đoá hoa nở muộn, mà lá vẫn còn tươi tốt. Mùi hương đưa theo chiều gió ngào-ngạt trong thuyền, khiến lòng người càng thêm bát ngát. Trong khi thừa hứng mà lại thêm có mùi hương thì cảnh khoáng lạc biết là chừng nào?

b) Đêm gần khuya, trăng đã xế ngang đầu, anh em cũng đã cạn hứng, muốn về nghỉ. Tôi tiếc cái thú đêm trăng đó, bảo buồng lái cho thuyền tự ý đi vung một lúc rồi hãy về.

c) Thuyền theo gió từ từ mà đi, ra tới giữa khoảng mênh-mông, tôi đứng trên đầu thuyền ngó quanh tá hữu. Đêm thanh, cảnh vắng, bốn bề lặng ngắt như tờ. Chỉ còn nghe mấy tiếng cá «tắc tắc» ở dưới đám dong, mấy tiếng chim nước kêu «oác-oác» ở trong bụi niễng, cùng là vắng-vắng tiếng chó sủa, tiếng gà gáy ở mấy chòm xóm quanh hồ mà thôi. Trông về đông-nam, kia đền Quan-thánh, nọ chùa Tả-á-quốc; trông về tây-bắc đây đình Vọng-thị, nọ Văn-chỉ Tây-hồ, cây cối vài đám um tùm, lâu đài mấy tòa ẩn hiện, mặt nước phẳng lì từ phía, da trời xanh ngắt một màu, xem phong cảnh đó, có khác gì bức tranh sơn thủy của tạo-hoa treo ở trước mắt ta không?

III. — Tôi ngắm đi ngắm lại, lấy làm thích trí, song cũng vì cảnh tĩnh-mịch mà lại sinh ra ý ngại-ngùng, lòng ngao-ngán về nỗi buồn tanh.

PHAN-KẾ BÌNH (Đông-dương tạp-chí)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU.

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn tả cảnh-trí không? (Coi lại trang đầu Chương này)
2. Xuất-xứ : Bài này của ai? Đăng ở báo nào?
3. Tác-giả và tác phẩm : Xem phần «Tiểu-sử các tác-giả».

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH.

1. — Giải nghĩa :

Rong chơi (phân biệt rong với dong và giơng), rọi (còn có thể viết gỏi), [phân biệt rọi (giới) là soi chiếu xên; khác với dội là đập đánh], hây/hây, hồ tàn (sắp tàn), thừa hứng, khoáng lạc, đi vung, tá hữu, mênh (tên một loại cây), lăn-dai, tranh sơn-thủy, buồn tanh (hay tênh).

2. — Bố cục : Chia bài làm ba phần :

- Phần I (nhập đề) giới thiệu những gì?
 - Phần II (thân bài) tả những gì?
- Phần này chia làm ba đoạn, trừ đoạn chuyển, còn hai đoạn kia đều tả cảnh hồ. Đoạn một tả cảnh hồ khi nào? Đoạn hai tả cảnh hồ khi nào?
- Phần III (kết luận) : cảm-tưởng tác-giả thế nào?

3. — Đại-ý và chủ-đích :

Bài này tả cảnh gì? Vào lúc nào với chủ-đích gì?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH.

1. — Nội dung :

- a) Ý tưởng bài này có được trình-bày, kết-cấu khuôn phép không? Cấu trúc - tổ l
- b) So-sánh hai cảnh hồ ở trong bài.
- c) Trong đoạn một, tác-giả đã dùng giác-quan nào để tả.
- d) Trong đoạn ba, tác-giả chú trọng đến điểm gì?

e) Câu kết-luận có tự-nhiên không? Cảm-tưởng của tác-giả có đúng không?

2. — Hình-thức :

a) Tìm những chữ chứng tỏ tác-giả là một nhà cựu học.
b) Nhận-xét cách chấm câu ở câu đầu đoạn ba. Câu đó ý-nghĩa có mập-mờ không?

c) Lời văn có nhịp-nhàng không?

d) Trong một bài khác, tác-giả có dịch lời cổ nhân : « Nhời văn cốt cho đạt được ý mình thì thôi. Nghĩa là làm văn bất tất phải cầu-kỳ, chỉ quý-hồ làm cho tỏ được ý-tử của mình thì đủ. Nhời ấy mới nghe tựa hồ dễ-dàng mà kỳ thực thì rất khó. Bởi vì làm văn, lắm khi có ý-tử mà không biết nói thì cũng không sao mà tả được. Và ý càng nhiều thì lời lại càng khó xếp đặt, phải nghĩ thế nào mà tả cho khéo không lộn bậy mà cũng không sót ý thì mới được ».

— Hãy lựa theo những ý-tưởng trên mà phê-bình bút-pháp của tác-giả.

3. — Kết-luận : Một cảnh linh-hoạt, trình-bày có phương-pháp, khéo xử-dụng thị-giác, khứu-giác và thính-giác một cách thích-hợp.

* Thử so-sánh nghệ-thuật tả-cảnh của bài này với các bài « Đêm khuya trên dòng sông » của Vũ-trong-Phụng, « Thuyền đi trong đêm trăng » của Hàn-mặc-tử, « Trên dòng sông Hương » của Phạm-Quỳnh (Coi số trang ở mục lục).

51. — Khi chiều xuống

Lúc Duy ở nhà Thơ ra về, trời đã xế chiều. Duy rút tay vào túi quần lững-thững lần theo con đường cỏ.

Phương đông,... da trời màu cổ non nhẹ vờn mấy dải mây trắng nhạt trên dãy núi lam xa. Có tiếng ếch kêu phía sau lưng chàng. Tiếng vang lên, Duy tưởng chừng như linh-hồn của cả buổi chiều yên lặng. Duy nhớ đến những ngày còn thơ, chàng đi học về lúc trời chiều kéo màn sương xuống cánh đồng xa vắng. Duy sống lại những mầu đời đã mất, trong lòng còn như man-mác nỗi vui êm-ả lần đầu tiên nhận thấy tiếng ếch nhái làm tăng yên lặng của buổi chiều ở thôn quê...

Duy đứng dừng lại, xoay mình một vòng, chăm-chú nhìn về phía trời tây, cố thôi không nghĩ nữa. Chàng thấy

quáng cả mắt : những màu rực-rỡ chói-lọi của trời chiều khiến chàng chớp luôn mấy cái. Qua hàng mi, Duy nhìn những đám mây dùn lên ở chân trời thành những hình kỳ dị, ngồn-ngang hỗn-dộn những màu xám thẫm, đỏ ối hay trắng như màu bạc chảy...

Xa-xa có tiếng ai hát trong sương mù :

Muốn tắm mát thì lên ngọn con sông dào...

Tiếng hát ngân-ngã trong bóng chiều, nghe như tiếng than cuối cùng của ngày sắp tắt, xa-xôi như ở một thế-giới khác đưa đến, tiếng than vô cùng êm-dềm, như âu-yếm mòn-tròn sự tiêu-diệt của chính mình. Duy tự-nhiên thấy lòng người như với cảnh chiều lắng xuống. Chàng đứng yên một lúc lâu, như mong bóng tối tràn lên đem chàng vào cõi khinh-không.

Duy ngạc-nhiên khi thấy bóng mình dần dần in rõ lên nền cỏ. Chàng ngẩng nhìn. Bên trời đông một màu trong như lọc, mảnh trắng nhạt vừa nhô lên khỏi ngọn tre, lóng-lánh như ai vừa gội qua một lần nước.

Duy vội-vàng rào bước và, lúc đi lên thêm vào trong nhà, chàng có cảm-giác là-lạ như đi vào trong một hang tối.

Trích HOÀNG-ĐẠO (Con đường sáng)

52. — Mưa phùn

I. — Bểng ngồi chờ bên lò sưởi, thần-thờ nhìn qua cửa vách ra sân sau.

II. — Mưa phùn vẫn lấm-tấm. Một cái giậu nửa đã nát vầy mầu sân vuông nhỏ và bóng-nhoáng như mỡ. Mái tranh ti-tách nhỏ giọt theo miếng mo buộc vào thân cây cau, một dòng nước mạnh-mãnh chảy lanh-tanh vào một cái vại sành.

Bên vại, một con gà mái ướt sướt-mướt đứng ủ-rũ thỉnh-thoảng lại rùng mình và khàn-khàn kêu se-se. Sát giậu, mấy bông hoa hồng quế đỏ thẫm rung-rinh ở đầu cành mảnh-khảnh. Đó là những nét chấm sắc tươi trong một cảnh toàn màu nâu thẫm.

III. — Ngoài xa, phong-cảnh ẩn sau cái màn bụi trắng của mưa bay mịt mờ. . .

KHÁI-HUNG (Dọc đường gió bụi)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể : Bài này viết theo thể-văn nào, tả gì ?

2. — Xuất-xứ : Trích trong truyện ngắn « Bên đường dừng bước » 1 trong 12 truyện ngắn in chung trong tập « Dọc đường gió bụi » của Khải-Hưng xuất-bản năm 1936.

Vì đứt xây xích xe đạp nên Bằng phải ghé lại nhà một người thợ rèn. Trên đây là cảnh trời mưa trong khi Bằng ngồi sưởi bên lò rèn chờ người thợ chữa dây xích và chờ bữa cơm do người vợ trẻ của người thợ này đang sửa soạn để thết chàng.

3. — Tác-giả : Xem phần « Tiểu-sử các tác-giả » ở đầu sách.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : Lấm-lấm, giậu, ướt sướt-mướt, ủ-rủ, mảnh-khảnh.

2. — Bố-cục : Chia bài làm ba phần. Tóm ý từng phần.

3. — Đại-ý và chủ-đích bài này tả cảnh gì, với chủ-đích nào ?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

a) Tác-giả tả theo một thứ-tự nào ? Cách dàn xếp ý-tưởng (kết cấu) có hợp lý và nhất chí không ?

b) Tác-giả tả tỉ-mỉ nhiều nét rườm-rã trong cảnh này hay chỉ phác-họa những nét đặc-sắc ? Chứng-minh !

Đây là cảnh đại thể hay là một cảnh thu hẹp trong một khung cảnh nhỏ mà tầm mắt bị hạn-chế (Đề ý vị-trí của Bằng). Cảnh gần được tả rõ chi-tiết. Cảnh xa chỉ lơ-mơ ? Tại sao ? Phê-bình nghệ-thuật tả cảnh của tác-giả.

c) Cảnh có vẻ tùy-thuộc tâm-hồn người không ? Tại sao Bằng thẩn-thờ ? Cảnh đối với Bằng vui hay buồn ? Nếu buồn thì thử phân-tách nỗi buồn ấy ra sao ? (Hãy đặt mình vào cảnh Bằng và tưởng-tượng đến thời-tiết xứ Bắc mùa mưa phùn lạnh-lẽo).

2. — Hình-thức :

Tiếng tượng-thanh là những tiếng bắt chước theo tiếng động mà đặt ra như : « ù-ù, ùng-ùng, róc-rách... » Tiếng tượng-hình ghi rõ được hình ảnh như : « chênh-vênh, rung-rinh, mảnh-khảnh ». Kiểm những tiếng tượng-thanh và những tiếng tượng-hình trong bài và nói tác-dụng của mỗi tiếng. Phân biệt những tiếng nào là điệp-thanh.

Đoạn văn nào trong bài có nhiều màu sắc ?

Lời văn có trong sáng, giản-dị và gợi hình không ? Dẫn chứng ?

3. — Tổng-kết :

Nhận-xét tinh-vi, chi-tiết chọn lọc, lời văn giản-dị và gợi hình, tác-giả phác-họa cảnh mưa nơi thôn-dã vừa linh-động vừa gợi cảm.

TẬP LÀM VĂN : Tả cảnh mưa dầm tại một xóm nhỏ.

53. Sinh phần¹

I. — Chưa khuất hẳn sau dãy núi Tản-viên, mặt trời nhuộm cho những đám mây lơ-lững trên không-gian có màu vàng. Ngọn đồi ở ấp² Tiểu-vạn trường thành lúc ấy sáng lấp-lánh vì ánh nắng chiều còn tụ lại trên những ngọn lá cà-phê. Hoa cà-phê trắng xóa, từng nhánh một, chen lẫn vào những vòm lá xanh thẫm, như tuyết phủ... Chung quanh, trời đất mở ra một vùng phong-cảnh ngoạn mục³, nào đồi, nào làng-mạc, nào ruộng-nương, trùng-trùng điệp-điệp⁴ kế tiếp nhau...

II. — Thung-lũng⁵ tay chấp sau lưng, nghị Hách đi cạnh bạn cũ. Cả hai dạo quanh cái sinh-phần. Người bạn già có ý ngắm phong-cảnh, tìm kiếm mạch đất, còn nghị Hách thì chỉ im-lặng nghe ngóng một cách chăm-chú thôi.

Sinh-phần trên mẫu đồi là một công-trình kiến-trúc bằng cẩm-thạch rất lạ mắt, mới trông từ xa thì như bao diêm đặt lên trên cái mu bàn tay, nhưng khi đến gần, ta mới hiểu rõ ràng cái công-trình vuông-vắn ấy tuy đơn-sơ là đơn-sơ về đại-thể, còn như bộ-phận tỉ-mỉ tô-diểm cho sinh-phần thì phải do những tay thợ đã lành nghề mới có thể chạm-tô xếp đặt một cách công-phu và tài-tình đến thế, những đá đủ các vân, đủ các màu không biết tìm được ở đâu ra... Có thứ trông như gỗ lát hoa, lại có thứ thoát nhìn ai cũng phải tưởng là gỗ Lúp bên Ai-lao vậy. Bốn mặt tường sát nóc sinh-phần, có những ô tròn và vuông, Hai đầu là cổng rất to hình quả trám.

III. — Chung quanh sinh-phần chi-chít những cây thông, xoan, ngô-dồng, pải-lao mọc hỗn loạn như một cái rừng con.

Tuy vậy sinh-phần vẫn nổi lên trên đám lá xanh rậm-rạp ấy, nổi bật hẳn ra như một khối kim-cương cổ trăm nghìn thứ ánh sáng, thật là đồ-sộ, thật là cao-cả, thật là vĩ-dại.

VŨ-TRỌNG PHỤNG (Đồng tổ)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI THIỆU :

1. — Văn thể : Bài này thuộc loại văn tả gì ? Liệt phân-biệt cảnh trí, cảnh-lượng, khí-tượng ! (Coi trang đầu Chương này).
2. — Xuất xứ : Trích truyện « Đồng-tổ » của Vũ Trọng-Phụng.
3. — Tác giả : Cui phần « Tiểu-sử các tác-giả » ở đầu sách.
4. — Tác phẩm : Đồng-tổ là một quyển tiểu-thuyết về phong-tục. Trong đó tác-giả tả đủ mọi hạng người trong xã-hội, từ một ông quan, một tay một dạn, một vài thanh-niên thiếu-nữ đến đám dân đen, nhóm thợ-thuyền. Trong đó Thị Mịch, nghị Hách là hai nhân-vật tiêu-biểu nhất... Thị Mịch, gái quê hiền lành là nạn-nhân của nghị Hách. Tên này dựa vào tiền tài thế-lực mà làm nhiều điều tàn-tật lương-tâm gây song giết đồng-tổ cho cuộc đời bình ỗn của Thị Mịch và gia-đình nàng cùng nhiều gia-đình hiền lành khác. (Coi thêm bài Bàn cãi của Vũ-trọng-Phụng ở sách này trang 199).

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : 1. Sinh-phần : mồ mả làm sẵn cho người còn sống.
2. Ấp : vùng đất rộng do nhiều người khai khẩn lập thành xóm làng.
3. Ngoạn mục : thích mắt, đẹp mắt.
4. Trùng-trùng điệp-diệp : lớp này nối lớp kia nhiều như vô cùng.
5. Thung-dung : thông thả, nhàn nhai.

Học-sinh giải-nghĩa tiếp các chữ khó hiểu trong bài.

2. — Bố cục : Chia bài làm ba phần, tóm tắt đại-ý từng phần !
Phân đoạn phần thứ hai !

3. — Đại-ý bài này tả gì ?

4. — Chủ-dịch : Tác-giả viết bài này với chủ-dịch gì ?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội dung :

a) Bài này mô-tả sinh-phần nổi bật lên giữa một cái đời đẹp-đẽ giữa một vùng phong cảnh ngoạn-mục. Tìm những chi-tiết tả về đẹp nhiều màu sắc ấy.

b) Nghiên-cứu phần I: Quang cảnh ngọn đồi ở đây được tả vào lúc nào ? Cảnh có rực-rỡ những màu sắc không ? Màu mây vàng, màu hoa trắng xóa, màu lá xanh thắm dưới ánh nắng chiều lấp-lánh. Màu sắc có tinh-cách gì ? Cảnh-trí có đẹp-đẽ không ? Và cảnh-trí xung-quanh có bao-la không, có ngoạn-mục không ? — Dẫn-chứng !

c) Tác-giả so-sánh sinh-phần trên đồi như bao diêm (quét) trên mu bàn tay. Trông từ đằng xa, ta có cảm tưởng ấy không ? Sự so-sánh ấy có ngụ-ý gì ?

d) Tác-giả chỉ nói đến các thứ đá và gỗ được chạm trở tỉ mỉ nhưng không mô-tả rõ-rệt hình dáng một vài công-trình chạm-trổ ấy. Việc này có quan-hệ không ?

e) Sinh-phần có đồ-sộ không ? Có đẹp-đẽ không ? Dẫn-chứng !

g) Câu cuối có hàm-súc ý gì ?

2. — Hình-thức :

a) Cách dùng-ngữ của tác-giả có tinh-xác không ? Dẫn-chứng !

b) Tìm những câu văn được áp-dụng mỹ-từ-pháp : lối tả-lệ.

c) Tìm những câu văn được áp-dụng mỹ-từ-pháp : lối điệp-ngữ để nhấn mạnh về ý nghĩa.

d) Nhận-xét về cách đặt câu. Có nhiều câu dài. Xét và đặt lại vài câu dài nhất xem lời có sáng-sủa hơn không ?

e) Cách chấm câu thế nào ? Có ảnh-hưởng gì đến giọng văn không ?

3. — Tổng-kết :

Một cảnh nhân-tạo đồ-sộ, đẹp-đẽ, nhiều màu sắc, nhưng bé nhỏ so-sánh với cảnh hùng-vĩ của thiên-nhiên,

Lời văn giản-dị, tự-nhiên, nhiều hình ảnh, nhưng hàm-súc ý mỉa-mai.

TẬP LÀM VĂN

Tả cảnh một ngôi chùa cổ hay miếu cổ giữa nơi hoang vắng.

54.— Một bệnh-viện trên ngọn đồi

Vì xây trên một ngọn đồi ở vào một cái địa-thể rất lợi nên những ô cửa sổ của nhà thương mở ra một vùng phong-cảnh rất ngoạn-mục

Người bệnh cứ trông những nóc nhà, mái ngói, mái gianh chen-chúe nhau ở hai lề đường, bên những vòm cây chi-chít, hoặc là chỗ thì chợ, chỗ thì trường học, chỗ thì cửa huyện có một cái chòi cổ-lỗ lúc nào cũng đội một lá cờ bay phấp-phới, đây là một rẫy nương, kia năm bảy ngọn xoan, lại thêm tùm nầm tùm ba những người gồng gánh hộp chợ chỉ to bằng cái đầu tôm, nên chi họ cũng có lúc có những phút cao hứng quên khuấy bệnh-trạng của mình, để hưởng một sự họ mới khám-phá ra được: ngắm cảnh thiên-nhiên.

Mấy phòng nhà thương cao ráo sáng-sủa đến nỗi những lúc trên trời có mây trắng thì nhà thương hiện ra trong cái tung-bừng mà những khi mây trời âm-đạm mịt-mù thì cũng không đến nỗi thiếu ánh sáng.

Nằm ngồi trên những chiếc giường sắt sơn xanh có nệm màn trắng xóa, mà nhìn qua khung cửa kính, lại thêm ngoài hiên lác-đác bay là vài chiếc lá vàng, kể có bệnh cũng cảm thấy sự di-dưỡng của tinh-thần, quên những vết thương trong thân-thể, có thể để hết khối óc vào mọi sự mở-mang, suy-nghĩ, triết-lý nữa, nghĩa là vào thời-khắc vốn chỉ để dành cho hạng thợ văn-chương.

Bệnh-nhân hồi ấy đa-số là vợ các viên-chức đến để, đến chữa một cái răng sâu, một cái hạch, một cái mụn nhỏ trên đầu chẳng hạn, nên trong nhà thương, người ta chỉ thấy những bà quần áo sạch như cái đĩa Nhật-Bản, lép-kep đôi guốc, nũng-nịu vì những đôi bi-tất bóng, tùm-hụp trong những cái khăn vuông, hoặc ra cửa sổ ngắm cảnh chợ búa, làng-mạc dưới đồi hoặc nằm trong chăn để đọc một tờ báo, một cuốn tiểu-thuyết.

Những lúc ấy là những lúc quý-hóa để họ lục tìm trong ký-ức những kỷ-niệm hoặc vui-vẻ hoặc đau-đớn rồi kiểm lấy những phương-châm xử-thế, là những lúc họ kiểm-soát cuộc đời.

VŨ-TRỌNG-PHỤNG

55.— Đêm khuya trên dòng sông

I.— Long... đi một lúc đã đến bến đò. Tiếng chó sủa ran lên đón chàng. Trên một mũi thuyền có một số đông mấy nhà chài lưới ngồi uống rượu có lẽ thưởng xuân và thưởng trăng rằm tháng giêng. Sau khi gạn hỏi và ngã giá đầu đầy rồi, chỉ có một người đàn-bà trên một chiếc thuyền nhỏ bằng lòng chở.

II.— Tiếng chèo bi-bôm đưa chiếc thuyền nhỏ ra tới giữa khúc sông rồi, Long mới kịp để ý đến người đàn-bà kia. Đứng chon-von ở sau thuyền, người đàn-bà hai tay khiến hai mái chèo một cách uyển-chuyển mềm-mại. Dưới cái khăn vuông mở quạ đen là một cái mặt tròn trĩnh, rồi đến một cái ngực nở-hang bên trong cái yếm trắng nền thu nhắt ánh-sáng mặt trăng. Một cái váy cũn-cốn mà dưới là một đôi ống chân bầu-bĩnh trắng-trẻo chấm hết cho cái hình-thể gọn-gang ấy.

Long ngả lưng vào mạn thuyền để đầu nhô ra một khe ở vĩa mũi..., nhìn chung quanh, nhìn trời, mây, nước.

Mặt trăng như rung động lấp-ló sau một ngọn đa. Những đám mây nhỏ bay về cả một chiều như một đàn bò bị dồn về áp lúc đã hoàng-hôn, hay là như một đám tàn quân bại trận. Hai bên bờ, trùng-trùng điệp-diệp những rặng cây hoặc cao hoặc thấp, những mầu đường dề, những ngọn đồi con soai-soãi vươn mình như con vật khổng lồ triền-miên về giấc ngủ đêm khuya. Thỉnh-thoảng một ngọn đa hay một cây gạo nhô lên trên cái vạch đen sì những cây cối nhỏ, soi bóng xuống mặt nước. Tiếng mái chèo dip-dàng khoan-thai khuấy nước bi-bôm hợp với những tiếng của muôn nghìn thứ côn-trùng rì rì dưới cỏ lại càng làm tăng sự tịch-mịch của đêm trăng...

III.— Hơi gió bắc lạnh-lùng, cái thuyền lướt êm-ả trên nước, ánh-sáng le-lói của mặt trăng, sự muôn hình vạn trạng của cỏ cây, ngàn ấy cái bao bọc Long trong một giấc mộng dịu-dàng...

VŨ-TRỌNG-PHỤNG (Đông tổ)

56. - *Mưa rào*

I. Đột-nhiên một buổi có những đám mây lạ bay về những đám mây lớn đen xít, hình như nặng và đặc sệt, lồm-ngồm đầy trời. Mây tản giải từng nắm nhỏ rồi san đều ra một nền xám đen kịt. Gió nam thổi giạt mãi. Gió bỗng đổi mát lạnh, nhuốm hơi nước. Ở đằng xa miên-mạn nổi lên một hồi khua động rat-rào.

Mưa đã xuống bên kia sông. Gió càng thêm lạnh, rúc diên-đảo trong cành cây. Ngoài đường cái, người chạy tào-tác. Trẻ con cứ la ời-ời. Có lẽ sắp được xem mưa xuống, các chủ bé thích quá kêu rối-rít. Cùng chung với đàn trẻ một nỗi vui ngổ-ngàn, mấy con chó cũng hít hít nhẩy cõn, nhay xích ống, xủa ăng-ăng.

II. Mưa đến nơi. Let-đet... Let-đet... Mưa giào đầu. Những giọt nước rất to lăn xuống mái phen nứa. Mưa thưa rồi. Mưa ư xuống, khiến cho mọi người không tưởng được là mưa lại kéo đến chóng như thế. Lúc này là mấy giọt nước lách-tách. Bấy giờ, bao nhiêu nước tuôn rào rào. Ánh nước xiên xuống, lao vào trong bụi cây. Lá đào, lá na, lá sồi vẫy tai run-rẩy. Con gà sống ướt lướt-thướt ngất-ngưỡng chạy tìm chỗ trú. Cái mình giẹp dẹt, hai đầu cánh xo nhấp-nhò đáng kheo-khư của một anh nghiên á-phiện. Mưa bùng sầm-sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước tỏa trắng xóa. Trong nhà, bỗng tối xăm. Một mùi nồng ẩm ẩm, hình như hơi ngọt, lại hình như hơi ngai-ngái. Cái mùi xa lạ, mau-mác của những trận nước mưa mới đầu mùa. Mưa rào-rào trên sân gạch, gõ dộp-dộp trên phen nứa, đập lùng-tùng vào lòng lá chuối, rào-rào liên-miên. Tiếng giọt gianh đồ ồ-ồ, nước ào-ạt ọc nguồn, xối lên trong những rãnh nước sâu. Nước reo, vang-vang, kỳ quái như tiếng đồ trời xụp đất ở đâu. Đôi khi đương kéo dài một loạt à-à, bỗng một con gió phả đến, vật-vã cây-cối, lại nổi lên một hồi rat-rào xa gần thăm-thăm. Mảnh sân đất đã ngập mấp-mé. Nước chảy đỏ ngòm bốn bề sân cuộn-cuộn tuôn dồn trong các ngạch sảnh quanh dọc lối xuống chuôm.

Mưa xối nước xuống được một lúc lâu bỗng trong vòm trời tối thẫm, vang ư một hồi âm-ừ-rền-rền. To như những tiếng nổ, nhưng là tiếng nổ ở xa âm lại. Tiếng sấm, tiếng sấm mưa mới. Chốc chốc, lại rền lên từng thời ục-ục ầm-ầm trong khoảng không mù-mịt. Cho tới lúc ngoài lối ngõ xóm, nghe có tiếng chân người lép-nhép lạch-bạch chạy. Họ vác thùng đi bắt cá rô rạch nước trên các bờ ao. Mưa đã ngọt. Trời bớt xám, rạng dần.

III. Đến khi có những con chim chào-mào bay ra hót riu-ran, thì trời lại quang-quẻ như trước. Mây trắng sắc sáng lan tràn đến. Vòm trời diu và trong vắt, mới-mẻ hơn xưa. Mặt trời hơn-hơn ló ra, chói lọi, nhưng tươi mát, cười lóc trên những trôm lá bưởi ướt lấp-lánh. Trận mưa to chỉ còn sót dấu lại ở mảnh sân lênh-láng. Trên các mái rơm xám xít, nước gianh vàng khè lịch-rich thồn-thức giọt dài, giọt ngắn nối nhau rỏ xuống đất. Tạnh mưa. Mưa ồm-ồm, thoát một lúc hết. Trời đất lại vui-vẻ như thường.

T. H. (Cổ đại)

57. - *Buổi sáng, sau cơn mưa*

I. Ánh nắng hiện ra, sau trận mưa từ khuya kéo dài đến sáng mới dứt. Ngoài vườn, cây cỏ ướt đầm nước đứng sủi mình dưới nắng. Thỉnh-thoảng cơn gió lướt qua lay động cành lá khiến những hạt mưa còn đọng trên mình lá rơi xuống đất nghe rào-rào như những trận mưa nhỏ nhỏ.

II. Mãi đến giờ này, con gà mái trong chuồng mới túc con ra sân cỏ, đuổi bắt những con-trùng chui lên khỏi mặt đất vì nước ngập. Gà giò, gà trống từ trên nhánh cây, từ mái hiên sau vố cánh bay xuống đất, bước đi trong nắng. Nền đất ướt phứt chốc dấy dấy những vết chân. Một con chim hót muộn đậu ngoài cây bông chứa trước sân nhà như khuyến-khích bầy chim quanh đấy hót theo.

Trên mái ngói, nước mưa còn đọng lại, thỉnh-thoảng nhều xuống từng giọt, gây thành tiếng động nhỏ trên vũng nước ngoài hiên.

III. Tùng ngồi im trong phòng vắng, từ sáng sớm. Trời mưa buổi sáng ở thôn-quê không làm cho chàng vui được. Chàng bước xuống giường, đến bên chiếc dương cầm, tìm sự khuây-khỏa trong tiếng nhạc. Tiếng đàn của chàng cũng nặng trĩu nỗi-niềm như những làn mây xám chầm-chầm kéo lê-thê ngoài trời. Và đến khi nắng bừng lên ấm-áp tràn vào cửa sổ thì Tùng đứng dậy, chống tay lên thành cửa sổ nhìn ra.

Lòng chàng cũng rạng-rỡ lên như nắng tươi ngoài trời. Một con chim từ đâu đáp xuống cành cây rậm lá bên cửa, cất cao giọng hót. Tùng mỉm cười và chợt nhớ đến Hạnh.

NGỌC-LINH (Ngã rẽ tâm-tĩnh)

LƯỢC GIẢNG

Xuất-xứ : Đoạn văn này trích trong quyển « Ngã rẽ tâm-tĩnh », đoạn tả lúc Tùng, một luật-sư trẻ tuổi ở Sài-gòn về thăm quê vợ ở miền đồng-bằng Tiền-giang.

Tác-giả : (Coi phần Tiểu-sử các tác-giả ở đầu sách).

Chú-thích : *Túc :* nghĩ-thanh-từ (onomatopée) nhại lại tiếng « túc túc » của con gà mái gọi con. *Cây bông chùa :* loại cây khá to, cao đến bốn năm mét, trổ bông thơm, đài hoa màu xanh rồi vàng ủa. Lúc đài hoa trở màu vàng chính là lúc hoa thơm ngào-ngạt. Có địa-phương gọi là bông công chúa. *Dương cầm :* nhạc-khí nhiều dây, sắp xếp như một cái bàn viết. Khi sử-dụng, nhạc-công nhấn ngón tay lên những phím ngà làm cho âm thanh phát ra.

Bố-cục :

- 1) Giới-thiệu khung-cảnh tổng-quát : thời-gian (khi mặt trời mọc) không-gian : ngoài vườn.
- 2) Sự náo-nhiệt khi mưa tạnh : gà ra khỏi chuồng, chim hót.
- 3) Ảnh-hưởng của cảnh-vật đối với lòng người : làn mây xám gieo sự buồn-bã rồi ánh nắng đem đến sự phấn-khởi.

58. Làng Từ-Lâm

I. Tôi đến một nơi gọi là Từ-Lâm. Xa xa toàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không không dứt. Núi màu lam buổi sáng, buổi chiều mây bay sương phủ.

II. Từ-Lâm là một làng nhỏ trên đồi. Vẻ đặc-sắc là rất xinh. Có con sông con, sắc nước trong xanh, chảy từ từ trong lòng cát trắng.

Tuy không phải là nơi danh thắng, non không cao, nước không sâu nhưng có vẻ đậm-dà, điều-độ, ân-ái, dễ xiêu lòng người, Tôi không úy phục, tôi không say đắm, nhưng tôi dễ nhận, dễ yêu như một nơi quê-hương, xứ-sở.

III. Một hôm tôi ở dưới làng lên đồi chơi. Đi men sườn đồi, thấy cái vườn dâu, cành lưa-thưa như bức màn lá xanh. Giữa vườn có nóc nhà lá, theo ngõ con đi vào thềm thấy sáng-sủa, phong-quang.

Hôm ấy về mùa đông mà trời nắng, gió thổi lá dâu phất-phới, lòng nhẹ-nhàng vui-vẻ. Nỗi vui như chan-chứa, tưởng không bao giờ có thể hết vui được nữa.

IV. Trông xuống dưới, cánh đồng xa xa, dãy núi mấy dặm cao, cây xanh chum đến ngọn, làn khói như sợi tơ lên mù khơi. Dòng sông uốn quanh chảy lại, sắc trong, trong mãi không cùng. Đồng lúa xanh kéo đến tận phương trời.

NHẤT-LINH (Người quay tơ)

BÌNH GIẢNG

PHÂN PHÂN-TÍCH :

- 1.— **Giải-nghĩa :** Đặc-sắc, danh-thắng, đậm-dà, điều-độ, ân-ái, úy phục, phong-quang.
- 2.— **Bố-cục :** Chia bài làm 4 đoạn, tóm-tắt ý mỗi đoạn.
- 3.— **Đại-ý :** bài này tả cảnh gì ? Với chủ-đích gì (nghệ-thuật ? ...).

PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— **Nội-dung :**

- a) Tác-giả tả theo thứ-tự nào ? Có tỉ-mỉ không ? Chứng tỏ !
- b) Tuy nhiều chi-tiết nhưng ý không vụn-vật, toàn là những nét chính cần-thiết để xây-dựng một bức tranh đại-thể linh-động. Phê-bình nghệ-thuật của tác-giả.

c) Đoạn nhập đề và đoạn kết luận đều tả cảnh ngoại xa? Nhưng khác nhau thế nào? Chỗ đứng và tầm mắt của tác giả ở hai đoạn khác nhau thế nào?

d) Chúng ta hai đoạn II và III đều là những đoạn tả cảnh xen lẫn tả tình, tức là tả cảnh *luyện tình*.

e) Toàn bài cho ta cảm-tưởng gì? (thu-thải, nhẹ-nhàng, tươi-vui).

g) Tìm những chữ tả màu sắc? Màu sắc trong bài có tươi sáng không, và gợi cho chúng ta những cảm-giác gì?

2. — Hình-thức :

a) Nhận-xét cách dùng chữ và đặt câu.

b) Lời có nhịp nhàng nhờ cách ngắt câu không?

c) Trong bài có nhiều câu thiếu chủ-từ. Hãy tìm những câu ấy.

3. — Tổng-kết :

Lời văn giản dị, nhịp nhàng. Tả tỉ-mỉ, nhiều nét rậm-rạp nhưng không ruộm-rà. Tất cả mọi chi-tiết đều có chủ-dịch đem lại cho người đọc một cảm-tưởng êm-dềm, tươi sáng.

TẬP LÀM VĂN. Tả cảnh làng của trò khi trời vừa sáng.

59. — Chiều buồn

I. — Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều về?

II. — a) Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây hồng như hòn than sắp tàn trong lò. Dãy tre làng, trước mắt, đen lại và cắt hình rõ-rệt lên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một buổi chiều êm-ả như ru, vang vang tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào.

b) Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo-ve. Liên ngồi yên-lặng, đôi mắt bị bóng tối ngập lân-lần, và cái buồn của buổi chiều que thăm-thía vào tâm-hồn ngây-thơ của cô bé. Liên không hiểu tại sao, nhưng chỉ thấy buồn man-mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

III. — Liên gượng nhẹ ngồi nhìn ra phố, các nhà đã lên đèn cả rồi. Nhưng nguồn ánh sáng của đèn chiếu ra ngoài phố khiến có từng chỗ lấp-lánh, và dường mập-mờ thêm vì những hôn đá nhỏ, một bên sáng, một bên tối.

THẠCH-LAM

60. — Thuyền đi trong đêm trăng

I. — Sông! là một dải lụa bạch, không! là một đường trắng trải chiếu vàng, hai bên bờ là đồng cát và rừng xanh và hoang-vu và thanh-tĩnh. Chỉ tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ-nhàng lướt theo những dòng vàng trôi trên mặt nước.

II. — Vầy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền-diệu, chưa đủ, Nguru-Lang và Chức-Nữ, chúa của đêm Trung-thu, còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào-ngát như mùi băng-phấn : trong ấy biết đâu lại không phảng-phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa.... Thuyền phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa.... Thuyền đi êm-ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vùng chiêm-bao, và say-sưa và ngây-ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê-mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền-ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên một cao, khi-hậu cũng tăng sức ôn-hoa lên mấy độ, và trí-tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền đang lên, đồng đang lên như khói. Ở thượng tầng không khí, sông Ngân-hà trình bạch đường dẫn chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chỉ tôi bỗng reo to lên : « Đã gần đến sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn-giang! ».

Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm-tưởng lý-thú là đương chở một thuyền hào-quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vi-tinh-tú hình như rơi rụng xuống thuyền.

Trên kia, phải rồi, trên kia in hình một vị tiên-nữ đang kêu thuyền để qua giang.

HÀN-MẶC-TỬ (Chơi một mùa trăng)

CHÚ-THÍCH : Hoang-vu : Rộng-rãi vắng-vẽ không có bóng người. Thanh-tĩnh : Yên-tĩnh. Huyền-diệu : Huyền-bí, kỳ diệu ; ở đây là : sự êm-dềm khó tả. Huyền-ảo : Mơ-hồ không thực. Trí-tuệ : Trí thông-minh sáng suốt. Hàn-giang : Sông lạnh. [Thơ Hàn-Mặc-tử : « Trời Hàn-giang đêm nay không sóng / Lòng cô-liên đồng vọng mà chi »]. Hào-quang : Có ánh sáng tỏa ra. Qua giang : Qua sông.

* Hàn-mặc-tử còn là một thi-sĩ nên đã viết văn bằng ý thơ hòa mình vào thiên-nhiên với tất cả cảm-xúc nên cảnh thực hòa với cảnh tưởng-tượng thành một cảnh rất thơ mộng, huyền ảo.

61.— *Xuống ga giữa đêm khuya*

I.— Chuyển xe hỏa cuối cùng, chuyển tàu đi lên những nơi *thâm sơn cùng cốc* hũn ấy, lúc mặt trăng đã lên lưng chừng trời, đã nhả một mình Long xuống thêm ga lạnh-lẽo và vắng-vẻ.

Tàu đỗ lại độ hai phút, chỉ để đủ thì giờ cho một người của sở xe lửa chạy vội xuống mở khóa hòm thư lấy thư rồi lại chạy lên.

II.— Đứng trên con đường lờ-nhờ những đá, Long vừa kịp nhìn hai dãy rào găng lù-lù và đen sịt, cái nhà ga bé nhỏ như một cái quán gạch ở cánh đồng. Ngọn đèn dầu leo-lét, cái đồng-hồ hiện ra lơ-mờ giữa cái sáng và cái tối, một mảnh trăng treo trên cánh cây xoan, ngọn đèn đỏ mà người xếp ga lắc đi lắc lại ở phía trước đầu tàu — cái phong cảnh khiến chàng càng thấy mình là cô-độc chơ-vơ trên con đường đời dài dằng-dặc — thì bỗng một tiếng còi vang lên như một tiếng thét kỳ-quái, với những tiếng hơi nước phun ra phì-phì và tiếng bánh xe sinh-sịch nghiêng trên đường sắt, lại làm cho anh giật mình và bàng-hoàng run sợ như những tiếng thét trên đầu chàng khi có nạn sắp xảy ra.

Long đứng ngầy người ra nhìn theo chuyển tàu biến thẳng trước mắt mình mãi đến lúc nó chỉ còn là một cái chấm đỏ, mãi đến lúc cái chấm đỏ — cái đèn ở toa cuối cùng — cũng trộn lẫn trong cái tối.

III.— Tàu khuất rồi, Long mới vào ga trả vé. Người coi ga, áo da cao cổ, mũ *cát-két* bít kín hai bên tai, ở cánh tay lòng-thông một chiếc gậy *song*, ở miệng lập-lộc một môi thuốc lá, sau khi nhận được vé, hất hàm hỏi Long:

— Về đầu khuya-khoắt còn đi một mình thế?

VŨ-TRỌNG-PHỤNG (Đông-tổ)

CHÚ-THÍCH : *Thâm-sơn cùng cốc* : Núi sâu hang cùng; chỉ những nơi vắng-vẻ xa-xôi. *Bàng-hoàng* : Tâm-lý rối loạn. *Cát-két* : Do chữ Pháp *casquette* phiên âm ra : mũ lưỡi trai, thứ đội mùa lạnh có hai cái dải che kín hai bên tai. *Song* : Một thứ cây giống như cây mây nhưng lớn hơn.

62.— *Di-bu-ti*

I.— Di-bu-ti có hai đặc-sắc :

- 1) Trời nóng bức.
- 2) Không-khí trong sạch.

II.— Trời nóng đến nỗi không có cây gì mọc được cả. Lúc chưa xuống, họ bảo rằng hai bên vệ đường, muốn có bóng mát, thành-phố phải làm những cây giả bằng thiếc sơn xanh, còn vào hàng cơm, lúc ăn món *bít-téc* họ đem ra một đĩa rau *sà-lách* làm bằng bột nặn mỏng và nhuộm xanh. Tôi biết là họ nói khoác, nhưng có nói khoác như thế mới tả được cái nóng bức và khô-khan ở Di-bu-ti.

Còn không-khí trong trẻo đến nỗi những người cận-thị xuống bến không phải đeo kính nữa. Còn những người thường thì phải đeo kính viễn thị. Trên một cái núi cách xa 100 cây-số, những hôm không có mây, người ta nom rõ cả những người kiếm củi trong rừng. Không thấy họ nói có nghe rõ cả tiếng nói chuyện và tiếng cười của những người đó không.

Riêng tôi thì vì không-khí trong sạch, nên tôi trông thấy rõ những cái bản-thử vô cùng của dân nơi đó. Đi qua những hàng quà ở chợ, nhờ không-khí trong-trẻo nên tôi đã thấy được những miếng kẹo, những chiếc bánh nằm giấu kín trong đám ruồi đen. Nhờ không-khí trong sạch, tôi đã ngửi thấy những mùi hơi-hám ở các nhà dân lụp-sụp bên vệ đường.

III.— Vì vậy tôi dám ra nhớ quê-hương, và sự liên-tưởng làm tôi nghĩ đến những cái chợ quê ở trong nước, nhớ những mẹt bún hay bánh đúc, những chậu mắm tôm, những rổ mít mùi nồng-nặc, sặc-sụa bay tản-mạn trong không-khí lẫn nặng vo-ve. Tôi trông thấy cả một người ăn-mày gầy hốc-hác lê-la cái gậy, kêu xin bằng một cái giọng mà ai đã nghe thấy một lần thì không bao giờ quên được nữa.

NHẤT-LINH (Đi tây)

LƯỢC GIẢNG Đoạn văn này trích ở thiển văn-thuyết phóng-sự trào-phúng « Di tây » đã đăng báo Phong-hóa năm 1935.

- Di-bu-ti là phiên âm chữ Djibouti, một hải-cảng ở Đông Phi-châu.
- Lập-luận chặt-chẽ, ý-tưởng phân-minh.
- Tác-giả khéo phóng-dại và có tài điệp-ngữ vừa dễ nhấn mạnh vừa có ý mỉa mai chua-chát trình-độ sinh-hoạt xứ người và xứ mình. Người đọc đang mỉm cười về cảnh xứ người bỗng bị tác-giả lật-tuột về cảnh thực náo-nề cây đống của xứ mình. Tác-giả đã điều-khiển được tình-cảm người đọc vậy.
- Lời văn linh-động có tính-cách trào-phúng mỉa-mai.
- * Học-sinh hãy nghiên-cứ bài văn và dẫn-chứng những điều nhận-xét trên đây.

63. — Tiếng rừng khuya

I. — Tôi mở mắt ra thì trăng xuyên qua khung cửa sổ mắt cáo đã đặt tên mình tôi những mảnh sáng vuông nhỏ. Bấy giờ có lẽ đã nửa đêm. Tôi không muốn ngồi dậy, cứ nằm yên đó, hai mắt lim-dim lắng tai nghe.

II. — Một dải suối róc-rách ở gần, tiếng sóng như thủy tinh reo vào trong thứ giọng rừ-rừ tối-tăm của những côn-trùng dưới cỏ. Sau lều, khu rừng cây yên-lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đưa ra những tiếng bí-mật khiến cho mình cảm thấy được cái sinh-hoạt của nó trong lúc đêm khuya: Một con hươu đang ngó-ngần nhìn cái lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc nhảy trên cành; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng vỗ cánh nặng-nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi qua, một loạt lá rơi rào-rạt, rồi tất cả lại im lặng như ngưng đọng, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào ào, để ý thì mỗi lúc thấy một gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến đi mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn-ào đưa từ đầu tới, phảng-phất trí-não hình-dung ra những cảnh chợ búa, xe pháo ở chốn thị-thành.

III. — Tôi cứ nằm để nghe hoài. Nghe càng lâu, muôn tiếng lại càng hỗn-dộn...

THẾ-LỮ (Vàng và máu)

64. — Đời sống dân quê

I. — Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như một giấc mộng, mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên đợi gió. Dũng và Độ, hai người cùng ngồi thân-thờ không nói, ngả đầu vào lưng ghế, ngắm khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào khoảng không trên trần. Trên bàn phủ vải trắng, có để một chai rượu mùi, hai cốc đầy rượu và một đĩa quả: sắc thủy-tinh trong pha với màu xanh, vàng, đỏ của trái cây diễn ra một quang-cảnh vui-vẻ, ấm-áp.

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm còn lảng-vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt-thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải-rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng, cong queo như bị đè nén dưới vẻ to-tát của trời đất rộng-rãi. Khói thổi cơm chiều ở một vài nhà dân không có sức lên cao, tỏa ra thành từng đám màu lam, ôm-áp lấy các mái tranh.

II. — a) Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh-lẽo, vô-vị kéo dài đã mấy ngàn năm. Đã mấy ngàn năm họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào nay vẫn thế, vui ít khổ nhiều, bao giờ cũng thăm-đạm như buổi chiều đông này, không hề khao-khát một cảnh đời sáng-sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

b) Chiều hôm ấy, Dũng như cảm thấy tâm-hồn của đất nước, mà biểu-hiệu cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa, danh-nhân; chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau-khổ của đám thường dân.

Quanh năm xuôi, ngược, dừng chân lại ít ngày ở đồn-diên một nhà người bạn thân, ngồi nhàn-nhã uống cốc rượu tiên nằm trong một tòa nhà gạch sáng trọng, Dũng vẫn thấy mình là một người dân nghèo và càng cảm thấy cái thú mãn-mác được hòa với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội.

NHẤT-LINH (Đoạn tuyệt)

LƯỢC GIẢNG

- 1) Bài văn tả cảnh và tả tình.
- 2) Bố-cục có cân-đối không? Tóm ý mỗi phần, mỗi đoạn.
- 3) Nhận-xét sự *tương-phản* trong cảnh diễn tả. Sự tương phản ấy khiến người đọc có những ý nghĩ gì?
- 4) Dũng vẫn hằng có tư-tưởng gì từ lâu và tư-tưởng đó chỉ chờ cơ hội để bộc-lộ? Cơ-hội ấy đến chưa? Gây xúc cảm gì cho Dũng?
- 5) Dũng quan-niệm ra sao? mong ước gì? — Phê bình!
- 6) *Cảnh hợp tình, lời xứng ý* là hai điều-kiện cần có trong bài văn hay. Bài này có đủ hai điều-kiện đó không? — Chứng tỏ!

Độc thêm

65. + Xoáy nước

Thăm-thẳm dưới chân chúng tôi là một vùng biển bao-la một màu đen kịt như mực đang găm thét xô vào vách đá dốc ngược, chạy thẳng tắp tới chân trời. Xa-xa, vài hòn đảo nhỏ, không một bóng cây, chỉ thấy vách đá lởm-chổm đen sì. Tít ngoài khơi, một cánh buồm le-lói, cô-độc, ẩn hiện sau lớp sóng nhấp-nhò.

Khi ấy, tôi bỗng để ý tới một sự dị-kỳ là gió biển đang thổi mạnh một chiều mà trên mặt biển không hề có sóng bạc đầu, chỉ thấy từng đợt sóng nhỏ lăn-lăn, dãn-dãn xô đẩy nhau từ phía, khiến mặt nước sôi lên sùng-sục như một lớp dầu sôi.

Bỗng tiếng người ngư-phủ già văng-vẳng bên tai tôi:

— Ông có nghe thấy tiếng gì không? Ông đã thấy có sự gì thay đổi trên mặt biển chưa?

Ngay lúc ấy, tiếng găm thét của biển cả trở nên dữ-dội và dưới tầm con mắt mở to vì khủng-khiếp của tôi, cả một vùng biển đang sôi-nổi bỗng nhiên ầm-ầm chuyển sang phía đông, gây thành một luồng nước vô cùng mãnh-liệt, tưởng chừng tất cả đại-dương đang chạy dốc vào một vực thẳm không đáy.

Mấy phút sau, biển lại lặng dần, nhưng mặt nước bắt đầu xoáy tròn thành một vực lớn, sâu thăm-thẳm, đen sì và bóng loáng như mun với một tốc-độ mãnh-liệt đến nỗi phát ra những tiếng găm thét ghê-rợn, những tiếng rít xé màng tai.

The Edgar Allan Poe (HOÀNG-LAN dịch)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU:

1. — Văn-thể: Bài này viết theo thể văn nào? tả gì?
2. — Xuất-xứ: Bài này trích ở truyện ngắn « Chìm trong xoáy nước » trong tập truyện ngắn Con bờ Hung vàng đoạn hai người đứng trên đỉnh núi nhìn xuống mặt vực nước, nơi mà người ngư-phủ đã chết hụt...
3. Tác-giả (Coi phần « Tiểu-sử các tác giả » ở đầu sách này).

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH:

1. — Giải-nghĩa các chữ khó hiểu trong bài.
2. — Bố cục: Hai phần cách nhau bởi một câu chuyển tiếp.
 - a) Phần trên tả mặt biển bình thường, trước khi có luồng nước.
 - b) Phần dưới tả mặt biển khi luồng nước chuyển-động.
 Mỗi phần lại chia hai đoạn. — Tìm ý từng phần, từng đoạn.
3. — Đại-ý: Tả cảnh biển chuyển-động khi có luồng nước xoáy và sự kinh hãi của người chứng kiến.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH:

1. — Nội-dung:

- 1) Cách kết cấu (dàn-ý) theo tiêu chuẩn nào?
- 2) Hãy tưởng-tượng cảnh tả trong đoạn đầu ra sao? Cảnh tượng có bí-mật, dữ-dội, bao-la, hùng-vĩ và buồn rầu không? Trước cảnh ấy, người ta thấy mình bé nhỏ và cảm thấy thế nào?
- 3) Tác-giả bỗng để ý tới gì? Thử phân-tích tâm trạng tác-giả lúc đó.
- 4) Tại sao tác-giả lại nghe văng vẳng tiếng ngư-phủ già? (Vì sóng, gió...?)
- 5) Xét kỹ phần II tả sự biến chuyển ghê-gớm của biển cả và tâm-trạng của tác-giả.
- 6) Xét tinh-cách nhất chí của bài...
- 7) Các chi-tiết đều có chủ-dịch gợi cho ta cảm-tưởng gì?

2. — Hình-thức:

- 1) Những tiếng chính-xác dùng đúng chỗ. Hãy kiểm những tiếng *tượng thanh, tượng hình* và nói tác-dụng.
- 2) Lời văn có linh-động hấp dẫn không? — Chứng tỏ!
- 3) Cách đặt câu và ngắt câu ra sao? Có những ích lợi gì?
- 4, Nghiên-cứu *nữ từ-pháp*: cách nhân-cách hóa, tỉ-lệ...

(Coi lại phần « Hướng-dẫn giảng-văn » ở đầu sách)

TẬP LÀM VĂN Tả cảnh biển hay sóng lúc mưa to gió lớn.

66. — Trên đỉnh đồi

Trời không mưa nhưng bị sương xuống nhiều nên những lá cây tre mai ướt bóng loáng; chốc chốc một chiếc lá từ từ nghiêng mình và giọt nước đọng lóng-lánh ở đầu lá rơi thẳng xuống làm rung động một hai chiếc lá khác ở dưới.

Trên đường cái một đám người Thổ yên-lặng đi ngang, lơ-mờ như những nét chấm màu lơ lửng xám lúc nhạt trong sương mù.

Hai người yên-lặng đi thông-thả trên con đường đất nhỏ quanh-co trong rừng hồi 2. Gió bắt đầu thổi làm tan sương mù; đã trông thấy rõ những quả đồi bao bọc chung quanh với những mái nhà màu tím bên trong những khóm tre mai rải-rác trên sườn đồi. Một mảng ánh vàng hiện ra mong-mạnh rồi lại tắt đi ngay.

Dũng và Trúc không bảo nhau, cùng rẽ sang bên đường leo lên đỉnh đồi. Trúc giơ tay chỉ, bảo Dũng:

— Mai chúng mình đi về phía kia.

Dũng hỏi:

— Sao anh biết là phía ấy?

— Đoán thế, vì phía ấy có nhiều núi, có vẻ nguy-hiểm tợn 3! Những quả núi đá màu lam thâm chen nhau hỗn-dộn 4 ở chân trời hình như không bao giờ hết.

Tiếng nhạc ngựa ở đâu vang lại, ròn-rã vui trong sự yên tĩnh của buổi chiều. Trước mặt hai người, về phía bên kia cánh đồng, ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu-ớt trong sương trông như ngọn nến nhỏ xa-xôi dương mờ dần.

NHẤT-LINH (Đôi bạn)

Chú thích:

- 1) Màu lơ: màu xanh da trời; màu áo lam của những người Thổ đi trong sương mù.
- 2) Hồi: một thứ cây.
- 3) Tợn: dữ tợn; đây có nghĩa là *lắm, rất*.
- 4) Hỗn-dộn: chen chúc không có hàng lối nào.

67. — Nhà dân chài

I. — Qua bãi cát, hai người đi vào một khu ruộng nhỏ, rộng độ vài mẫu, mạ mọc thưa, úa vàng, gầy yếu vì bị cát khô và nước mặn làm cho không tươi tốt lên được.

II. a) Ở một góc ruộng, ngay chân núi đang trào, nhà Vội, một lớp nhà tre lợp lá gồi, ba gian hai chái 1, và một cái nhà ngang vừa thấp lụp-xụp 2 vừa trống-trải, không cửa, không phên che, đứng rụt-rè 3 bên cạnh mấy cây xoan khẳng-kheo và những khóm chuối lá to bản màu xanh vàng. Chung quanh nhà và vườn, một cái giậu nửa đan thưa xiêu vẹo, ngã nghiêng dưới sức nặng của dây bìm-bìm dây hoa tím.

b) Vừa đến cổng, Hiền kinh-hãi lùi lại, vì một con chó trắng đang nằm trên nền nhà chạy ra sủa. Vội lên tiếng, tức thì con vật lại gần chủ, phe-phẩy đuôi.

— Không sợ, cô cứ đi.

c) Trên một cái sào dài bắc từ cổng đến nhà ngang, treo rủ những sợi lưới trong như hạt một cái màn thưa Nhật-bản che cửa sổ hay cửa buồng. Vội lấy tay gạt lưới ra một bên để Hiền qua cổng.

Trong sân, dưới cái giá gác buồm, để ngỗng-ngang nào mỏ neo, nào dây thừng, nào tre nửa dùng làm nẹp và lạt buộc mảng 4.

KHÁI-HUNG (Trống mái)

Chú-thích: 1. Chái: gian nhà nhỏ ở hai đầu nhà. 2. Thấp lụp-xụp; thấp và tối-tăm. 3. Rụt-rè: n ú -nhát; ở đây nói: không lộ rõ. 4. Mảng: bè nhỏ ken bằng nhiều cây tre hay cây buồm.

NHÂN XÉT: Hiền là cô gái mới ở thành-thị nghỉ mát ở bãi biển Sầm sơn có hồn Trống Mái. Vội là một anh dân chài nghèo ở đây. Tác-giả đã đặt mình vào nhân-vật Hiền trong bài để tả cảnh, nên cảnh diễn dần ra từ từ theo bước chân và sự quan-sát của Hiền, y như một khúc phim hoạt họa chiếu trên màn bạc. — Cảnh nghèo-nàn của dân chài đã được chú ý để nhiều nhất nên văn-chương không có mau sắc tươi sáng như bài Xuân tới sau đây của tác-giả.

* Học-sinh hãy chứng-minh những nhận xét trên. Đề ý nhiều đến những chữ in nghiêng, những tính-từ và trạng-từ.

68. — *Xuân tới*

I. — Mùa Đông đã qua, một mùa đông rét-mướt và ẩm dai-dã g mui như không bao giờ dứt.

Rồi mùa Xuân đã ngọt lịm, như một người tình đi xa bỗng đứng một hôm về mà không báo tin trước. Một mùa xuân sáng sủa, ấm-áp, đem nhựa non đến cho cây cỏ, đem tươi trẻ, ham muốn lại trong lòng người.

II. — Đêm hôm trước, cơn mưa sập-sùi, gió hiu-hiu lạnh. Sáng hôm sau đã tạnh ráo, quang-dãng. Ánh sáng trong từ vòm trời xanh tỏa xuống. Làn không-khí dịu-dàng bao phủ, ôm ấp vạn vật. Người ta có cảm-tưởng sưởi ấm lòng, và máu nóng từ tim man-mác bốc lên dần. Và người ta say-sưa êm-ái. Cảnh đương có cảm-tưởng ấy. Chàng đứng tựa cửa sổ ngắm-nghĩa những búp tơ trên cành bàng lực-lượng¹ như trông thấy những nõn vàng mẫm-mẫm² đương mọc, và nghe thấy tiếng nhựa chảy trong huyết-quần³ khắp người chàng. Những cây sữa màu xanh nõn xoe ra như bàn tay mỹ-nữ⁴, bên cạnh hàng chùm tơ mon-mơn mà những trận mưa đông-da mấy hôm nay đã rửa sạch bụi.

III. — Tất cả cái gì cũng mới, cũng tươi, cũng đẹp như đề sửa-soạn đón tiếp mọi ý-tưởng, mọi nguyện-vọng⁵, một thị-hiếu⁶ vừa nảy-nở và đương bay liệng không mục-dịch trong không-gian ngáy-ngắt hương hoa men nhựa.

KHÁI-HUNG (Bản-khoản)

Chú-thích :

- 1) *Lực-lượng* : to lớn, chắc-chắn
- 2) *Mẫm-mẫm* : căng nhựa tròn-trặn
- 3) *Mỹ-nữ* : gái đẹp
- 4) *Nguyện-vọng* : sự mong ước
- 5) *Thị-hiếu* : sở-thích ; sự thích thú riêng

69. — *Trên dòng sông Hương*

I. — Đêm hôm ấy là đêm trăng ở trên sông Hương. Theo thói quen của các văn-sĩ ở Kinh-đô, tôi và mấy bạn nữa có thuê một chiếc dò, kiệu dò có mái che một nửa, thường những đêm hè sáng-sủa, hay chở những khách chơi *phiếm* trên Hương-giang.

II. — Đi từ-từ, xa thành-phố, ngược dòng lên mạn các Tôn-lăng, có lẽ là một nơi *cảnh-trí* nên thơ nhất trong thế-giới, vì nó có một thứ buồn lạ cảm vô cùng. Trời đất bình-tĩnh, bóng trăng vắng-vắc, chỉ nghe tiếng mái chèo của chài lái dò róc nước. *Xúc cảnh* sinh tình, chúng tôi bèn bày ra ngâm thơ. Trong bọn có một tay hay thơ cũng ứng *khẩu* mấy câu. Bốn bề yên lặng cả ; tuy chúng tôi nói chuyện, nhưng tiếng không đủ làm nao-động không-khí êm-đềm. Bỗng có tiếng người cất lên ở giữa khoảng không tịch-mịch.

Ấy là tiếng của chài lái dò có lẽ trông thấy cảnh trời đất *lồng-lộng* như thế, cũng tự-nhiên cảm-động, nên *trỗi giọng* hát một câu ca dao, rất là véo-von, rất là êm-ái. Giọng hát kéo dài ra, để cho đúng với nhịp chèo :

« Gió đưa cành trúc la-đà,

« *Tiếng chuông Thiên-mụ, canh gà Thọ-xương* ».

Nghe câu hát giản-dị mà có thể cảm-xúc biết bao, tựa hồ như thấy vắng-vắng có tiếng chuông, tiếng gà ở đâu đàng xa thiết ; hai thứ tiếng ấy hợp với cảnh này nhất, mà không có nó, hình như thiếu mất một phần.

PHẠM-QUỲNH

Chú-thích : *Chơi phiếm* : Chơi lông-bông không mục-dịch thiết-thực. *Cảnh trí* : Phong cảnh. *Xúc cảnh* : Cảm-động vì tiếp-xúc trước cảnh. *Ứng khẩu* : Nói ngay ra được không cần nghĩ lâu. *Lồng-lộng* : Cao rộng mênh-mông. *Trỗi giọng* : Cao giọng.

NHẬN XÉT : Đây là một bài văn tả cảnh viết theo lối thuật-sự. Tác-giả đã lắng mình, thả hồn vào cảnh, tỏ ra cũng có tâm hồn thơ mộng, thật khác hẳn lối văn nghị-luận nghiêm-trang của ông.

20. - Bến Sáu kho

I. - Năm 1942, một hôm cuối tháng mười, tàu Amiral Pointy của hãng Chargeurs-Réunis *nhỏ neo* chạy Saigon với tất cả những cái buồn thảm của một bầu trời đông rủ xuống bến Sáu kho.

II. - Ngày hôm ấy là ngày sương mù. Cảnh vật phủ một màu bạc. Ngon gió *bắc vi-vèo* thổi *như* cắt da những cu-li chỉ một manh áo rách đang khuôn vác ở dưới bến, và càng làm tê lòng những hành-khách đã tê lòng vì cảnh biệt-ly đang đứng ở trên tàu. Những làn sóng biển, nhô lên ngụp xuống, *như* *đú-đồn* với làn hơi nước trắng phau. Vài con thuyền tam bản, dăm chiếc ghe mảnh, đi lại trên mặt nước trong bầu sương mù, *như* vẽ cho những khách chưa từng trông thấy biển một cảnh lung-linh trong mộng. Lâu lâu, những hồi còi của những tàu dòi bến hay vào bến rúc lên inh-ỏi, *như* những tiếng rú của những con kinh-nghe, thừa một ngày sương mù, loài người không thể trông thấy, ở những hang bí-mật kéo nhau ra đùa giỡn.

Rặng núi miền Đông-triều, Uông-bí thường ngày lừng-lững bao vây *hải-cảng* *như* một bức trường thành kiên-cố, bây giờ không nhìn thấy. Những cây bàng trụi lá, lác - đác trên bến, giờ cảnh khảnh - kheo *như* những bộ xương khô. Thỉnh-thoảng, một cơn gió mạnh từ phương Bắc kéo lại, giật những chiếc lá còn sót, ném xuống mặt đường, rồi lại thổi cho chạy trên mặt đất gồ-gề. Lá chạm nhau, lá chạm đá, rào-rào *như* những tiếng than-vãn, thì-thầm của một cảnh vật đã bị mùa đông đem cái buồn và cái rét đến khuấy rối và làm cho tê-tái, ê-chề.

III. - Cảnh thăm-đạm mênh-mông của bến Sáu kho hôm ấy thật đã gieo một mối áo-não vào lòng người và đã chịu ép mình nằm trong câu thơ mà một hành-khách đang khe-khe ngậm : « Sương buồn ôm kín non sông ... ».

LÊ-VĂN-TRƯƠNG (Tôi là mẹ)

BÌNH GIẢNG

I. - PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn gì ?
2. Xuất-xứ : Trích trong truyện dài *Tôi là mẹ* của Lê-văn-Trương.
3. Tác-giả : Xem phần « Tiểu-sử các tác-giả » ở đầu sách.

II. - PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. - Giải-nghĩa những chữ in *ngã* trong bài.
2. - Bố-cục : Bài chia ba phần, phần I và III đều tả tổng-quát về cảnh buồn nơi bến tàu. ... Phần chính chia hai đoạn ; tả cảnh dưới nước và trên bờ ... Kiểm những đoạn đó.
3. - Đại-ý : Tác-giả tả cảnh bến tàu Sáu-kho ở hải-cảng Hải-phòng vào một ngày sương mù, buồn thảm, rất thích-hợp với lòng người đang sầu ly-biệt...

III. - PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. - Nội-dung :

- a) Bài tả có chủ-đích nên linh-động, hấp-dẫn. ... Chứng tỏ !
- b) Nhận-xét những nét đặc-liệt căn-biên về mùa đông Bắc-Việt.
- c) Chứng tỏ bài có những ý mới mẻ, đặc-sắc...
- d) Tác-giả đã tả những cảnh gì ở dưới nước ? Có đặc-biệt không ?
- đ) Tác-giả chú ý tả cảnh lá rụng. ...
Lá rụng có biểu-hiệu cho sự biệt-ly không ? Tại sao ?
- e) Sao ta không thấy rặng núi ?
- g) Bài này cho ta cảm-tưởng gì ? Trò có nhận thấy chi-tiết nào cũng có vẻ buồn, cũng gợi cho ta nỗi sầu kẻ ở người đi ? Chứng tỏ !

2. - Hình-thức :

- 1) Tìm những tiếng dùng để nhân-cách-hóa sông, ghe, thuyền, rặng, núi, cây bàng, lá ? Nói công-dụng của sự nhân-cách-hóa ?
- 2) Tác-giả đã áp-dụng phương-pháp tỷ-lệ (nghĩa là sự so-sánh có chữ « như » làm trung gian). Tìm những câu tỷ-lệ ấy. Lưu-lợi của lối tỷ-lệ ?
- 3) Kiểm những tiếng bắt-chước tiếng động mà đặt ra. Đó là loại tiếng gì ? Nói ích-lợi về cách dùng những tiếng đó.
- 4) Phân-tách tự-loại những tiếng dùng rất đúng để tả sự buồn.
- 5) Bố-cục của bài rất cân-đối. Chứng tỏ !

TẬP LÀM VĂN. Tả quang-cảnh nhà ga hay bến xe hơi khi trở tiễn chân người bạn thân đi xa, và nói cảm-tưởng.

71.- Giữa biển khơi

... Trời hàng-hàng rạng đông, ba chiếc mảnh đánh cá ra cửa biển mênh-mông; đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét; lúc đó ở cái mảnh đi giữa lờ-mờ có một người đứng ra trước gió, dựa lưng vào cột buồm, trông xem cảnh biển, tự nghĩ một mình rằng: «... cái cửa biển Đại-Nha này là một cửa biển có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải: cửa này lại thông với cửa Thần-phù.

Lênh-dênh qua cửa Thần-phù...

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Nổi chìm nhờ đức cao-xanh. Ta đã đến đây, ta cứ ta xem, ta ngắm cho sướng mắt thích tình ».

Thuyền chạy vun-vút, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào. Chợt đâu vầng *thái-dương* ở dưới gầm *thương-hải* kéo lên đỏ lừng-lừng, trong hàm cái sắc *kim-quang* óng-lánh, không lấy vật đồ nào của thế-gian mà *tỉ* nghĩ được; bây giờ ánh *chiêu-dương* chiếu ra, mây khói, sóng nước đều đổi có vẻ hồng hồng cả rồi căng lên, thế-gian càng rang dần ra, mà *nhồn-quang* của người càng chiếu rộng xa mãi ra được: sóng mênh-mông, bát-ngát, tít-tắp mù khơi, không biết đâu là bờ; còn mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoáng-khắc biếm thiên vô số hình sắc; mà ngoảnh lại phía tây chốn non sông tổ-quốc thì mây ám, sương sa, không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi, vô-hạn.

Người ấy không phải An-Tiêm ở ba cái mảnh áp-gải ra Phó-sở thì còn là ai? An-Tiêm ngoảnh lại trời tây, tựa hồ có ý buồn, mà trông ra biển lại càng thích ý được hưởng một *cuộc hạo-du* hiếm có.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (Quả dưa đỏ)

Chú-thích : *Thái-dương*: Mặt trời. *Thương hải*: Biển xanh, biển cả. *Kim-quang*: Ánh sáng của vàng. *Tỉ*: So-sánh. *Chiêu-dương*: Mặt trời sáng rõ. *Nhồn-quang*: Sức mắt nhìn. *Cuộc hạo-du*: Cuộc đi xa rộng.

ĐỊNH-NGHĨA :

Thuật	:	Kể lại. Bày tỏ ra bằng lời nói hay câu văn.
Ký	:	Ghi chép. Ghi nhớ.
Tự	:	Thuật lại. Bày tỏ ra.
—	:	Tự thân mình.
Bút	:	Biên chép.
Thoại	:	Lời nói. Nói chuyện.

THUẬT SỰ : Kể lại sự việc đã biết hay tưởng-tượng ra.

KÝ SỰ : Ghi chép sự việc trông thấy hoặc nay còn nhớ

Ký ức : Việc đã qua còn ghi nhớ.

Ký vãng : Việc đã qua.

Hồi ký : Chép lại việc cũ nay nhớ lại.

Kỷ niệm : Ghi nhớ việc cũ.

Nhật ký : Biên chép sự việc và cảm nghĩ của mình mỗi ngày.

Du-ký : Ghi chép lại điều mắt thấy tay nghe, cảm nghĩ khi du-lịch.

TỰ SỰ : Bày tỏ một sự thực, thuật lại sự việc.

Tự thuật : Thuật, bày ra.

— — : Tự kể lại truyện riêng của mình.

Tự tình : Bày tỏ tình ý.

Tự biện : Tự mình biện-hộ cho mình.

BÚT KÝ : Văn-chương tùy bút mà biên chép.

Tùy hứng : Theo dòng tư-tưởng, theo lúc hứng bút nghĩ sao thì ghi chép vậy.

ĐỐI-THOẠI : Đối mặt nhau mà nói.

Đàm thoại : Nói chuyện cùng nhau

oam

72 * Bóng người trên sương mù

I. — a) Nhà tôi bị bệnh nặng mà tôi vẫn phải đi..... Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liều. Tôi có cảm giác lạ lẫm; hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không thấy mặt vợ nữa, tôi cố định trí để cảm máy nhưng chỉ được một lúc thôi.

b) Xe đi vào khe núi, hết lên cao lại xuống thấp như cỏ về nhọc-nhăn. Tôi thò đầu ra cửa, nhìn thẳng trước mắt, nhưng đêm ấy sương mù đầy trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới ánh đèn ở đầu toa.

Bóng tôi thấy... rõ-ràng tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn-bà mặc áo rộng đang dang tay. Tôi dụi mắt, tưởng mình trông hoảng nhưng không, hình người đàn-bà vẫn đấy...

II. — a) Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật mà ai nhìn cũng phải thấy. Tôi đến cầm lấy tay bác «ét», kéo bác ra xem rồi bảo quả-quyết:

— Nhìn xem!

Bác ta há hốc mồm, giương to mắt, hốt-hoảng nói:

— Lạ thật! Ma! ông ạ!

Xe tiến đến đâu, cái hình người lui đến đấy, có lúc mờ, có lúc rõ, lơ-lửng giữa lưng-chùng giời.

Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thông-thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy-hiêm.

Tôi bảo bác «ét»:

— Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.

— Vâng, sao cái hình ấy lại như lấy tay làm hiệu bảo ta đứng lại?

Cái hình người trước còn vẫy tay thông-thả, sau vẫy thật nhanh như người tỏ ra ý thất-vọng vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe.

— Hay ta dừng lại xem sao. Chắc là ma!

— Không được, tự-nhiên vô cơ.

Còn tôi lúc bấy giờ hai tai ù như mất trí-khôn; tôi văng-văng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tưởng một người đàn-bà bảo tôi:

— Đổ lại, đổ lại!

Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái «phanh» như định hãm rồi lại không dám hãm.

Một lát, tôi lại nghe thấy tiếng người đàn-bà rõ hơn lần trước, giục tôi:

— Hãm lại, hãm ngay lại!

Lúc bấy giờ tôi không nghĩ gì nữa, nhắm mắt hãm «phanh» lại thật mạnh. Các toa rung một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh-vắng. Xe chạy từ-từ một quãng rồi đỗ hẳn.

b) Tôi chưa kịp bước xuống đã thấy người «xếp tanh» cầm đèn chạy lên tôi:

— Việc gì thế?

Tôi luống-cuống không biết trả lời làm sao vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập-mờ:

— Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn-quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy âm-âm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N. G.

Mấy đêm ấy mưa lũ to, nước chắc chảy xiết nên mới reo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi, mấy người đều kinh-hoảng: cái cầu N. G. bị nước nguồn chảy về xoáy gây làm đôi.

Một tí nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng cho quan Toàn-quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai: tưởng không có cái tai-nạn nào ghê-gớm hơn thế, mà chính vì tôi nên mới không có cái tai-nạn ấy. Tôi đứng ngẩn người không hiểu ra sao cả.

- Người « *xếp-tanh* » mừng cuống quýt hỏi tôi :
 — Sao ông biết mà hăm ?
 — Tôi cũng không hiểu.

Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt, xúm-xít quanh tôi hỏi dồn. Tôi không biết trả lời ra sao. Một lát, mọi người đứng giãn ra, quan Toàn-quyền đến ; ngài không nề tôi là người lao-dộng, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen.

c) Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được *trọng thưởng*, nhưng *trọng-thưởng* lúc đó đối với tôi cũng như không, tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà không biết ra sao. Tôi đi t ở lại và thoáng thấy con gi bằm ở cái đèn để dầu toa. Nhìn kỹ thì ra một con bướm thật to, vương vào đèn, đương đập cánh để tìm đường thoát...

Trông thấy con bướm, tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc này là cái bóng con bướm này in trên gương mù, đầu con bướm là đầu hình người, mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vậy.

Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi ; sau nghĩ con bướm đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm *kỷ-niệm*. Tôi nhìn vào đồng-hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm.

III — Hôm sau tôi vừa về đến cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào quang một giờ đêm hôm qua.

Tôi không hay tin nhảm, tôi chắc đó là một sự *tình-cờ*, một sự *ngẫu-nhiên*, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh-hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để *phù-hộ* cho tôi tránh được cái tai-nạn đêm hôm ấy. Nhưng tránh được tai-nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giàu sang phú quý bây giờ đối với tôi cũng như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đây mà hồn tận đâu đâu...

NHÁT LINH và KHÁI-HUNG (Anh phải sống)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể : Văn thuật-sự, loại *hồi-ký* hay *ký-ức*.
2. — Xuất-xứ : Trích trong tập truyện ngắn « Anh phải sống » của Nhất-Linh và Khải-Hung viết trong thời Pháp-thuộc.
3. — Tác-giả : Coi phần « *Tiêu-sử các tác-giả* ».

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa những chữ in nghiêng. Đề ý những tiếng do tiếng Pháp phiên-âm ra : *ét* (aide) ; *phanh* (frein) ; *xếp-tanh* (chef de train).
2. — Bố-cục : Chia phần. Phân đoạn. Tóm ý từng phần, từng đoạn.
3. — Đại-ý : Bài này là lời ai, kể truyện gì ?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội dung :

- a) Bài này viết có dụng công không ? Nhận định thời-gian và không-gian xảy ra sự việc ! Cách dàn ý (kết-cấu) đặt theo tiêu-chuẩn nào ? Ta có cảm-chú theo dõi mọi chi-tiết một cách hồi-hộp không ? Cảm-tưởng của ta thế nào, khi đọc bài này ?
- b) Lúc cầm máy, người lái-xế lo nghĩ gì ? Anh ta có cảm-giác thế nào ? Có phải vì thế mà anh ta lại càng dễ tông lằm không ?
- c) Tại sao người lái-xế lại nói rằng anh cũng như con bướm « *xác đây mà hồn tận đâu đâu* ». Giải-thích câu cuối cùng của bài.

2. — Nội dung :

- a) Tác-giả dùng tiếng giản-dị nhưng tinh-xác. Tìm những tiếng đúng đến nỗi ta không thể thay bằng tiếng khác.
 - b) Lời văn có đặc-tính gì ? Có thật hoàn-toàn xứng hợp với tình-cảm nhân-vật không ?
 - c) Văn đối-thoại khi dài dòng, khi văn-tắt có tác-dụng gì ?
 - d) Tìm những câu có mệnh-đề tinh-lược (thiếu chủ-từ, động-từ hay túc-từ). Thử đặt lại thành những mệnh-đề đầy đủ.
3. — Tổng-kết : Dàn ý khéo, truyện kể hay, hấp-dẫn. Hư thực, thực hư, truyện xây-dựng thật công-phu.

TẬP LÀM VĂN. Thuật lại một truyện đã khiến trò phải sợ hãi.

71. ^{SOCAH} Một đêm mưa

I. — Một đêm mưa phùn ẩm-ướt và tối-tăm về cuối tháng chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ sớm. Nằm trên giường, trùm chăn lên tận cằm, chúng tôi cùng nhau nói chuyện phiếm để đợi giấc ngủ.

II. — a) Trong căn phòng yên-lặng, chỉ nghe rõ tiếng tí-tách thông-thả và đều-đều của chiếc đồng-hồ treo trên tường. Nhưng thỉnh-thoảng một cơn gió đưa đến văng-vẳng những tiếng ếch nhái kêu ở cánh đồng quê chung quanh nhà.

Ngọn đèn hoa-kỳ vặn nhỏ để ở dưới đất, chiếu lên trần và tường nhà những bóng tối kỳ-dị, hơi lung-lay. Còn chiếc màn đỏ rộng và treo ở nhà thì tối xẫm lại, rủ những nếp vải mỏng-manh và tha-thướt. Bên kia chiếc màn ấy là giường của bà tôi và chị tôi nằm.

b) Vào hồi nửa đêm, chúng tôi sức thức dậy, gió thổi ào-ào trong các lá cây và đập mạnh các tán lá chuối: từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một lát thì mưa rào - rào đổ xuống mái nhà.

Anh tôi bảo :

— Có lẽ là một trận bão to.

— Bão thì càng thích.

Mà thích thật. Tưởng-tượng không có cái khoan-khoái êm ả nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa gieo và gió thổi như một thứ âm-nhạc vui-vui, ru ngủ người ta dần-dần.

c) Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương-hại những người lữ-khách vào giờ này hãy còn đi trên đường vắng, ướt như chuột lột và run như cây sậy, đi vội-vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái-ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung-lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ giọt nước.

III. — Khi người ta được êm-ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc-chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.

THẠCH LAM (Gió đầu mùa)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1 Văn-thể : Bài thuộc loại văn gì ?

2 Xuất xứ : Bài trích trong « Gió đầu mùa », tác-phẩm đầu tiên của Thạch-Lam gồm những truyện ngắn đã đăng trên báo Phong-hoa do Tự lực văn-doan chủ-trương.

3 Tác-giả : Thạch-Lam trong « Tự lực văn-doan ».
Coi thêm phần « Tiền-sử tác-giả » ở đầu sách.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa :

Mưa phùn : mưa lai-rai nhỏ hột. Nếu mưa luôn vài ngày liền thì gọi là mưa dầm.

Chuyện phiếm : Chuyện phù-phiếm lông-bông không vào vấn đề gì.

Đèn hoa-kỳ : Đèn nhỏ thấp bằng dầu hỏa. Khi có dầu hỏa của Hoa-kỳ nhập-cảng mới có đèn này nên gọi vậy.

Kỳ-dị : Kỳ lạ dị-thường.

Lữ khách : Người đi đường xa

Run như cây sậy : Run như con cây (con chó) bị ướt mưa đứng trước lửa để sấy lông cho khô.

2. — Bố-cục : — Chia bài làm ba phần : Nhập-đề, thân bài và kết-luận.
Chia phần thân bài làm ba đoạn. — Tóm ý từng phần, từng đoạn.

3. — Đại-ý : So-sánh cảnh ấm-cung sung-sướng của người no ấm trong cảnh nhà gạch chắc-chắn với cảnh tắm mưa gội gió của lữ-khách và cảnh nhà nát mái dột của người nghèo.

4. — Chủ-đích : Khích động lòng thương người của những kẻ sung-sướng và vẽ ra một đối-tượng để người đọc phải suy ngẫm.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- a) Tìm thứ-tự thời-gian diễn tả. — Dẫn chứng !
- b) Hai nhân-vật trong bài có cảm-giác gì lúc tối mới đi nằm ? lúc nửa đêm ?
- c) Đến lúc nào, họ mới nghĩ thương đến *lữ-khách*, *ái-ngại* đến người *hàng xóm* nghèo ?
- d) Như vậy, tình thương của hai người đã thực rộng-rãi chưa ?
— Họ có nghĩ gì đến những gia-đình nghèo khác ở xa hơn hàng xóm không ?
- e) Ngủ một giấc, nửa đêm mới thức dậy, hưởng cái thú chần ấm nệm êm, nghe gió vi-vu như tiếng nhạc vui, rồi mới nghĩ thương đến người xấu số. Tình thương suông như thế có ích lợi gì cho ai không ?
- g) Đọc câu *kết-luận*, ta sẽ thấy dụng-ý sâu-xa của tác-giả muốn phơi trần tâm-lý chung của người ta thường là như vậy. Tình thương người dừng chỉ đến chạm-chạm và phải nhờ ngoại-cảnh kích-thích nhắc nhở.
Nếu tình thương của hai người sớm hay rộng-rãi hơn nữa thì ý-tưởng trở nên không thực, giả-tạo, và trở thành sáo, kém giá-trị.
- h) Ở đây, hai người, đêm mưa phùn ẩm-ướt, tối-tăm, lạnh-lẽo, lại lấy làm thích-thú, khoan-khoái, nghe mưa reo gió thổi vui-vui như âm-nhạc. Vậy cảnh *từ* thuộc tâm-hồn người. Cảnh không có vui có buồn. Chỉ do tâm-hồn người ta cảm-nghĩ ra mà thôi.
— Nếu hai người là *lữ-khách* đang đi trong mưa lạnh sẽ cảm-nghĩ thế nào ?
— Nếu hai người cũng *nghèo khổ* thiếu áo thiếu chăn đang phải thức để chông cái nhà lá mái dột lung-lay thì sẽ cảm-nghĩ những gì ?

2. — Hình-thức :

- a) Tìm những tiếng chứng tỏ tác-giả đã xữ-dụng đến *thính-giác*, *thị-giác*, *xúc-giác*, *cảm-giác*, khi viết văn.
- b) Tìm những tiếng *tượng-thanh* và những tiếng *tượng-hình*.
- c) Tác-giả đã áp-dụng phương-pháp *lý-lệ* trong những câu nào ?
— Thử đặt ba câu theo phương-pháp *lý-lệ*.
- e) Tìm những tiếng *trạng-tự* và *tính-tự* ở trong bài và nói công-dụng.
- g) Phê-bình những câu có chữ *thi* trong bài.

- b) Phê-bình những câu có liên-tự *và*. Câu nào có thể bỏ được chữ *và* mà không sai ý.
- l) Những câu nào viết theo lối *đảo ngữ*. Nói ích-lợi của cách *đảo-ngữ*.

3. — **Tổng-kết** : Sau khi đã nhận-xét phê-bình toàn bài rồi, trò hãy tập tổng-kết nội-dung hình thức bài bằng một hay hai câu.

TẬP LÀM VĂN. Một buổi tối, trong khi mưa to gió lạnh, gia-đình trò quây-quần yên vui trong nhà. Thuật lại buổi đó và nói cảm-tưởng của trò.

74. ✕ Một đứa bé mồ-côi

Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu. Khi hãy còn ở cái tuổi mà những đứa trẻ khác được chiều-chuông, nâng-niu, ẵm bế, riêng tôi là đứa bé một mình phải chịu nhiều nỗi gian-lao.

Bố mẹ tôi qua đời từ trước khi tôi có đủ trí khôn để nhận thấy rằng không có bố mẹ là điều rất đau khổ. Đến khi tôi đã được mười hai tuổi rồi, tôi hãy còn sống sót vì hội Bảo-anh, cái hội từ-thiện mà xã-hội đã lập ra để nuôi-nấng những đứa trẻ không bố mẹ, trong số đó có tôi. Như thế cả cái tuổi trẻ của tôi đã trôi bèn những cái đầu xanh cùng một số phận như tôi, dưới sự săn-sóc của những bà *xờ* giàu lòng từ-thiện thật đấy nhưng chỉ biết thương-hại chúng tôi vì bần-phận chứ không biết yêu chúng tôi theo lẽ tự-nhiên, một điều rất quý mà một người không thể nào cầu được ở một người không máu mủ với mình.

✕ Không bao giờ tôi quên được những buổi học êm-ả một cách đáng chán, những bữa ăn *kham-khô*, những giờ đi ngủ theo tiếng trống, mà cả mấy trăm đứa chúng tôi lên giường bắt tay ngang trán không phải để yên nghĩ, không phải để ngủ, không phải để hưởng những giấc mộng tuổi trẻ, nhưng mà để *tủi thân*, để *xót phận*, thêm-thuởng *khao-khát* cuộc đời của những đứa trẻ khác, đầy-dẫy, hăng-há *sa-sổ* những đứa trẻ có bố có mẹ được hiểu rõ thế nào là hai chữ gia-đình. ✕ Không bao giờ tôi quên được những cuộc vui làm phúc, những ngày tết Trung-thu, tết Nguyên-đán, mà một bà nọ, bà

kia đã đến với chúng tôi, với những đồ chơi rẻ tiền, những hoa quả lánh trái rẻ tiền, tưởng là làm phúc, mà té ra chỉ bắt chúng tôi hiểu rõ một cách thấm-thía hơn những cảnh đau-khổ chung. Cũng không bao giờ tôi quên những buổi đi chơi hàng đàn, hàng lũ, đưa nào cũng ăn vận như đứa nào, một cái mũ trắng, một cái áo vải thām, chân giām đất, đi hàng hai một, đứa bé nhất đi đầu, đứa to đầu nhất đi cuối cùng; chúng tôi đi qua các phố-xá để cho xã-hội nhìn chúng tôi như những con vật kỳ lạ, hoặc là lấy làm tự-hào vì đã về tròn cái quả phúc cứu sống chúng tôi.

Thôi, tôi cũng chẳng nên dài dòng làm chi cho lắm.

Theo VŨ-TRỌNG-PHỤNG (Đồng-tố)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể ?

2. — Xuất-xứ : Trích trong truyện dài « Đồng - Tố » của nhà văn phong-sự và xã-hội Vũ-trọng-Phụng.

3. — Tác-giả : Xem phần « Tiểu-sử các tác-giả có văn xuôi trích-giảng »

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : Những chữ in ngả trong bài.

Dưới một ngôi sao xấu : Tác-giả vừa mượn ý của một thành-ngữ Pháp, vừa tin-tưởng số tử-vi là mỗi người có một ngôi sao chiếu mệnh, may rủi đều tại số trời định. Bà xơ : do tiếng Pháp « Sœur » phiên âm ra, ở Bắc - phần gọi « Bà xơ », ở Nam - phần gọi là « bà Phước » hay « di phước » ...

2. — Bố-cục : Chia phần và tóm tắt đại-ý từng phần,

3. — Đại-ý và chủ-đích : Tác-giả nêu rõ cái tâm-trạng đau khổ của trẻ mồ côi trong các hội Bảo-Anh để gián tiếp kêu gọi một sự tổ-chức nào đẹp-đẽ chu đáo hơn nữa của xã - hội để giúp đỡ vật-chất lẫn; như tinh-thần lũ trẻ mồ-côi.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

a) Đứa trẻ mồ-côi phải chịu nhiều nỗi gian-lao từ tuổi nào, Vì sao ?

b) Nhờ đâu mà đứa trẻ sống sót ?

c) Nói qua mục đích của hội Bảo Anh.
d) Đứa trẻ mồ-côi được sự săn sóc của những ai ? Nó đã vừa lòng chưa ? — Vì sao ?

đ) Tình mẹ yêu con khác tình bà xơ giàu lòng từ thiện về phương-vật chất
diện nào ? Các bà xơ có cách gì săn sóc chúng nhiều hơn không?

e) Đứa trẻ mồ-côi thấy khổ về những phương-diện nào ? Nó cảm thấy khổ nhiều về vật-chất hay tinh-thần ? — Chứng tỏ bằng lời văn trong bài.

g) Cảnh tùy thuộc tâm hồn người. Đứa trẻ mồ-côi khi đã tủi-hân, xót phận thì cuộc đời có gì tươi vui được nữa không ? Phân-tách tâm-trạng của nó khi nhận quà của bà nọ, bà kia, khi xã-hội nhìn nó sắp hàng đi chơi. → Khinh khi... con vật

e) Mồ đầu bằng vài câu ngắn rồi kê-lễ dài lời, bỗng lại buông một câu cụt ngắn ở cuối bài, đứa trẻ đã có tâm trạng ra sao lúc đó ? Ảnh hưởng gì đến người đọc ? → Chơ nản, chán

xót thương

2. Hình-thức :

a) Trừu-tượng là cái gì chỉ ở trong trí mà giác-quan không thể thấy được. Trong câu đầu, đoạn « Riêng tôi phải chịu nhiều nỗi gian lao » có trừu-tượng không ? Trò hiểu thế nào về nỗi gian lao đó ? → Cô đơn, bị khinh khi.

Trong câu thứ hai, đoạn « Không có bố mẹ là điều rất đau khổ » có trừu-tượng không ? Vì sao ? Còn đoạn nào trừu-tượng nữa ?

b) Tìm những câu nào chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn. Ví dụ : « Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu ».

c) Tìm những chữ tả được thấu đáo nỗi khổ tâm của đứa trẻ mồ-côi. Phân loại những chữ đó, rồi đặt vài câu thí-dụ khác. *

d) Điệp-ngữ là thế nào ? (Coi lại phần « Hướng-dẫn ».

Nhận xét câu thứ 6 : « Không bao giờ tôi quên được những buổi học... hai chữ gia-đình », tác-giả đã dùng liền ba lần chữ « những » và ba lần chữ « không phải » là có dụng ý gì ?

Nhận xét câu thứ 7 : « Không bao giờ tôi quên được những cuộc vui... cứu sống chúng tôi » tác-giả có dùng điệp ngữ không ? Kể ra ? Hành văn như thế, tác-giả có mục đích gì ?

g) Bài có câu ngắn câu dài khác nhau khiến giọng văn ra sao ?

b) Câu nào dài nhất ? Thử cắt câu đó làm nhiều câu ngắn xem lời văn biến đổi ra sao ?

3. — Tổng-kết : Hãy tổng-kết giá-trị bài này về phương-diện nội-dung và hình-thức. Thường hai kiếp sống đứa trẻ mồ-côi gần chạm thành. Mãi mãi chưa xong.

TẬP LÀM VĂN Thay lời một trẻ mồ-côi tự thuật lại cuộc đời.

75. — *Tấm ảnh*

I. — Chiều đó, ba bước xuống phòng tôi, tay cầm một tấm ảnh khổ 6 x 9. Ba để dựng lên bàn học của tôi vừa êm-đềm nói :

- Con giữ ảnh này, để luôn luôn trên bàn này!
- Ảnh gì đó ba ? — Tôi lật-dật hỏi,
- Con xem sẽ biết.

Nói xong, ba đi ra. Hào và Thủy nghe nói có ảnh, nhảy bổ vào xem.

- Chị cho em xem thử.
- Cho em xem với, chị Hằng.

Ba chị em châu đầu vào bức ảnh. Đó là bức ảnh chụp mộ má. Ba ngày sau khi chôn cất má xong, ba đặt cho thợ xây mộ. Khi mộ hoàn-thành, ba đưa ba chị em ra thăm. Hôm đi có cả ông vừa ở Phú-yên vào. Một bức ảnh được chụp để ba lần lượt gửi đến các bà con phía má. Trong ảnh, ba đứng một bên mộ, ông đứng một bên. Hào đứng bên cạnh ông, tôi đứng cạnh ba. Thủy nhỏ quá, ba phải bế để đứng lên thành mộ, gần bên ba. Ba chị em đều mặc áo tang. Màu trắng của áo quần tang nổi lên trên nền đen của ngọn núi đằng sau. Mặc áo quần tang vào, trông đứa nào cũng lung-thụng, thật đáng thương hại, nhất là khi quen mắt với quần áo mặc hàng ngày là (ủi) kỹ, thẳng nếp. Đã thế, mặt đứa nào cũng dờ ra. Hào đứng thân-thờ buồng xuôi hai tay như một người chán đời. Thủy cúi nghiêng mặt để tránh ánh mặt trời chói. Còn tôi thì tóc bay phờ-phạc trước trán như một đứa trẻ mới ốm dậy. Thấm-thoát mà thời-gian qua mau làm sao. Tưởng chừng má mới mất khoảng mấy tháng nay thôi, sự đau sót còn thấm-thía như một vết thương chưa lành kịp. Ấy thế mà bốn năm đã trôi qua. Nhìn lại bức ảnh mới thấy ba chị em bé-bồng đến tội-nghiệp, đến buồn cười. Giá má nhìn thấy ảnh này, chắc má ôm chầm lấy ba chị em mà òa ra khóc.

II. — Có tiếng giày của ba xéo trước hiên, rồi ba bước vào phòng. Hào nhanh-nhau hỏi :

- Cái ảnh này ba cất ở đâu bấy lâu nay hở ba ?
- Ba cất trong tủ.

Rồi vội vàng như sợ một đứa nào trong chúng tôi đưa ra những câu hỏi vẩn-vơ, ba nói :

— Có nhìn vào bức ảnh, ba đứa con mới nhớ rằng mình cùng chung một nỗi đau khổ lớn, nỗi khổ mất mẹ. Người nào cũng khổ, khổ như nhau, thế mà mình còn tìm cách để làm khổ thêm anh chị em mình, ... nghĩ thật vô-lý. Thương yêu nhau bao nhiêu, đùm bọc nhau bao nhiêu cũng đã bù lại được chưa, tình yêu của người mẹ mà các con thiếu ?

Ba ngừng nói, đi đi lại lại trong phòng.

— ... Trí nhớ của chúng ta vốn rất bạc-bèo. Các con lớn lên, nên vai nên vế, mỗi người có bạn bè riêng tư, có mối lo-lắng và vui-vẻ riêng tư nên các con dần dần quên nghĩ đến nhau. Mỗi đau khổ chung của ngày mất mẹ xóa nhòa dần đi, lòng ích-kỷ lớn lên ...

Tôi sửa soạn cất tiếng cãi « Không phải! Không phải! Mỗi đau khổ không xóa nhòa được đau, lòng ích-kỷ ... », nhưng ba đã vội gờ tay ngăn lại :

— Con cứ yên tâm, đừng vội cãi. Cứ nghe rồi suy nghĩ đã. Ba đặt bức ảnh nơi đây để nhắc mấy con, nhất là con, mỗi khi có điều gì đáng giận nhau thì hãy nhìn vào trước khi giận. Các con sẽ thấy lại một em Thủy bé-bồng, một em Hào ngờ-ngác và một chị Hằng thân-thờ, cả ba đều chịu chung cảnh mồ-côi má từ thuở thơ-ngày đó cho đến suốt đời. Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau.

III. — Ba nhẹ-nhàng bước ra. Còn lại ba chị em, chúng tôi im lặng không nói gì với nhau được một lời. Bức ảnh đặt trên bàn tôi hơn một tuần. Quả tình mỗi lần nhìn nó, lòng xót thương của tôi đối với má, đối với hai em, đối với ba và cả đối với tôi nữa nhức-nối như một vết thương vật-chất.

BÌNH GIẢNG

- 1.— **Giới-thiệu** : Hằng, Hào, Thủy, 13, 10, 7 tuổi là ba chị em mồ côi mẹ. Ba chị em thỉnh-thoảng cãi nhau. Để giải-hòa các con, người cha đã dùng bức ảnh (hình) chụp ngôi mộ của người mẹ đã khuất.
- 2.— **Chủ-dịch** : Tác-giả dùng nghệ-thuật thuật-sự để thực-hiện một chủ-dịch luân-lý.
- 3.— **Nội-dung** :
 - 1) Bức ảnh được mô-tả với những nét *sinh-động* : áo tang lụng-thụng, dáng điệu ba đứa con thần-thờ phờ-phạc.
 - 2) Nội-dung lời của người cha không phải là một lời dạy luân-lý khô-khan mà là một lời đối-thoại chiu nặng xúc-cảm.
 - 3) Sự xúc-động của người con cũng tự-nhiên mà thấm-thía chứ không ngẫu-tạo, ồ-ào.
- 4.— **Hình-thức** :
 - 1) Lời đối-thoại khiến câu chuyện kể *sinh-động*. Câu nói của Hào, Thủy ngày-thor bao nhiêu thì lời của người cha điềm-dạm mà sâu-sắc bấy nhiêu. Người cha nhấm-nháp từng chữ từng lời (diệp-ngữ) để con mình hiểu kịp và nhớ kỹ.
 - 2) Bài văn còn *sinh-động* do cách *biến-chuyển* lời đặt câu.
 - a) *Chen một lời mô-tả của tác-tác-giả giữa câu đối-thoại* : « Ba ngung nói . . . trong phòng ».
 - b) *Câu đối-thoại bị bỏ lửng* . . . « lòng ích-kỷ lớn lên . . . ».
 - c) *Một đoạn độc-thoại bị ngắt quãng* : « . . . Mối đau khổ . . . lòng ích-kỷ . . . ».
 - d) *Bên cạnh những câu viết theo thể xác-dịnh, ta thấy những câu nghi-vấn* « . . . mà còn thiếu ? » câu *tan-thán* : « . . . Không phải ! Không phải ! ».
 - e) *Những câu đặt ngắn hay dài là tùy theo nội-dung tình-cảm mà nó chứa đựng*. Có những câu ngắn đặc-biệt nghe như một tiếng nấc nghẹn-ngào : « . . . Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau ».
 - g) *Câu chuyện còn lôi cuốn bởi mạch-lạc đi song-suốt không có chỗ hở*. Kết-quả có được là nhờ những chữ *chuyển ý* dùng nhẹ-nhàng, uyển-chuyển : *Đã thế . . . Còn tôi thì . . . Ấy thế mà . . . Rồi vội-vàng . . . Quả tình . . .*
- 5.— **Kết-uận** : Kỹ-thuật thuật-sự tinh-vi. — Nội-dung tình-cảm sâu-sắc. — Chủ-dịch cao quý.

76 — Tấm lòng kỳ vọng của ông cha

I.— Ông tôi là một ông già bỏ quan về nhà, từ ngày còn trẻ, mà xã-hội chỉ là một đàn cháu, mà thế-giới chỉ là một vườn hoa. Trong các cháu, ông tôi yêu nhất tôi. Vì tôi *thìn-nết* 1 và thông-minh, ông tôi bảo vậy và người nhà tin vậy.

II.— Nay tôi nghĩ lại thì không phải vì thế. Một người đậu *thủ-khoa* 2 trường Nam từ năm mười bảy như ông tôi quyết không thể *mẫn-ý* 3 về phần thông-minh của tôi được : tôi là một đứa « học trước, quên sau ». Tôi ngày bé lại cũng không *thìn-nết* chút nào. Tôi uống rượu, tôi ăn cắp tiền. Tôi chửi nhau, đánh nhau với *hồ khấp* 4 các trẻ con trong làng. Tôi không hề ham đọc những sách mà ông tôi dạy. Trái lại, Tôi không hề ham đọc những sách, tôi lại đọc trộm và đọc mãi đến nỗi có khi thức suốt đêm hay quên bữa ăn không về ăn. Mà những cái « *chết hư* » 5 ấy của tôi, ông tôi biết cả.

Nay tôi nghĩ lại thì ông tôi yêu tôi nhất chỉ vì tôi là đứa cháu trai sinh trước nhất của ông tôi. Mẹ tôi thường nói chuyện lại cho tôi nghe rằng : « Bấy giờ, ông chưa có cháu, trai nên mẹ đẻ được con ra, ông mừng lắm. Đêm hôm ấy, ông uống rượu suốt sáng. Sáng ra, ông mới đặt tên cho con là Lương-Ngọc. Ông bảo đặt tên cho con là « Ngọc » là ý ông quý con như ngọc. Thêm chữ « lương » nữa là ý ông mong cho con đã là Ngọc, thì phải là « ngọc lành ». Nhiều khi mẹ tôi kể lại truyện ấy, thầy tôi — tôi gọi cha tôi là thầy — lại nghiêm mặt bảo tôi : « Ấy mày nghe đấy ! Làm thế nào cho khỏi phụ tấm lòng ông cha *kỳ vọng* 6 ở mày ! ».

III.— Trời ơi ! Tôi biết làm thế nào cho khỏi phụ tấm lòng của ông cha kỳ vọng ở tôi ?

NHUỘNG-TỔNG (Lan và Hữu)

CHÚ-THÍCH : 1. *Thìn-nết* : Thuần nết, ngoan. 2. *Thủ khoa* : Đủ đầu khoa thi Hương. 3. *Mẫn ý* : Hoàn-toàn vâng ý ; rất bằng lòng. 4. *Hồ khấp* (Hầu khấp) : Gàn khấp tất cả. 5. *Cái « chết hư »* : Sự quá hư-hồng. 6. *Kỳ-vọng* : Trông mong.

17. — Tình ông cháu

I. — Thiên-hạ chỉ những kẻ yêu nhau mới thật là những kẻ làm khổ nhau. Ông tôi yêu tôi, thì tất phải làm khổ tôi...

Năm ấy tôi lên năm tuổi, ông tôi đã bắt tôi phải dời xa lòng mẹ, về ở với ông tôi.

II. — Tôi còn nhớ khi ấy, tôi khóc lăn chạy theo mẹ tôi. Nhưng các chị, con bác tôi, cố ôm tôi, bắt tôi trở lại. Giận quá, tôi dậm khùng¹, chửi cả các chị. Nhưng các chị không giận, chỉ cười khúc-khích mà đem quà đồ tôi. Mấy ngày hôm sau, mỗi khi vắng, nhất là khi chiều tối, tôi lại sụt-sịt khóc một mình, nhưng dần-dà cũng không khóc nữa. Cho tôi chơi một tháng rồi, ông tôi làm lễ vỡ lòng² cho tôi.

Rồi vài ba tháng sau, ông tôi mới bắt tôi « vào văn-phép³ ». Ông tôi giảng cho tôi những thế nào là « đứng như núi⁴ »; thế nào là « ngồi như thần thi⁵ ». Từ đó, trước mặt ông tôi, bao giờ tôi cũng phải làm phép « hăm mình⁶ ». Đứng, không dám khêu chân nọ sang chân kia. Ngồi, phải xếp chân lằng tòn và chấp tay lại... Còn bao nhiêu những điều phiền-phức nữa! Cho bọn nhà nho « câu-thức⁷ thân-thể », các thành-Tau đã bày ra « ba trăm uy-nghĩ⁸, ba nghìn lễ-nghĩ⁹ ».

Lại vài ba năm sau, mỗi khi có khách, ông tôi lại gọi tôi lên cho họ hạch¹⁰ về câu đối, về thơ ứng-khẩu¹¹. Thực những lúc tôi đứng khoanh tay, cúi đầu mà nghĩ « văn-chương » ấy, tôi thấy khó chịu. Tôi còn nhớ một lần ông tôi và một ông khách bắt gặp tôi đương bắc thang leo lên đầu nhà thăm một lỗ chim gì. Tôi vội-vàng leo xuống, mặt tái mét. Hai ông bắt tôi phải làm một bài thơ « tức sự¹² ». Tôi cắn nát mười đầu móng tay rồi đọc :

Một lỗ chim gì được bốn con,
Chưa lông, chưa cánh, hãy còn non.
Bao giờ cho nó ra-ràng nhỉ?
Gấp chắt mời ông nhấm rượu ngon.

Khách khen hay. Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu được cái hay của bài thơ ấy...

Lại một lần, tôi đương cho bốn con chào-mào non ăn châu-chấu, thì phải gọi vào đem thông-minh cho người ta thử. Khách là bạn thân của ông tôi, hết câu đối này đến bài thơ khác, hăm mãi tôi cho đến chiều tối. Đến lúc tôi thoát nạn, chạy ra bên lồng chim, thì vì vắng tôi, nấng đến không ai cất lồng vào chỗ râm, bốn con chim trong lồng đã chết khô tất cả. Thế mới khổ thân tôi! Tôi liền liệm¹⁰ chúng nó vào mảnh lá chuối, rồi lấy dao đào đất, đem chúng nó đi chôn. Chôn xong, tôi ngồi bên mả chim mà khóc nức-nở, thảm-thiết. Mấy ngày sau, tôi bòn nhặt được bốn cái vỏ diêm, liền bốc mả¹¹ cho chúng nó.

III. — Tôi chỉ kể mấy chuyện đó thôi. Những cái ông tôi làm khổ tôi còn nhiều. Biết đâu cách giáo-dục của ông tôi chẳng có trách-nhiệm lớn về cái tinh-thần nhu nhược¹², cái thân thể yếu ớt của tôi ngày nay?

NHƯỢNG TỔNG (Lan và Hữu)

Chú-thích :

- 1) *Câu khùng* : nổi nóng, phát cáu (quau).
- 2) *Vỡ lòng* : khai tâm : bắt đầu học chữ.
- 3) *Văn phép* : lễ phép học trò phải theo.
- 4) *Ngồi như thần thi* : ngồi như tượng thần ; ngồi rất ngay ngắn.
- 5) *Câu thúc* : bắt buộc.
- 6) *Uy nghi* : những điều nghiêm-trang để mà bắt buộc.
- 7) *Hạch* : hỏi kỹ-lưỡng.
- 8) *Ứng-khẩu* : nói ra ngay.
- 9) *Tức sự* : sự việc xảy ra trước mắt.
- 10) *Liệm* : bọc lại để chôn.
- 11) *Bốc mả* : bốc xương từ mả cũ đặt sang cái vỏ diêm (quẹt) rồi chôn lại. Nếu là người, thì đào mả, bốc xương từ quan-tài ra đặt vào cái tiền sành rồi chôn lại nơi khác.
- 12) *Nhu nhược* : mềm yếu.

18. — Quảng đời niên thiếu

I. — Trừ mẹ tôi ra thì ông tôi là người yêu tôi nhất trong đời.

Điều đó tôi có thể nói chắc được. Cũng vì thế mà nhiều cái ông tôi nuông¹ tôi lắm.

II.— a) Có cái gì ăn, ông tôi tất cho tôi. Mùa rét, ông tôi đắp tôi vào bọc. Mùa bức, có khi tôi thức dậy, còn thấy ông tôi ngồi quạt cho tôi. Mỗi khi có nơi đón ông tôi đi để-chủ hay để thân-vị³, tôi lại được một quần bút quần kim-tuyến và một bộ quần áo màu may bằng nhung vóc, lụa lót tay. Cái gì cũng thừa tôi rồi mới đến các cháu khác. Ông tôi lại xé giấy mà vẽ cho tôi những bức tranh nhỏ. Và lấy xương vó mà gọt những tượng nhỏ cho tôi bày chùa. Khi thường cũng như khi có lỗi, ông tôi cũng chỉ khuyên bảo tôi bằng giọng ôn-tồn⁴. Tôi không hề bị ông tôi đánh đập. Do đó, ngoài sự sợ, tôi cũng yêu ông tôi và yêu cả những cây hoa mà ông tôi yêu. Là vì ông tôi yêu thứ hoa nào, lại cất nghĩa cho tôi biết tại sao mà ông tôi yêu. Và khi ấy, ông tôi nói gì tôi cũng cho là phải cả. Những khi tôi theo ông tôi ra vườn, lại được nghe ông tôi kể cho nghe các truyện cổ-lịch về hoa. Nào truyện Vô-lắc-Thiên bắt hoa đi đây, nào truyện Đường Minh-hoang giục hoa phải nở. Nào vô-số những truyện hoa hóa ra người, người hóa ra hoa.

Nghe nhiều những truyện ấy, tôi thành ra coi các hoa trong vườn đều là những người bạn có cảm giác như tôi, chỉ kém tôi cái biết đi và biết nói. Bởi vậy nhiều khi vắng-vẽ, tôi thơ-thần⁵ ngoài vườn, một mình nói chuyện với hoa.

b) Tôi ở với ông tôi mãi đến khi ông tôi mất. Năm ấy tôi mười bốn tuổi.

Sau khi khóc ông tôi, tôi về ở với thầy mẹ tôi. Bấy giờ tôi mới bắt đầu học quốc-ngữ và chữ Pháp. Đó là ý-dịnh của thầy mẹ tôi, ngay từ năm tôi mười tuổi. Ấy là năm Ất-mão, năm mà ở Bắc-kỳ người ta bắt đầu bỏ chông và bẻ gọng lều, ông Cử đề nối dõi cái mạch thư-hương⁶ của nhà tôi truyền từ đời Lê cho đến bây giờ. Nhưng khi ông tôi còn thì cái ý-dịnh ấy không làm nổi... Hai năm tôi mười bốn, mười lăm, có thể là những năm khổ nhất trong đời tôi. Từ khi về ở với thầy mẹ tôi, tôi không còn có hoa mà xem và không còn tiểu-thuyết mà đọc. Vả lại, tôi cũng không còn đủ thì giờ nữa. Tuổi tôi đã

lớn, tôi cần phải cố sống, cố chết mà học. Nhiều đêm phải rửa mặt hàng chục lần cho đỡ buồn ngủ. Bấy giờ, nghĩ lại, tôi lấy làm lạ rằng sao tôi không mắc bệnh ho lao.

c) Cuối năm mười-lăm, thầy tôi dời về Thái. Tôi ở trọ trong nhà chủ Hương tôi. Sở dĩ tôi gọi thế, là vì ông ấy hám Hồng-lô tự Thiệu-Khanh⁷ và với thầy tôi là đôi con có con cháu.

III.— Năm sau, tức là năm mười sáu tuổi, năm mà tôi đã nói rằng tôi tìm thấy hạnh-phúc⁸ ở trong một vườn hoa. Cái vườn hoa ấy là của chủ tôi. So với vườn hoa của ông tôi, nó vừa rộng hơn, vừa nhiều hoa lạ hơn nữa. Ngay hôm tôi mới đến, tôi đã nhảy ra vườn và thơ-thần tối ngày không chán.

NHƯỢNG-TỔNG (Lan và Hữu)

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI THIỆU :

- 1.— Văn-thể : Cũng như hai bài trước, trong bài này tác-giả tự kể quãng đời niên-thiếu của mình. Vậy lối văn kể truyện này gọi là gì ? (Phân biệt Tự-thuật với Hồi-ký và Du-ký).
- 2.— Xuất-xứ : Trích trong truyện Lan và Hữu của Nhượng-Tổng (Bài này nối theo hai bài Tâm lòng kỷ vọng của ông cha và Tình ông cháu ở trên).
- 3.— Tác-giả : Nhượng-Tổng là một văn-sĩ, lại là một thi-sĩ có danh... (Coi tại phần Tiểu-sử các tác-giả có văn xuôi trích giảng ở đầu sách).
- 4.— Tác-phẩm : Lan và Hữu là một quyển tiểu-thuyết tình-cảm, xuất-bản năm 1940.

LƯỢC TRUYỆN : Ngọc, một thiếu-niên dòng-dõi thế gia được ông nội yêu chiều dạy Nho-học và thủ yếu hoa. Khi ông nội mất, Ngọc đã mười bốn tuổi mới bắt đầu học quốc-ngữ và chữ Pháp. Năm mười lăm tuổi, Ngọc xa nhà, trọ học tại tỉnh-lý.

Chàng được Lan và Hữu, hai cô gái học cùng trường yêu. Cha mẹ chàng không thuận cho chàng kết-hôn với người nào cả.

Chàng tự an-ủi bằng ý-nghĩ nếu ở với nhau thì thế nào cũng có lúc thấy người yêu già, chết, và thế nào cũng hay có chuyện cãi nhau, giận nhau. Hơn hết là nên yêu nhau trong tâm-hòa thì hình ảnh của người yêu lúc nào cũng đẹp-đẽ, hoàn-toàn....

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — **Giải-nghĩa :** 1. *Nuông* : Chiều-chuộng (cưng). 2. *Đề-chủ* : Viết tên hiệu người chết vào thần-chủ (tức là cái bài-vị bằng gỗ đề thờ). 3. *Đề thần vị* : Viết tên hiệu thần-thánh vào bài-vị (bản gỗ đề thờ). 4. *Ôn-lôn* : Dịu-dàng, nhỏ-nhẹ. 5. *Thơ-thần* hay *thần-thơ* : Ngơ-ngẩn, bàng-khuàng ; đi thông-thả chỗ này chỗ kia không có mục-đích gì thiết-thực. 6. *Mạch thư hương* : Dòng-dối nhà Nho, nhà có học. 7. *Hàm* : Có danh, có phẩm-trật mà không có thực chức. 8. *Hồng-lô* (*Hương-lô*) tự *Thiếu-khanh* : Thờ bậc quan-tước vào hàng ngũ phẩm. 9. *Hạnh-phúc* : Sự may-mắn tốt lành.

2. — **Bố-cục :** Chia bài thành từng phần. Phân đoạn thân bài. Nói ý chính từng phần, đoạn.

3. — **Đại-ý** bài này nói gì ?

4. — **Chủ-đích** bài này ? (Theo lược truyện trên, Ngọc là một thanh-niên lãng-mạn. Theo bài này, Ngọc rất sớm yêu hoa, tức là có tính thơ mộng. Vậy sự giáo dục một người từ lúc thiếu niên có ảnh-hưởng sâu đậm đến tính-nết và cuộc đời người đó không ?).

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — **Nội-dung :**

a) Nhận xét phần *nhập-đề*. Nhập-đề như vậy có dụng công không ? Do phần nhập-đề, chúng ta hiểu ngay tác-giả muốn nói gì ?

b) Tác-giả được ông nội nuông chiều những gì ? Chứng tỏ bằng những lời trong bài.

c) Dù không bị ông đánh đập, tác-giả có sợ ông nội không ? Tại sao ? (Coi lại bài *Tình ông cháu*).

d) Tại sao tác-giả yêu hoa ? Yêu như thế nào ? Trò nghĩ gì về cách yêu hoa của Ngọc ? Có lợi hay hại cho một thiếu niên ?

e) Nhận xét cách giáo-dục cháu của ông nội Ngọc. Như vậy có lợi hay có hại cho vật-chất và tinh-thần một kẻ làm trai trong thời Pháp-thuộc khi tổ-quốc đang cần có nhiều người nối chí Phan-dinh-Phùng, Nguyễn-thái-Học, Phan-chu-Trinh.... trong công cuộc phục quốc.

g) Tới khi nào tác-giả mới thôi học chữ Hán ? Tại sao ?

h) Tại sao Ngọc « phải cố sống cố chết mà học » ?

i) Ngay hôm mới đến nhà chú, Ngọc đã nhảy ra vườn để làm gì ? Vì sao mà Ngọc lại thích vườn hoa như vậy ?

k) Truyện kể có thành-thực không ? — Chứng tỏ. Những chi-tiết nào thú-vị nhất ?

2. — Hình-thức :

a) Trong bài này cũng như ở hai bài trên, tác-giả dùng nhiều danh-từ Hán-Việt rất đúng, tỏ rõ là người có Nho-học nhiều.

b) Lời văn có nhẹ-nhàng, thành-thực, cảm-động không ?

c) Phê-bình cách dùng liên-tự ở trong bài.

d) Tìm những câu mà lối đặt câu không còn thích-hợp với bây giờ.

3. — Tổng-kết :

Bài này có giá-trị : ý thành-thật, dẫn ý khéo, lời chắt chuốt. Đọc bài này (tiếp liền theo hai bài trước), không những cảm-động, thích-thú, ta lại còn biết nhiều điều về một thời đã qua, vào khoảng đầu thế-kỷ này.

TẬP LÀM VĂN

Kể lại những kỷ-niệm trong thời thơ-ấu của trò.

79. — Dì ghẻ, con chồng

I. — Trí nhớ Hồng đi ngược lên đến thời nàng sáu tuổi : năm ấy như một bức tường ngăn cản ký-ức nàng lại. Không phải tuổi lên sáu là cái tuổi con người bắt đầu biết ghi nhớ, nhưng một sự đau-đớn xảy ra làm rung-chuyển căn-não non-nớt của nàng và có ảnh-hưởng sâu-xa tới đời nàng : Mẹ nàng chết.

II.— a) Nàng *tưởng* như tự trông thấy mình kêu gào gọi mẹ. Người ta nói dối nàng, bảo rằng mẹ nàng đi chơi xa, vài hôm sẽ trở về, và sẽ mua quà cho nàng thật nhiều. Nhưng nàng *hiểu* chắc rằng mẹ nàng đi không về nữa vì nếu không thế, sao Hảo, chị nàng lại khóc-lóc thảm-thiết và kể-lẽ những câu: «Mẹ bỏ chúng con mẹ đi. Mẹ để chúng con bơ-côi bơ-cút ở đời».

Trong lúc đưa ma mẹ, nàng chỉ *nhớ* có một điều là hôm ấy trời mưa.

b) Thế rồi nàng sống ở một tỉnh nhỏ, tỉnh Vĩnh-yên, trong một gia-đình thờ-ơ⁴, buồn tẻ.

Cha nàng, ngày hai buổi đi làm, trưa về ăn rồi ngủ. Chủ nhật, nếu không đi chơi thì lại mời khách đến nhà đánh tổ tôm, tài-bàn⁵. Không mấy khi nàng được cùng cha chuyện trò thân-mật âu-yếm.

Người gần nàng nhất là người đàn-bà mà nàng *không* *hiền* sao lại là mẹ nàng được. Ngày xưa, nàng kêu mẹ là mẹ, vậy người này có là mẹ nàng đâu mà dám nhận lấy cái tên hiền-từ ấy?

Sau khi mẹ nàng chết, nàng còn được sống bốn năm hơi yên thân, vì nàng luôn luôn được chị Hảo bênh-vực che-chở cho. Nàng *nhớ* một lần nàng đánh vỡ cái chén Nhật-bản. Người đi ghê mắng nhiếc nàng thậm tệ, rồi sẵn lại toan tát nàng. Nàng khóc hét lên thì chị Hảo chạy đến bế nàng đi liền.

Nàng kính-phục chị Hảo, cho chị Hảo là người can-đảm nhất đời, nhiều lần dám cãi «mẹ» mà mẹ vẫn không đánh đập như thường đánh đập mình.

c) Nhưng năm Hồng mười tuổi, thì Hảo về nhà chồng. Nàng khóc thảm-thiết hơn khóc mẹ chết, vì nàng *hiểu* rằng sẽ cô-độc⁶, sẽ khổ-sở. Chị nàng cũng khóc và ôm nàng vào lòng, dặn-dò đủ mọi điều để đối phó với «người ta». Khi hai chị em trò chuyện với nhau. Hảo thường dùng tiếng «người ta» để trỏ vợ lẽ của cha.

Từ đấy chị Hảo đi, gần như đi biệt, vì mỗi năm chị về thăm nhà một hai lần mà mỗi lần chỉ ở một hai hôm. Hình

như chị Hảo với «người ta» không thể chịu đựng được nhau, nên hề thấy mặt nhau là lờm, là nguyệt, là tìm những câu bóng gió, nói cạnh, nói khía⁷ nhau.

Hồng thấy thế lấy làm sung-sướng, mong mỗi chị về chơi nhà luôn để mà kinh-địch⁸ với «người ta», để nàng được thấy «người ta» tức sùi bọt mép và được nghe tiếng thở dài đau-dồn của cậu. Cậu không hẳn là kẻ thù của nàng nhưng nàng coi cậu thuộc vào cánh «người ta», một cánh rất đông và rất mạnh, có đủ các chiến tướng, lắm mưu, nhiều kế.

III.— Đương đầu với cánh ấy, nàng chỉ một thân trơ-trọi...

KHÁI-HUNG (Thoát ly)

Chú-thích: 1) *Kỷ ức*: trí nhớ. 2) *Cân-não*: gân và óc, tức là tinh-thần. 3) *Bơ-côi*, *bơ-cút* hay *mồ côi*: chỉ đứa trẻ mà mẹ hay cha hoặc cả mẹ và cha đã chết. 4) *Thờ-ơ*: không để ý đến. 5) *Tổ tôm*, *tài-bàn*: một lối chơi 120 quân bài lá, hợp 5 người là *tổ tôm*, hợp 3 người là *tài bàn*. 6) *Cô-độc*: trơ-trọi một thân. 7) *Nói cạnh nói khía* cũng như nói bóng nói gió hay nói xỏ nói xiên hay chửi mềo quẹo chớ nghĩa là nói một câu hàm ý nghĩa xa xôi ngoài ý nghĩa thực để mặt sát người khác. 8) *Kinh-địch*: chống lại kẻ địch mạnh hơn mình.

80.— Sự học của tôi

I.— Tất cả các anh em tôi đều đi học nghề và làm thợ *bạn* ở nhiều ngành khác nhau. Còn tôi thì năm lên tám tuổi *tôi* đi học ở trường làng, ý cha tôi muốn sau này tôi đi tu, giúp việc nhà thờ, vì tôi là con út trong gia-đình.

II.— Tôi biết đọc rất sớm (có lẽ sớm lắm vì tôi không nhớ lúc nào là lúc tôi chưa biết đọc), các bạn của cha tôi lấy làm đặc sách¹ và giữ ý-định. Bác Beljamin tôi cũng tán thành, và ông đã dự định cho tôi tất cả các sách giảng đạo của ông chép bằng lối tốc-ký² riêng. Tôi tiếp-tục học ở trường tiểu học được gần một năm nữa và trong thời-gian này, tôi học rất tấn-tới, đang đứng giữa lớp tôi tiến lên đứng thứ nhất, chỉ trong ít lâu tôi được lên lớp, giả-thử được học hết năm thì có thể nhảy một lớp nữa. Nhưng hồi đó cha tôi sợ tôi

học lên đến trung-học thì tốn kém quá. Một phần vì gánh gia-đình đã nặng, một phần vì thấy bao nhiêu người học cao cũng chỉ tiến được đến một mức sinh-hoạt³ bình thường, (tôi nghe cha tôi bàn với các bạn của cha tôi như vậy), nên cha tôi bèn thay đổi ý định và bắt tôi thôi học ở trường tiểu-học và gởi theo học một trường dạy văn-chương và toán-pháp, của một nhân-vật có danh tiếng lúc bấy giờ là ông George Bronwell. Ông dạy học rất có kết-quả, vì ông dùng những phương-pháp dịu-dàng và khuyến-kích. Nhờ ông, tôi sớm biết viết văn, nhưng về môn toán thì tôi thất-bại, học không tiến-tới gì hết.

III. — Năm mười tuổi, tôi lại phải thôi học để giúp việc cha tôi, hồi bấy giờ làm đèn cây⁴; nghề này khi sang Tân Anh-Cát-Lợi cha tôi mới bắt đầu làm, vì nghề nhuộm ế quá không đủ nuôi gia-đình. Công việc của tôi là cắt những mẫu bấc để cho vào nến và đồ sắp vào khuôn để đúc thành nến, trong cửa hàng, di mua vật v. v. ...

Theo B. Franklin (HOÀNG-VĂN-CHI dịch)

Chú-thích: 1) *Đắc sách*: đắc ý, thỏa-mãn với cái chính-sách đường lối làm của mình. 2) *Tốc-ký*: lối viết bằng dấu tắt để ghi kịp lời nói. 3) *Mức sinh-hoạt*: mức sống. 4) *Đèn cây*: đèn sáp còn gọi là cây nến.

81. — CỤ TÚ

Một hôm tôi tiễn cụ Tú một quãng đường dài khỏi làng Trường-lệ. Chúng tôi noi theo đường núi, tới chỗ rẽ xuống xóm Sơn mới ra bãi biển theo ven làng Trường-lệ. Khi đứng trên ngọn núi cao, tôi trở một làng xa-xa mờ-mịt dưới mây khóm phi-lao¹ và hỏi: «Cụ ở vùng kia, phải không?»

Cụ lắc đầu đáp: «Không, xa hơn đấy nhiều». Rồi cụ đứng rướn thẳng người lên, nhằm gây trúc về một phương, nói tiếp: «Tận nơi kia, sau hòn núi đá xanh xanh và như hình một bức bình-phong² đó».

Tôi ngắm cụ Tú, tôi ngắm diện-mạo đáng bộ cụ, tôi ngắm cảnh biển chung quanh và tôi mơ-màng như sống lại

lại hàng nghìn năm, vào thời người và tiên thường gặp nhau trên núi cao, trên biển cả; cụ Tú với cái mũ ni nhiều tam-giang³, với cây gậy trúc màu vàng ngà đã hiện ra trước mắt tôi thành một nhà đạo-sĩ⁴ đi tìm thuốc trường thọ⁵. Dưới kia, trên mặt nước phẳng-lặng, khúc nhạc chất-phác nghìn xưa của bọn dân chài cũng đang diễn lại: Tiếng gõ mạn thuyền theo tiền với những tiếng kêu mọi rợ «Ồ! Oí... Oí!», kéo dài mãi một điệu. Họ dọa nạt cá đẫy. Hẳn ông cha ta về thời Trần, thời Lý, thời Đinh cũng dọa nạt quân địch như thế! Và đoàn thuyền đánh cá kia, so với thuyền trận của các cụ ta, nào có khác nhau mấy tí?...

Qua làng Trường-Lệ, cụ Tú nhất định mời tôi trở về cho kỳ được mới nghe. Rồi cụ rẽ lên đường, đi biệt vào trong rừng phi-lao. Thế là tôi chỉ biết cụ ở vào phía sau dãy núi bình-phong mờ-mờ, như một ông tiên trong một nơi động khuất nẻo.

Năm ngoái, chờ mong mãi không thấy cụ Tú ra đánh cờ, tôi nhớ quá. Nhớ mà chả hiểu làm thế nào để dò thăm tin tức. Hỏi người vùng này thì họ chẳng rõ cụ Tú già ấy là ai và ở đâu.

Đã có lần cùng một người nhà, tôi mò-mẫm về tận vùng trái núi bình-phong, nhưng cũng chịu không tìm được di-tích cụ Tú kỳ-dị.

Đến năm nay đã gần hết hè rồi mà vẫn chưa thấy cụ Tú ra, thì tôi đoán chắc rằng cụ đã quy-tiên⁶.

KHÁI-HUNG (Hạnh)

Chú-thích: 1) *Phi-lao*: một loại cây thông thường trồng ở bãi biển. 2) *Bình-phong*: tấm chắn gió. 3) *Mũ ni nhiều tam-giang*: mũ nhà sư che kín cả hai tai bằng nhiều màu tím đỏ. 4) *Đạo sĩ*: người theo đạo thần tiên. 5) *Trường-thọ*: sống lâu. 6) *Quy-tiên*: chết.

* GHI CHÚ. — Phê-bình đoạn này, Vũ-ngọc-Phan, trong «Nhà văn hiện đại», quyển tư, tập thượng, viết: «... Ông cho độc-giả có cái cảm tưởng ông cụ Tú cao cò là một ông tiên... Lại lối lập một ý cao như thế, người ta thường thấy trong những truyện ngắn của Anatole France, của Hoffmann, của Edgar Poë, toàn những nhà văn chủ-trương thuyết hoài-nghĩ».

82. ^{Sơ} Cù lao Ông Chưởng

☆ Chiếc Nguyễn-Trung hôm đó đông nghẹt hành-khách, chúng tôi ngồi nhom lại một góc để để chuyện trò.

☆ Nước xuôi tàu mạnh, lướt vùn-vụt trên sông, bỏ lại đằng sau những đợt sóng chập-chùng trắng dã, đập tung vào hai bên bờ. Nhìn về phía trước, nhà cửa san-sát, mọc chen-chúc giữa vườn tược cây-cối xanh um. Ánh thái-dương dăng lên lưng-ững, nhuộm đỏ những mái trường, mái đình ở đầu doi thêm rực-rỡ bên cạnh những hàng sao mướt lá. Khung cảnh trông càng ngoạn-mục. Anh Khanh buột miệng:

— Ở đây là đâu mà đẹp quá nhỉ?

— Lại quên mất rồi! Chợ-Mới chớ còn đâu nữa!

— Ủ, đã biết là Chợ-Mới, nhưng sông này là gì và làng-mạc hai bên bờ gọi là gì vậy?

— Hữu-ngân, xã Kiến-An. Tả-ngân, xã Long-Điện. Còn con sông này là sông Ông Chưởng. Cù-lao Ông Chưởng đang hiện rõ trước mắt chúng ta kia.

Anh Khanh ngạc-nhiên:

— Đây là Ông Chưởng? Thế ra câu ca-dao:

Ba phen qua nói với điều

Cù-lao Ông Chưởng còn nhiều cá tôm

là chỉ về chốn này sao?

— Giỏi lắm. Xa quê mà không quên gốc, đáng khuyến cho anh một điếu son. Đây chính thật Cù-lao Ông Chưởng trong ca-dao đó.

— Nhưng sao có tôm không thấy?

— Thấy lắm chớ, chỉ tại anh không ra chợ. Bây giờ người ở đông-đúc, ghe tàu đi lại quá nhiều là cá tôm cũng ít hơn ngày trước đôi phần, tuy vậy vào tháng 9 tháng 10 âm-lịch, chúng trên đồng trùn xuống thiếu gì, và giá bán cũng rẻ mạt.

— Kia, anh hãy trông vào bờ, một miệng chài đang kéo lên, cá nhảy tung trắng xóa.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

(*Nửa tháng trong miền Thất-Sơn*)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU:

1. Văn-thể: Bài này thuộc thể gì, loại gì? Có phải loại thuật-sự có tính cách đối-thoại không? Có xen miêu-tả không?
2. Xuất xứ: Trích trong tác-phẩm *Nửa tháng trong miền Thất-sơn*, một tác-phẩm thuộc loại du-ký và biên-khảo.
3. Tác-giả: Xem phần *Tiểu-sử các tác-giả*.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH:

1. Giải nghĩa: san sát, chen-chúc, thái-dương, hữu-ngân, tả-ngân, Ông Chưởng (tức Chưởng-binh Lê-Thành-Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người có công khai-thác miền Nam đầu tiên; hiện còn hàng chục đền thờ tại miền Tiền-giang và Hậu-giang).
2. Bố-cục: Bài này chia làm hai phần. Tìm ý chính từng phần.
3. Đại-ý: Bài này tả quang-cảnh «Lòng Ông Chưởng» và thuật lại cuộc đối-thoại giữa tác-giả và Khanh lúc đi tàu trên sông này.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ BÌNH:

1. Nội dung
 - Quang-cảnh ở Ông Chưởng ra sao? Nhà-cửa cây-cối có sung-túc không?
 - Tác-giả có tả tỉ-mỉ hay chỉ chú-trọng những nét chính? Có gợi được hình ảnh không?
 - Những câu đối-thoại có tự-nhiên không?
 - [Người ta thường mắc tật gì trong khi viết đối-thoại? Có phải mắc tật nói thay cho nhân-vật trong truyện không? (Nói thay nhân-vật tức là nói thay bằng lời của ta, không đúng hợp với giai-cấp, địa-vị của hạng người đối-thoại). Ở đây tác-giả có mắc tật ấy không?
 - Có nên viết những câu thiệt dài trong khi đối-thoại không? Sẽ có hại gì khi viết câu đối-thoại dài?]
2. Hình-thức:
 - Cử-dùng trong bài rất chính-xác, hãy dẫn chứng?
 - Tìm những từ-ngữ gợi hình (chập-chùng, trắng-dã, mướt lá...).
3. Tổng-kết: Nhận-xét giá-trị bài văn này, đặc-biệt ở chỗ đối-thoại tự-nhiên, giản-dị.

ÁP LÂM VĂN Trò và một bạn thân vừa có dịp chơi trên một con sông và đối-thoại về lai-lịch của con sông đó. Hãy thuật lại.

83.— *Một kiếp dân chài*

I.— Năm ấy, Vòi vừa lên chín tuổi; em gái Vòi, cái Vòi, lên năm. Một buổi chiều, người ta đến báo tin cho mẹ Vòi biết rằng: Anh Bật thầy Vòi, chết rồi.

II.— Chị Bật òa lên khóc rất thảm-thiết. Hỡi duyên-có tại đâu thì người kia thuật lại rằng: tờ-mờ sáng, Bật cùng với người ấy và hai người nữa thả hai cái *mảng*¹ lớn, thứ mảng ba cột buồm, ra khơi. Anh em kêu sóng hơi dữ chỉ nên *đánh lồng*². Nhưng Bật là tay can-đảm vào bực nhất ở vùng *duyên-hải*³, cả bọn trai khắp mấy làng đánh cá, quanh bãi Sầm-Son không ai sánh kịp tài đi biển, tài lợi-lặn cùng là cái sức quảng lưới của chàng, nay há vì mấy đợt sóng xoàng kia mà chịu lui chẳng?

Song dân chài lưới không hề *mạo-hiểm*⁴ vô-lý bao giờ. Họ nhìn trời, họ nhìn sắc nước, họ đoán thế nọ, họ đoán thế kia. Bật ngâm-ngẫm rồi bảo mọi người: « Anh em cứ vững mà đi; trận gió tây này chỉ có đủ sức đưa ta ra khơi mà thôi. Mặt trời chỉ lên cao bằng con sào là gió đứng. Lúc ấy ta cứ việc bình-yên kéo cá bỏ dây mảng ».

Xưa nay ai cũng phải tin lời nói của Bật vì không mấy khi khoa *thiên-văn*⁵ của chàng sai lầm. Vì thế, ba người vui vẻ cùng Bật khiêng mảng thả biển, rồi khuân xuống đủ các khí-cụ đi khơi, cùng là nồi, mâm, bát, đĩa, gạo và khoai đủ sống trong ba, bốn ngày, phòng khi ra khơi gặp bão...

Ra khơi được một lát, quả nhiên gió tây ngừng thổi. Anh em hạ buồm, buộc niu hai mảng vào nhau rồi bắt đầu quảng lưới. Nhưng một lát sau lại phải giương buồm đi nữa, đi mãi ra xa, mới gặp nơi có cá. Vào khoảng xế trưa, khi cất một mẻ cá, Bật thấy lưới nặng trĩu, vướng vào vật gì không sao lôi được. Mọi người xúm lại toan合力 sức cùng Bật để kéo cho bằng được lưới lên. Nhưng Bật gạt đi, bảo làm thế rách mất lưới vô-ích, để chàng thử lặn xuống xem lưới mắc vào cái gì, và nếu có thể gỡ được thì vẫn hơn. Chàng liền cởi quần áo, nhảy tòm xuống nước rồi biến mất. Ba phút,

năm phút, mười phút, vẫn không thấy chàng ngoi lên. Bỗng dăm-dăm nhìn mấy cái bọt nước từ-từ ngoi lên mặt biển, mọi người thất sắc kêu: « Chết rồi! Cá mập! ».

III.— Ai nấy mặt tái xanh, mắt trợn trừng kinh-hoảng nhìn nhau. Biết rằng bạn gặp nạn, nhưng không người nào nghĩ đến cứu. « Xuống thì chết », họ thì-thầm bảo nhau.

Vơ-vẩn, lo sợ, cho đến hơn nửa giờ không thấy gì. họ mới buồn rầu thu xếp đồ-đạc và giương buồm vào bờ, vì lúc ấy gió đông-nam bắt đầu thổi mạnh.

KHÁI-HUNG (*Trống mái*)

Chú-thích: 1. *Mảng*: Bè ghép bằng nhiều thân cây bương hay tre. 2. *Đánh lồng*: Tiếng riêng của phường chài: cho mảng ở gần bờ. 3. *Duyên-hải*: Ven biển. 4. *Mạo-hiểm*: Dám xông-pha vào chỗ nguy-hiểm. 5. *Thiên-văn*: Quan-sát các hiện-tượng của bầu trời mà đoán trước nắng, mưa hay gió lớn...

84.— *Ngoạn cảnh chùa*

Chùa Bách-Môn là một *danh-lam*¹ *cổ-tích*², vẫn thường có nhiều người đến *văn cảnh*, nhất là những người ưa mỹ-thuật.

Ba người xin phép nhà sư đi vào chùa. Chùa làm kiểu chữ khẩu, bốn mặt như nhau, bốn góc có bốn gác chuông, cách *kiến-trúc*³ rất giản-dị và rất *kiên-cố*⁴. Nhà sư dẫn đường, kể cho ba người nghe lịch-sử ngôi chùa dựng từ đời chúa Trịnh. Nhà sư cũng chẳng nhớ đời chúa nào, chỉ biết rằng có bà công-chúa họ Trịnh tu ở đấy nên triều-đình cho sửa-sang lại chùa để được xứng-đáng với một cô sư công-chúa.

Khi ba người trèo lên gác chuông, Lộc bàn nghĩ ở đây dễ ăn sáng vì chàng đã thấy đói. Mai gạt đi nói không nên ăn mặn ở trong chùa.

Nửa giờ sau, khi đi vòng theo con đường nhỏ, dưới bóng rợp của hai rặng lim, ba người trèo lên tới một ngọn

đồi ở sau chùa, đến ngồi nghỉ bên một cái miếu bỏ hoang chỉ còn trơ ba cái bệ phủ rêu đen nằm phơi dưới ánh mặt trời rọi qua mấy khóm thông già cành lá xơ-xác.

Huy giải hai tờ nhật-trình ra trải xuống cỏ làm khăn bàn. Mai thì lấy dao cắt thịt gà, thịt vịt, rồi bày ba cái cốc sắt nhẹ ra ba phía, bên mỗi cái cốc đặt một tờ giấy bản trông như ba cái khăn ăn.

Ánh nắng chói-lọi chiếu vào nước rượu sắc vàng, làm tôn bữa tiệc tiệc tầm-thường; mọi người ăn uống vui-vẻ, đua nhau pha trò, cười khanh-khách. Chẳng bao lâu, các thức ăn đã hết và chai rượu đã cạn.

Lộc nói :

— Biết thế ta mua hai chai.

Mai cười :

— Nhưng không ai mang cho. Một chai còn người nó đưa người kia xách nữa là hai chai.

Hãy còn thòm-thèm !

Thế mọi khi cả tháng chẳng uống thì đã sao ?

Ấn xong, Lộc và Huy ngồi hút thuốc lá cùng nhau cất tiếng hát bài ca Pháp. Mai ngắm-nghĩa mỉm cười, cặp mắt cảm-động luôn luôn chớp. Nàng sung-sướng quá !

Bỗng tiếng hát ngừng bật. Ba người ngồi im như lắng tai nghe sự yên-lặng ở giữa chốn thôn-quê. Rồi cái buồn dần-dần theo sự yên-lặng len vào tâm-trí ba người.

Xưa nay vẫn vậy, cái buồn, cái vui, sự khổ, sự sướng thường kể tiếp theo nhau, đuổi theo như những gàu gỗ trong chiếc guồng đập nước. Cái buồn thường đến sau những bữa tiệc rượu chè ca-hát, nhất là khi mình lại *chénh-choáng hơi men* ...

Lúc tới ngọn đồi Long-Khám, nàng mới thấy hai chân mỏi khuyu. Nàng thở hồng-hộc, ngồi xuống mỉm cười ngắm những tảng đá bị nước mưa gội lâu ngày nhẵn bóng như mài. Có tảng hình như con hổ khom lưng đứng ngáp, có tảng

giống hệt con sư-tử xù lông. Phần nhiều tảng nhỏ hơn và tròn-trĩnh như những quả trứng khổng-lồ sắc xám, rải-rác trên đám cỏ xanh vàng.

Đưa mắt ngắm cảnh bao-la, nàng thấy cây xanh, mây đẹp trong bầu không-khí trong-trẻo êm-dềm. Lo-lững ở sườn đồi trông về phía đông-nam, chùa Bách-môn nhô lên một cái nóc ở giữa và bốn gác chuông, bốn góc, như hình cái gương và bốn cánh cửa đóa hoa sen xòe nở. Cái nhìn xuống chân đồi, Mai thấy li-ti những người : nào trai gái dương cầm-chiến-súc đến công-việc đồng-áng ở trong những thửa ruộng vàng vuông, nhỏ-nhỏ như những ô bàn cờ, mà con đường tăng từ chùa đến huyện-lỵ là con sông ngăn giữa đôi bên.

Gió chiều hiu-hiu đưa đến từng mẩu câu hát của mấy cô con gái làm việc. Mai cố lắng tai nghe, nhưng không nhận ra được một câu nào. Bỗng Mai nghe lọt mấy tiếng *« Tảng rầm trung thu »* giọng đều-đều, Nhớ lại câu ca-dao thuộc lòng từ thuở nhỏ, và thấy trong lòng sung-sướng, Mai liền cất tiếng hát :

Xin anh nghĩ lại kéo nhâm
Lòng em vàng-vạc trắng rầm trung-thu.
Trắng trung-thu còn khi mờ khi tỏ.
Lòng em thì mãi-mãi không sai.

KHÁI-HUNG (Nửa chừng xuân)

Chú-thích : 1. *Danh lam* : Cảnh chùa có tiếng. 2. *Cổ-tích* : Di tích cổ xưa. 3. *Kiến-trúc* : Cách xây-dựng nhà cửa, lâu đài. 4. *Kiến-cổ* : Vững-bền. 5. *Giải* (còn viết *lải*) : mở rộng ra ngay ngắn. 6. *Cái cốc* : Tiếng miền Nam gọi là cái lỵ. 7. *Thòm-thèm* : Chưa đủ, còn hơi thèm. 8. *Chénh-choáng hơi men* : Say rượu. 9. *Guồng* : Lức là cái guồng sen có hạt ăn được ở giữa bông sen.

TẬP LÀM VĂN

Kể lại cuộc đi thăm một nơi danh-lam cổ-tích.

SỐ 1

85.1 *Biệt-ly*

I.— Tiếng còi tàu thét lên. Tôi nắm tay Ông Vũ.

— Thôi, xin ông, bà ở lại mạnh giỏi. Tôi...

Tôi nghẹn-ngào không thể nói tiếp. Tôi quay nhìn bên cạnh : Bà Vũ nước mắt ràn-rụa gương mặt cười nhìn tôi. Bên bà, Bảo-Loan đứng im lặng. Tay nàng nắm chặt chiếc mùi-soa trắng. Tôi nhìn vào đôi mắt nàng long-lanh dưới ánh sáng mờ của những bóng điện sân ga.

Ông Vũ bình-tĩnh cầm tay tôi xiết mạnh :

— Anh về quê tạm lánh một thời-gian, chừng nào tình-hình yên-ổn thì lại ra. Có lẽ tôi cũng sắp đặt cho nhà tôi và con Loan nó vào Hà-Đông...

Bà Vũ như sợ tôi quên, nên nhắc lại một lời mà mấy hôm nay bà căn-dẫn tôi mãi :

— Anh nhớ xem báo, thấy tình-hình hơi yên-ổn thì ra ngay. Nhớ viết thư cho chúng tôi luôn.

Tôi chỉ biết vâng dạ vì không có lời gì có thể diễn được tấm lòng của tôi lúc bấy giờ. Lòng tôi đang tràn ngập hình-ảnh của Bảo-Loan và ý nghĩ về Bảo-Loan mà tôi có dám nói ra đâu ? Ít nhất tôi cũng muốn nói rằng « Thôi, em về »... để nghe nàng thần-thờ đáp lại « Anh đi... » và tiếp theo là một tiếng thồn-thức.

Nhưng thế mà tôi đành im lặng.

II.— Quanh chúng tôi, những người chạy loạn hấp-tấp, hối-hả mang vác giỏ, xách va-ly, gồng-gánh đùn nhau lên toa. Thỉnh-thoảng tiếng hành-khách kêu hú nhau làm chúng tôi giật mình tưởng như nghe tiếng còi báo động ban đêm. Thật chỉ mới một tuần nay thôi, mới qua hai lần bị bom nổ mà người dân Hà-nội như đã nếm từ lâu lắm mùi vị thật của chiến-tranh chết-chóc.

III.— Chợt tiếng còi tàu thét nữa rồi tiếng kèn xếp-ga tu. Tôi vội-vả cúi chào một lượt ba người thân-yêu rồi lại, bước chân lên ban đạp toa tàu. Tàu xinh-xịch chạy.

Không có ai vẫy tay trên sân ga. Không có những kẻ nhân-tân đi chứng-kiến cảnh đón đưa của những người thiên-hạ.

Xinh-xịch... xinh-xịch... Tàu chậm-chậm lướt qua mặt ba người thân-yêu của tôi kia. Bóng họ ngã xuống đường, gây ngoằn-ngoèo qua những chỗ cao thấp, lồi-lõm của sân ga và đường tàu nối tiếp. Bóng những trụ đèn cao cũng ngã xuống, cũng gây ngoằn-ngoèo. Tôi lo sợ rằng tương-lai của tôi và mối tình giữa tôi và Bảo-Loan cũng đang ngã xuống, cũng gây ngoằn-ngoèo như thế.

VÕ-HỒNG (Hoài cổ-nhân)

BÌNH GIẢNG

I.— PHẦN GIỚI THIỆU :

1.— Văn thể : Bài này thuộc loại văn gì ?

2.— Xuất-xứ : Bài này trích trong tác-phẩm nào ? của ai ? (xem phần « Tiểu-sử các tác-giả »).

II.— PHẦN PHÂN-TÍCH :

1.— Giải-nghĩa : Ràn-rụa, bình-tĩnh, thần-thờ, thồn-thức, nhân-lân, chứng-kiến...

2.— Bố-cục : Bài có thể chia làm 3 phần :

Phần I : Những lời trao đổi cuối cùng khi sắp chia tay.

Phần II : Quang cảnh trên sân ga.

Phần III : Cảnh chia tay : tàu chuyển bánh.

3.— Đại-ý : Tìm đại-ý của bài.

III.— PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

a) Bà Vũ nước mắt ràn-rụa và nhắc đi nhắc lại một lời căn dặn, như thế có đúng tâm-lý của một người đàn-bà đa cảm không ?

b) Nắm chặt chiếc mùi-xoa, tâm-trạng Bảo-Loan lúc ấy như thế nào ? Có phải Bảo-Loan là một thiếu-nữ đoan-trang không ? Vì sao ?

c) Thái-độ của ông Vũ có đúng là thái-độ của một người đàn ông không ?

đúng

- d) Mỗi nhân-vật có một cá-tính, lối xây-dựng nhân-vật như thế có khéo không? *Sơ lược*
- e) Nhìn bóng gầy ngoằn-ngoèo mà lo sợ cho tương-lai mình, như thế có hợp lý không? Hình ảnh « bóng gầy ngoằn-ngoèo » đó gây cảm-xúc gì nơi người đọc?

2. — Hình-thức :

- a) « Xinh-xịch » là một *ngữ-thanh-từ* (bắt chước tiếng phát ra của một vật, một con vật. Ví dụ : cúc-cu, tic-tắc, ô. ô. ô). Trong bài này còn có *ngữ-thanh-từ* nào khác không? Dùng *ngữ-thanh-từ* thì bài văn có *linh-dộng* hơn không?
- b) Câu đối-thoại « Tôi... » bị bỏ dở vì người nói quá cảm-động, không nói hết câu được. Viết như thế có *tự-nhiên* không?
- c) Đề báo trước một câu đối-thoại, tác-giả thường không dùng chữ « nói rằng ». Như vậy giọng văn có *nhẹ-nhàng* không?

3. — Kết-luận : Bài văn có giá-trị gì về nội-dung và hình-thức?

85. — Cuộc đua ghe ngo

I. Tuy nằm nhà, *lục cụ* Tăng-Liên vẫn theo dõi được cuộc đua ghe. Cụ nhắm mắt, định thần, lắng tai nghe tiếng cồng của *ghe ngo* 2 chùa mình. Nó khác hẳn giọng cồng 3 của chùa khác, cao vút hơn, thanh-tao hơn.

II. Từ sáng đến trưa, tiếng « môn, môn » nghe đều đều. Cụ nhường mắt, cau mày rồi chớp sau ngáp dài, thông-cảm : Ngoài kia, họ « *cáp* » 4 độ chưa được. Theo thường-lệ, khi xuất phát hai chiếc ghe không ở lẫn mức nào cố định. Sông quá rộng, hai đối-phương cứ bơi chầm-chậm, lấy tròn tới. Hai vị chỉ-huy liếc mắt nhìn nhau, khi nào đồng-ý đua thì mới bắt đầu. Họ mải « *so cựa* » 5 với nhau như vậy.

Bỗng giữa trưa, tiếng cồng thúc-giục rồi im bặt. *Lục cụ* đứng dậy, đọc kinh lâm-râm, đi tới đi lui trước sân chùa. Chao ôi ! Ngoài sông Cái-Lớn, hai chiếc ghe ngo đã biến thành hai *con rắn thần* 6 bay trên mặt nước. Kia ! Phó hương-quản Hem đỏ hực như cây đuốc : khăn đỏ vấn đầu, mặt đỏ và da thịt đỏ vì rượu, vì máu nóng, vì ý chí bão-lũn dầm-

đư của chùa mình. Kia ! ghe của đối-phương đang liềm mạng xấn vào hông ghe bên này để được huề vì hai bên đều chìm. Nhưng người coi lái bên này nhanh tay, lách qua tránh kịp. Phó hương-quản Hem vội chụp lấy cây dầm nhỏ, nâng lên cao, bơi trên gió như thu hút tất cả sức mạnh của trời, của đất.

Rồi ghe của phó hương-quản Hem vượt qua mặt ghe của đối-phương. Đoàn dũng-sĩ ôm cán dầm sát vào ngực, ngả mình tới, chuyển tất cả nhân-lực vào mái dầm. Nước bay trắng xóa.

Lục cụ Tăng-Liên hình-dung cảnh-tượng xảy ra ngoài sông Cai-Lớn như vậy. Nó có thật không? Mồ-hôi tươm xuống lưng, thấm ướt áo cà-sa 7. Cụ chấp tay vái Trời Phật rồi vào trong liêu nằm xuống, thở mệt, chờ đợi...

III Chiều hôm đó, tiếng hát vang dậy, tiếng cồng nhịp-nhàng đua đến mỗi lúc một gần. *Lục-cụ* đoán chắc đó là diêm ghe chùa mình đã chiến thắng. Cụ rửa mặt, lên chùa thắp nhang để tạ ơn Đức Bền Trên.

SƠN-NAM (Hương rừng Cà-mau)

LƯỢC GIẢNG

Xuất-xứ : Trích trong truyện ngắn « Chiếc ghe Ngo » in trong tập « Hương rừng Cà-mau » : khi nhà sư trụ trì — *lục cụ* Tăng-Liên — tuy tuổi già sức yếu, nằm nhà nhưng cũng cố gắng theo dõi và cảm-thông với phó hương-quản Hem, người chỉ-huy chiếc ghe ngo chùa nhà đang tranh tài ngoài sông Cái-Lớn, cách đây không xa...

Bố-cục :

- 1) Giới-thiệu sự-kiện : cuộc đua ghe và *Lục Cụ* tuy nằm ở nhà nhưng vẫn cố gắng theo dõi...
- 2) Cuộc đua ghe ngoài sông Cái, theo sự tưởng-tượng của *Lục-cụ* :
Lúc chuẩn-bị đua.
Lúc đang đua.
Lúc thắng cuộc.
- 3) Xác-nhận việc thắng-lợi của ghe chùa nhà.

Chú-thích : 1. *Lục cụ* : (tiếng Cam-bốt phiên âm) : sự trụ-trì ; gọi nôm-na là : *ông sãi cả*. 2. *Ghe ngo* : (Ngo là tiếng Cam bốt phiên âm) : Loại ghe (thuyền) đua dài chừng đôi ba chục thước, kiểu độc-mộc thông dụng ở các nước theo Phật-giáo Tiên-thừa (Thái-Lan, Miến-Điện, Lào, Cam-bốt). 3. *Cồng* : Nhạc-khí giống như cái thanh-la (phên la) nhưng nhỏ hơn và dày hơn, đánh bằng dùi gỗ. 4. *Cáp* : (Tiếng lóng của giới đá gà (chọi gà) hoặc đá cá thia-thia...) *Cáp* tức là phân tách lực-lượng, khả-năng của đôi bên. Nếu ghe (thuyền) bên này dài hơn, gặp nơi dòng nước chảy yếu thì phải chịu đề cho đối phương được ưu tiên, bơi trước một khoảng, theo sự thỏa-thuận. 5. *So cựa* : (*Cựa* : cựa gà) tiếng lóng của giới đá gà : so sánh nhau, sẵn-sàng ăn thua nhưng chờ đối-phương thỏa thuận một vài điều kiện nào đó, chưa dứt khoát. 6. *Con rắn thần* : Đây là rắn thần Naga. Theo sự tích nhà Phật thì khi đức Như-lai tham thiền, rắn Naga vẫn tròn chung quanh mình ngài và cong đầu xuống để che mưa nắng cho ngài. 7. *Áo cà-sa* : Tiếng Phạn (ngôn ngữ miền Bắc Ấn-độ âm lại theo Hán-tự, qua giọng nói của người Trung-hoa. Có người đọc là *Ca-sa*) : Áo màu vàng sẫm, rộng vắn quanh mình, chưa trổng một bên vai theo kiểu áo đức Như-lai xưa kia đã mặc. Các tu-sĩ Phật giáo Đại-thừa mặc áo cà-sa có hai tay rộng.

87. — Ngón lợi-dụng CỦA ÔNG HƯƠNG-CHỦ HỌ TRẦN

☆ Lúc mới đến đây, anh Rùa lối mười lăm mười sáu tuổi. Anh vào ở mượn cho nhà ông chủ họ Trần là một gánh họ rân-rát nhất làng. Mà một vị Hương-chủ trong làng không phải thường, nhất là giàu có lớn, quyền uy to, ông có thể vung cây roi gân hổ vào đầu vào lưng những tên dân dăn-dộn mỗi khi làm phật ý mình. Ông chủ họ Trần lại đủ kính quyền : có khi ông đối xử rất đàng như vô cây sấu-dâu, nhưng có lúc ngọt-ngào như mũi mĩt nghệ.

☆ Cảnh hông nhà ông có cái mương lạn chạy qua đường. Ông dùng một miếng gỗ dày độ sáu phân, ngang lối năm tấc

bắc làm cầu. Ông xọc giữa một nhịp cao hơn hai bên bờ đất, hai đầu miếng gỗ khoan hai lỗ tròn và để hơi trịch vào trong dưới dạ mỗi đầu một tảng đá, rồi đóng nọc xuống cho miếng gỗ không xê-dịch nhưng hổng lên một chút. Hình dáng cây cầu như cây cân thiên-bình, vì vậy mỗi khi có ai bước lên thì đầu bên kia hơi chổng, đầu bên này nhịp xuống tảng đá một tiếng « cộp ».

Ông chủ thường nằm dựa trên chiếc võng giăng ở phía nhà ngang gần cầu. Khi nghe tiếng cộp, mặc dù thu-thiu ngủ ông cũng mở mắt ngó ra. Thì chẳng hạn thằng Hai, ngủ ông cũng mở mắt ngó ra. Thì chẳng hạn thằng Sáu thì ông gọi : « Sáu à ! vô đây ông biếu cháu ». Lập tức Sáu rón-rén đi vào chấp tay khúm-núm, thưa : « Dạ bẩm chủ gọi con ? ». Ông liền đưa hai tay tới, nắm hai bên viền võng rút mình ngồi dậy, hai chân buông thõng xuống và « à » một tiếng kéo dài nghe rất dịu-dàng êm mát như làn gió thoảng. Ông gọi vọng vào nhà sau : « Bà nó đâu ? biếu bầy-ừ sắp đĩa đồ ăn đem đây coi » !

Nhà giàu thì thường-trục vật ăn thức uống : cam, quít, xoài, mận, hoặc bánh ít, bánh tét... Thẽ la một lát sau có người bưng lên một đĩa bánh. Ông ăn cần mời mọc : « Ăn đi Sáu. Ăn với ông ít cái bánh chơi mà ! » Dù muốn dù không Sáu ta cũng phải nể lời của kẻ bề trên. Khi Sáu ăn uống xong, ông cười vui vẻ : « Sáu à, cháu làm ơn bữa giùm ông ít lòng củi. Bầy trẻ nhà này nó làm công việc không kịp ». « Thực hơn tài cứu hơn tai », hay đúng hơn đối với kẻ có thể-lực như ông Chủ, ai mà dám làm lơ !

Sáu ta liền xách búa bỏ cho đến mồ hôi « ướt giáp » và cảnh ấy cứ mãi diễn ra : khi bữa củi, lúc giã gạo hoặc làm có vườn. Vì « theo lược » của ông Chủ như thế, nên mặc dù anh Rùa bị dày xắt làm-lụng hết sức vất-vả, vẫn không sao rời khỏi được ngôi nhà ấy.

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc thể văn xuôi, loại văn thuật-sự.
2. Xuất-xứ : Trích trong tác-phẩm *Tướng Thầy Rùa*, đăng trên báo *Tự-Do*, số đặc-biệt Xuân Quý-Mão (1963).
3. Tác-giả : Xem phần *Tiểu-sử các tác-giả*.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. Giải nghĩa : *kinh quyền, sâu đầu* (một thứ cây, vỏ, lá đều đắng lắm, nhưng lá ăn quen thì ngon và mát) *mương lạn, xe-dịch, thiên-buê, khảm-núm, thể-lực, uớt giáp...*
2. Bố cục : Bài chia làm mấy phần ? Tìm ý chính của mỗi phần.
3. Đại-ý : Bài này kể lại mảnh-khoé lợi-dụng của ông Hương-Chủ họ Trần. Mảnh-khoé đó đã làm cho anh Rùa thế nào ?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. Nội dung :

- Tác-giả giới-thiệu anh Rùa trong câu đầu để rồi nói đến điều gì ?
- Quyền uy của ông Hương-chủ có thể làm được những gì đối với những người dân quê dốt ?
- Tại sao ông Hương chủ lại lập thể cho cây cầu nhịp lên thành tiếng « cộp » mỗi khi có ai đi qua ?
- Ông Chủ có thật tử-tế với mọi người khi ông mời-mọc họ ăn uống không ?

2. Hình-thức :

- Giọng văn có bình-dị không ?
- Phép *tỉ-lệ* dùng trong bài có đúng cách không ? (như vỏ cây sâu-dầu ; như mũi mĩ nghệ...)
- Phê-bình mấy câu đối-thoại của ông Chủ và « thằng Sáu »
- Lời đối-thoại có gọn-gàng, đúng thực không ? Có xưng-hop với giai-cấp nhân-vật không ?
- Câu văn có ranh-mạch không ?

3. Tổng-kết :

- Tìm vài đặc-điểm của bài văn.
- Bài văn cho ta một ý nghĩ gì sau khi đọc ?

TẬP LÀM VĂN. *Hãy kể lại câu truyện lừa bịp của một người lợi-dụng.*

88. — *Khất tiền thuê xe*

I. — Người Cai không có dấy, nhưng trên chiếc ghế vải anh ta ngồi lúc trước, tôi thấy có một người đàn-bà. Mụ này coi trần, người to lớn, đang rũ tóc quạt phành-phạch như người quạt hỏa-lo. . .

Cạnh dấy, trên một tấm giường gỗ trần, mấy thẳng vén đùi nằm xen vào nhau, ngủ như chết già. Tiếng ngáy, tiếng mè sàng lân với tiếng ho.

II. — a) Tôi lấy trong túi áo đưa sáu hào (cắc) ra.

— Số 102 phải không ?

Thằng cha bần áo nóng-nọc, mặt gân-guộc mà đầu bỏ, vừa hỏi vừa giở sổ.

— Phải, bác giả lại *thẻ* cho tôi.

— Xe có thiếu gì không ?

— Đủ cả.

— Hãy đợi dấy để còn ra soát lại đã.

b) Cùng lúc đó, một người phu xe bước vào :

— Bác làm phúc, hôm nay cháu thiếu mất hai hào.

— Phúc với đức gì ? không đủ thuê thì *gán* áo.

— Bác để cho ngày mai, cháu kéo . . .

Không đợi người này nói hết, mụ đàn-bà the-thẻ nói vào :

— Mai mấy kia gì, áo nó đầu, bắt lấy !

— Cháu chỉ còn có một cái quần . . . Xe ế, nhớ phải một hôm, bà trông lại . . .

Lần này, thằng áo sông-sọc không nói, cúi rút chiếc cày bắt ốc trong găm, sẵn lại đánh vào lưng người kia ba cái luôn tay.

- Ơi giới ơi!
- Mày thiếu thuế còn hương phải không?
- Nó nổ mồm, đánh bỏ mẹ nó đi cho bà... Quai thêm cho nó mấy cái.

Mụ đàn-bà búi tóc ngược, sẵn-sở đứng dậy. Túm đầu người kia dim xuống, mụ vừa tát vừa lên gối, chửi rủa một hồi.

III. — Trên bực, mấy người nọ, chừng là phu xe cả, vẫn ngủ say.

Một thằng tỉnh ngủ hơn, ngóc cổ lên nhìn rồi lại nằm ngủ lại.

TAM-LANG (Tôi kéo xe)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn thể : Bài này phối-hợp ba loại văn *thuật-kỹ*, *mô-tả* và *đối-thoại*. Riêng chú-trọng đến văn *đối-thoại*.
2. — Xuất xứ : Trích tập phóng sự « *Tôi kéo xe* » của Tam-Lang.
3. — Tác giả : Xem phần « *Tiêu-sử các tác-giả* ».
4. — Tác-phẩm : « *Tôi kéo xe* » là tập phóng-sự do Tam-Lang viết năm 1934 và xuất-bản năm 1935 tại Hà-Nội. Trong « *Tôi kéo xe* », Tam-Lang nói đầy đủ về cuộc đời những người cu-li xe : duyên-cớ khiến họ phải kéo xe, nghệ-thuật kéo xe, sự truy-lạc của họ, cảnh khổ cực của họ bị-bọn Cai xe hành hạ đánh đập mà không dám kháng cự.
Xe kéo có hai cày ở phía trước do người phu xe cầm hai tay mà kéo nên còn gọi là *xe tay*. Loại xe này sau được thay thế bằng xe xích-lô.

II — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : *Người cai* ; *quạt phên-phích* ; *hỏa lò* (lò bằng đất nung để đun than) ; *áo sông-sọc* (áo có dệt

những vạch ngang hoặc dọc) ; *đầu bỏ* (có vẻ buồn-bình) ; *thể* ; *gán* ; *ế* ; *c* ; *nổ mồm* (hay *cãi*) ; *quai* (vòng cánh tay như cái quai mà đâm vào quai hàm hay cạnh sườn người ta) ; *lên gối* (đanu bằng đầu gối).

2. — Bố-cục : Chia bài làm 3 phần. Tìm ý chính của mỗi phần.
Chia phần II làm hai đoạn. Chia đoạn 2 làm hai tiểu-đoạn.
3. — Đại-ý : Bài này tả cảnh gì?
4. — Chủ-đích : Tác-giả có chủ-đích gì khi viết bài này?

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- a) Cai xe là một đứa tàn ác được chủ có xe cho thuê trong-dụng để đánh-đập, hà hiếp những người cu-li thuê xe. Nhờ cai, chủ không sợ bọn phu xe quỵ, tiền thuê xe, thường gọi là *thuế xe*. Trong đoạn văn này, ta thấy sự tàn nhẫn, vô nhân-đạo của tên cai xe đối với người phu xe thiếu tiền thuê xe ra sao?
 - b) Trò có thấy bất bình và thương xót người phu xe không? Nếu có, thì chủ-đích của tác-giả đã đạt.
 - c) Có 4 người được tả trong bài. Thử phê-bình ngôn-ngữ, cử-chỉ của họ và thử xét tâm-lý từng người ra sao?
 - d) Cảnh này có thường xảy ra không? Một người phu xe mở mắt nhìn cảnh đánh đập tàn-nhẫn rồi lại thần-nhiên ngủ. Như thế có chứng tỏ cảnh này đối với họ đã quen mắt rồi kuông?
- Cho biết ý-kien của trò về tâm-lý người này.

2. — Hình-thức :

- a) Phân-tích cách dùng chữ, nhất là những chữ tả ngôn-ngữ của từng người biểu-tô rõ-rệt tính-nết, tâm-lý.
- b) Trong phần I tác-giả nói : *mụ đàn-bà quạt như quạt hỏa lò*. Câu *tỷ-lệ* này có những tính-cách gì?
- c) Bút-pháp của tác-giả linh-động? — Chứng tỏ!
- d) Lời văn gọn-gàng, đều-luyện không? — Chứng tỏ!

3. — Tổng-kết : Cảnh linh-động, lời văn đối-thoại thích-hợp với tâm-lý, hoàn-cảnh và địa-vị của từng người.

TẬP LÀM VĂN

Tả cảnh một người đẩy tớ vì vô ý phạm một lỗi nhỏ bị chủ chửi mắng đánh đập. Thuật rõ ngôn-ngữ cử-chỉ của họ.

89.— *Quyền phụ mẫu*

I. Thấy Lộc vẫn đứng yên, bà Ân càng tức giận, quát tháo :

— Muốn sống ngày mai về đây ở với tao. Không biết tao diên hay sao mà lại để cho mày ở riêng như thế...

II. Lộc hai má đỏ bừng, cặp mắt sáng quắc :

— Bầm mẹ, người ấy đã là vợ con.

Bà Ân vỗ sập, gầm thét :

— Vợ mày ? Ai hỏi cho mày ?

— Con hỏi lấy.

— À, thằng này giỏi thật, vượt quyền cha mẹ. Không còn biết *ngũ luân*, *ngũ thường* là gì nữa ! Phải rồi ! Cậu *văn minh* ! Cậu *tự do kết-hôn*. Nhưng cậu phải biết, dù thế nào, cậu cũng phải xin phép tôi đã chứ.

— Bầm mẹ, con đã xin phép mẹ, nhưng mẹ không bằng lòng.

— Vậy tôi không bằng lòng thì cậu cứ lấy, có phải không ?

Lộc lại gần mẹ, dịu-dàng :

— Con thiết-tưởng lấy vợ là một sự quan-trọng một đời, phải tự chọn lấy người *ý hợp tâm đầu* thì gia-đình mới được vui-vẻ *thuận-hòa*. Chứ xưa nay cha mẹ hỏi vợ cho con chỉ kén những chỗ *món đăng hộ đối*...

Bà Ân cười gằn :

— Thế thì xưa nay các gia-đình đó không hòa thuận, vui-vẻ cả đấy ? Bây giờ chúng mày đi học *chữ latin* mới biết kén vợ, còn các cụ thì lấy liều lấy lĩnh cả chẳng ?

— Bầm mẹ, không phải thế. Các cụ cũng có kén chọn những chỗ ngang hàng mà thôi. Thi-dụ : Con quan thì phải lấy con quan. Còn như mẹ nói gia-đình các cụ vui-vẻ, êm-thắm nhưng do chỉ nhờ ở sự bắt-buộc mà có, chỉ nhờ ở lễ-

ngghi mà có, chứ không phải vì tình-tình của vợ chồng hợp nhau. Theo lễ-nghi, vợ phải *phục-lòng*, chồng bảo sao nghe vậy, dầu bị *áp-chế* cũng không dám hé môi. Như thế thì làm gì mà không êm-thắm.

Bà Ân cười khinh-bĩ :

— Thì hãy được thế chả hơn *bạ* con đi nào cũng rước về tôn lên làm vợ hay sao ! Nhưng thôi, tôi không cần nhiều lời, cậu còn muốn trông thấy mặt tôi nữa thì phải lập-tức *tống cổ* con đi ấy đi rồi về đây ở với tôi.

III.— Lộc cất giọng run-run đáp lại :

— Bầm mẹ, thật con không thể tuân theo ý mẹ được, dầu mẹ giết, con cũng xin cam chịu, vì người ta đã có *chứa* với con.

KHÁI-HUNG (Nửa chừng xuân)

BÌNH GIẢNG

I.— THÂN GIỚI-THIỆU :

1.— Văn-thế : Đối-thoại, loại thuật-sự hay miêu-tả ?

2.— Xuất-xứ : Trích trong truyện « *Nửa chừng xuân* » của Khái-Hung.

MƯỢC TRUYỆN : Lộc là con quan, làm tham-tá. Chàng yêu Mai ở chung với nàng tuy không có *cheo cưới*. Lộc giấu không cho mẹ là bà Ân biết việc này. Một hôm, chàng về thú thực với mẹ và xin mẹ cho phép chính-thức lấy Mai. Mới nghe chuyện, bà Ân đã nổi giận, dùng quyền mẹ để bắt con trai phải bỏ Mai (như đoạn văn trên). Nhưng rồi thấy con nói Mai đã có mang và nhất là thấy thái-độ cương-quyết của con, biết không thể dùng quyền mẹ mà bắt con bỏ Mai được, bà liền xoay chiều, tìm cách gieo sự nghi-ngờ tiết-trình của Mai vào lòng Lộc, khiến Lộc tưởng Mai ngoại tình. Lộc bỏ Mai, lấy vợ khác. Sau đây, Lộc được bổ Tri-huyện. Cho tới khi nghe một họa-sĩ nói cho biết đầu đuôi câu chuyện về Mai, Lộc mới ăn-năn, tìm gặp Mai. Nhưng Mai nhất định không cùng Lộc tái-hợp nữa, tuy nàng đã có với Lộc một đứa con trai.

3.— Tác giả : Coi phần « *Tiểu-sử các tác-giả* » ở phần đầu sách.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — **Giải-thích :** *Ngũ luận :* Năm bậc quan-hệ của người đời là : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu-bạn. *Ngũ thường :* Năm đức thường của người ta là : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. *Ý hợp tâm đầu :* Ý hợp nhau, lòng phục nhau. *Môn đăng hộ đối :* Cửa nhà (gia-đình) hai bên thông hôn (gả con cho nhau) xứng đáng với nhau.

— Học-sinh giảng tiếp những chữ khó hiểu.

2. — **Bố-cục :** Bài này khó có một bố cục hợp-lý.

— Có thể tạm chia làm ba phần. — Nói đại-ý từng phần !

3. — **Đại-ý :** Lộc thú thực với mẹ điều gì và xin điều gì ? Bà Ân, mẹ Lộc, không bằng lòng và muốn gì ? Lộc có tuân theo ý mẹ không ?

4. — **Chủ-đích** của tác-giả nói về sự chuyên-chế của bà Ân, muốn dùng quyền phụ mẫu để bắt con phải tuân theo ý mình.

Ngoài ra, tác-giả còn có ý muốn nói tới sự xung-đột giữa hai tư-tưởng cũ và mới.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — **Nội-dung :**

a) Bà Ân bắt buộc Lộc điều gì ? Ngôn-ngữ của bà chứng tỏ bà có thói quen áp-chế, sai bảo, của người có quyền.

Lúc quá giận, bà Ân nói : *mày mày tao tao* với con, nhưng rồi bà lại xưng là *tôi* và gọi con là *cậu*. Như thế chứng tỏ *tâm-trạng* bà Ân lúc đó ra sao ? Có phải những người *quí-phái*, *trưởng-giả* thường gọi con là *cô, cậu* ? — Nên xưng-hô thế nào cho thân-ái mà vẫn lịch-sự ?

b) Lộc có lễ-phép với mẹ không ? Lộc tỏ ra là người thế nào ? (nhu-nhược ? sợ mẹ ? có hiểu ? có óc mới ?).

c) Ngôn-ngữ của bà Ân và Lộc chứng tỏ họ là những người *trưởng-giả*, *quan-cách* và có *lễ-giáo* ? — Chứng-minh !

d) Ý-kiến của Lộc về hôn-nhân như thế nào ? Lời nói của chàng với thí-dụ có quá *kiểu-cách* không ? Lộc tất nhiên đã *sửa-soạn* lời nói từ trước. — Thử *phê-bình* !

e) Nhân bài này, trò nghĩ sao về tục « *cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy* » và sự « *môn đăng hộ đối* » trong việc hôn-nhân ngày xưa-Uu-điểm và khuyết điểm ? — Nên dung-hòa cách nào sự quá câu-nệ của thế-hệ cũ và sự quá phóng-lúng của thế-hệ mới, để vợ chồng lấy nhau tạo lập được hạnh-phúc gia-đình.

2. — **Hình thức :**

— Học-sinh soạn lấy.

3. — **Tổng-kết :** Văn *đối-thoại* rất tự-nhiên, tả rất đúng ngôn-ngữ khi giận-dữ của bà Ân, một người quyền thế có thói quen nạt-nộ kẻ dưới, và của Lộc một nạn nhân của sự giao thời cũ và mới.

TẬP LÀM VĂN

Thuật lại một cuộc bàn cãi giữa đôi bạn trẻ về vấn-đề nên và không nên học Nhạc.

90. — Mỗi - manh

I. — Bà mới hỏi bà Đốc-phủ rằng :

— Bẩm bà lớn, tôi nghe nói hôm qua quan lớn về, vậy mà quan lớn đã định gả cô Hai cho nơi nào chưa ?

— Ờ, hôm trước ông về, ông có gặp ông phủ Thiện ở Bắc-liêu. Ông lại nói ông phủ Thiện muốn làm *sui*. Song hôm nay chưa thấy đến coi mặt.

— Ông phủ ở dưới Bắc-liêu đó giàu hay không ?

— Người ta cũng giàu lắm chứ ! Làm tới bậc phủ, huyện mà có ai nghèo.

— Còn con ông học-hành thế nào ? Đã làm việc ở đâu rồi hay là còn ở nhà trường ?

— Thằng đó làm việc lâu rồi ! Nó làm *ký-lục* đầu ở phía dưới Bắc-liêu.

II — Bẩm bà lớn, có một ông *Còm-mi* mới dọn nhà về ở *khách bên* nhà tôi. Ông quen với ông Phan ở nhà. Ông tên Danh, 24, 25 tuổi, con ông Cai-tổng gì ở Sa-đéc. Tôi hỏi ông Phan thì ông nói ông *Còm-mi* đã làm việc ngoài *Phó-soái*. Ông *Còm-mi* đó vui vẻ mà lại *khá trai* lắm. Ông chưa có vợ mà lại dọn nhà *cửa tốt quá*. Hồi hôm ông qua nhà ông chơi. Tôi hỏi ông muốn vợ hay không, như muốn thì tôi làm *mại* giùm cho ông. Theo thế thường, *trai mới* lớn lên, *hễ* mình hỏi như vậy thì họ *mắc-cở* ; mà ông này ông không *mắc-cở*,

lại cười mà nói rằng ông muốn vợ lắm, song chưa biết con ai mà chịu gả, *đặng* ông đi nói. Bầm bà lớn, thiệt tôi muốn làm *tài khôn* chỉ cô Hai ở nhà đây cho ông coi mặt, song tôi sợ bà *rầy* nên tôi không dám nói ra.

— Chị này nói kỳ dữ kia! Con gái cũng như cái hoa, ai thấy không muốn ngó. Mình có con gái, ai muốn coi, thì họ coi, gả cũng không gả tại nơi mình, cho họ coi mặt mà mất miếng nào hay sao mà *rầy*. Không hại chi đâu, chị nói lại với ông Còm-mi đó, nếu muốn coi mặt con Hai thì tôi đây tôi cho coi.

HỒ BIỀU-CHÁNH (Nhơn tình ấm lạnh)

BÌNH GIẢNG

I. — PHẦN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể : Loại văn đối thoại.

2. — Xuất xứ : Trích ở tiểu-thuyết « *Nhơn tình ấm lạnh* » ? Của ai ?

3. — Tác-giả : Xem phần « *Tiểu-sử các tác-giả* ».

II. — PHẦN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : Những chữ *in* ngả trong bài. Chú-trọng những tiếng riêng của miền nam như : *sư* (thông-gia), *ông* (ông ấy), *làm mai* (làm mối), *mạc cỡ* (xấu hổ)...

2. — Bố-cục : Chia bài làm hai phần. Tìm đại ý từng phần.

3. — Đại-ý : Bài này nói về gì ?

III. — PHẦN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

a) Trước khi nói ý-định làm mối của mình, bà mối có dò-la xem bà Đốc-phủ đã nhận lời gả cô Hai cho ai chưa ?

— Bà mối có tỏ ra khôn-ngoa, tế-nhị không ?

b) « *Làm tới bực phỉ, huyện mà có ai nghèo* ». Tại sao bà Đốc-phủ có ý-tưởng đó ? Điều này có phải hoàn toàn đúng không ? Tại sao ?

2. — Hình-thức :

a) Bài này có màu-sắc địa-phương. Tại sao ? *Đề ý* : (cách dùng tiếng, cách đặt câu...).

b) Anh có thấy bài dùng nhiều tiếng *ông* (ông ấy) quá không ? Như vậy lời văn không *chải-chuốt*. Nhưng đó là dụng ý của tác-giả muốn ghi chép đúng lời nói của nhân-vật.

c) ... Câu « *Ông chưa có vợ mà dọn nhà cửa tốt quá* », lời có ngô-nghê không ? Thử thay câu này bằng lời-lẽ khác !

d) Bài có nhiều tiếng « *mà* » khiến lời văn ra sao ?

3. — Tổng-kết : Bài này có giá-trị ở điểm tác-giả đã ghi chép rất đáng lời *văn uoi-thoại* của hạng trưởng-già miền Nam.

91. — Bàn cãi

Ông Lý-Trưởng nói :

— Cái kiện này to lắm ! Tôi không được mục-kích¹ nên không dám chửi, nhưng mà cứ theo như lời báo Trương nói thì dễ thương chứ xe la lão Nghị Hách ở tỉnh miền trên chứ chẳng ai xa lạ !

— *Cái thằng cha* bỏ bã rượu vào ruộng lương-dân² và báo nhà đoan³ và chỉ bởi một thủ đoạn⁴ ấy, đã lậu được ba trăm mẫu ruộng tể tiền ấy à ?

— Chính thế !

— *Cái thằng cha* độc ác đánh chết người làm rồi vứt xác người ta xuống giếng mà khai người ta tự-tử ấy à ?

— Nó đấy !

— Thế sao ? Thế thì *phải* kiện cho nó bỏ mẹ nó đi chứ ?

Ông Lý bình-tĩnh đáp ông Chánh :

— Nào biết là rồi nó bỏ mẹ hay mình bỏ mẹ.

Ông Đồ vứt bút xuống chiếu, ngồi lên mà rằng :

— Ông nói đến *chó* cũng không nghe được !

Ông Lý vẫn bình-tĩnh một cách khả-ố⁵

— Chó không nghe được nhưng mà tôi nghe được. Đây này nhé : lão nghị ấy có năm trăm mẫu đồn-diên ở trên tỉnh này ; một cái mỏ than ở Quảng-yên này, ba chục nóc nhà tây ở Hà-nội này, bốn chục nóc nhà nữa ở Hải-phòng này, bạc nhà nó cứ gọi là gà ăn không hết, vậy ông có tiền để chơi 7 nhau với nó không ?

VŨ-TRỌNG-PHỤNG (Dâng tổ)

LƯỢC - GIẢNG

Xuất-xứ : Trích ở truyện « Đông Tổ » của Vũ-trọng-Phụng. Cõi lược truyện dưới bài *Stah Phần* ở trên.

Chú-thích : 1. Mục-kích : nhìn tận mắt. 2. Lương dân : dân lành. 3. Nhà doan : do chữ *Donane* phiên âm sang tiếng Việt : Sở thương chính. 4. Thủ-đoan : mưu chước, mảnh khước. 5. Khả-ố : đáng ghét. 6. Đồn-diên : khoảng đất rất rộng trồng một thứ cây : đồn-diên cao-su, đồn-diên cà-phê. 7. Chơi : ở đây có nghĩa là đi kiện, đối địch lại.

NIHẬN-XÉT : Bài văn đối thoại giá-trị khi tả được đúng ngôn-ngữ từng hạn người và hợp với hoàn-cảnh, tâm-trạng của từng người.

Xét lời đối thoại ở bài này, ta có thể biết được : Lý-trưởng là một kẻ khả-ố, tiêu-bien cho hạng người phù-thù. Ông đó là một người bực tức, tiêu-bien cho các nhà Nho lỗi thời. Ngoài ra ta còn biết được bộ mặt thực bĩ-ối của cái xã-hội thời nát đều là thời Pháp thuộc. Nên biết Nghị-Hách là một nghị-viên thời Pháp-thuộc. Theo lời đối-thoại giữa hai người ta có thể biết Nghị Hách đã dựa vào địa-vị mà có tài-sản và giết người....

Học-sinh hãy tìm xem những lời nào chứng tỏ được các sự nhận xét trên và cho biết cảm nghĩ của của trò khi đọc xong bài này.

99. - Mừng thi đỗ

Bỗng Minh trông thấy trên hàng rào có cái lồng gà nhốt một con gà mái, liền hỏi :

— Minh mua gà để nuôi đấy à ?

Liên trả lời vắn-tắt :

— Không, để ăn.

Minh mỉm cười :

— Minh hoang thế kia ?

Liên làm mặt giận :

— Minh đã thấy em hoang bao giờ chưa ? Hôm nay mình thi đỗ lại không đang ăn mừng một con gà ư ?

Minh làm ra mặt hoảng-hốt hỏi :

— Sao em biết anh đỗ ? Anh đỗ thật à ?

— Rõ rồi ngộ-ngần chưa ?

—Ừ, nhưng mà sao mình lại dám đoán rằng anh đỗ kia chứ ? Anh bảo anh trượt thì mình nghĩ sao ?

— Thì em không tin.

— Sao em lại không tin ?

— Vì đã có thần-nhân báo mộng tin mừng cho em biết rồi, thần-nhân bảo không những anh thi đậu, mà lại đậu thủ-khoa.

Minh cười khanh-khách :

— Vâng, thì chịu vậy. Nhưng này, anh hỏi thục, sao em lại biết tin ?

Liên lo-lắng, nghĩ tới lời dặn-dò của chồng trước khi đi thi, đứng im không dám trả lời. Minh nhắc lại câu hỏi :

—Ừ, sao em biết tin ? ... Sao anh hỏi, em không đáp ?

Liên núng-nịu :

— Nhưng em sợ anh mắng.

Minh cười :

— Không, anh không mắng đâu, em cứ nói thục.

Liên ngẫm-nghĩ, do-dự rồi vừa cười, vừa chạy vào trong nhà, vừa nói thật mau :

— Em đến trường xem bảng.

Liên nói dối là xem bảng, cốt để khỏi phải ôn lại với chồng câu chuyện rắc-rối đùa-bỡn của mấy người bạn học.

Minh cũng cười :

— Có thể cũng phải đấu với diêm.

KHÁI-HUNG và NHẤT-LINH (Gần hàng hoa)

NIHẬN-XÉT : Lời đối-thoại rất thích-hợp với tuổi-tre, tâm-lý và hoàn-cảnh đời vợ chồng trẻ nghèo. Để ý những chữ « minh, em, anh » trong các câu.

Nên biết : Liên là một cô hàng hoa nghèo và đẹp ở nhà quê gần thành-phố nơi chồng ăn học.

93. — *Bộ râu dài*

Người nhỏ-nhăn, yếu-đuối trong chiếc áo the thâm, Nguyễn-thị-Nam đứng nhu-mi ở trước tòa. Thị bị thừa vế tội đánh người bị thương. Trông bộ mặt thị choắt lại bằng hai ngón tay chéo, người ta chỉ trông thấy hai con mắt dữ-tợn và hai cái môi mỏng dính.

ÔNG CHÁNH-ÁN : Chị có đánh người ta không ?

Cái tiếng the-thé như xé lụa, THỊ-NAM đáp :

— Bẩm tôi có đánh « nó » đâu. Nó là tình-nhân của tôi, một điều yêu tôi, tôi ăn ở với một chú Khách được đưa con, nó đòi nhận cả làm con nó. Đến bây giờ nó có đứa khác, nên anh-phụ tôi, đánh đập tôi.

Con người như rửa thị tẻ thật. Ai cũng muốn nhìn cho rõ mặt *bạc-tinh-lang* của thị.

Bỗng một người tây đen to lớn, lực-lưỡng như *hộ-pháp*, nặng-nề bước vào. « Nó » đây !

Bạc-tinh-lang của thị Nam quần trên đầu chiếc khăn vàng lớn như đôi một đồng vải, mặt như bằng đồng đen, điểm bộ râu dài và rậm che lấp cả mắt. Ông *hộ-pháp* ấy đứng bên Thị-Nam. Thị-Nam bé tí như con chuột nhắt đứng bên con voi *không-lồ*. Tuy vậy, chính con voi lại bị con chuột đánh. Đáng thương thay !

Sau một hồi « à ra à ra », SINGH — cái tên xinh-xẻo của chú tây đen — khai rằng :

— Tôi lấy thị-Nam được hai năm, nhưng vì nó hư, nên tôi phải đuổi đi. Hôm ấy, tôi đi qua hàng cơm Thị-Bôi, nó ngồi trong cứ chửi rủa tôi mãi. Tôi hỏi nó chửi ai, thì nó túm lấy tôi nó đánh, nó cắn ; hiện có giấy đốc-tờ làm chứng. Nhưng không phải vì thế mà tôi kiện nó, tôi kiện nó vì nó nắm mất râu của tôi. Mà râu của tôi thì rất quý lắm.

THỊ-NAM : — Các ông trông bộ râu của hân, vẫn rậm như rừng, già rút đi một nửa, cũng không ai trông thấy.

SINGH quay lại thị Nam, lườm một cái dài.

ÔNG CHÁNH-ÁN : — Nhưng rồi bộ râu lại mọc, cần gì ?
SINGH thăm-thiết : — Lâu lắm, nhất là về mùa thu, râu mọc rất chậm.

ÔNG CHÁNH-ÁN (mỉm cười) : — Anh to lớn thế kia lại chịu để cho người đàn-bà nhỏ yếu rút mất chòm râu quý mà chịu đứng im à ?

Câu hỏi ấy làm Singh phải chịu đứng im lần thứ hai... Ông tượng đồng đen nước Tây-Trúc, chắc lúc Thị-Nam đánh, đã nghĩ đến rằng ở Ấn-Độ có câu tục-ngữ : « Không nên đánh một người đàn-bà, dầu bằng cánh hoa cũng vậy ».

Nhưng ông chánh tòa không phải là người Ấn-Độ, nên đánh sẽ thị-Nam bằng cánh hoa ; cánh hoa ấy là : mười sáu quan tiền phạt.

HOÀNG-ĐẠO (*Trước vành móng ngựa*)

Chú-thích : Khách : Khách trú ; huê-kiều. Bạc tình lang : Chàng bạc tình. Hộ pháp : Tượng lớn thường dựng ngay ở hai bên chùa ngoài. Không-lồ : Rất lớn. Quan : (Franc) tiền Pháp. * Xuất-xứ : Trích ở cuốn « Trước vành móng ngựa », tít lên phóng sự về loa an thời Pháp-thuộc của Hoàng-Đạo.

94. — *Cơm thừa*

Nguyễn-văn-Phú chỉ có tên là màu-mỡ. Ngoài ra, trông rất có vẻ nghèo-nản. Bộ mặt hốc-hác trong bộ quần áo nâu rách, màu bạc phếch. Mái tóc bóm-sòm để đã ngoài hai tháng không cạo, như mái tóc một nhà làm thơ-mới Việt-Nam.

Ông chánh án, hình như cũng thương-hại, hỏi bằng giọng rất ngọt-ngào :

— Thế nào ? Anh có nhận đã lấy *ngôn-từ mạ-ly* một viên chức-dịch trong khi *hành-vụ* không ?

Nhà thi-sĩ Phú cất giọng run-run hỏi sẽ người thông-ngôn :

— Bẩm thế là sao ạ ?

— Thế nghĩa là anh có chửi rủa *đội xếp* không ?

— Bẩm không, quả không.

Vừa trả lời, nhà thi-sĩ vừa lắc bôm tóc một cách cương-quyết và giương mắt nhìn ông chánh-án một cách ngáy thơ :

— Bầm thật quả không... Hôm ấy con đương ngồi ăn ở góc đường, thì thầy đội đến bảo con là «đồ chó nhai xương» rồi lôi con lên *bóp*, có thể thôi.

Ông chánh-án mỉm cười :

— Có thể thôi, theo lời anh nói thì giản-dị quá. Thế ra tự-nhiên người đội-xếp đến mắng anh chơi cho có chuyện ?

— Bầm vì thầy ấy thấy con ăn...

— Ăn, ai chẳng ăn ?

— Bầm, nhưng con ăn những đồ ăn còn thừa trong trại lính thải ra đem bán. Hôm ấy con ăn «*xúp*». Thầy đội vắng tục ra với con, thì con có bảo : «Thầy thử nghèo đói xem có phải ăn không ? Gầu cò thì *làm bộ* thế nào cũng được».

— À ! thế ra lỗi ở cả thầy đội.

Nhưng thầy đội làm chứng lại nhất định không nhận lỗi và cũng nhất định chối đây-dấy là không vắng tục. Theo thầy thì ở đây *phố* thấy đông, thầy đến đẹp. Mọi người đều giản. Duy chỉ có *Phủ* là nhất định ngồi xuống uống hết bát «*xúp*».

— Nó lại mồi cả con ăn nữa. Con lắc đầu, bảo nó đi thì nó vắng tục ra bảo : «Tiên sư mày *làm bộ*».

Ông chánh-án mỉm cười. Rồi sau một lúc cân-nhắc trọng-lượng của hai câu chửi và sự thực-thà của hai người, ông *hạ tứ* :

— Một ngày *nhà pha* !

Nhà thi-sĩ rũ bôm tóc một cách tuyệt-vọng. lặng-lẽ bước ra.

HOÀNG-ĐẠO (*Trước vành móng ngựa*)

CHÚ-THÍCH : *Ngôn-từ* : Lời nói. *Mạ-ly* : Mắng chửi, nói hỗn với công-chức. *Hành vụ* : Thi-hành nhiệm-vụ, làm việc bổa-phận. *Đội xếp* : Cảnh binh thời Pháp-thuộc. *Bóp* : do tiếng Pháp *Poste* phiên âm ra : Nơi trú đóng của đội-xếp, thường trực. *Xúp* : do chữ Pháp *Soupe* phiên âm ra. *Làm bộ* : Làm phách, khinh người. *Phố* : ở đây không phải là căn nhà, mà là đường rộng hè hai bên có nhà ở trong tỉnh hay thành-phố. *Hạ tứ* : Nói lời hay như thơ với kẻ dưới. (Ví dụ : *Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng* (*Truyện Kiều*)). Ở đây có ý châm-biếm. *Nha pha* : Nha lao, nhà tù.

95.— Anh phải sống

I.— Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chồng cho thuyền quay về phía *thượng-du* nhưng thuyền vẫn trôi phăng-phăng xuống phía dưới, khi nhỏ, khi chìm, khi ẩn, khi hiện trên làn nước *phù-sa*, như chiếc lá tre khô nằm trên vũng máu, như con muỗi-mắt chết đuối trong nghiền son.

Nhưng chừng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghì lái, vợ vờ củi.

II. a) Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp-sửa quay trở vào bờ thì trời đổ mưa... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ đầy nước nặng trĩu. Hai người cố bơi nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi.

Bỗng hai tiếng cùng kêu một lúc :

— Giờ ơi !

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh-lùng trôi đi, lòi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp.

b) Chồng hỏi vợ :

— Minh liệu bơi đến bờ không ?

Vợ cả quyết :

— Được !

— Theo dòng nước mà bơi... gổi lên sóng !

— Được ! Mặc em !

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thăm-thẳm. Một lúc sau, Thúc thấy vợ đã đuối sức liền bơi lại gần hỏi :

— Thế nào ?

— Được ! Mặc em !

Vợ vừa nói buống câu thì cái đầu chìm-lìm. Cố hết sức bình-sinh, nằng mồi ngoi lên được mặt nước. Chồng vội-

vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười âu-yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

— Mọi lắm rồi... mình vịn vào tôi, để tôi bơi... Tôi không xốc nổi mình nữa.

c) Một phút sau, chồng nghe chừng càng mỏi, hay cảnh tay rã-rời bơi lơ-dờ.

Vợ khẽ hỏi:

- Có bơi được nữa không?
- Không biết, nhưng một mình thì chắc được.
- Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

- Không, cùng chết cả.

Một lát, một lát, nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

— Lạc ơi! Liệu có bơi được nữa không?

- Không!... Sao?
- Không? Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc mặt tái mét, tiếng run-run khẽ nói:

- Thằng Bò, cái Nhón, cái Bé... Không, anh phải sống!

III. — Thức bỗng nhẹ hẫng đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con, đã lẳng-lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

KHÁI-HUNG (Anh phải sống)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. Văn-thể : Bài này thuộc loại văn thuật sự, có đối thoại, hỗn hợp với loại văn nào nữa không? Truyện tưởng-tượng nay mất thấy tai nghe?

2. Xuất-xứ : Như bài số 72 : *Bóng người trên sương mờ*.

3. Tác-giả : _Coi phần «Tiền-sử các tác-giả» ở đầu sách.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — Giải-nghĩa : *thượng-du, phủ-sa, gột-lên sông, sức bình-sinh.*
2. — Bố-cục : Bài chia làm mấy phần? Phần đầu lại chia làm mấy đoạn. Tóm lược ý từng phần, từng đoạn.
3. — Đại-ý : Nội đại-ý toàn bài!
4. — Chủ-đề : Tác-giả dụng ý phơi bày rõ-rệt lòng thương con không bỏ-bỏ của người mẹ hy-sinh tính-mệnh cho đàn con.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- a) Xét sự dàn-ý của tác-giả có khéo không? Vì sao?
- b) Cảnh tả có linh-động không? Chứng tỏ!
- c) Xét các tình-tiết liên-tiếp nhau ở phần II, có tự-nhiên không? Có mạch-lạc không?
- d) Truyện kể có hấp-dẫn không? Ta hồi hộp theo dõi từ lúc nào?
- e) Những chi-tiết nào chứng tỏ tình vợ chồng thâm-thiết?
- f) Trong lúc chơi-vời giữa sông, gió to, sóng lớn, cái chết hiện bên mình, lòng hoang-mang lo sợ, thế mà tác-giả kể rằng vợ chồng Thức hai lần cười với nhau. Ở trường-hợp ấy, họ có thể cười được không? Tác-giả tả đúng hay sai? Thử tưởng-tượng xem họ cười như thế nào?
- g) Cách nhìn *âu-yếm* của vợ tả có thật hợp cảnh không?
- h) Câu truyện kể có cảm-động không? Gây cảm-xúc ra sao?

2. — Hình-thức :

- a) Văn đối-thoại tự nhiên, nhưng có thích-hợp hoàn toàn không? Những tiếng xưng-hô *mày, tôi, em, mình, anh, tôi*, dùng có thật đúng lúc và đúng với giai-cấp nhân-vật không? Vì sao? Đề ý đây chỉ là hai vợ chồng nghèo vớt củi giữa lúc tai-nạn nguy-hiểm, vợ đã kiệt sức, chồng đã quá mệt.
 - b) Lời văn giản dị tự nhiên không?
 - c) Giọng văn có thích-hợp không? Đề ý câu : « Em buông ra cho mình vào nhé ».
 - d) Những đoạn văn tả cảnh sông nước, tả sấm chớp... tuy ngắn-ngủi nhưng rất linh-động. Ở những đoạn văn ấy, tác-giả hay so-sánh ra sao? Phê bình nghệ-thuật của tác-giả!
 - e) Xét cách đặt câu? Câu nào có điệp-ngữ? Câu nào có *tỷ-lệ*? Cách đặt dấu, chấm câu ra sao, có ảnh-hưởng gì cho giọng văn?
3. — Tổng-kết : Truyện hấp-dẫn, cảm-động, kết-cấu tài-tình, nêu cao được sự hy-sinh cao-cả của mẹ đối với con.

TẬP LÀM VĂN Thuật một truyện nêu cao đức hy-sinh của người mẹ vì con.

95. — Bán nhà

I. — Năm giờ chiều, Mai về tới nhà. Người lão-bộc đầu tóc bạc phơ, nghe tiếng Mai, vội ra mở cổng. Con chó xồm trắng già yếu cũng chậm-chạp bước theo sau, rồi tới gần Mai thông-thả ve-vầy cái đuôi lông rụng xơ-xác, Mai giơ tay vuốt-ve con chó và bảo người lão-bộc :

- Tôi đói lắm, ông có gì cho tôi ăn không?
- Thưa cô, tôi đoán thế nào hôm nay cô cũng về, nên tôi đã thổi cơm chờ cô cùng ăn.
- Nhưng có gì ăn không, ông?
- Có rau muống với tương.
- Có muối nữa đấy chứ?
- Muối thì bao giờ cũng có.
- Thế thì tốt lắm, chúng ta đi dọn cơm ăn cho xong bữa, tôi còn có câu truyện cần bàn với ông đây.

Lão-bộc nghe cô chủ nhỏ nói muốn bàn việc *quan-hệ* với mình thì lấy làm cảm-dộng, chân tay run lập-cập.

II. — Cơm nước xong, thấp-thoảng ánh lửa-mù ngọn đèn Hoa-kỳ đặt trên ngưỡng cửa, hai người ngồi nói chuyện ở ngoài thềm nhá trên. Mai ngâm-nghĩ đến công việc hệ-trọng đã dự-định, nên ngập-ngừng chưa dám ngỏ lời cùng người lão-bộc mà Mai kính mến như một người trong họ. Con chó già nằm dưới chân Mai, hình như cũng đoán rằng sắp xảy sự gì *phi-thường*, đặt mõm lên bàn chân chủ ra đáng âu-yếm lắm. Thỉnh-thoảng nó lại ngừng đầu lên, liếm bàn tay Mai. Trong đêm tối, Mai ngắm cặp mắt sáng quắc của con vật trung-thành, tưởng như có long-lanh giọt lệ thì lấy làm cảm-dộng vô cùng, cúi xuống thì-thăm như nói chuyện với một người bạn :

- Chúng ta sắp sửa phải dời cái nhà này rồi.

Con vật tuy không biết lời chủ, nhưng chắc cũng đoán được rằng chủ đương có điều lo nghĩ, nên thông-thả đặt mõm vào lòng chủ để tỏ ý an-ủi. Còn người lão-bộc thì cất giọng run-run hỏi Mai :

— Có định dời đi đâu vậy?

— Tôi sắp bán nhà đấy, ông Hạnh ạ!

Ông lão hoảng-hốt, lo sợ :

— Cô bán nhà?

— Phải, tôi bán. Ông Hạnh ơi, đó cũng là một sự bất-đắc-dĩ! Ông tính ruộng vườn không còn, tiền của cũng không thì lấy gì ăn tiêu mà chả bán nhà?

Không được, việc ấy tôi xin can. Bán nhà đi thì còn đâu là nơi thờ cụ Tú. Tôi theo cụ Tú từ khi cụ còn giàu có, nhờ cụ mà các cháu nhà tôi đều biết dăm ba chữ. Trước khi cụ mất, cụ có giới-giảng: giao cho tôi ở lại trông nom cô và cậu Huy. Việc ấy tôi nhất-định không thể tùy ý cô được.

— Vậy ông muốn để tôi chết đói hay sao?

Người lão-bộc cúi đầu nghĩ-ngợi rồi nói :

— Thế này-này, chẳng cả nhà tôi đi lính khổ đở, tôi được làng cấp cho mấy mẫu ruộng. Vậy có lẽ cũng đủ gạo ăn. Chưa cần phải bán nhà.

Mai cảm-dộng chảy nước mắt, gượng cười đáp lại :

— Tôi cảm ơn cái tấm lòng tốt của ông... Nhưng còn việc học của em Huy thì ông nghĩ sau :

Người lão-bộc bắt đầu suy-nghĩ rồi hỏi :

— Phải bao nhiêu tiền?

— Ít ra cũng phải mỗi tháng một chục bạc.

— Thế thì khó lắm nhĩ

— Vậy ta phải liệu; chứ biết sao? Rồi sau này em Huy làm nên, có tiền, ta lại tậu đất, làm lại nhà, hay là lại chuộc lại nhà cũng được.

III. — Ông lão Hạnh không trả lời, hai bàn tay ôm trán ngâm-nghĩ: ông ta đương cố tưởng-tượng ra ở trong tri-lự chat-phác cái cảnh gia-đình tan-tác, cửa nhà cầm bán. Cái nhà nay, ông ta ở đã hai chục năm nay, từ ngày chưa có Mai và Huy, ông ta thuộc cả từng cái xà, cái rui, từng chỗ gỗ rác, gỗ mọt, từng viên gạch vỡ, từng góc tường sứt, bây giờ ông

ta sắp-sửa phải dời nó để đi nơi khác, để nhường lại cho người chủ mới họ đem đồng bạc đến mà cướp, mà chôn biết bao nhiêu kỷ-niệm của một nhà, biết bao sự vui, sự buồn, sự mừng, sự giận của gần một trăm năm. Cái nhà ấy, ông ta đã ở lâu ngày, nên coi như nhà của mình vậy. Nay thấy cô chủ ngỏ lời đem bán thì ông ta bỗng có cái cảm-tưởng bị ai ức-hiếp, bóc-lột.

KHÁI-HUNG (Nửa chừng xuân)

BÌNH GIẢNG

I. — PHÂN GIỚI-THIỆU :

1. — Văn-thể : Một bài hỗn-hợp những loại văn gì ?

[Nên nhớ *Đối-thoại* là một lối văn viết theo những lời nói chuyện giữa hai hoặc nhiều người. Người ta dùng lời nói để trao đổi ý-kiến và cảm-tình. Văn *đối-thoại* giá trị phải viết một cách gần-cực, tự-nhiên, thích-hợp với cảnh ngộ và tâm-lý của nhân-vật.]

2. — **Xuất xứ :** Trích trong « *Nửa chừng xuân* », một truyện dài của Khải-Hung, xuất-bản lần đầu năm 1934 tại Hà-nội (coi lại lược truyện ở bài số 89 : *Quyền phụ mẫu*).

Đoạn này thuật :

Sau khi cụ Tú Lãm, cha của Mai chết. vì nghèo túng nàng phải tính đến chuyện bán nhà để lấy tiền nuôi em trai là Huy ăn học cho đến thành tài, theo lời giới-giảng của cha.

3. — **Tác-giả :** Xem phần « *Tiểu-sử các tác-giả* » ở đầu sách.

II. — PHÂN PHÂN-TÍCH :

1. — **Giải-nghĩa :** Lão-bộc, quan-hệ, phi-thường, bất-đắc-dĩ, giới-giảng (trời-trắng), chắt-phác, bóc-lột.

2. — **Bố cục :** Chia bài ra làm ba phần. Tìm đại-ý của mỗi phần. Phân đoạn phần thứ nhì và tóm lược ý từng đoạn.

3. — **Đại-ý :** Bài này thuật lại một cuộc nói chuyện bàn-bạc giữa cô chủ với người lão-bộc về việc bán nhà để lấy tiền nuôi em trai ăn học.

4. — **Chủ-đích :** Làm nổi bật lên những đặc-tính của người lão bộc trung thành.

III. — PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1. — Nội-dung :

- Xét cách đối-xử của Mai với người lão-bộc và cách đối-xử của người lão-bộc với Mai.
- Cách vào chuyện có khéo không ?
- Thấy Mai nói sắp sửa phải dời nhà, người lão bộc hỏi với giọng run-run, và thấy Mai nói một cách đột-ngột rằng sắp bán nhà, người lão-bộc có vẻ hoảng-hốt, lo-sợ ? Tại sao ? (căn-cứ vào những lời nói và những ý-nghĩ của lão-bộc).
- Người lão-bộc có nghĩa không, có trung-thành không ?
- Khảo-sát những ý-tưởng của người lão-bộc trong phần III.
- Truyện có cảm-động không ? Khung-cảnh có hợp không ?
- Khảo-sát cách kết-cấu.

2. — Hình-thức :

- Sự dùng chữ (*dụng-ngữ*) *tinh-xác*. Nhờ thể mà văn rõ-ràng sáng-sủa. — Chứng tỏ !
— Tìm ở trong bài những tiếng dùng thích-đáng để tả cảnh nghèo, để tỏ sự trung-thành của người lão-bộc, sự có nghĩa của con vật, để tỏ sự cảm-động của Mai.
- Cách đặt câu (*tạo cú*) : Câu dài câu ngắn được xếp-đặt khéo-léo.
— Lời văn *đối-thoại* có tự-nhiên linh-hoạt không ? — Chứng tỏ !
Trò có thấy lời nói của hai người rất gọn-gàng mà đầy đủ ý nghĩa không ? Có phải chỉ khi nào cần cần cái nghĩa, hai người mới phải nói dài dòng không ?
- Ở phần III có một câu rất dài. Khảo-sát câu đó. Thử ngắt câu đó thành nhiều câu ngắn.

3. — **Tổng-kết :** Kết-cấu khéo ; lời văn sáng-sủa tự-nhiên ; văn *đối-thoại* thích-hợp.

TẬP LÀM VĂN

Thuật lại cuộc thảo-luận giữa hai vợ chồng nghèo về việc bán nhà của ông cha để lại, để có tiền buôn bán mưu sinh nuôi con ăn học.

97.- Thư khuyên con

Thứ sáu, ngày...

I. An-Di con ơi ! Việc học đối với con hình như khó nhọc mẹ con nói phải đấy. Cha chưa bao giờ trông thấy con đi học với dáng điệu quả-quyết và nét mặt hớn-hở như cha mong muốn !

II. 1) Con thử tưởng-tượng nếu con ngồi không ở nhà thì ngày giờ của con sẽ trống-trải biết là đường nào ! Cha chắc chỉ trong một tuần-lễ là con lại muốn trở lại nhà trường. Con ơi ! Hiện thời, không một đứa trẻ nào là không đi học. Con hãy nghĩ đến những người thợ làm-lụng cặm-cui cả ngày, tối đến còn cắp sách đi học, những cô thiếu-nữ suốt tuần-lễ bị giam-giữ trong xưởng, chủ nhật đến cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem ra học viết. Cho đến những trẻ mù, trẻ câm, chúng cũng đều học cả.

2) Mỗi buổi sáng, lúc ra trường con hãy nghĩ : cùng giờ ấy, trong một thành-phố ta có tới ba vạn đứa trẻ, cũng như con, đi « châu » lớp học trong ba tiếng đồng-hồ để được mở-mang trí-tuệ. Con hãy nghĩ : xấp-xỉ giờ này, con trẻ trong các nước trên hoàn-cầu đều đi học cả. Con hãy tưởng-tượng những trẻ ấy lếch-thếch trên những đường hẻm nhà què, rảo bước trong các phố-phường huyền-náo, dưới bầu trời oi-ả hay trong cơn mưa tuyết lạnh-lùng ; chúng đi thuyền ở những xứ lắm sông ngòi, cưỡi ngựa qua những cánh đồng mông-quạnh, hoặc ngồi « trượt » trên những bãi băng giá lạnh. Chúng xuống lũng, lên đồi, chúng xuyên rừng, lội suối, chúng vượt qua những ngọn đồi hẻo-lánh, hoang-vu. Ăn mặc hàng nghìn lối khác nhau, nói bằng trăm thứ tiếng khác nhau, chúng đi một mình, hay lũ năm lũ ba, cắp sách trong tay hay cặp đeo dưới nách.

3) Từ ngôi trường cùng-tột lấp trong ánh tuyết nước Gia-nã-đại cho tới nóc trường hẻo-lánh lẫn trong khóm gồi xứ Á-rập, có tới hàng triệu triệu đứa trẻ học cùng một điều bằng những thể-thức khác nhau.

Con lại tưởng-tượng cái tổ-kiến học-sinh ấy gồm có hàng trăm dân-tộc khác nhau và cái trường hoạt-dộng ấy, con có cái hân-hạnh dự phần, rồi con tự nhủ : ví phỏng một mai sự hoạt-dộng ấy ngừng hẳn thì nhân-loại sẽ trở lại đời man-rợ, sẽ sa vào cõi tối-tăm ; sự hoạt-dộng ấy là sự tiến-lộ, là mối hy-vọng, là ánh vinh-quang của thế-giới vậy.

III. Cố lên ! Tên lính nhỏ trong đoàn quân lớn-lao kia ! Cố lên ! Con ơi ! Lấy sách vở làm khí-giới, lấy lớp học làm quân-đội, lấy thế giới làm bãi chiến-trường, coi sự ngu dốt là cừu-dịch và lấy sự văn minh của nhân loại làm cuộc khai-hoàn, con phải phấn-đấu luôn luôn và chớ hề làm tên lính hèn nhất.

EDMOND DE AMICIS

HÀ-MAI-ANH dịch (Tâm hồn cao thượng)

BÌNH GIẢNG

I.- PHÂN GIỚI-THIỆU :

1.- Văn-thể : Nói qua những điều cần biết về lối văn thư-tín.

2.- Xuất-xứ : Bài do Hà-Mai-Anh dịch ở tác-phẩm giáo-dục *Les grandes cœurs* của Piazzzi. Piazzzi đã dịch từ bản nguyên-ác bằng tiếng Ý của Edmond de Amicis (Xem thêm phần « Tiểu-sử các tác-giả ngoại-quốc » ở đầu sách).

II.- PHÂN PHÂN-TÍCH :

1.- Giải-nghĩa : Nhân-loại : Loài người. Tiến-bộ : Tăng tiến hơn lên. Vinh quang : Vẻ-vang, rực-rỡ. Văn-minh : Các phương cách sinh-hoạt của loài người khi đã được khai hóa đến chỗ sáng-sủa tốt đẹp. Khai-hoàn : Sự trở về khi đã thăng trận.
— Học-sinh giải nghĩa tiếp những chữ in đứng trong bài.

2.- Bố-cục : Chia bài làm 3 phần. Chia phần II làm 3 đoạn.
Tóm tắt đại-ý từng phần, từng đoạn.

3.— **Đại ý** : (Nhân gặp một đứa trẻ nghèo đói, lại bị liệt tay mà vẫn chịu khó đi học, mẹ liền khuyên con noi gương. Cha nghe lời mẹ khuyên con như vậy, liền viết thư này).

Trong thư, người cha khéo nêu những gương hiếu học, khéo nêu sự quan-trọng của việc học để khuyến-khích con hăng-hái học-hành.

III.— PHÂN NHẬN-XÉT VÀ PHÊ-BÌNH :

1.— Nội-dung :

a) Trong thể-văn *thư-lín*, điều quan-trọng nhất là lời thư phải hợp với tâm-lý người đọc.

Ở đây người cha có tỏ ra biết tâm-lý trẻ con không? Chứng tỏ (Ông khuyến-khích con bằng cách nhằm vào tính tự-ái cố-hữu của con người, bằng sự lợi-dụng trí tưởng-tượng phong-phú của trẻ con...)

b) Người cha có trách mắng con không? Ta nên dùng cách nào để khuyến-phủ trẻ con chăm học, trách mắng một cách nghiêm-khắc hay khuyên bảo một cách ôn-đàn, hòa-nhã? Hãy nêu dung-hòa hai lối?

c) Giải-thích câu : « Sự hoạt-động là sự tiến-bộ, là hy-vọng, là ánh vinh-quang của thế-giới ».

d) « Con phải lấy sự văn-minh của nhân-loại làm cuộc khải-hoàn ». Văn-minh là gì? Khải-hoàn là gì? Câu này có ý-nghĩa thế nào?

2.— Hình-thức :

a) Chữ dùng có thích-đáng, có gợi hình, nêu được nhiều hình-ảnh cụ-thể không? — Chứng tỏ!

b) Kiểm những liên-tự trong bài và nói tác-dụng.

c) Câu đặt dài ngắn khác nhau. Vì sao?

d) Lời văn có hàm-sức (bao hàm nhiều tư-tưởng) không?

đ) Giọng văn có nhẹ-nhàng và thân-mật không? Chứng tỏ!

3.— **Tổng-kết** : Sành tâm-lý, khéo dùng lời khuyến-khích, tác-giả đã thanh-cộng trong việc khuyên bảo con hăng-hái học-hành.

TẬP LÀM VĂN

Viết thư khuyên em của trò hiện trọ học tại tỉnh xa hãy chăm-chỉ học-hành, đừng để phí tuổi xanh.

93.— Thư gửi các du học-sinh

Ba-Lê ngày 24 - 1 - 1925

... Các anh thiếu-niên ta ơi! Xin các anh sẽ giữ cái trí thông-minh, lòng ái-quốc, chậm-chậm mà đi, thủng-thắng mà xét, biết một việc cho chắc một việc, nói một câu cho đúng một câu: số phận nước nhà ta ở trong tay các anh đấy!

Các anh chịu khó một tý, tìm cho đến cỗi rễ, học cho hết ngọn nguồn, trước hết phải hiểu lịch-sử nước nhà, sau phải coi phong trào thế-giới: làm sao là khôn, làm sao là dại, sao là quốc-túy² nên giữ-gìn, sao là tệ-hại phải chấm dứt. Các anh bước tới một bước là dân nhờ một bước. Các anh lạc một khoảng đường thì nước nhà lại bị chìm mấy lần địa-ngục!...

Các anh ơi! Cuộc đời rộng như trời bển, thiên-hạ đã đi đến mấy ngàn dặm trước mình rồi, tôi xin nói thực với các anh, tôi đã bỏ hai phần đời người tôi để đi tìm lấy thuốc mà chữa cho nước nhà, thông-minh tôi tuy kém, tài-trí tôi tuy hèn, nhưng trong buổi giao-thời này, tôi có thể dám nói rằng: cái trách-nhiệm nòi-giống của dân-tộc Việt-Nam, tôi không nhường cho ai được cả! Tôi xin các anh em thanh niên sẽ lo ăn học cho đến nơi đến chốn, rồi lần lượt của các anh sẽ đến nơi ngay. Tôi e các anh không có lòng, không có sức mà gánh lấy việc đời thôi.

Còn ngày nay các anh chưa đủ tuổi, chưa đủ sức học, nếu đem những cái tư-tưởng cũ của các cụ chẳng Nho, chẳng Phật lại thêm vào một ít cái học-thức nửa Âu, nửa Á của các anh lúc vào trường bên ta mà xét đoán cuộc đời thì sai một ly đi một dặm; buồn-bã biết chừng nào! Đây tôi nói thực với các anh: ấy là bệnh khó chữa nhất, xin các anh có lòng với nước thì cần phải cần-thận cho lắm, phải rất dũng-mãnh, rất nghiêm-ngệ mà trừ bệnh ấy đi, nếu lơ-thôi thì hỏng ngay...
Lược trích của PHAN-CHU-TRINH

Chú-thích : 1. Phong-trào : khuynh-hướng mạnh-mẽ đang thời sôi-nổi như gió và nước triều. 2. Quốc-túy : cái tinh-túy, cái bay rêng của nước nhà.

Chú-dịch : Nhà ái-quốc P.C.T khuyên du học-sinh nên học cho đến nơi đến chốn rồi hãy dự bàn vào việc chính-trị mới khỏi sai lầm.

Tác-giả : Cõi phần Tiểu-sử tác giả ở đầu sách.

99.— Thư khuyên bạn

Vinh-Xuân, ngày.... tháng.... năm....

Bạn HỮU !

I. Thư này đến, Hữu đừng đọc vội. Có lẽ nó đến nhằm buổi chiều, thành-phố vừa bật đèn, Hữu sắp-sửa đi chơi, xé ra đọc ngẫu-nghĩ rồi liệng bậy vô tủ. Như thế không bao giờ Hữu nhận thấy lời nói của tôi có giá-trị.

Hữu hãy đọc nó một buổi sáng dậy trưa .., sau một đêm vui quên ngủ, giữa lúc tâm-hồn chìm đắm trong một niềm chán-nản vô-biên. Đọc trong lúc ấy, Hữu mới thấy lời khuyên-lơn của tôi đem lại cho Hữu một nguồn an-ủi hiền-hòa, dịu mát. Đọc trong lúc ấy, Hữu mới tìm lại được cái vui sống của tuổi trẻ và lòng tin-tưởng ở con người. Rồi Hữu sẽ thấy ánh nắng buổi ban mai tươi đẹp, tiếng chim líu-lo bên sông cũng vui-vui và đời đáng sống.

II. Hữu đang lặn trên một đường dốc mà cũng là vực thẳm, Hữu ư !

Đời thối-tha làm cho Hữu chán, tôi và tất cả bạn bè không ai chối cãi điều đó. Nhưng chán đời rồi đâm đầu vào vũng bùn truy-lạc¹ là một hành-dộng đại-dột vô cùng. Dùng ăn chơi để chữa bệnh chán đời có khác nào Hữu lấy « aspirine » mà trị nhức răng. Nhức răng uống một viên « aspirine » vào, thấy công hiệu ngay. Nhưng còn thuốc còn đỡ đau, chất thuốc hết, cái đau nhức cũ vẫn y nguyên đó, không chừng còn tăng thêm phần thối-tha nữa là khác.

Nghề ăn chơi cũng vậy, đâm đầu vào ăn chơi để tìm vui cũng có vui ít nhiều thật, nhưng một khi canh tàn rượu tỉnh², một mình đối-diện với chính mình, Hữu sẽ thấy cái buồn chán tằm ần trốn dưới đáy lòng từ-từ hiện lên, thâm-trầm³ khắc-nghiệt hơn trước bội phần. Bởi lẽ đó, càng chơi càng thấy buồn, càng buồn càng chơi tận chơi liều. Những thẳng truy-lạc bao giờ cũng dốc tới cạn cốc rượu phóng-dăng⁴ ! Uống tới cạn cốc rượu phóng-dăng, đề rồi một ngày kia nằm một mình trên giường bệnh, nghiền-ngẫm cái hối-tiếc đã hoang-phí tuổi trẻ, đã chính tay mình làm tan vỡ cuộc đời của mình. Đau buồn, hối-tiếc, nhưng bây giờ cũng trễ rồi.

Chưa xốt nặng-nề hơn là những lúc ấy, nhìn ra xung quanh mình⁵, lại tha-thiết thêm muốn cái sống xán-lạn⁵, rực- rỡ của bao nhiêu người trai trẻ khác, tuy ngèo-nàn hèn kém hơn mình nhưng đã ăn-củ xây-dựng được một cái gì cho bản thân, cho dân-tộc. Có bao giờ Hữu nghĩ đến cái ngày đáng sợ ấy chưa ? Nếu chưa thì hôm nay Hữu nghĩ đến là vừa. Nghĩ đến đi rồi Hữu sẽ thấy ngợp như đứng kế bên vực thẳm, thêm một bước nữa là tan xương nát thịt. Nghĩ đến đề trở lại kéo trễ rồi ...

III. Tôi không có cao vọng giảng luân-lý cho Hữu nhưng bạn bè chơi với nhau từ lúc còn đề trái đào⁶, tôi có bần-phận phải nói với Hữu tất cả cái gì tôi có trong lòng, tất cả cái gì phải nói, cần nói đề sau này Hữu không thể phiền trách gì tôi được....

Bạn của Hữu.

NGỌC

Theo PHẠM-THÁI
(Năm chàng thanh-niên)

CHÚ THÍCH : 1. Truy-lạc : Sa-ngã vào chỗ hư-vien như rượu-chè, thuốc-sái, cờ bạc, trai gái. 2. Khi canh tàn rượu tỉnh : Khi trời sáng, tỉnh rượu. Ý nói : sau một cuộc đam-mê truy-lạc. 3. Thâm-trầm : Sâu-xa kín đáo. 4. Phóng-dăng : Thao-túng, không giữ lễ-lối phép tắc. Dốc tới cạn cốc (ly) rượu phóng-dăng : Ý nói : Chơi tận chơi liều không còn kể gì đến sức khỏe, danh-dự và tiền-tài. 5. Xán-lạn : rất đẹp. 6. Lúc còn đề trái đào : Lúc còn nhỏ. Đầu trẻ con tra xua cao n. chỉ để lại hai túm tóc nhỏ như hai trái đào.

100.— Thư cho em

Nha-Trang, ngày ...

PHƯƠNG,

Em có còn nhớ ngày nào anh dẫn em đi coi những gian hàng đồ chơi bà, dịp Trung-thu ở những phố-phường Hà-nội ? Em chú-ý đến một con búp-bê bày trong tủ kính bong lộn, một con búp bê Nhật. Em kéo tay anh :

— Kìa anh, trông con búp-bê !

Con búp-bê đẹp thật. Anh còn nhớ nó mặc quốc-phục Nhật bản màu đỏ in hoa sắc-sỡ, tóc đen chải bông và cầm một chiếc dù xanh nhạt. Da trắng mịn, má ửng hồng, cặp mắt đen láy, trông con búp-bê đó giống em như hệt. Rồi anh thấy em đứng lại, tần-ngần không muốn đi, làm lòng anh cũng tê-dại. Chắc em cũng nghĩ được rằng anh chỉ là một cậu học-sinh mới mười bốn tuổi đầu, nhà nghèo, trông tương-lai như qua một màn sương mỏng nên hồi lâu em nghẹn-ngào kéo tay anh :

— Thôi ta đi về !

Cho hết ngày hôm ấy chúng ta không ai nói với ai nửa lời : em tủi thân vì không được đồ chơi, anh buồn vợ-vần vì bao ý-nghĩ hỗn-loạn trong đầu.

Cho đến nay, mười năm xa cách, em đã trở thành một thiếu-nữ học-thức, tương-lai dành cho nhiều hứa-hẹn. Còn anh, cuộc đời xô-dẩy anh trở thành một phi-công, hàng ngày bình-thản để cho tháng năm trôi trong ghế lái, trên những đoạn đường dài, rải-rào từng lớp mây trắng buồn.

Đã sáu tháng nay anh nghỉ, không bay hay nói cho đúng hơn từ 6 tháng nay anh không bay trên những đoạn đường dài. Anh về đây để dự phần huấn-luyện những học-sinh phi-công, bầy chim non mới bước chân vào nghề. Đã đành rằng phận-sự nào cũng đẹp nhưng đã được đi để nhìn những chân trời xa lạ rồi nay ở đây ngày ngày ngồi trông những chiếc máy bay như những chim non cất cánh tập bay chuyền rồi vội-vã trở về tổ ấm thì buồn biết thế nào. Hôm qua anh nhận được một món quà của người bạn gửi về từ cuối chân trời. Mở hộp, trong có một búp-bê Nhật-bản và một mảnh giấy con đề : « kỷ-niệm mua tại Đông-Kinh ».

Anh mỉm cười nghĩ đến tình của người bạn và đến bộ mặt không vui của em năm nào !

.... Nếu em còn thấy nhớ-nhung con búp-bê của một mùa thu thơ ngây năm nào, anh sẽ gửi nó cho em.

Lược trích của TOÀN-PHONG
(Đời phi công)

101— Thư mời bạn NGHỈ HÈ Ở QUÊ MÌNH

Làng T.H. ngày ... tháng ... năm ...

Thân gửi bạn Tám,

I.— Từ ngày tôi phải theo gia-đình về quê, xa bạn thăm-thoát đã gần một năm rồi. Chúng ta thân nhau mà chỉ có thư từ qua lại, thực không thỏa lòng mong nhớ. Nay nhân dịp nghỉ hè, mong bạn sẽ xin phép hai Bác về quê tôi chơi ít lâu.

II.— Bạn cứ đáp xe-đò chạy đường Mỹ-tho đến đầu cầu Bến-Lúc, nhớ xuống xe, đi bộ theo con đường nhỏ bên tay trái đi một cây-số là tới nơi. Quê tôi đẹp lắm ở ngay ven sông, có những hàng dừa chũu quả chen lẫn với những cây cau cao vút quanh làng. Nhớ tôi tay vách gỗ, mái tranh, nhưng cao ráo, rộng rãi, giữa một khu vườn cây ăn quả, như hầu hết mọi nhà khác trong làng. Có thể dành riêng cho bạn một căn buồng hướng đông-nam có gường, màn, bàn, ghế, tươm-tất. Gió mát từ phía sông thổi vào lồng-lộng phe-phẩy những tàu lá dừa suốt ngày như quạt. Không-khí trong lành phảng phất hương thơm của hoa, lá, nhất là hương hoa cau nhẹ-nhàng thanh-khiết. Không có tiếng máy, tiếng xe rồn-rập. Bạn có thể yên-tĩnh đọc sách hay lắng-lặng lắng nghe nhạc điệu của gió rì-rạt trong kẽ lá, ve kêu chim hót trên cành. Nắng không gay-gắt vì chỗ nào cũng có cây cao bóng mát. Đường làng tuy hẹp nhưng bằng phẳng đi rất mát chân, không hừng-hực bốc nóng như những con đường trải nhựa hay những vỉa hè xi-măng ở thị-thành. Ruộng lúa dưới nắng vàng đẹp như thảm lụa tơ tằm.

Cuộc sống ở thôn quê thực hồn-nhiên nhiều thú-vị. Sáng sớm, chúng ta nghe tiếng gà gáy, thức dậy lúc hừng đông, ra bãi cát ở bờ sông chạy nhảy rồi xuống chỗ nước nông bơi lội thỏa thích. Khi nắng lên, tìm một gốc cây ở ven sông ngồi buông câu hay ngắm những thuyền buôn qua lại. Hoặc đội chiếc nón, cùng ta theo các bạn chần trâu ra đồng cò, coi những trò chơi bay đình, làm chùa,

đánh khăng của họ. Bạn cũng có thể nhều-nghện trên lưng trâu ngẩng xem phong cảnh và cách làm ruộng của nông-dân. Bạn sẽ học được nhiều câu ca-dao nôm-nàn tình-cảm do các nam nữ nông-dân hát lên vui-vẻ đang khi làm việc chân lấm tay bùn. Chúng ta cũng có thể bắt cào-cào, châu chấu ở ruộng, mang nứa cao-su đi bắt chim hay theo vài người chuyên-môn bẫy chim trong các khu vườn rợp nắng. Buổi trưa, mắc chiếc võng giữa hai cây, ngủ một giấc, hay đưa võng kéo kệt tán chuyện gẫu cùng nhau. Chiều đến, ra sân chùa, đá cầu với các bạn trẻ trong làng, đi bơi, hay thả diều nghe sáo thổi vi-vu. Buổi tối, nhất là những kỳ giữa tháng, bạn sẽ say-sưa với phong cảnh đêm trăng ảo huyền, thơ-mộng, mà chắc-chắn những người tỉnh thành chưa được tận hưởng bao giờ.

Quên chưa nói đến những thức ăn tươi tốt, ngọt bùi của đồng quê : Cơm gạo già, cá tôm tươi đánh ở sông lên ; rau đậu hái ngay ở vườn, gà hay vịt nuôi sẵn trong chuồng, Ăn dổi bữa luôn, tất nhiên ngon miệng, bạn nhỉ ? Ngô (bắp), khoai, quả (trái) lại đang mùa. Vườn nhà thiếu thứ gì, chúng ta sang chơi mấy người trong xóm xin chút ít về ăn chơi. Chẳng ai tiếc cả. Dọn quê tôi rất hồn-nhiên thực-thà và hiếu khách.

III — Bạn ạ, kể ra không xiết những thú quê, bạn về sẽ rõ cả. Ngoài ra tôi còn bao nhiêu chuyện sẽ kể cho bạn nghe mà thư từ bấy lâu không tiện tỏ. Mong hai Bác sẽ cho phép bạn về nghỉ hè cùng tôi. Gia đình tôi cũng rất vui-vẻ thấy tôi được sống cùng bạn. Đừng chối từ bạn nhé ! Nhớ viết thư cho tôi biết trước để chờ đón bạn ngay ở đầu cầu Bến-Lức.

Chúc Bạn cùng gia-quyển luôn luôn vui, mạnh.

Rất mong đợi bạn

x x

(Trích tập-san Học-Tập số 11)



MỤC - LỤC

Chương-trình	Trang
Lời nói đầu	5
H U Ớ N G - D Ẫ N	
Cách soạn một bài giảng văn	9
Mỹ-từ pháp	15
Tiểu-sử các tác-giả có văn xuôi trích-giảng	19
V Ậ N T H Ề	
Những điều cần biết về luật thơ	27
Đại-cương về Thanh, Vận và Đối	28
Luật thơ lục bát	29
Thơ lục bát biến-thể	
V Ậ N V Ậ N	
BÍCH CÂU KỲ NGỘ	31
Lược-khảo tác-phẩm	
Số bài	
1 Cảnh Bích-câu	33
2 Tú-Uyên sống ở Bích-câu	35
3 Tú-Uyên đi hội xuan	36
4 Tú-Uyên tương-tư	39
5 Cảnh buồn	41
6 Giảng-Kiều khuyên Tú-Uyên	42
7 Bàn về Tiên-đạo	44
8 Giảng-Kiều và Tú-Uyên lên tiên	45
BÀ HUYỆN THANH QUAN	47
Lược-khảo tiểu-sử và tác-phẩm	
9 Qua đèo Ngang	49
10 Chiều hôm nhớ nhà	50
11 Trời hôm nhớ nhà	51
12 Cảnh sông núi	53
13 Thăng-long hoài cổ	54
14 Chùa Trần-Bắc	56
T R U Y Ệ N C Ồ	
TRƯƠNG - VĨNH - KÝ	59
Lược-khảo tiểu-sử và tác-phẩm	
15 Bụng làm dạ chịu	61
16 Ông Cống-Quỳnh	64
17 Bạn học trò, một người đầu một người rớt	65
18 Anh làm quan, em làm dân	66
19 Ba anh dốt làm thơ	67
20 Tích hang ông Từ-Thức	69
21 Hữu đồng vô mưu	71

HUỖNH-TĨNH-CỦA

	Lược-khảo tiểu-sử và tác-phẩm	73
22	Quân-tử khả khi dĩ kỳ-phương	74
23	Truyện ông Tán-sĩ lưng mọc lông dê	76
24	Chi-khi cao	77

VĂN XUÔI HIỆN KIM

TẢ ĐỘNG-VẬT

25	Bọ-ngựa và châu-chấu ma	của T.H.	80
26	Đôi chim gi-đá	T.H.	83
27	Mèo bắt chuột	T.H.	84

TẢ THỰC-VẬT

28	Lá rụng	của Khái-Hung	86
29	Hoa mai	Thụy-Chi	87
30	Giàn bầu nậm	N. T.	89

TẢ NGƯỜI

31	Một người nghèo	của Vũ-trọng-Phụng	90
32	Miêu kỷ	Jack London (dịch)	92
33	Cha chờ con	Phương-Châu	95
34	Sợ ma	Võ-Phiến	96
35	Sợ chết	Đỗ-dức-Thu	99
36	Người bệnh lao	Nhất-Linh	101
37	Con đường sáng	Hoàng-Lạc	103
38	Hai nếp sống	Nhất-Tiến	105
39	Con đôi mẹ đơn	—	106
40	Cặp Giáp	Khái-Hung	108
41	Người đàn bà xấu	Vũ-trọng-Phụng	108
42	Đội chồng về	Khái-Hung và Nhất-Linh	111
43	Một chiến sĩ	A.J Cronin (dịch)	112
44	Ba Tâm	Đỗ-dức-Thu	114
45	Một cảnh bữa ruợng	Khái-Hung	116
46	Trên võ đài	Jack London (dịch)	118
47	Tụng kinh thỉnh chuông	Khái-Hung	120
48	Tổ sống	Nhất-Linh	121
49	Đẩy thuyền	Khái-Hung	122

TẢ CẢNH

50	Đêm trăng chơi hồ Tây	của Phan-kế-Bình	124
51	Khi chiều xuống	Hoàng-Đạo	126
52	Mưa phùn	Khái-Hung	127
53	Sinh phần	Vũ-trọng-Phụng	129
54	Một bệnh viện trên ngọn đồi	—	132
55	Đêm khuya trên dòng sông	—	133
56	Mưa rào	T.H.	134
57	Buổi sáng sau cơn mưa	Ngọc-Linh	135
58	Làng Từ-lâm	Nhất-Linh	136
59	Chiều buồn	Thạch-Lam	138
60	Thuyền đi trong đêm trăng	Hàn-Mặc-tử	139

61	Xuống ga giữa đêm khuya của	Vũ-trọng-Phụng	140
62	Di-bu-ti	Nhất-Linh	141
63	Tiếng rừng khuya	T. L.	142
64	Đời sông dân quê	Nhất-Linh	143
65	Xoáy nước	Edgar Allan Poe (dịch)	144
66	Trên cảnh đồi	Nhất-Linh	146
67	Nhà dân chài	Khái-Hung	147
68	Xuân tới	—	148
69	Trên dòng sông Hương	Phạm-Quỳnh	149
70	Bến Sáu kho	Lê-văn-Trương	150
71	Giữa biển khơi	Nguyễn-trọng-Thuật	152

THUẬT-KÝ

72	Bóng người trong sương mù	Nhất-Linh và Khái-Hung	154
73	Một đêm mưa	Thạch-Lam	158
74	Một đứa bé mồ côi	Vũ-trọng-Phụng	161
75	Tám ảnh	Võ Hồng	164
76	Tám lòng kỳ vọng của ông cha	Nhuộng-Tổng	167
77	Tình ông cháu	—	168
78	Quảng đường niên-thiếu	—	169
79	Di ghê, con chồng	Khái-Hung	173
80	Sự học của tôi	B. Franklin (dịch)	175
81	Cuốn	Khái-Hung	176
82	C. lao Ông Chưởng	Nguyễn-văn-Hàn	178
83	Một kiếp dân chài	Khái-Hung	180
84	Ngoạn cảnh chùa	—	181
85	Biệt-ly	Võ Hồng	184
86	Cuộc đua ghe ngo	Sơn-Nam	186
87	Ngôn lợi-dụng của ông Hương-chủ	Nguyễn-văn-Hàn	188

ĐỐI-THOẠI và HỢP-LOẠI

88	Khất tiền thuê xe	Tam-Lang	191
89	Quyền phụ mẫu	Khái-Hung	194
90	Mối-nhân	Hồ-biêu-Chánh	197
91	Ban cãi	Vũ-trọng-Phụng	199
92	Mừng thi đỗ	Nhất-Linh và Khái-Hung	201
93	Bộ râu dài	Hoàng-Đạo	202
94	Cơm thừa	—	203
95	Anh phải sống	Khái-Hung	205
96	Ban nhà	—	208

THƯ-TÍN

97	Thư khuyên con	của Ed. de Amicis (dịch)	212
98	Thư gửi các du học-sinh	Phan-chu-Trình	215
99	Thư khuyên bạn	Phạm-Thái	216
100	Thư cho em	Toan-Phong	217
101	Thư mời bạn	X. X.	219
	MỤC-LỤC		221

SÁCH GIÁO-KHOA

g.v. Đỗ-văn-Tô :

GIẢNG-VĂN

Đệ-Thất

Đệ-Lục

Đệ-Ngũ

Đệ-Tứ

g.v. Lê-thái-Ái :

TRẮC-NGHIỆM CÔNG-DÂN

Đệ-Nhị

Tập I

Tập II

Đệ-Nhất

g.v. Minh-Hoàn :

BÀI GIẢI TOÁN HÌNH-HỌC
KHÔNG-GIAN Lớp Đệ-Nhị

g.v. Trịnh-văn-Thành :

GIẢNG-LUẬN VIỆT-VĂN

Lớp Đệ-Nhị

Trịnh-văn-Thành :

BỔNG-AM DÂN-GIAI và
MẪU-LUẬT CHANH-TÁ

g.v. Bùi-văn-Giáo :

LUYỆN-DỊCH và
KHẢO-SAT ANH-VĂN
VĂN-PHẠM ANH-VĂN

g.v. Nguyễn-văn-Du :

KHẢO-SAT và
DỊCH PHÁP-VĂN
THÈME, bài dịch VIỆT-PHÁP

g.v. Kiều-thế-Đức :

LƯỢNG-GIÁC đệ-nhị AB
HÌNH-HỌC đệ-nhị A
HÌNH-HỌC đệ-nhị B
TOÁN HÌNH-HỌC đệ-nhị AB
BÀI GIẢI LƯỢNG-GIÁC
đệ-nhị AB
ĐẠI-SỐ-HỌC đệ-nhị B

g.v. Bạch-văn-Ngà :

TOÁN ĐẠI-SỐ LƯỢNG-GIÁC
Đệ-Nhất
HÌNH-HỌC Đệ-Nhất
BÀI GIẢI TOÁN HÌNH-HỌC
Đệ-Nhất B
BÀI GIẢI TOÁN CÔ-NIC
Đệ-Nhất B

g.v. Nguyễn-dinh-Chung-Song :

CÂU HỎI GIÁO-KHOA
HÌNH-HỌC KHÔNG-GIAN
Tứ-tài I ban AB
CÂU HỎI GIÁO-KHOA
LƯỢNG-GIÁC Tứ-tài I ban AB
CÂU HỎI GIÁO-KHOA
ĐẠI-SỐ Tứ-tài ban A, ban B
TÂN TOÁN-HỌC NHẬP-MÔN

Một nhóm giáo-sư :

CÂU HỎI GIÁO-KHOA
QUANG-HỌC đệ-nhị AB
CÂU HỎI GIÁO-KHOA
ĐIỆN-HỌC đệ-nhị AB

(Các sách mới biên. Xin hỏi Thư-Mục)

Những sách do VIỆT-NAM TU THƯ xuất-bản đều kèm-chọn
kỹ-lượng và bản « giá rẻ đặc-biệt » để dễ-dàng tới tay học-sinh.

* Trên-trọng yêu-cầu : — các bạn đọc chỉ nhất-định mua sách theo giá g
— các bạn đại-lý bán theo đúng giá ghi

V.N.T.T

150/41 Vb - Thành
SAIGON

GIÁ BÁN nhất-định 30\$